

Phần 3: TRÊN ĐƯỜNG HỘI NHẬP

Nhận thức được tầm quan trọng an ninh năng lượng quốc gia, phải đủ điện để sản xuất, đủ điện cho sinh hoạt của nhân dân, đủ điện để thắp sáng cho tương lai của đất nước, ngành Điện bùng lên một khí thế mới với sức sống mạnh mẽ: Kéo điện về “đánh thức” các bản làng, các vùng núi cao Tây Bắc, Tây Nguyên; nối liền “xương sống điện” 3 miền Bắc – Trung – Nam bằng “con đường trên không” 500 kV hùng vĩ; chế ngự và chinh phục hàng chục con sông, biến nguồn nước thành “vàng trắng”, “xay” nước thành điện, ngăn lũ, cứu hạn; tạo công ăn việc làm, mang no ấm đến với hàng triệu đồng bào; nuôi sống nhà máy, xí nghiệp, ruộng đồng, tạo sự phồn vinh cho quốc gia... Những tiếng mìn phát lệnh khởi công vang dậy núi rừng, đánh thức những tiềm năng, khơi dậy sự sống và tạo dựng tương lai.

Đó là những dấu hiệu đáng mừng, biểu hiện sự phát triển mạnh mẽ của Đất nước; đồng thời cũng là thử thách khốc liệt đối với những người làm điện, là thách thức đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam trên con đường hội nhập.

Thủy điện Sơn La

TÂM VÓC MỘT CÔNG TRÌNH

Bài: Bích Ngọc Ảnh: Thạch Lam

Những ngày cuối tháng 10/2009, trên công trường xây dựng Nhà máy Thủy điện Sơn La tại huyện Mường La, tỉnh Sơn La, gần mười ngàn người lao động đang căng mình trong không khí thi công rất khẩn trương. Vào những lúc cao điểm, các đơn vị huy động tổng lực lên tới 15.000 lao động. Họ đã và đang nỗ lực quên mình vì dòng điện ngày mai của tổ quốc.

CHẠY ĐUA VỚI THỜI GIAN

Để có công trình thế kỷ này, những người thợ xây dựng phải đào, xúc và vận chuyển hàng chục triệu m³ đất đá, đổ gần 6 triệu m³ bê tông (trong đó có khoảng 3,2 triệu m³ bê tông đầm lặn) và khối lượng thiết bị lắp đặt tới trên 115.000 tấn. Khi chúng tôi đến công trường, tại các khu vực lắp đặt các tổ máy, cửa lấy nước, khu vực thi công bê tông dốc nước... những người thợ đang hối hả với công việc của mình. Nhìn từ xa, khu vực bờ trái đập chính đã lên đến cao độ được phủ lớp xốp chống nhiệt sùng sững, sáng lóa giữa lòng sông. Đập được thi công bằng bê tông đầm lặn (RCC), loại bê tông không có độ sụt, được làm chặt bằng thiết bị rung lên từ mặt ngoài (lu rung), chế tạo từ xi măng, đá, cát và tro bay cùng một số phụ gia khác. Trưởng Ban Quản lý Dự án Thủy điện Sơn La (đại diện chủ đầu tư EVN) – ông Nguyễn Hồng

Hà cho biết: Công nghệ RCC giúp tiến độ thi công nhanh và tiết kiệm khá nhiều chi phí so với công nghệ thi công bê tông truyền thống. Tuy nhiên, yêu cầu kỹ thuật và thời gian cũng khắt khe hơn. Những ngày nắng nóng, mỗi mét khối RCC phải trộn khoảng 20 kg nước đá để đảm bảo nhiệt độ bê tông luôn ở 22°C. Cùng với sự khắt khe về yêu cầu kỹ thuật là điều kiện thi công tại khu vực nắng nóng khắc nghiệt. Nhiều chuyên gia nước ngoài ban đầu không tin các kỹ sư, công nhân Việt Nam có thể đảm bảo cường độ thi công 100.000 m³/tháng. Thế nhưng, ngay trong tháng đầu tiên đã đổ được 120.000 m³, đến tháng thứ 2 đổ được 180.000 m³/tháng. Một chuyên gia nước ngoài đã phải thốt lên: “Đó là sự thần kỳ”.

Công tác đổ bê tông vất vả là thế, nhưng công tác chuẩn bị cho đổ bê tông cũng không kém phần nhọc nhằn. Giữa trời nắng chói chang, nhiều nhóm

Các đơn vị thi công đang chạy đua với thời gian để đảm bảo tổ máy 1 phát điện vào năm 2010 theo đúng tiến độ (Thi công dốc nước đập tràn tháng 9/2009)

Điện lực Việt Nam – ĐI LÊN CÙNG ĐẤT NƯỚC | 99

thợ vẫn ngồi dùng bàn chải tỉ mỉ rửa từng cm lớp đá gốc sạch tới nhẵn lì. Sau khi đá được rửa sạch lại có một nhóm khác cẩn thận dùng xà beng xới lên mặt đá tạo độ nhám để chuẩn bị đổ bê tông. Ông Hà Quốc Đạo - Phó Giám đốc xí nghiệp 652, Công ty 565 (Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn) cho biết: Tất cả những công đoạn này đều nằm trong quy trình đổ bê tông rất khắt khe, được sự giám sát của nhiều cơ quan thi công trên công trường nhằm đảm bảo độ an toàn cao nhất cho đập thủy điện.

Tại khu vực lắp đặt tổ máy, những người thợ Lilama 10 (đơn vị thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam) đang miệt mài lắp đặt các thiết bị. Trong quý 3 và 4 năm nay, Lilama phấn đấu lắp đặt khoảng 2.020 tấn thiết bị. Toàn bộ buồng xoắn, đường ống áp lực, khuỷu hút, thiết bị phụ trợ đều do thợ Việt Nam lắp ráp tại công trường. Đường ống áp lực đường kính 10,5 m đang được hoàn thiện. Việc đổ bê tông chân buồng xoắn và giếng tua bin tổ máy số 1 cũng đang được tiến hành. Trong nhiều góc khuất của đường ống áp lực là màu áo xanh quen thuộc của các giám sát viên thuộc Ban quản lý Dự án Thủy điện Sơn La đang cẩn mẫn kiểm tra từng bu lông, đinh ốc. Nhìn công việc của các anh, chúng tôi hiểu rằng, để đảm bảo chất lượng cho công trình vĩ đại này không chỉ cần trí tuệ, sức mạnh, mà còn cần lòng yêu nghề, sự kiên trì nhẫn nại, kỷ luật thép và trên hết là lương tâm của người thợ. Đại công trường đang quyết tâm vì mục tiêu tích nước vào tháng 5/2010 và phát điện tổ máy số 1 vào cuối năm 2010 cũng như sẽ hoàn thành Nhà máy Thủy điện Sơn La (TĐSL) vào năm 2012.

TẤT CẢ VÌ DÒNG ĐIỆN NGÀY MAI

Dự án TĐSL có công suất lắp máy 2.400 MW, khi đưa vào vận hành sẽ bổ sung cho hệ thống điện quốc gia bình quân 10,2 tỷ kWh/năm. Nằm trong quy hoạch hệ thống bậc thang thủy điện trên sông Đà, TĐSL không chỉ đóng vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp điện năng mà với dung tích phòng lũ 4 tỷ m³ (kết hợp với 3 tỷ m³ từ ĐĐ Hoà Bình) sẽ cắt phẳng những cơn lũ hung hãn, giảm chừng 30 cm mực nước đổ về Hà Nội trong mùa mưa, đồng thời tăng lượng nước trong mùa khô cho đồng bằng Bắc Bộ. TĐSL được đưa vào danh sách những dự án thủy điện lớn trên thế giới và lớn nhất Đông Nam Á cả về quy mô công suất, vốn đầu tư và di dân tái định cư. Để nhường lại lòng hồ cho Thủy điện Sơn La, 19.998 hộ dân với 96.000 nhân khẩu thuộc 21 huyện, thị xã trên địa bàn 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu phải để lại trên 225.000 km² đất đai quê

hương bản quán đến tái định cư ở vùng đất mới.

Với tầm quan trọng đặc biệt của dự án, ngay sau khi được phê duyệt, EVN đã triển khai nhanh một số hạng mục. Trong đó, việc khởi công công trình cùng thời điểm với ngăn sông đã rút ngắn thời gian thi công từ 1,5 - 2 năm, tiết kiệm chừng 50 triệu USD và công trình đưa vào vận hành sớm sẽ mang lại doanh thu 500 triệu USD/năm, thu hồi vốn trong vòng 10 - 11 năm. Tuy nhiên, được biết, tiến độ chỉ là một trong ba yêu cầu tối quan trọng mà Quốc hội và Chính phủ đặt ra. Yêu cầu hàng đầu cả khi xây dựng và vận hành chính là vấn đề an toàn và song hành với nó là chất lượng công trình.

Về vấn đề này, ông Vũ Đức Thìn - Ủy viên HĐQT Tập đoàn Điện lực Việt Nam khẳng định: EVN đã tính toán rất kỹ để công trình có thể được thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, kể cả trong những điều kiện thiên tai nguy hiểm nhất có thể xảy ra như động đất cấp 9. Ngoài ra, công trình sử dụng kết cấu đập bê tông trọng lực với ưu điểm là chống nứt lớn; các hành lang trong lòng đập đều được đặt các thiết bị báo động an toàn rất hiện đại...

Sau hơn 4 năm kể từ ngày khởi công, đến nay, công trình xây dựng TĐSL đang đảm bảo tốt tiến độ tích nước để tiến tới hoàn thành tổ máy số 1 và phát điện vào cuối năm 2010. Trong đợt kiểm tra, giám sát hiện trường Nhà máy TĐSL vào cuối tháng 8/2009, ông Nguyễn Đức Kiên - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Quốc hội đã khẳng định: Đây là một công trình thể kỷ, thi công trong điều kiện địa hình phức tạp, nhưng đã đạt khối lượng thi công như hiện nay là một cố gắng lớn của các nhà thầu và chủ đầu tư EVN. Dự án hoàn thành sớm và phát điện tổ máy số 1 vào tháng 12/2010 sẽ có ý nghĩa lớn chào mừng đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

Theo sát dự án từ khi còn manh nha trên bản vẽ, ông Thái Phụng Nê - Phó viên Thủ tướng Chính phủ phụ trách các công trình thủy điện cũng đánh giá: Về cơ bản, chủ đầu tư EVN mà đại diện là Ban quản lý Dự án Nhà máy TĐSL đã thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của BCĐ Nhà nước về công trình TĐSL cũng như các bộ, ngành liên quan. Các nhà thầu cũng tập trung lực lượng triển khai thi công rất khẩn trương, đảm bảo tiến độ yêu cầu. Công tác di dân TĐC được phối hợp thực hiện tốt, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc. Các bên đã hợp tác chặt chẽ, thực hiện Dự án với tinh thần nghiêm túc, khẩn trương và rất nỗ lực nhằm đẩy nhanh tiến độ công trình. ■

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SƠN LA SONLA HYDROPOWER PROJECT MANAGEMENT BOARD

Địa chỉ:

+ Tại Hà Nội: D10 Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội

ĐT: 04.22148.183

Fax: 04.35541371

+ Tại Sơn La: Số 56, tổ 3, Phường Chiềng Lề, TP Sơn La - Tỉnh Sơn La

ĐT: 022.2211.130

Fax: 022.3859.662

Chức năng nhiệm vụ chính:

- + Quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La;
- + Quản lý các dự án khác do Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao;
- + Tư vấn giám sát thi công, các công trình thủy điện và các công trình lưới điện đồng bộ; tư vấn thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình; tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu.

Các thành tích tiêu biểu:

- + Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ (năm 2005, 2008);

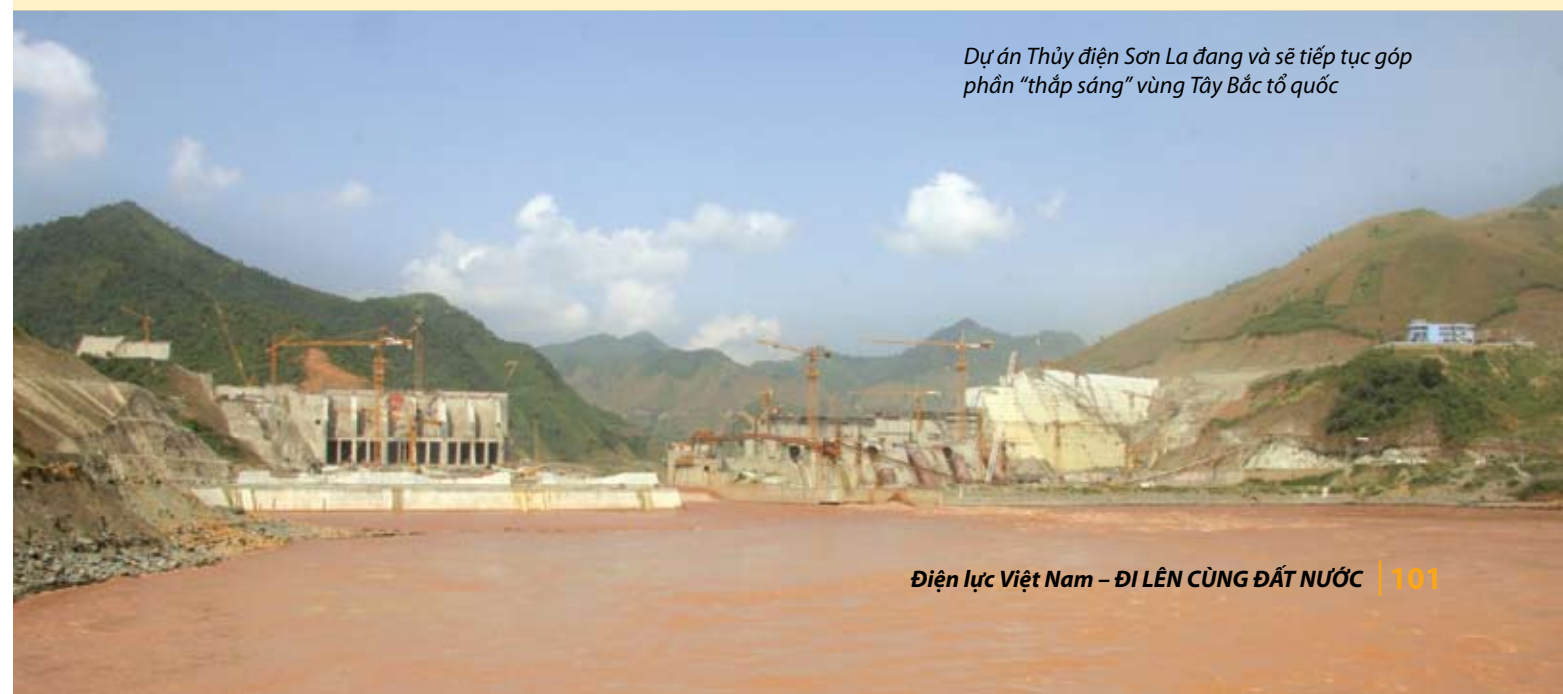
Quá trình thành lập

- + Ngày 24/10/1996, Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) đã ký quyết định thành lập Ban Quản lý Chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La.
- + Ngày 24/9/2002, Hội đồng Quản trị TCT Điện lực Việt Nam ký quyết định đổi tên Ban Quản lý Chuẩn bị đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La thành Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La.

Tổng số CBCNV: 454 người

- + Ban Quản lý: 264 người (trình độ trên đại học: 05; Đại học: 172);
- + Ban Chuẩn bị sản xuất: 190 người (trình độ trên đại học: 01; Đại học: 120).

Dự án Thủy điện Sơn La đang và sẽ tiếp tục góp phần "thắp sáng" vùng Tây Bắc tổ quốc



Thủy điện Lai Châu – Công trình Thủy điện lớn thứ 3 cả nước

SẼ THAY ĐỔI DIỆN MẠO VÙNG TÂY BẮC

Nguyễn Hoa

Là công trình trọng điểm quốc gia được kỳ vọng triển khai đúng tiến độ nhằm góp phần giải quyết tình trạng thiếu nguồn điện của hệ thống điện quốc gia, đồng thời góp phần thay đổi diện mạo vùng Tây Bắc, dự kiến Thủy điện Lai Châu sẽ khởi công xây dựng cuối năm 2010 và kịp thời hoàn tất vào năm 2017.

THÊM 4,7 TỶ KWH MỖI NĂM

Theo Quy hoạch bậc thang thủy điện trên sông Đà đã được Quốc hội và Chính phủ phê duyệt, gồm 3 bậc thang: Thủy điện Hòa Bình, Sơn La và Lai Châu. Trong đó, Thủy điện Lai Châu (TĐLC) là bậc thang trên cùng, được xây dựng trên dòng chính của sông Đà.

Mặc dù cùng nằm trên một dòng sông, nhưng TĐLC không phải thực hiện nhiệm vụ chống lũ cho hạ du. Bởi dung tích phòng lũ trên sông Đà được quy định là 7 tỷ m³, trong đó, phân bổ lũ cho hồ chứa Thủy điện Hòa Bình là 3 tỷ m³ và hồ chứa Thủy điện Sơn La là 4 tỷ m³. Vì vậy, nhiệm vụ chủ yếu của TĐLC là cung cấp điện năng cho hệ thống điện quốc gia, tăng cường năng lực phát điện cho TĐ Sơn La và Hòa Bình (khoảng 53 triệu kWh/năm).

Là một công trình quy mô lớn, TĐLC có vị trí quan trọng trong cơ cấu nguồn thủy điện thuộc Quy hoạch điện VI giai đoạn 2006 – 2015 có xét đến triển vọng năm 2025. Dự án TĐLC sẽ góp phần đảm bảo cung cấp đủ điện cho tiến trình CNH, HĐH đất nước nói chung và vùng Tây Bắc Tổ quốc (cùng với TĐ Hòa Bình và Sơn La) nói riêng. Việc xây dựng TĐLC sẽ là cơ sở để hình thành hệ thống giao thông thủy, bộ thuận lợi, liên kết các huyện, tỉnh; hồ chứa thủy điện có thể kết hợp phát triển nuôi trồng thủy sản; phát triển thương mại dịch vụ, du lịch, qua đó góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương. Những cơ hội về công ăn, việc

làm, nâng cao dân trí, phát triển cơ sở hạ tầng công cộng khi triển khai dự án sẽ mở ra cho người dân nghèo khó của Tây Bắc một tương lai tốt đẹp hơn... Theo tính toán, hồ chứa TĐLC sẽ nằm trọn vẹn trong khu vực huyện Mường Tè, do đó sẽ rất thuận tiện cho công tác di dân, tái định cư và hạn chế tối đa tác động đến môi sinh, môi trường của dự án.

ĐỘ AN TOÀN CAO VÀ HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Bên cạnh việc mang lại giá trị kinh tế, xã hội thì với vị trí là một dự án thủy điện lớn, việc xây đập, khai thác lòng sông của công trình TĐLC cũng tạo nên những tác động về đất canh tác, rừng và dân cư. Để đảm bảo hạn chế tối đa những tác động đến môi sinh, môi trường của dự án TĐLC, trong quá trình xây dựng Báo cáo đầu tư, EVN đã phối hợp với các cơ quan đầu ngành trong lĩnh vực địa lý, nông nghiệp, các ban ngành của tỉnh Lai Châu để lựa chọn phương án tối ưu. Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐMT) dự án Thủy điện Lai Châu do Viện Địa Lý- Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam lập đã đề cập đầy đủ các nội dung phù hợp với giai đoạn lập Báo cáo đầu tư, đánh giá về tổng thể khi xây dựng dự án không gây tác động lớn đến môi trường.

Về công tác di dân tái định cư, căn cứ vào kết quả điều tra cho thấy, trên địa bàn tỉnh Lai Châu hoàn toàn có đủ quỹ đất để tái định cư số lượng dân phải di chuyển từ vùng dự án và công tác tái định cư sẽ tập trung trên địa bàn huyện Mường Tè. Quỹ đất này không ảnh hưởng đến các vị trí đã quy hoạch tái định cư cho các dự án thủy điện đang triển khai trên địa bàn tỉnh Lai Châu như Sơn La, Huội Quảng, Bản Chát.

Bên cạnh đó, để đảm bảo giá trị kinh tế, xã hội, tính an toàn của TĐLC và hệ thống thủy điện trên sông Đà, nhiều đề tài nghiên cứu, thẩm định đã được

thực hiện trong thời gian qua như: Đề tài nghiên cứu sống vỡ đập với giải pháp đảm bảo an toàn khi xảy ra sự cố vỡ đập của Viện Khí tượng Thủy văn (Bộ Tài nguyên và Môi trường), Đề tài nghiên cứu chi tiết về động đất khu vực công trình của Viện Vật lý Địa cầu, Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án TĐ Lai Châu của Viện Địa Lý thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam... Những nghiên cứu, thẩm định này đã đưa ra các phương án tối ưu, đảm bảo các hệ số an toàn cho công trình cũng như tính kinh tế, hiệu quả của dự án TĐ Lai Châu.

DỰ KIẾN KHỞI CÔNG VÀO CUỐI NĂM 2010

Tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XII, Quốc hội đã thông qua chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Lai Châu. Đây là một dấu mốc quan trọng trong quá trình thực hiện dự án thủy điện lớn thứ 3 cả nước này. Ông Lê Thế Biếu – Phó trưởng ban Quản lý dự án Thủy điện Sơn La, phụ trách dự án Thủy điện Lai Châu cho biết: Hiện công tác lập dự án đầu tư, thiết kế công trình dẫn dòng đang được tiến hành để sớm trình các cơ quan hữu quan xem xét, thẩm tra phê duyệt. Bên cạnh đó, chủ đầu tư đang gấp rút triển khai một khối lượng công việc khá lớn khác gồm: Làm việc với các tổ chức tài chính để huy động vốn cho dự án; chủ động làm việc với UBND tỉnh Lai Châu về các công việc liên quan đến công tác quy hoạch định hướng di dân tái định cư TĐLC... Các đơn vị thi công cũng đang tích cực triển khai thực hiện các công trình phục vụ dự án như: Thi công các công trình giao thông dẫn vào công trường; xây dựng đường dây 110 kV Tuần Giáo – TĐLC và Trạm biếp áp 110 kV TĐLC để chuẩn bị cấp điện phục vụ thi công trên công trường. Các hạng mục đường giao thông trong công trường, khu nhà điều hành của BQL dự án, khu lán trại, nhà ở cho công nhân... cũng đang được tập trung thiết kế, xây dựng. Dự kiến, TĐLC sẽ được khởi công vào cuối năm 2010, phát điện tổ máy số 1 vào năm 2016 và hoàn tất công trình vào năm 2017.

Tin rằng, với sự nỗ lực chung tay của chủ đầu tư, các đơn vị thi công, các tư vấn thiết kế, chính quyền và nhân dân địa phương trong quá trình triển khai dự án, công trình trọng điểm Thủy điện Lai Châu sẽ thực hiện được các nhiệm vụ đặc biệt mà Quốc hội giao phó: Bảo đảm an toàn tuyệt đối; hiệu quả kinh tế tổng hợp cao; bảo đảm quốc phòng an ninh; giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sinh thái và đa dạng sinh học; bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc bản địa... ■



Địa điểm dự kiến xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu

Một số thông tin chính về dự án Thủy điện Lai Châu:

Chủ đầu tư: Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Địa điểm xây dựng: Dự kiến xây dựng tại đoạn tuyến Nậm Nhùn trên sông Đà, thuộc xã Nậm Hàng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Quy mô và thông số chính của công trình:

- Tổng mức đầu tư sơ bộ: 32,5 ngàn tỉ đồng
- Tiến độ thi công: Dự kiến 9 năm (bao gồm cả 3 năm chuẩn bị)
- + Khởi công: Quý IV năm 2010
- + Hoàn thành: năm 2017.
- Hồ chứa thủy điện với mức nước dâng bình thường: 295 m;
- Mức nước chết: 270 m;
- Mức nước gia cường: 296,13 m
- Mức nước kiểm tra: 302,7 m
- Dung tích toàn bộ: 1.215.000.000 m³
- Dung tích hữu ích: 711.000.000 m³
- Công suất lắp máy: 1200 MW (04 tổ máy x 300 MW)
- Lượng điện trung bình nhiều năm: 4,7 tỉ kWh (không kể tăng thêm cho TĐ Sơn La và TĐ Hòa Bình)
- Cấp công trình: Cấp 1

Thứ trưởng Bộ Công Thương Đỗ Hữu Hà đã khẳng định: Thủy điện Lai Châu không những có vai trò quan trọng trong việc phát triển điện năng, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực Tây Bắc, cấp nước cho đồng bằng sông Hồng về mùa khô mà còn tạo cơ hội phát triển kinh tế cho hai tỉnh Lai Châu và Điện Biên, góp phần đánh thức tiềm năng của vùng Tây Bắc – một trong những vùng khó khăn và nghèo nhất nước.

KỶ TÍCH

Thanh Mai

Đập tràn xả lũ Thủy điện Buôn Tua Srah khi đang xây dựng nhìn từ phía hạ lưu (tháng 10/2007). Ảnh: Ngọc Hà

Nằm trên dòng Krông Nô thuộc hệ thống sông Srêpôk, là một con sông lớn ở khu vực Tây Nguyên, công trình Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah được khởi công vào cuối năm 2004, với tiến độ triển khai được xếp vào hạng “trôi chảy” nhất. Mặc dù gặp không ít khó khăn, song cùng với hiệu quả từ cơ chế đặc biệt “797”, một yếu tố quan trọng không kém, chính là sức lực, trí tuệ của đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ sư Ban Quản lý dự án Thủy điện 5 - những người đã dày dạn kinh nghiệm qua nhiều dự án thủy điện.

VƯỢT LÊN THỬ THÁCH

Cơ chế “797” của Chính phủ dành riêng cho các công trình thủy điện đã đem lại cho các dự án nhiều thuận lợi. Như nhiều công trình thủy điện trọng điểm khác, Buôn Tua Srah được nhân dân cả nước dõi theo, nóng tin tức về tiến độ. Tuy nhiên, công trình càng thi công càng gặp nhiều trở ngại khó khăn, đặc biệt là về địa chất: Nền vai đập có mật độ đá tầng lẫn xen lẫn trong đất với khối lượng

hàng trăm ngàn m³, nền lòng sông là cát dày 20m trên tầng bùn Neogen dày 10m, gặp rất nhiều khó khăn cho việc đào dọn sạch nền để đắp đập; thời tiết tại khu vực công trường diễn biến phức tạp khó lường do chịu ảnh hưởng của đặc điểm thời tiết duyên hải miền Trung (Đông Trường Sơn) và thời tiết Tây Nguyên (Tây Trường Sơn) nên mùa mưa thường kéo dài, ảnh hưởng đến công tác đắp đập và chống lũ.

Vượt nhiều khó khăn, sau hơn 1 năm kể từ ngày khởi công công trình, ngày 26/1/2006, Chủ đầu tư và các nhà thầu thi công đã tiến hành ngăn sông Krông Nô, đánh dấu một bước quan trọng để tiến gần hơn tới đích phát điện. Trong ngày ngăn sông, có hàng trăm công nhân lần đầu tiên tham gia xây dựng thủy điện, cũng là lần đầu tiên họ chứng kiến và góp sức để tạo nên sức mạnh kỳ diệu của con người trong cuộc đời non lập bể, chinh phục thiên nhiên.

Trong năm 2008, ảnh hưởng do khủng hoảng kinh tế tài chính, lạm phát tăng cao, giá cả thị trường có nhiều biến động mạnh như sắt thép, nhiên liệu.... đặc biệt từ tháng 6 đến tháng 8/2008, khan hiếm

TRÊN DÒNG KRÔNG NÔ

vật liệu nổ để cung ứng cho công tác khai thác đá đắp đập. Đồng thời, từ tháng 5 đến tháng 7/2008, chủ đầu tư đã gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn giải ngân và nhà thầu thiếu vốn lưu động để phục vụ thi công. Vì thế, thay vì tiến độ của công trình phải được đặt lên hàng đầu, có những giai đoạn, do quá khó khăn về tài chính, các “B” lại đưa vấn đề giải ngân lên hàng đầu trong hầu hết các cuộc họp giao ban công trình với bên A.

Song khó khăn này vừa qua thì những thử thách khác lại đến. Đến cuối tháng 3/2009, công tác đắp đập chính để vượt lũ vẫn còn ngổn ngang, nguyên nhân chính là thời tiết mưa sớm từ tháng 3. Trong tháng 5/2009 thời tiết vẫn không giảm mưa, một số phương án “thoát lũ” đã được nghĩ đến, nhưng không ai dám đưa ra bàn, vì sợ làm nhục ý chí của anh em. May mắn đến như một điều thần kỳ, từ ngày 28/5 đến 20/6, trời hoàn toàn nắng ráo. Chủ đầu tư và nhà thầu VINACONEX, Tổng công ty xây dựng Trường Sơn dồn tổng lực về cả con người và thiết bị để thi công, huy động 200 ô tô các loại, 60 thiết bị khác như máy đào, máy đầm và gần 1.000 người từ các dự án khác, chỉ trong hơn 20 ngày đã đắp được gần 0,5 triệu m³ đất đá, đảm bảo cao độ vượt lũ năm 2009.

Trong khi mọi người đang vui mừng vì đã vượt được lũ, thì ngày 11/7/2009, ngay sau khi hạ cửa phải hãm dẫn dòng để tích nước hồ thì xuất hiện lũ lớn, nước về lòng hồ tăng nhanh trong khi khối lượng công việc ở hạ lưu đập, nhà máy còn khá lớn như phải đào phá đê quai, gia cố kênh dẫn ra của nhà máy với khối lượng khoảng 200.000 m³ đất đá. Một lần nữa, công trường phát động chiến dịch thi công khẩn trương, huy động tối đa lực lượng nhà thầu VINACONEX, Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn, CONSTREXIM, LILAMA 45-3

và Công ty Cổ phần Xây dựng Miền Đông tập trung triển khai hoàn thành các công việc trên chỉ trong 20 ngày (thay vì hơn một tháng theo kế hoạch) vừa kịp thời dẫn nước xả qua đập tràn, ngập nước hạ lưu nhà máy và đập, đảm bảo đủ điều kiện để thử nghiệm phát điện tổ máy số 1.

ĐÓN TRÁI ĐẦU MÙA

Đúng 13h00 ngày 7/9/2009, tổ máy số 1 (công suất 43 MW) chính thức hòa lưới điện quốc gia sau 9 ngày vận hành không tải, làm vơi đi phần nào những nỗi lo toan chờ đợi bấy lâu của những người xây dựng thủy điện Buôn Tua Srah. Bởi lẽ, Buôn Tua Srah không chỉ là công trình trọng điểm trong Quy hoạch điện VI, mà còn là thử thách đầu tiên về xây dựng đập thủy điện có chiều cao 83m, khối lượng đắp 6,2 triệu m³ đối với các nhà thầu thi công như VINACONEX, Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn. Làm sao không lo lắng, chờ đợi được!

Chúng tôi trở lại Buôn Tua Srah sau 10 ngày tổ máy số 1 đã phát điện lên lưới và đã phát được 4,2 triệu kWh. Như một sự ngẫu nhiên, theo kế hoạch, tổ máy số 2 của Nhà máy sẽ phát điện vào tháng 12/2009, đúng vào thời điểm ngành Điện kỷ niệm



Khoan phụt màng chống thấm nền đập (tháng 9/2008). Ảnh: Ngọc Hà

55 năm Bác Hồ đến thăm Nhà máy Đền Bờ Hồ - ngày Truyền thống của ngành Điện lực Việt Nam.

Vậy là đã gần 5 năm trôi qua với 10 mùa mưa nắng, những người thợ xây dựng thủy điện âm thầm, lặng lẽ đào hầm xuyên núi, đắp đập ngăn sông, giờ họ đang hoàn tất những công đoạn cuối cùng để hoàn thành Nhà máy. Trên công trường, màu đồng phục của những kíp trực vận hành ngày một nhiều thêm, thay thế dần những màu áo của các đơn vị thi công.

Công trình Thủy điện Buôn Tua Srah đã trở thành

niềm tự hào không phải chỉ của những người công nhân xây dựng thủy điện, mà còn đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của các doanh nghiệp xây dựng và cơ khí trong nước trong lĩnh vực đào hầm, đắp đập, đổ bê tông thủy công, sản xuất thiết bị cơ khí thủy điện. Từ nay, người dân Tây Nguyên sẽ có thêm một "làng sinh thái" từ hồ chứa nước của công trình thủy điện. Hồ chứa với dung tích 700 triệu m³ nước, không chỉ tham gia cất trữ, cung cấp nước tưới cho hàng ngàn hecta đất nông nghiệp ở hạ du mà còn cải thiện điều kiện môi sinh, môi trường vốn khô cằn của Tây Nguyên. ■

Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp

ĐÁNH THỨC DÒNG SÔNG

Minh Quang



Trực vận hành Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp (tháng 9/2009)
Ảnh: Ngọc Hà

Để chuẩn bị khởi công công trình, chủ đầu tư - Ban quản lý dự án (QLDA) Thủy điện 5 đã cho triển khai thi công đường từ quốc lộ 14 qua khu vực sẽ xây dựng Nhà máy đến đập, thi công đường dây 22 kV cung cấp điện cho khu vực thi công công trình. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng cũng được địa phương quan tâm giải quyết kịp thời để các đơn vị tiến hành san nền, xây dựng văn phòng của các nhà thầu, lán trại và cơ sở xe máy thi công ngách hầm thi công giữa, cửa lấy nước. Sau 4 tháng vượt qua rất nhiều trở ngại của mùa mưa Tây Nguyên, các đơn vị thi công đã hoàn thành các hạng mục giao thông, khu phụ trợ, cấp điện, cấp nước sinh hoạt... Việc phân chia khối lượng công việc công trình chính, hợp đồng nguyên tắc giữa Ban QLDA Thủy điện 5 và đại diện các nhà thầu xây lắp chính cũng được hoàn tất nhanh chóng.

Theo các chuyên gia thủy điện đánh giá, công trình Thủy điện Buôn Kuốp có địa chất khá phức tạp. Địa chất kém, đường hầm dài (10 km) là trở ngại lớn cho việc đảm bảo tiến độ thi công. Tuy vậy, ngày 16/9/2008, nhà thầu thi công đã nổ mìn cuối hầm đứng số 2, kết thúc một công tác của hạng mục khó khăn nhất theo đúng tiến độ.

Sau 1.920 ngày nỗ lực thi công bám sát tiến độ, ngày 23/3/2009, tổ máy số 1 Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp (140 MW) đã vận hành không tải và sau 6 ngày vận hành không tải để hiệu chỉnh các thông số kỹ thuật, tổ máy số 1 đã chính thức hòa lưới điện quốc gia. Cũng như vậy, tổ máy số 2 vận hành không tải vào ngày 22/9/2009 và chính thức hòa lưới điện quốc gia vào ngày 28/9/2009. Đây là thời gian hiệu chỉnh kỷ lục đối với các công trình thủy điện ở Việt Nam từ trước tới nay.

Như vậy, chỉ trong vòng 6 tháng kể từ khi hoàn thành thi công tổ máy đầu tiên, Ban QLDA Thủy điện 5 và các nhà thầu đã đưa vào vận hành 2 tổ máy với tổng công suất 280 MW, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng điện khi nền kinh tế đất nước có dấu hiệu phục hồi.

Tháng 10, chúng tôi đến với Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp khi Tây Nguyên đang mùa mưa. Đất đỏ quện vào nhau níu bước chân người đi. Hai bên đường vào Nhà máy đã có lác đác nhà dân và đường như vẫn còn mùi đất vỡ hoang.

CÔNG TRÌNH VỚI NHỮNG KỶ LỤC

Theo quy hoạch, trên dòng sông Srêpôk sẽ có 6 nhà máy thủy điện với tổng công suất lắp máy là 621 MW, sản lượng điện bình quân hằng năm trên 3 tỉ kWh. Thủy điện Buôn Kuốp là một trong số các nhà máy được xây dựng trên dòng sông này.

Nhờ được thực hiện theo cơ chế đặc biệt "797" và "400" nên EVN đã rút ngắn đáng kể thời gian chuẩn bị đầu tư. Báo cáo nghiên cứu khả thi duyệt tháng 9/2003, sau 3 tháng đã phê duyệt được thiết kế kỹ thuật giai đoạn 1 và tháng 12/2003, tiến hành khởi công công trình chính. Với việc chia thiết kế kỹ thuật làm hai giai đoạn, nên công tác lập thủ tục để khởi công nhanh hơn 1,5 năm so với tiến độ thông thường.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN 5

- Thành lập ngày 26/11/2002.
- Chức năng, nhiệm vụ chính: Quản lý các dự án thủy điện Buôn Kuốp; Buôn Tua Srah; Srêpôk 3. Quản lý các dự án khác do Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao. Quản lý quy hoạch bậc thang thủy điện trên sông Srêpôk và công tác chuẩn bị đầu tư các dự án thủy điện trên địa bàn quản lý. Thực hiện một số nhiệm vụ tư vấn: Tư vấn giám sát thi công các công trình thủy điện và công trình lưới điện đồng bộ; tư vấn thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình; tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu.
- Tháng 5/2004, Ban Quản lý dự án Thủy điện 5 là đơn vị quản lý dự án đầu tiên trong cả nước được cấp chứng chỉ ISO 9001:2000;
- Năm 2008, Ban Quản lý dự án Thủy điện 5 đã thực hiện hoàn thành 103% kế hoạch vốn đầu tư xây dựng so với kế hoạch được giao là 1.828 tỷ đồng. Năm 2009 dự kiến thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch được giao là: 1.953 tỷ đồng;
- Hiện nay đơn vị có 115 người, trong đó 91 người có trình độ đại học và trên đại học.

Các công trình do Ban Quản lý dự án Thủy điện 5 quản lý

STT	Tên dự án thủy điện	Công suất lắp máy (MW)	Điện lượng TB hàng năm (triệu kWh)	Khởi công xây dựng	Hoàn thành, đưa vào vận hành
1	Buôn Kuốp	280	1.458	21/12/2003	Năm 2009
2	Buôn Tua Srah	86	358	25/11/2004	Năm 2009
3	Srêpôk 3	220	1.060	24/12/2005	Năm 2010

- Các dự án trên đều được thực hiện theo một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình nguồn điện giai đoạn 2006-2010 tại công văn số 797/CP-CN ngày 17/6/2003, số 400/CP-CN ngày 26/3/2004 và Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 9/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

KHOI DẬY TIỀM NĂNG TÂY NGUYÊN

Thủy điện Buôn Kuốp là dự án có hiệu quả nhất trong các dự án thủy điện bậc thang nằm trên dòng sông Srêpôk. Không chỉ thu hút hàng nghìn lao động trong thời gian xây dựng, trong đó có một phần lao động tại tỉnh Đắk Lắk, dự án thủy điện còn góp phần đổi mới vùng dân cư rộng lớn, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tập quán làm ăn, sinh hoạt của đồng bào dân tộc Tây Nguyên. Hồ chứa của các nhà máy thủy điện có sức chứa khoảng 2 tỷ m³ nước, không những tạo độ ẩm, giúp cải thiện điều kiện môi trường, môi sinh vốn bất thường ở Tây Nguyên, mà còn tạo ra nguồn thủy sản to lớn, đặc biệt sẽ cung cấp nước tưới cho hàng trăm ngàn héc ta đất sản xuất nông nghiệp của nhân dân.

Hiện nay, Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp đã đi vào vận hành, ngoài việc cung cấp điện đáp ứng phát

triển kinh tế, công trình đã tạo ra hạ tầng cơ sở tốt về giao thông đường bộ, đường thủy, góp phần phát triển du lịch, khơi dậy những tiềm năng khác trong vùng đất bao la, trù phú của Tây Nguyên.

Như lời khẳng định của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng trong lễ khởi công công trình Thủy điện Buôn Kuốp: Các dự án thủy điện trên dòng sông Srêpôk sẽ tiếp thêm nguồn lực cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên cùng nhân dân cả nước hòa nhịp phát triển đi lên, tạo ra diện mạo mới cho các buôn làng. Thủy điện Buôn Kuốp sẽ góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi chủ trương phát triển cộng đồng, xóa đói giảm nghèo và ưu tiên hỗ trợ các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, các hộ chính sách trong khu vực Tây Nguyên của Đảng và Nhà nước. Sáu nhà máy điện được xây dựng trên sông Srêpôk sẽ tạo thành một “dòng sông ánh sáng” của vùng đất Tây Nguyên. ■

Một số thông tin về công trình Thủy điện Buôn Kuốp:

- Cách thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 20 km, nằm trên địa phận 3 huyện Krông Ana, Krông Nô và Cư Jút thuộc tỉnh Đắk Lắk.
- Công suất lắp máy 280 MW.
- Sản lượng điện bình quân hằng năm 1,37 tỉ kWh.
- Tổng mức đầu tư khoảng 4.616 tỉ đồng bằng nguồn vốn vay thương mại và Tập đoàn Điện lực Việt Nam tự cân đối.
- Tư vấn chính: Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2.
- Tổng thầu: Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam.
- Tổ hợp các nhà thầu xây lắp gồm: Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam, Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, Tổng công ty Xây dựng số 1, Công ty Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam và Tổng công ty Trường Sơn (Binh đoàn 12).
- Dự án Thủy điện Buôn Kuốp là một trong 10 dự án thủy điện do EVN làm chủ đầu tư, khởi công trong 2 năm 2003-2004.
- Được thực hiện theo cơ chế đặc biệt “797” và “400”.

Thủy điện Buôn Kuốp tháng 9/2009 Ảnh: Ngọc Hà

Công trình đường dây 500 kV Thường Tín - Quảng Ninh

TẤT CẢ VÌ TIẾN ĐỘ, CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

Bài: **Ngọc Loan - Vũ Lam** Ảnh: **Vũ Lam**

Công trình đường dây 500 kV Thường Tín - Quảng Ninh dài trên 148 km, nhưng phải vượt qua 3 con sông lớn là Kinh Thầy, Thái Bình và sông Hồng, qua nhiều đường quốc lộ và đường sắt. Vượt lên trên những khó khăn, vất vả về khí hậu, thổ nhưỡng, địa bàn dân cư đông đúc, Ban Quản lý Dự án các công trình điện miền Bắc và các đơn vị thi công vẫn hướng đến một mục tiêu lớn hơn: Hoàn thành kịp tiến độ Dự án đường dây 500 kV Thường Tín - Quảng Ninh, để góp phần điều hòa công suất, giảm tải cho đường dây 500 kV Bắc Nam, giải quyết tình trạng thiếu điện ở miền Bắc và thủ đô Hà Nội.

NHỌC NHẪN THỢ ĐƯỜNG DÂY

11h trưa, tiết trời thu tháng 9, nhưng trời vẫn nắng rất mặt. Đoàn công tác chúng tôi có mặt tại xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Khi đó, nhóm thợ của Công ty Xây lắp điện 1 tại vị trí cột 345 đường dây 500 kV Quảng Ninh - Thường Tín đang miệt mài làm việc, mồ hôi ướt đầm lưng áo. Người bám cheo leo trên cột, người đang ra sức kéo tời thả cáp mỗi. Anh Đặng Văn Huy - Đội trưởng Đội xây lắp điện 6 cười: Nắng thế này đã ăn thua gì, phải đến 1-2 giờ chiều mới thật kinh khủng. Chỉ bám tay vào cột điện sắt đã như bỏng rát. Hôm trời nắng nóng 38-40 độ, miệng đắng, toàn thân khô cong vì không còn mồ hôi mà ra nữa...

Còn với những đoạn đường dây vượt đường quốc lộ, đường sông hay đi qua nhà, qua vườn của dân, đội thi công phải làm giàn giáo, phối hợp với các lực lượng cảnh sát, thanh tra, dân quân tự vệ tham gia cảnh giới, dừng xe để tạo điều kiện cho đơn vị

hoàn thành nhiệm vụ. Người đội trưởng vẫn nhớ như in về những vất vả khi thi công trụ móng vượt sông tại vị trí 305 ở Văn Giang (Hưng Yên), phải mất 10 ngày để đào 1 móng cột. Lý do là chân cột nằm giữa bãi đất pha cát, cứ đào xong cát lại đùn đầy. Sau phải thuê cả thửa ruộng của dân, đắp thành ao để bơm cát vào, đào đến đâu ngăn bờ đến đấy mới thoát nạn “giặc” cát. Có thể ví von người thợ xây dựng đường dây tải điện như những “phu lục lộ trên dây”

GIAN NAN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Cũng như nhiều dự án lưới điện khác, công trình đường dây 500 kV Thường Tín - Quảng Ninh cũng không thoát khỏi “đoạn trường” giải phóng mặt bằng. Nhất là giải phóng mặt bằng khi thi công vì rất nhiều tình huống nảy sinh ngoài dự kiến. Phó phòng kỹ thuật của Ban A miền Bắc Hồ Xuân Chiến trầm tình: Với việc thi công đường dây thì không ai dám nói mạnh tiến độ. Bởi vì đơn vị thi công có thể chủ động được nhân lực, kỹ thuật, vật tư, nhưng phần giải phóng mặt bằng thì lại... trăm sự nhờ vào “thiện chí” của dân. Ngay tại vị trí 352 thuộc địa phận Thường Tín, tiến độ cứ “giậm chân tại chỗ” nhiều tháng trời vì vướng đến bù. Muốn kéo dây qua nhà dân thì không chỉ thuyết phục, tuyên truyền, mà còn phải đền bù... sát sạt. Có nơi kéo dây qua mái nhà dân làm rơi 1 viên ngói, người dân yêu cầu đền bù cả triệu đồng cho nửa mái ngói; kéo dây qua vật chuối làm gãy mấy cây, cũng phải đền chục triệu cho cả vật.

Đặc biệt, khi kéo dây qua địa bàn Chí Linh, Hải Dương, đơn vị thi công đã gặp phải nhiều tình huống “dở khóc, dở cười”. Đó là nhiều người dân dựng nhà tạm trong đêm, để sáng hôm sau cán bộ thi công đến kiểm đếm thì đã có ngay nhà để được đền bù. Hay khi thi công kéo dây qua một ao cá (tất

nhiên là dây chưa có điện), thế mà gia chủ cứ ngỡ nặc cho rằng điện làm chết cả ao cá, bắt đền 10 triệu đồng, điều đình mãi họ mới xuống... 8 triệu. Không nhượng bộ thì chậm tiến độ, mà nhượng bộ rồi thì... lo không biết sẽ quyết toán vào đâu.

TẤT CẢ VÌ TIẾN ĐỘ, CHẤT LƯỢNG

Đường dây 500 kV Quảng Ninh - Thường Tín có 6 đơn vị trực tiếp thi công là Công ty Xây lắp điện 1, 2 và 4; Công ty Sông Đà 11; Công ty lắp máy INCO và Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam với tổng lượng thiết bị, sắt thép, dây và các phụ kiện lắp đặt lên tới 16.000 tấn. Chỉ tính riêng chuỗi sứ loại U300 của từng đầu dây đã nặng gần 1 tấn. Mặc dù khó khăn, vất vả như vậy, nhưng các đơn vị đều cố gắng đẩy nhanh tiến độ.

Cùng với đường dây trên, 2 trạm 500 kV Quảng Ninh và Thường Tín cũng được thi công đồng thời. Trạm 500 kV Quảng Ninh là một trong những trạm lớn nhất cả nước với diện tích xây dựng trên 159.000 m². Phía 500 kV có 10 ngăn lộ với 1 máy biến áp 500 kV loại 500/220 kV - 450 MVA và 1 máy dự phòng; phía 220 kV có 15 ngăn lộ với 1 MBA 220/110 kV - 125 MVA và 1 máy dự phòng; phía 110 kV có 15 ngăn lộ (trong đó có 4 ngăn lộ dự phòng). Trạm đón nhận điện từ các nhà máy điện như: Quảng Ninh, Cẩm Phả, Mông Dương và là trạm nút khu vực để liên kết lưới điện 220 kV, cung cấp điện cho lưới 110 kV tỉnh Quảng Ninh. Trạm 500 kV Thường Tín có 1 ngăn lộ 500 kV và

8 ngăn lộ 220 kV, nay đang được mở rộng ngăn lộ trên diện tích đất 13.426 m² với việc đầu tư thêm 1 máy kháng điện, 1 máy cắt.

Mặc dù trong giai đoạn hiện nay, mục tiêu tiến độ được xem là mục tiêu hàng đầu, nhưng không vì thế mà Ban QLDA các công trình điện miền Bắc và các nhà thầu thi công xây dựng đường dây 500 kV Thường Tín - Quảng Ninh xem nhẹ công tác giám sát chất lượng công trình, các quy định về công tác giám sát được tuân thủ nghiêm ngặt.

Theo đánh giá của giới chuyên môn, hiện nay năng lực lưới truyền tải điện chưa đáp ứng kịp tốc độ phát triển của các nguồn điện. Để đáp ứng công tác truyền tải điện từ các công trình nguồn điện ở khu vực Đông Bắc như dự án Quảng Ninh, Cẩm Phả thì việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống truyền tải, trong đó đường dây 500 kV Quảng Ninh - Thường Tín là vô cùng quan trọng. Ý thức được điều đó, chủ đầu tư và các đơn vị thi công đang từng ngày nỗ lực, vượt qua khó khăn, thách thức để hoàn thành công trình. Tuy nhiên, bên cạnh những nỗ lực này thì để hoàn thành đúng tiến độ công trình, điều quan trọng không kém chính là sự ủng hộ nhiệt tình của các ngành, các cấp, chính quyền địa phương và nhân dân nơi có công trình đường dây đi qua, vì lợi ích chung của đất nước. ■

Công nhân Công ty Xây lắp điện 1
hăng say lao động trên
công trường ĐZ 500
kV Quảng Ninh
- Thường Tín
(tháng 9/2009)

TỔNG QUÁT VỀ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG DÂY 500 KV QUẢNG NINH - THƯỜNG TÍN

Mục tiêu xây dựng công trình:

- Đầu nối Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh (công suất 1.200 MW) và Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương (công suất 1.200 MW) vào hệ thống điện Quốc gia.
- Tạo mối liên kết mạch giữa các vùng trong Hệ thống điện miền Bắc, là cơ sở quan trọng để vận hành ổn định và tối ưu cho hệ thống điện miền Bắc nói riêng và hệ thống điện toàn quốc nói chung.
- Đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy hệ thống điện trong mọi trường hợp, kể cả trường hợp sự cố, đồng thời giảm tổn thất điện năng trong toàn hệ thống điện, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho ngành Điện lực Việt Nam.
- Tận dụng năng lượng sơ cấp tại khu vực Quảng Ninh, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các ngành khác trong khu vực.

Các thông số chính

- Chiều dài: 148,808 km.
- Đi qua địa bàn 5 tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên và Hà Nội.
- Cấp điện áp: 500 kV.
- Điểm đầu tuyến: Cột cổng 500 kV Trạm 500 kV Quảng Ninh.
- Điểm cuối tuyến : Cột cổng 500 kV Thường Tín.
- Số mạch: 2 mạch.
- Tổng dự toán: 1.152 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Chi phí xây lắp: 888,5 tỷ đồng
 - + Chi phí khác: 163,5 tỷ đồng
 - + Chi phí dự phòng: 100 tỷ đồng

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN BẮC (AMB)

Chức năng nhiệm vụ chính: Quản lý đầu tư xây dựng các dự án lưới điện và trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 kV đến 500 kV.

Số lượng CBCNV của AMB: khoảng 170 người (trong đó 2/3 đạt trình độ đại học).

Các mốc lịch sử:

- Năm 1981: Ban quản lý Lưới điện cao thế 1 trực thuộc Công ty Điện lực 1 được thành lập (tiền thân của AMB).
- Năm 1984: Công ty Điện lực 1 sáp nhập Ban quản lý Lưới điện cao thế 1 vào Sở truyền tải điện 1.
- Năm 1986: Đổi tên thành Ban quản lý Công trình điện miền Bắc trực thuộc Công ty Điện lực 1.
- Năm 1995: Sáp nhập vào Ban quản lý Đường dây 500 kV Bắc Nam và lấy tên là Ban quản lý Dự án công trình điện miền Bắc (AMB) trực thuộc EVN.
- Ngày 30/6/2008: AMB trực thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.

Thành tích tiêu biểu:

- Huân chương Lao động hạng Ba
- Nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công Thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam...

Đường dây 500 kV Quảng Ninh -
Thường Tín đoạn tiếp nối với Trạm 500
kV Thường Tín (tháng 9/2009)

Đường dây 500 kV Nhà Bè - Ô Môn:

GÓP PHẦN QUAN TRỌNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI MIỀN TÂY NAM BỘ

Bài: **Minh Quang**

Ảnh: **Ngọc Hà**

Để đồng bộ, kịp thời đón điện từ các công trình nguồn phát triển ngày càng mạnh mẽ theo Quy hoạch điện VI, việc xây dựng đường dây 500 kV Nhà Bè - Ô Môn được đặt ra như một yêu cầu thiết yếu cho khu vực ĐBSCL nói riêng và hệ thống điện Việt Nam nói chung.

CẤP BÁCH TIẾN ĐỘ

Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) là khu vực có tiềm năng lớn trong phát triển nông nghiệp, thủy sản. Tuy nhiên, từ năm 2004 trở về trước, công nghiệp và cơ sở hạ tầng chưa phát triển, đặc biệt là tình trạng thiếu điện hoặc điện áp thấp do lưới điện ở khu vực này chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của phụ tải, nên mặc dù là vùng đất đầy tiềm năng nhưng chưa được phát huy một cách hiệu quả, cuộc sống của phần đông dân

cư còn khó khăn. Theo định hướng phát triển kinh tế-xã hội, từ năm 2004 đến 2010, ĐBSCL sẽ phấn đấu trở thành vùng sản xuất lương thực, thực phẩm, thủy sản, hàng hóa lớn của cả nước; đẩy mạnh khai thác dầu khí ở thềm lục địa Tây Nam và phát triển công nghiệp khí - điện - đạm. Vì vậy, vấn đề tập trung phát triển cơ sở hạ tầng được Chính phủ đưa lên hàng đầu.

Theo kế hoạch phát triển nguồn của Quy hoạch điện VI hiệu chỉnh giai đoạn 2002-2010, dự kiến sẽ phát

triển 39 nhà máy điện với tổng công suất 13.550 MW. Trong đó, khu vực miền Nam sẽ xây dựng 4 nhà máy thủy điện chủ yếu trên lưu vực sông Đồng Nai và 8 nhà máy điện chạy khí sử dụng các nguồn khí từ mỏ khí vùng Đông Nam và Tây Nam. Đường dây 500 kV Nhà Bè - Ô Môn được xây dựng nhằm đồng bộ với nguồn điện và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội cho địa bàn kinh tế trọng điểm khu vực miền Nam, đặc biệt là miền Tây Nam Bộ.

Việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường dây 500 kV Nhà Bè - Ô Môn là một giải pháp tình thế hết sức cần thiết và cấp bách để cấp điện cho miền Tây ngay từ đầu năm 2005. Cũng bởi thời điểm năm 2005 - 2006, các nhà máy điện Ô Môn 1 và Cà Mau mặc dù có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo cung cấp điện cho miền Tây nhưng lại bị chậm tiến độ; đồng thời, sau khi các nhà máy điện ở miền Tây xây dựng xong, lượng điện năng từ các nhà máy điện khu vực này sẽ cung cấp cho miền Đông Nam Bộ qua các đường dây 500 kV, trong đó có đường dây Nhà Bè - Ô Môn.

VƯỢT MỌI KHÓ KHĂN

Tuyến đường dây 500 kV Nhà Bè - Ô Môn có chiều dài 152,72 km. Đoạn một mạch có chiều dài 28,62 km (Nhà Bè - Long An) và đoạn hai mạch dài 124,10 km (Long An - Ô Môn). Tuyến đường dây đi qua các khu vực có địa hình bằng phẳng, độ cao không lớn, trung bình từ 1 đến 4,5 m, chủ yếu đi qua vùng đất nông nghiệp, trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái và khu vực dân cư, tuy nhiên dân cư chủ yếu tập trung nhiều

ở đoạn tuyến trên địa bàn TP Hồ Chí Minh và các thị trấn thuộc tỉnh Tiền Giang, Tp Cần thơ.

Mặc dù, tuyến đường dây này tương đối thuận lợi do được đi cặp theo các tuyến đường dây 220 kV đang vận hành nên tận dụng được các đường đi để chuyển vật tư, thiết bị thi công. Song, do đặc điểm địa lý nên đường dây phải đi qua khu vực bị chia cắt nhiều sông rạch, trong đó có 4 sông lớn là sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, sông Tiền và sông Hậu. Nước mặt lúc nào cũng có trong các sông, kênh rạch, ao hồ do chịu ảnh hưởng trực tiếp của nước mưa và thủy triều, nên thường xuyên gây ra hiện tượng bán ngập, vì vậy công tác thi công rất khó khăn. Ở đây, mỗi năm có 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, trùng với thời kỳ gió mùa Đông Bắc. Tổng lượng mưa các tháng này chiếm khoảng 90-95% lượng mưa cả năm. Những cơn lũ thường kéo dài từ 15 đến 30 ngày, làm ngập các vị trí thi công tới 1 m. Phương tiện qua lại vào mùa mưa chủ yếu là thuyền nhỏ của đồng bào địa phương, do đó công tác giải phóng mặt bằng đã được Ban Quản lý dự án lưới điện miền Nam (đại diện chủ đầu tư EVN) tính toán kỹ lưỡng và đôn đốc ráo riết.

Mặc dù từ khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 2 chọn tuyến đã tránh các khu dân cư, giảm thiểu tối đa nhà cửa nằm trong hành lang tuyến, nhưng do tuyến dài, số lượng góc lại hạn chế, hành lang tuyến rộng nên không tránh khỏi việc các nhà dân nằm rải rác trên tuyến phải di dời. Tổng số nhà bị ảnh hưởng là 606 căn nhà nằm rải rác trên địa bàn các tỉnh Long An, TP Hồ Chí Minh,



Xây dựng và thí nghiệm thiết bị trạm biến áp 220 kV Long An (năm 2009)



Xây dựng và thí nghiệm thiết bị trạm biến áp 220 kV Long An (năm 2009)

Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp và Cần Thơ.

Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Nam cho biết: Tiến độ xây dựng công trình đường dây 500 kV Nhà Bè - Ô Môn giai đoạn 1 dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2005. Song do trong quá trình thực hiện dự án gặp nhiều trở ngại về đền bù GPMB nên đến tháng 3-2007 công trình mới hoàn thành và đến tháng 4/2007 mới đóng điện đưa vào vận hành tạm ở cấp điện áp 220 kV. Giai đoạn 2 là đường dây 500 kV Nhà Bè - Cai Lậy có chiều dài 74,3 km được thiết kế 1 mạch 500 kV và 2 mạch 110 kV. Theo tiến độ ban đầu dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2008, nhưng cũng như ở giai đoạn 1, dự án gặp khá nhiều khó khăn về đền bù GPMB nên tiến độ điều chỉnh sang quý IV/2009.

Công ty Truyền tải điện 4 - đơn vị hiện đang vận hành đường dây 500 kV Nhà Bè - Ô Môn cho biết: Do tình hình các đường dây 220 kV kết nối lưới điện Đông - Tây (đường dây 220 kV Phú Lâm - Cai Lậy, Cai Lậy - Trà Nóc, Cai Lậy - Rạch Giá...) thường xuyên bị quá tải, điện áp các nút phụ tải tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ (Rạch Giá, Bạc Liêu, Kiên Lương, Châu Đốc...) liên tục bị giảm thấp, nên việc đấu nối vận hành tạm đường dây 500 kV Cai Lậy - Ô Môn với cấp điện áp 220 kV đã nâng cao tính vận hành linh hoạt và ổn định cho lưới điện kết nối Đông - Tây. Đặc biệt vào thời gian cuối năm 2008, đã phát huy tác dụng trong việc chuyển tải toàn bộ lượng công suất 1.500 MW từ Nhà máy điện Cà Mau vào lưới điện quốc gia. ■

ĐƯỜNG DÂY 500 KV NHÀ BÈ - Ô MÔN:

- Tổng chiều dài 152,72 km. Cung đoạn Nhà Bè - Long An (mạch đơn) có chiều dài 28,62 km và Long An - Ô Môn (mạch kép) dài 124,10 km.
- **Chủ đầu tư:** EVN, NPT đại diện là Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Nam
- Tư vấn thiết kế: Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2.
- Đơn vị quản lý vận hành: Công ty Truyền tải điện 4.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN NAM:

Từ năm 1988 - 1995: Hoàn thành nghiệm thu đóng điện đưa vào vận hành 40 công trình gồm: 36 công trình 110 kV và 04 công trình 220 kV.

Từ năm 1996- 2000: Đưa vào vận hành 56 công trình 110 kV và 220 kV.

Từ năm 2001 - 2005: Đưa vào vận hành 102 công trình từ 110 kV đến 500 kV.

Từ năm 2006 đến tháng 6 năm 2009: Đưa vào vận hành 30 công trình từ 110 kV đến 500 kV.

Thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

- Huân chương Lao động Hạng Nhất, Nhì, Ba;
- Cờ Thi đua xuất sắc của Chính phủ;
- 12 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- 02 Chiến sĩ Thi đua toàn quốc và nhiều danh hiệu thi đua khác tặng thưởng cho các tập thể và cá nhân

Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng:

SÓNG GIÓ THỬ THÁCH TAY CHÈO!

Lưu Hương



Mặc dù ra đời và triển khai hoạt động đúng vào thời điểm nền kinh tế đang khó khăn do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, nhưng Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng vẫn đang nỗ lực chạy đua với thời gian để về đích đúng hẹn.

Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được hình thành nhằm thực hiện chủ trương xã hội hóa đầu tư nguồn điện để đáp ứng nhu cầu ngày một tăng cao của phụ tải. Công ty có lợi thế được 3 tập đoàn kinh tế lớn góp vốn thành lập với tỷ lệ: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) 87,5%, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) 10% và Tập đoàn Bảo Việt 2,5%. Thế "chân kiềng" trong đầu tư tạo nên những thuận lợi cơ bản cho Công ty ngay từ bước khởi đầu trong việc hoạch định và thực hiện những kế hoạch dài hơi, mang tầm chiến lược.

Không chỉ đầu tư xây dựng, vận hành nhà máy điện mà Công ty còn mở rộng lĩnh vực hoạt động khai thác khoáng sản; bảo dưỡng cải tạo các công trình

điện; thực hiện dịch vụ về thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện... Một lĩnh vực không kém phần quan trọng được Công ty chú trọng đẩy mạnh là đào tạo, dạy nghề quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện. Đầu tư vào nhân lực, chính là bước đi khôn ngoan để đảm bảo cho những bước phát triển bền vững của doanh nghiệp nói riêng, cũng như của ngành Điện nói chung.

HƯỚNG ĐẾN "THÔNG DIỆP ĐỎ"

Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập từ nửa cuối năm 2002, với chức năng nhiệm vụ chính là làm chủ đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 và Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2, gồm 4 tổ máy có tổng công suất 1.200 MW, nằm trong số những tổ hợp nhiệt điện lớn nhất cả nước. Để thực hiện trọng trách đó, với một công ty non trẻ cả về tuổi đời lẫn kinh nghiệm, nguồn lực còn mỏng, thì những gian khó ban đầu là không thể tránh khỏi.

Năm 2008 - Công ty phải đương đầu với giá cả vật tư nguyên liệu leo thang đột biến đến mức một số nhà thầu đã xin chấm dứt hợp đồng. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng kéo dài, trong khi lãi suất ngân hàng tăng cao... Hầu hết các hạng mục phải đứng trước nguy cơ không đảm bảo tiến độ.

Nhưng trong "ngọn lửa thử vàng" ấy, tập thể CBCNV Công ty đã hòa chung ý chí và quyết tâm không trở thành những người lười hẹn với mục tiêu ban đầu. Cái đích hòa lưới điện như một "thông điệp đỏ" để Công ty tiến lên, vượt qua mọi khó khăn, thách thức.

BẢN LĨNH VƯỢT KHÓ

Những nỗ lực của Công ty trong suốt thời gian từ khi thành lập rồi cũng được đền đáp bằng những dấu ấn khá ấn tượng khi năm 2008 khép lại. Không



Xây dựng và thí nghiệm thiết bị trạm biến áp 220 kV Long An (năm 2009)



Chỉ tháo gỡ được vướng mắc trong giải phóng mặt bằng để bàn giao kịp thời cho nhà thầu thi công, công tác quản lý tiến độ các gói thầu cũng được đẩy nhanh ở cả gói thầu EPC Hải Phòng 1 và 2. Những khó khăn trong dự toán và thanh quyết toán cũng dần được giải quyết nhờ bù giá kịp thời, giải quyết thanh quyết toán nhanh và linh hoạt trong cân đối vốn cũng như huy động vốn... Công ty đã hoàn thiện được bộ máy tổ chức, đảm bảo cho công tác điều hành dự án.

Bước sang đầu năm 2009 - năm bản lề cho công tác sản xuất của Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2, Công ty lại tiếp tục phải vượt qua rất nhiều thử thách. Ngoài tiếp tục chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, áp lực thu xếp vốn để hoàn lại một phần vốn của EVN cũng thêm phần nặng gánh. Trong khi đó, công tác nghiệm thu, chạy thử cho EPC Hải Phòng 1 dồn dập trên tất cả các hạng mục, còn EPC Hải Phòng 2 cũng phải căng mình thi công... Các qui chế, qui định, qui trình vận hành vẫn còn thiếu, trong khi công tác sản xuất, kinh doanh bắt đầu vào guồng.

Theo kế hoạch, Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 hòa lưới phát điện thương mại tổ máy số 1 vào quý III, tổ máy 2 vào quý IV năm 2009. Đồng thời, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 tiếp tục triển khai xây dựng đồng loạt các hạng mục đảm bảo tiến độ. Ngoài ra, Công ty còn phải tăng cường công tác quản lý tài chính, giải ngân kịp thời tiến độ của dự án...

Trước nhu cầu cung cấp nguồn điện cho phát triển đất nước, Công ty đang chạy đua với thời gian, huy

động tổng lực để đẩy nhanh tiến độ xây dựng. Không chỉ quyết liệt trong điều hành theo tiến độ đặt ra, hoàn thiện điều kiện pháp lý để phát điện lên lưới điện quốc gia, Công ty còn triển khai đồng bộ các giải pháp sản xuất, kinh doanh sản xuất điện, đi kèm với những giải pháp linh hoạt trong huy động vốn...

Trong khoảng thời gian không dài - gần 7 năm từ khi được thành lập, Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng đã vượt qua rất nhiều khó khăn trong giai đoạn khởi đầu nan, hoàn thành được khối lượng công việc lớn. Nói về chặng đường đã qua, ông Trần Hữu Nam - Tổng giám đốc Công ty đã nhấn mạnh đến việc cần phải huy động được sức mạnh tổng hợp trong nội bộ, cũng như phải tạo được niềm tin, sự ủng hộ từ địa phương, các cấp bộ, ngành quản lý.

Vững "tay chèo" trước những sóng gió, hướng tới thực hiện các chiến lược phát triển lâu dài là con đường mà Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng lựa chọn. Dù đơn vị còn non trẻ, nhưng ngay từ đầu Ban lãnh đạo Công ty đã hoạch định rõ mục tiêu xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đến việc đào tạo và nuôi dưỡng nguồn nhân lực... chính là những dẫn chứng sinh động cho sự lựa chọn đúng đắn này. Rồi sẽ đến ngày "hoa kết trái" khi dòng điện từ hai nhà máy nhiệt điện lớn này hòa vào hệ thống điện quốc gia để kịp thời tiếp thêm sinh lực cho "dòng máu" đi nuôi cơ thể của một đất nước đang độ tăng trưởng mạnh mẽ. ■

Công trường xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng tháng 11/2008



Tên dự án: Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng

Địa điểm xây dựng: xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Công suất nhà máy 4x300 MW: 04 lò hơi đốt than phun Antraxit.
- Sản lượng điện trung bình: 7,2 tỷ kWh/năm
- Nhiên liệu sử dụng: Than Antraxit từ các mỏ vùng than Quảng Ninh; loại than cám 5 và cám 6; dầu FO là nhiên liệu khởi động và phụ trợ công suất thấp.
- Cấp điện áp truyền tải: Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng đấu nối với hệ thống điện qua máy biến áp tăng áp vào hệ thống truyền tải có cấp điện 110 kV và 220 kV.
- Nước làm mát: Nước lấy từ sông Giá.
- Nước kỹ thuật và nước sinh hoạt lấy từ hồ nước ngọt phía trên đập Minh Đức qua xử lý. Số giờ vận hành trung bình: 6000 giờ/năm.
- Đời sống kinh tế của dự án: 25 năm.
- Nhà thầu chính gói thầu EPC: Liên danh nhà thầu DongFang - Marubeni;

Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1

- + Tháng 11/2005: Khởi công
- + Tổng mức đầu tư: 9.670,79 tỷ VNĐ
- + Ngày 15/6/2009: Hòa điện thành công tổ máy số 1

Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 :

- + Tháng 7/2007: Khởi công
- + Tổng mức đầu tư: 9.902,35 tỷ VNĐ

ĐIỆN SÁNG CÁC THÔN BUÔN

Bài: Thanh Mai - Ảnh: Ngọc Hà

TÂY NGUYÊN

Cấp điện cho các thôn buôn chưa có điện
5 tỉnh Tây Nguyên (tháng 9/2009)

Cấp điện cho các thôn buôn chưa có điện
5 tỉnh Tây Nguyên (tháng 9/2009)

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo tiền khả thi dự án cấp điện cho các thôn buôn chưa có điện ở 5 tỉnh Tây Nguyên, để đảm bảo mục tiêu và rút ngắn thời gian thực hiện, chủ đầu tư EVN đã trình Thủ tướng cho phép phân chia dự án thành 5 phần. Theo đó, việc triển khai cấp điện mỗi tỉnh Tây Nguyên là một dự án độc lập và EVN vừa tiến hành lập dự án đầu tư, vừa thiết kế, để khi có vốn ngân sách cấp là có thể tiến hành công tác đấu thầu vật tư thiết bị và thi công xây lắp.

EVN đã uỷ quyền cho Công ty Điện lực 2 và Công ty Điện lực 3 thực hiện một số nhiệm vụ của chủ đầu tư cho các dự án thành phần để giảm bớt các khâu trình và phê duyệt, trong đó Công ty Điện lực 2 chịu trách nhiệm đối với tỉnh Lâm Đồng và Công ty Điện lực 3 chịu trách nhiệm đối với 4 tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông. Nhưng do dự án được triển khai vào đúng giai đoạn khó khăn nhất của nền kinh tế đất nước, vật tư thiết bị trượt giá liên tục, nên việc xét thầu phải làm đi làm lại. Đến giữa tháng 8/2008, toàn bộ công tác đấu thầu xây lắp và mua sắm vật tư thiết bị mới được hoàn thành.

Đã nhiều lần tôi được lên vùng đất cao nguyên này và nhận thấy, Tây Nguyên cũng như bất cứ bản làng vùng sâu vùng xa, hải đảo nào, mặc dù kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng những đường dây điện không khi nào ngừng vươn dài, nối tiếp mãi. Điện

đến với những vùng sâu, rẻo cao, đâu nơi ấy chỉ lèo tèo chục nóc nhà của bà con dân tộc thiểu số, dù rằng không biết đến bao giờ thu lại được hàng nghìn tỷ đồng vốn đầu tư.

Chia sẻ về khó khăn lớn nhất trong việc thực hiện dự án cấp điện cho 1.200 thôn buôn của Tây Nguyên, những người thợ thi công cho biết: Nơi đây địa hình phức tạp, hộ dân sống rải rác, khí hậu khắc nghiệt, nếu để lỡ một mùa khô là coi như mất 1 năm, do mùa mưa không thể chuyên chở được vật liệu, thiết bị.

Ở Tây Nguyên không thể tính đường đi bằng km, mà phải tính bằng thời gian đi, vì giao thông cách trở, nhất là những nơi thâm sơn cùng cốc, nếu gặp trận mưa thì chỉ còn cách duy nhất là “nằm” lại với thôn buôn. Thế mới hiểu được nỗi vất vả của những người công nhân điện đem ánh sáng đến cho những vùng sâu. Khó có thể gói ghém những gian nan họ phải trải qua trên vài trang giấy. Nhưng với người thợ điện, họ chỉ mong ánh điện sớm đến được với đồng bào dân tộc. Ánh điện sẽ nói lên tất cả, thể hiện nhiều hơn tất cả mọi ngôn từ, nhất là đối với những con người sống gần thế kỷ mà lần đầu tiên mới biết đến ánh sáng điện...

Những ngày đầu tháng 10, chúng tôi có mặt tại Gia Lai. Bây giờ bà con Làng Môn (xã Giang Bắc, huyện Đắk Pơ) đã có điện rồi, điện về làm thỏa lòng ước mơ từ bao đời nay. Chỉ mới cách đây 3 tháng, điện đối với người dân Làng Môn thật xa lạ, bây giờ cái ánh

sáng “không khói” ấy thật sự giúp họ được rất nhiều trong cuộc sống. Dù cái nghèo vẫn còn, nhưng có điện, nhiều nhà đã cố gắng có đài, ti vi, có quạt, có nồi cơm điện...

Tất cả những điều mới mẻ ấy phần nào làm đổi thay nếp nghĩ, cách làm lạc hậu từ ngàn đời xưa để lại trong đời sống của những người dân nơi đây. Cụ Đinh Thị Ly không còn lo lắng hàng đêm phải thổi lửa, mà chỉ cần ấn nhẹ vào công tắc điện là ánh sáng tỏa khắp nhà. Gia đình anh Đinh Văn Liên đã mua được tivi và dự định từ nay đến cuối năm sẽ mua thêm quạt điện. Hằng đêm, trẻ em Làng Môn không còn phải lặn lội đi hàng chục cây số đến làng Đắk La xem nhờ tivi nữa.

Làng Môn cũng như nhiều thôn buôn khác trong dự án mới có điện ở Tây Nguyên, trong những đêm lễ hội bên nhà Rông, những đêm Pơ Thi, ánh điện đã được thắp sáng để cùng với ánh sáng truyền thống của lửa củi, trong tiếng cồng chiêng, những vòng xoang như không bao giờ dứt, những gương mặt ngất ngây bởi men rượu thấy rõ hơn, đẹp hơn... Văn minh điện đã đến với Làng Môn và nhiều thôn buôn khác ở vùng đất Tây Nguyên này, hứa hẹn mang theo ánh sáng của tri thức và một cuộc sống ấm no.

Ông Đinh Nghênh - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Làng Môn xúc động chia sẻ: Những điều Bác Hồ nói với đồng bào các dân tộc nay đã trở thành hiện thực. Tại nhà Rông của làng Môn, chúng tôi vẫn còn lưu

giữ những lời của Bác trong bức thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số vào 9/4/1946 họp tại Plây Ku: “Tôi tuy xa, nhưng lòng tôi và Chính phủ vẫn gần gũi đồng bào. Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống có nhau, sướng khổ có nhau, no đói có nhau...”. Những ngày ở Tây Nguyên, ở đâu tôi cũng được nghe những người dân bày tỏ sự biết ơn đối với Đảng và Nhà nước. Họ nói, chỉ có Cách mạng mới có thể biến giấc mơ thành hiện thực, chỉ có Cách mạng mới làm được những điều kỳ diệu như thế... ■

Dự án cấp điện cho các thôn buôn chưa có điện ở 5 tỉnh Tây Nguyên, gồm: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt báo cáo đầu tư vào tháng 4/2006.

Tổng mức đầu tư: hơn 1.000 tỷ đồng, trong đó, sử dụng 85% vốn ngân sách Nhà nước và 15% vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Dự án cấp điện cho hơn 1.200 thôn buôn (PC3: 863) với khoảng 116.000 hộ dân (PC3: 77.602 hộ) trên tổng số khoảng 173.000 hộ dân chưa có điện.

Dự kiến, dự án hoàn thành sẽ nâng tỷ lệ số hộ dân được cấp điện khu vực Tây Nguyên lên trên 90%.

Thủy điện Hòa Bình

TIẾP TỤC SỨ MỆNH VẼ VANG

Ngọc Lam

Nếu công trình Thủy điện Sơn La sừng sững trên thượng nguồn sông Đà với vẻ hiên ngang, hùng vĩ thì Nhà máy Thủy điện Hòa Bình nằm ở bậc thang dưới trong quy hoạch hệ thống thủy điện trên sông Đà dường như khiêm nhường hơn khi ẩn mình trong lòng núi. Song, “công trình thế kỷ” này vẫn đảm nhận sứ mệnh vẻ vang trong lịch sử phát triển của ngành Điện Việt Nam bởi quy mô, tầm vóc cũng như hiệu quả to lớn đối với công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế đất nước.

Nhà máy Thủy điện Hoà Bình với 8 tổ máy có tổng công suất 1920 MW, trong suốt những năm 80, 90 của thế kỷ XX được đánh giá là “công trình thế kỷ” của đất nước và mang tầm cỡ thế giới. Nhà máy được xây dựng với sự trợ giúp của Liên Xô và sau này là Liên bang Nga về vật tư, thiết bị, công nghệ và cả sức lực, trí tuệ của đội ngũ chuyên gia. Hơn hai chục năm kể từ khi tổ máy đầu tiên đi vào hoạt động cho đến hôm nay, Nhà máy thủy điện Hoà Bình do Công ty Thủy điện Hòa Bình trực tiếp quản lý, vận hành luôn hoàn thành xuất sắc 4 nhiệm vụ: chống lũ, phát điện, chống hạn và đảm bảo giao thông thủy, góp phần quan trọng vào sự phát triển của ngành Điện Việt Nam và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Để có được kết quả đó, theo Giám đốc Công ty Nguyễn Văn Thành, chính là nhờ có sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước và của lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng với những nỗ lực, phấn đấu không mệt mỏi của tập thể CBCNV Công ty.

NHỮNG CÔNG VIỆC THẨM LẶNG

Tìm hiểu về thực tế công việc của những người làm thủy điện ở đây, chúng tôi thấy CBCNV Công ty nhất là lực lượng vận hành đang làm việc không



Gian máy - Thủy điện Hòa Bình Ảnh: Ngọc Cảnh

quản ngày đêm trong nhà máy nằm sâu hàng trăm mét trong lòng núi, dưới ánh sáng đèn điện thay cho ánh sáng mặt trời, các trạm thông gió thay cho không khí tự nhiên; làm việc tại trạm phân phối ngoài trời thì ở độ cao lưng núi; hay như công việc của đội thợ lặn được gọi là “biệt đội người nhái” chuyên kiểm tra công trình, thiết bị nằm sâu dưới mấy chục mét nước là công việc rất nặng nhọc và nguy hiểm,... Nhưng dù làm việc gì, ở vị trí nào họ cũng vượt qua những khó khăn về điều kiện làm việc, vượt qua thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản lý,

vận hành Nhà máy Thủy điện Hoà Bình.

Có năm vào mùa lũ, một tổ máy của Nhà máy bắt ngờ bị sự cố không hoạt động được. Đội thợ lặn đã phải lặn xuống cửa nhận nước quay phim và phát hiện được tầng lưới thép chắn rác kiên cố trước tổ máy đã bị vỡ một lỗ to khiến một gốc cây rừng khá lớn chui lọt vào lòng tổ máy. Nguyên nhân được xác định là do lũ tràn về cuốn theo một lượng củi gỗ khổng lồ chắn dòng nước vào tổ máy khiến máy phải hoạt động trong tình trạng thiếu nước, tạo nên sức ép phá thủng tấm lưới thép chắn cao 33 mét, nặng 110 tấn với từng thanh thép có đường kính lên đến hơn 100 mm. Để xử lý kịp thời, các anh

đã phải cưa nhỏ để trục xuất vị “khách không mời” và xử lý lại lưới thép chắn rác.

Hồ chứa nước của Thủy điện Hòa Bình có diện tích hàng trăm km², sức chứa 9,45 tỷ m³ nước, không chỉ tạo nên một tuyến du lịch lòng hồ sông Đà hấp dẫn du khách, mà còn đảm nhận sứ mệnh cực kỳ quan trọng trong việc chống lũ, chống hạn cho vùng hạ du. Hàng năm, Nhà máy xả về hạ lưu gần 3 tỷ m³ nước phục vụ gieo cấy lúa đông xuân ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ; cắt trung bình từ 4 - 6 trận lũ lớn/năm với lưu lượng cắt từ 10.000 - 22.650 m³/s.

KHÔNG NGỪNG ĐẤU TRÍ VỚI THIÊN NHIÊN

Giám đốc Công ty Thủy điện Hòa Bình Nguyễn Văn Thành vẫn nhớ như in trận lũ muện vào đầu tháng 10/2007, do ảnh hưởng của hoàn lưu bão, miền Bắc có mưa rất to trên diện rộng và kéo dài khiến cho mực nước sông Hồng tăng cao. Trên sông Đà xuất hiện lũ với lưu lượng lớn về đêm trong khi hồ chứa đã được tích đầy nước, trong thời gian ngắn Giám đốc Nguyễn Văn Thành phải ra lệnh mở đến 6 cửa xả đáy. Tình huống như “ngàn cân treo sợi tóc” thử thách trọng trách của Giám đốc Nguyễn Văn Thành, bởi vì thời điểm này việc điều tiết lũ muện hoàn toàn do Giám đốc phải chịu trách nhiệm. Nếu mở tiếp cửa xả thứ 7 chỉ để giữ an toàn cho công trình thì mực nước hạ lưu sẽ vượt đê quai, nhấn chìm thành phố Hoà Bình, gây thiệt hại khôn lường về người và tài sản, mực nước sông Hồng tại Hà Nội và vùng đồng bằng sẽ lên cao ở mức nguy hiểm hơn. Qua một đêm thức trắng vừa theo dõi diễn biến mưa lũ, vừa chỉ huy điều hành chống lũ hết sức căng thẳng, Giám đốc Nguyễn Văn Thành với trách nhiệm của người “đứng mũi chịu sào”, bằng bản lĩnh, kinh nghiệm và sự nhạy cảm của mình đã đưa ra quyết định là không mở thêm cửa xả thứ 7, cùng Ban chỉ huy phòng chống lũ bão của Công ty “thi gan” và đã chiến thắng sự bất thường của thiên nhiên, vừa giữ an toàn cho công trình và vùng hạ du, lại vừa giữ được nước hồ là “kho than trắng” để dành cho sản xuất điện.

MÃI LÀ CÔNG TRÌNH THẾ KỶ

Mặc dù những năm gần đây, ngành Điện đã đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hàng loạt các công trình nguồn điện mới, song với chức năng điều tần cấp 1 trong hệ thống điện cả nước, Thủy điện Hoà Bình vẫn là công trình chủ lực, trọng điểm của hệ thống lưới điện quốc gia. Từ đầu những năm 90, Thủy điện Hoà Bình với công suất 1920MW, điện lượng trung bình 8,160 tỷ kWh/năm, đã thực hiện được sứ mệnh lịch sử khi vừa đáp ứng đủ điện cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và phát triển kinh tế miền Bắc, đồng thời cung cấp điện để chuyển tải “cứu trợ” cho miền Nam qua đường dây 500 KV Hoà Bình – Phú Lâm. Tính từ khi đưa tổ máy đầu tiên vào vận hành đến ngày 14/10/2009, Thủy điện Hoà Bình đã sản xuất được 142 tỷ kWh điện. Từ năm 2000 đến nay, mỗi năm Công ty sản xuất hơn 8 tỷ kWh điện, cao hơn sản lượng trung bình thiết kế. Đặc biệt, năm 2008, Công ty đã sản xuất được 10,141 tỷ kWh, hoàn thành vượt 32,6 % so với kế

hoạch sản lượng điện được giao, vượt 24,3 % so với sản lượng điện theo thiết kế.

Một trong những yếu tố quan trọng để Nhà máy vẫn có thể hoàn thành nhiệm vụ phát điện đạt và vượt công suất trong điều kiện máy móc thiết bị đã già cỗi chính là Công ty đã làm tốt công tác bảo dưỡng, đại tu định kỳ các tổ máy. Chính từ những đợt duy tu bảo dưỡng thường xuyên này mà nhiều chi tiết máy già cỗi, hỏng hóc đã kịp thời được sửa chữa, thay thế.

Với vai trò và vị trí chưa thể thay thế, trong nhiều thập kỷ tới, Thủy điện Hòa Bình sẽ vẫn là một trong những nguồn điện quan trọng đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Để khắc phục những thách thức về tuổi thọ của máy móc (nhiều chi tiết không thể thay mới do không còn sản xuất hoặc không đồng bộ), Công ty Thủy điện Hòa Bình đã chủ động phối hợp với các hãng sản xuất thiết bị thủy điện của nước ngoài, các trường đại học chuyên ngành và các chuyên gia về cơ khí trong nước để tìm phương án khắc phục, tăng tuổi thọ máy móc, động cơ. Đồng thời, đẩy mạnh công tác ứng dụng khoa học công nghệ đảm bảo công tác vận hành ngày càng chính xác và hiệu quả hơn...

Hơn 20 năm lặng lẽ thuần phục những cơn thịnh nộ của Thủy Tinh, mỗi năm biến những cơn lũ hung hãn thành hàng tỷ kWh điện cho đất nước, Thủy điện Hòa Bình với khối "tài sản" vô giá là bàn tay, khối óc cùng sự kiên cường, dũng cảm của các thế hệ CBCNV Công ty... đã, đang và sẽ góp phần làm tròn sứ mệnh lịch sử một công trình thế kỷ, để bản trường ca Sông Đà mãi ngân vang. ■

Các mốc lịch sử

- Ngày 6/11/1979: Khởi công xây dựng công trình Thủy điện Hoà Bình;
- Ngày 12/1/1983: Ngăn sông Đà đợt 1;
- Ngày 9/1/1986: Ngăn sông Đà đợt 2;
- Thời gian đưa các tổ máy hòa lưới điện Quốc gia: Máy 1 (30/12/1988), Máy 2 (4/11/1989), Máy 3 (27/3/1991), Máy 4 (19/12/1991), Máy 5 (15/1/1993), Máy 6 (29/6/1993), Máy 7 (7/12/1993), Máy 8 (4/4/1994);
- Ngày 20/12/1994: Khánh thành công trình Thủy điện Hoà Bình;
- Năm 2007 Nhà máy Thủy điện Hòa Bình chuyển thành Công ty Thủy điện Hòa Bình.

Những thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

- Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (1998);
- 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì;
- 01 Huân chương Độc lập hạng Ba;
- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất;
- 02 Huân chương Lao động hạng Nhì;
- 03 Huân chương Lao động hạng Ba;
- 24 Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba cho các đơn vị trực thuộc và các cá nhân;
- 05 Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ;
- Nhiều Cờ thi đua và Bằng khen của các Bộ, các cấp, ngành từ trung ương đến địa phương.

Các thông số chính của Nhà máy:

- Tổng công suất lắp đặt: 1.920 MW;
- Điện lượng trung bình: 8,16 tỷ kWh/năm;
- Dung tích hồ chứa: 9,45 tỷ m³ (trong đó dung tích hữu ích là 5,6 tỷ m³);
- Đập chính của nhà máy là đập đất đá, khối lượng trên 24 triệu m³, dài 734m, cao 128m;
- Công trình xả nước vận hành: Đập bê tông cao 70m, rộng 106m; có 2 tầng, tầng dưới có 12 cửa xả đáy, kích thước 6x10m, tầng trên 6 cửa xả mặt, kích thước 15x15m, khả năng xả được 35.400m³/s;
- Gian máy: Có chiều cao 50,5m, rộng 19,5m, dài 260m, được xây dựng ngầm trong núi đá, tại đây lắp đặt thiết bị của 8 tổ máy;
- Gian biến thế: Gồm 24 máy biến áp 1 pha, công suất 105 MVA.
- Trạm phân phối 220/110/35 kV: nối trực tiếp với đường dây 500 kV Bắc – Nam (Hoà Bình – Phú Lâm); kết nối với 7 đường dây 220 kV, 2 đường dây 110 kV.



Công ty Thủy điện Ialy:

VÀNG SÁNG TÂY NGUYÊN

Ngọc Cảnh

Công ty Thủy điện Ialy hiện đang quản lý, vận hành 3 nhà máy thủy điện lớn trên sông Sê San gồm Thủy điện Ialy, Sê san 3 và Plei Krông với tổng công suất 1.080 MW, sản lượng bình quân theo thiết kế 5 tỷ 310 triệu kWh/năm. Qua gần 10 năm thành lập và phát triển Ialy đã góp phần quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế của đất nước thông qua việc sản xuất và cung ứng điện năng chiếm tỷ trọng đáng kể trong toàn hệ thống.

BẮT ĐẦU TỪ ĐÀO TẠO NGUỒN LỰC

Hơn 10 năm về trước, khi còn là Ban chuẩn bị sản xuất công trình thủy điện Ialy, Ban Lãnh đạo đã định hướng và triển khai chiến lược đào tạo nguồn lực. Bắt đầu từ việc tuyển chọn và gửi học viên đi học tại trường Kỹ thuật điện Hội An, tuyển dụng những kỹ sư có thành tích học tập tốt tại Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng. Tuy nhiên, lúc này tất cả họ đều chỉ mới được trang bị kiến thức cơ bản ở nhà trường, do vậy cần phải tiếp tục đào tạo thực tế để đáp ứng yêu cầu tư vấn giám sát lắp đặt, nghiệm thu, chạy thử và quản lý vận hành, sửa chữa về sau. Bước kế tiếp được tiến hành là gửi đi đào tạo thực tế ở các nhà máy thủy điện trong và ngoài nước như Thủy điện Hòa Bình, Trị An, Vĩnh Sơn... với nhiều chuyên

ngành như: Vận hành, sửa chữa điện, sửa chữa cơ khí, thí nghiệm điện, thí nghiệm hóa... Nhờ vậy, khi Thủy điện Ialy chính thức đi vào vận hành, CBCNV đã nhanh chóng tiếp cận hệ thống công nghệ, vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.

Từ chỗ vận hành Thủy điện Ialy, CBCNV Công ty tiếp tục được Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao quản lý vận hành thêm Thủy điện Sê san 3 và Thủy điện Plei Krông. Các nhà máy nằm ở địa bàn 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum cách xa nhau, cùng những khác biệt nhất định về công nghệ, nên đòi hỏi công tác quản lý, điều hành và trình độ, năng lực nghề nghiệp của mỗi CBCNV phải được nâng lên một tầm mới để đáp ứng yêu cầu công việc. Lúc này, công tác đào tạo nguồn lực tiếp tục được Lãnh đạo Công ty xây dựng thành chiến lược với từng hình thức, nội dung, chuyên ngành, đối tượng cụ thể như: Đào tạo tại chỗ, gửi đi đào tạo tại các trường đại học, trung tâm có uy tín; đào tạo ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Đào tạo đa lĩnh vực... Đối tượng đào tạo từ công nhân kỹ thuật, các chức danh cấp tổ, cán bộ quản lý phòng ban phân xưởng đến Lãnh đạo Công ty. Nhờ triển khai đào tạo đúng hướng, nên tập thể CBCNV Công ty đã phát huy được tri thức của mình, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Nổi bật nhất là trên lĩnh vực sản xuất điện năng, đến 31/10/2009 Công ty đã vận hành an toàn, liên tục các nhà máy để cung cấp sản lượng 35 tỷ kWh điện (Thủy điện

Ialy là 31 tỷ kWh và Thủy điện Sê san 3 là 4 tỷ kWh), chiếm một tỷ trọng đáng kể trong hệ thống.

LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ, XỬ LÝ KHIẾM KHUYẾT THIẾT BỊ

Một điều cũng cần nói thêm về những người thợ Ialy chính là việc xử lý sự cố, khiếm khuyết thiết bị. Thiết bị được nhập từ nhiều nước, nên dù hiện đại, tiên tiến nhưng lại phức tạp và không đồng bộ. Điều này đã làm cho hệ thống công nghệ của các nhà máy do Công ty quản lý đã xảy ra sự cố, trong đó có những sự cố nghiêm trọng tại Thủy điện Ialy như xâm thực bánh xe công tác, hệ thống điều tốc vận hành thiếu ổn định, hiệu quả làm việc hệ thống kích từ thấp... hay sự cố cháy thanh dẫn máy phát, đứt vòng ngắn mạch tại Thủy điện Sê san 3... Nếu không xử lý kịp thời, thiệt hại trước tiên phải kể đến chính là thiếu hụt về sản lượng điện cho toàn hệ thống.

Với những phân tích, tính toán chi tiết, họ đã quyết định tự sửa chữa để đảm bảo thời gian và tiết kiệm chi phí cho Nhà nước. Và họ đã thành công với việc đưa tổ máy vào vận hành trở lại an toàn, tin cậy trong thời gian sớm nhất, cung cấp điện năng kịp thời cho hệ thống nhất là vào những thời điểm nhu cầu sử dụng điện trên cả nước tăng cao.

ĐẾN NÂNG TẦM NĂNG LỰC, VỊ THẾ

Năm 2007, Nhà máy Thủy điện Ialy được chuyển đổi thành Công ty Thủy điện Ialy, quản lý vận hành 03 nhà máy lớn trên hệ thống bậc thang Sê san là Thủy điện Ialy, Sê san 3 và Thủy điện Plei Krông. Điều này mở ra cho doanh nghiệp nhiều cơ hội trên bước đường nâng tầm năng lực và vị thế của mình.

Với lợi thế về nguồn nhân lực có kinh nghiệm và chuyên môn hóa cao (02 Thạc sĩ chuyên ngành điện, 06 người đang theo học Thạc sĩ điện, quản trị kinh doanh và tài chính kế toán và hàng trăm kỹ sư, cử nhân, trung cấp), Ialy đã chọn hướng phát triển thương hiệu của mình bằng việc đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng phạm vi hoạt động để “nâng cao năng suất-tìm kiếm việc làm-tạo thu nhập cho CBCNV”.

Thời gian qua, Công ty đã từng bước tiếp cận và thành công trên lĩnh vực mới là: Đào tạo nguồn lực, tư vấn giám sát lắp đặt, hiệu chỉnh thí nghiệm, sửa chữa cho các nhà máy thủy điện khác trong nước. Đơn cử như Thủy điện A Vương, Sông Tranh

(Quảng Nam), Sê san 3A, Sê san 4, Đắk Srông (Gia Lai), Thủy điện Sơn La; Thủy điện Sê san 4A; đào tạo lực lượng quản lý, vận hành Thủy điện Xekaman thuộc Công ty TNHH Điện Xekaman 3 nằm trên nước bạn Lào.

Ngoài đào tạo, Ialy còn thực hiện công tác tư vấn giám sát, lắp đặt thiết bị thủy điện Sê san 4, Plei Krông; Thí nghiệm cao thế máy phát Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng, Sông Ba Hạ; Tuyên Quang, sửa chữa lớn 02 tổ máy Thủy điện Sê san 3A... Những hoạt động này, ngoài cơ hội để CBCNV nâng cao năng lực, tay nghề, còn là điều kiện để họ xây dựng và khẳng định uy tín, chất lượng thương hiệu Ialy, cũng như nâng cao thu nhập.

Cùng với quá trình phát triển, trong các năm qua Lãnh đạo Công ty đã quan tâm đến việc tôn tạo và bảo vệ môi trường bằng nhiều hoạt động hiệu quả và tích cực như trồng cây phủ xanh đất trống đồi trọc, xử lý rác thải... Nổi bật là hoạt động quan trắc nguồn nước, Công ty Thủy điện Ialy đã kiểm soát, điều tiết thủy văn theo hướng chủ động: Cắt giảm cường độ đỉnh lũ, điều phối dòng chảy, cân đối lượng nước cho toàn lưu vực, ổn định môi trường thủy sinh... Quan trắc không khí được Công ty thực hiện hàng năm nhằm kiểm soát, phát hiện và xử lý các yếu tố về vi khí hậu, vật lý, hơi khí độc, điện từ trường, độ ồn... phát sinh trong quá trình hoạt động và điều kiện khắc nghiệt của vùng rừng núi. Thông qua đo đạc định kỳ ở tất cả các vị trí, Công ty đã phát hiện, xử lý có hiệu quả các yếu tố có hại đến môi trường và sức khỏe người lao động.

Do duy trì thường xuyên các biện pháp khắc phục và hạn chế ô nhiễm, nên Công ty đã giảm thiểu đến mức thấp nhất những tác động xấu đến môi trường, duy trì được môi trường nguyên sinh và trong lành cho đến hôm nay.

Ông Tạ Văn Luận - Giám đốc Công ty Thủy điện Ialy tâm sự: Qua gần 10 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ CBCNV đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đó là nhờ tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm cũng như phát huy truyền thống của doanh nghiệp là duy trì được sức mạnh tập thể, thống nhất ý chí trong toàn đơn vị, mỗi thành viên không ngừng rèn luyện và học tập để làm chủ kỹ thuật, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống.

Tin rằng trong tương lai, Ialy sẽ vững vàng bước tiếp trên con đường hội nhập và phát triển để ngày càng khẳng định vai trò, vị thế của mình trong công cuộc phát triển đất nước. ■

CÁC NHÀ MÁY DO CÔNG TY THỦY ĐIỆN IALY QUẢN LÝ, VẬN HÀNH

Nhà máy Thủy điện Ialy:

- 4 tổ máy
- Tổng công suất 720 MW,
- Điện lượng trung bình hằng năm: 3,68 tỷ kWh.
- Khởi công: 4/11/1993,
- Hoàn thành 4 tổ máy và hòa lưới điện quốc gia: Tháng 12/2001.

Nhà máy Thủy điện Sê San 3:

- 2 tổ máy
- Tổng công suất lắp đặt: 260 MW.
- Điện lượng trung bình hằng năm: 1,221 tỷ kWh,
- Khởi công: 15/6/2002,
- Hoàn thành: Tháng 7/2006.

Nhà máy Thủy điện Plei Krông:

- 2 tổ máy
- Tổng công suất lắp đặt: 100 MW,
- Điện lượng trung bình: 417 triệu kWh/năm.
- Khởi công: 23/11/2003
- Tổ máy số 1 hòa lưới điện quốc gia: Ngày 12/5/2009

Những thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

* Tập thể:

- Nhà nước tặng 02 Huân chương Lao động hạng Ba cho Công ty và Công đoàn.
- Thủ tướng Chính phủ tặng 02 Cờ thi đua hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2002, 2004.
- Năm 2008, được Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam trao giải thưởng cao nhất “Thương hiệu xanh bền vững”; được bình chọn, trao giải “Top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam” và “Cúp vàng Topten thương hiệu Việt”....

* Cá nhân:

- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2005).
- 02 Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2004).

SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA CÔNG TY QUA TỪNG NĂM

Năm	Điện sản xuất (triệu kWh)			Sản lượng thực hiện	Kế hoạch EVN giao	Thực hiện/ kế hoạch (%)
	Sản lượng thực hiện					
	Kế hoạch EVN giao					
	<i>Ialy</i>	<i>Sê san 3</i>	<i>Pleikrông</i>			
2000	908			908	855	106,19
2001	2.975			2.975	2.730	108,97
2002	3.733			3.733	3.250	114,86
2003	3.393			3.393	3.228	105,11
2004	3.322			3.322	3.269	101,62
2005	3.035			3.035	2.935	103,40
2006	3.758	614		4.372	4.252	102,82
2007	3.413	1.130		4.543	4.355	104,31
2008	3.337	1.131		4.468	4.400	101,56
Ước thực hiện năm 2009	3.800	1.300	100	5.200	4.715	110,28

■ Đến với những người làm ra ánh sáng



Một góc Công ty Nhiệt điện Bà Rịa
Ảnh: Ngọc Hà



Kiểm tra hoạt động của các thiết bị
Ảnh: Ngọc Hà

■ Đến với những người làm ra ánh sáng

Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa

Quá khứ tự hào, TƯƠNG LAI PHÁT TRIỂN

Mai Linh

Được hình thành ban đầu từ Trạm phát điện Tuabin khí trực thuộc Nhà máy điện Chợ Quán (thuộc Công ty Điện lực 2) từ năm 1991, đến nay, sau 18 năm xây dựng và phát triển, Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh của mình trong việc cung cấp điện đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội cho các tỉnh miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế năng động nhất trong cả nước.

Vào những năm 80 và đầu những năm 90, hệ thống điện miền Nam được cấp điện chủ yếu từ Nhà máy Nhiệt điện Thủ Đức với tổng công suất 92 MW. Trong đó có 2 tổ máy hơi nước (66 MW) và 2 tổ máy tuabin khí (26 MW). Sau nhiều năm vận hành liên tục, các thiết bị của Nhà máy này đã hư hỏng không có phụ tùng thay thế. Các Nhà máy điện Chợ Quán, Cần Thơ và các cụm diesel cũng rơi vào tình trạng tương tự. Đặc biệt, tình trạng thiếu dầu chạy máy, phải cân đối từng ngày khiến tình hình cung cấp điện cho miền Nam vô cùng căng thẳng. Đó chính là thời kỳ mà trong các cuộc họp điều độ hằng tuần, chủ đề chỉ xoay quanh việc phân bổ công suất, sản lượng điện cho từng tỉnh, số ngày được cấp điện chỉ từ 2 - 3 ngày/tuần. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, mặc dù là vùng kinh tế dầu khí trọng điểm của quốc gia, nhưng cũng phải nằm trong tình trạng cắt điện luân phiên như vậy.

Đứng trước tình hình Liên Xô đang tập trung đầu tư khá nhiều vào tỉnh Vũng Tàu - Bà Rịa để phục vụ khai thác dầu khí, Bộ Năng lượng đã quyết định điều 2 tổ máy tuabin F5, hệ điều khiển Speedtronic Mark 2 từ An Lạc (Hải Phòng) có tổng công suất thiết kế 46,8 MW vào khu vực Bà Rịa, theo đó thành lập Trạm tuabin khí Bà Rịa trực thuộc Nhà máy điện Chợ Quán. Quyết định này ở thời điểm đó mặc dù là để giải quyết tình thế, nhằm giảm một phần khó khăn cho tình trạng thiếu điện ở khu vực này, đồng thời đảm bảo hơn trong việc cung cấp điện phục vụ khai thác dầu khí, tuy nhiên lại là cái mốc khởi đầu quan trọng hình thành Nhà máy điện Bà Rịa sau này.

Tháng 10/1992, Trạm phát điện tuabin khí Bà Rịa được mở rộng và lắp thêm 2 tổ máy tuabin khí F6 (công suất 37,5 MW/1 tổ), nâng tổng công

suất của trạm lên 121,8 MW. Vào thời điểm này, có thể nói hệ thống máy móc, thiết bị của trạm Bà Rịa tương đối hiện đại, nên đã đặt ra những yêu cầu cao về trình độ chuyên môn và công nghệ đối với đội ngũ vận hành. Với vị trí quan trọng trong cung cấp điện cho khu vực miền Nam lúc bấy giờ, cũng trong năm 1992, Trạm phát điện Bà Rịa được chuyển thành Nhà máy điện Bà Rịa (trực thuộc Công ty Điện lực 2).

Đến tháng 9/1993, Nhà máy lại được đầu tư lắp thêm 3 tổ máy tuabin khí F6, tiếp tục nâng công suất thiết kế của Nhà máy lên 234,3 MW. Các tổ máy này nhanh chóng được đưa vào vận hành sau 4 tháng thi công.

1995 là năm đặc biệt quan trọng đối với khối nhà máy sản xuất điện tuabin khí khi Nhà máy điện Bà Rịa nhận dòng khí đồng hành đầu tiên vào phục vụ sản xuất điện từ mỏ Bạch Hổ. Đây cũng là mốc thời gian quan trọng đánh dấu và ghi nhận sự trưởng thành đối với Công ty, khi được chuyển từ đơn vị trực thuộc Công ty Điện lực 2 về Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - EVN) và năm 2005, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) đã quyết định chuyển Công ty Nhiệt điện Bà Rịa, đơn vị hạch toán phụ thuộc thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập.

Năm 1996, EVN đầu tư lắp thêm 1 tổ máy F6 cho Nhà máy; đồng thời để tận dụng nhiệt độ cao trong khí thải của tuabin khí, tiếp tục lắp thêm 2 cụm đuôi hơi, đưa tổng công suất thiết kế của toàn nhà máy lên 388,9 MW với sản lượng điện sản xuất hàng năm là 2,4 tỷ kWh. Việc lắp đặt thêm 2 cụm đuôi hơi không chỉ nâng cao hiệu quả sản xuất

điện mà còn giải quyết vấn đề môi trường, nhiệt độ được giảm từ 550°C xuống còn 110°C; độ ồn của tua bin khí cũng được giảm đáng kể.

Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa - ông Huỳnh Lin cho biết, tháng 12/2006, Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Nhiệt điện Bà Rịa thành Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa, với các ngành nghề kinh doanh được mở rộng và lợi thế từ nguồn nhân lực kỹ thuật cao sẵn có đã trải qua thực tế làm việc tại nhà máy, Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa sẽ có nhiều cơ hội phát triển ngành nghề mới như: Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý, tư vấn giám sát thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; sản xuất nước cất; sản xuất các sản phẩm từ kim loại; vận tải hàng hóa, hành khách theo hợp đồng; kinh doanh khách sạn và du lịch; cho thuê văn phòng, bến bãi, cầu cảng, thiết bị...

18 năm vận hành, nhưng có đến 2 giai đoạn Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa đã tham gia gánh vác trách nhiệm trụ cột cung cấp điện cho khu vực các tỉnh phía Nam và trở thành "nhân chứng lịch sử" về sự trưởng thành của khối nhà máy điện tuabin khí. Vì vậy, Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa với các nhà máy tuabin khí như Phú Mỹ, Cà Mau, Nhơn Trạch và nhiều trung tâm nhiệt điện tuabin khí phát triển sau này, không chỉ đơn thuần là sự liên kết hệ thống các công trình nguồn, mà còn là sự liên kết giữa quá khứ với hiện tại và tương lai, nối những kỷ ức hào hùng với ước mơ tươi sáng. Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa hiện lên với tất cả những giá trị lịch sử và sẽ tiếp tục trường tồn cùng với sự phát triển ngành Điện Việt Nam. ■

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

- Hiện có 10 tổ máy phát điện, trong đó có 8 tổ máy phát tua bin khí và 2 tổ máy phát tua bin hơi
- Tổng công suất lắp đặt 388,9 MW.
- Sản lượng điện sản xuất bình quân hằng năm 2,2 tỉ kWh.
- Nhiên liệu sử dụng chính là khí đốt.
- Lượng khí tiêu thụ hằng ngày bình quân là 1.500.000 m³.
- Chế độ làm việc 24/24 giờ (có 3 ca, 5 kíp sản xuất).
- Số CBCNV : 304 (tính đến ngày 1/9/2009)

Danh hiệu tiêu biểu:

- 2 Huân chương Lao động hạng Hai cho tập thể và cá nhân.
- 4 Huân chương lao động hạng Ba cho tập thể và cá nhân.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán vật tư thiết bị;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng; giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp;...

Số liệu sản xuất kinh doanh chủ yếu :

Năm	Công suất thiết kế (MW)	Công suất khả dụng (MW)	Sản lượng điện (triệu kWh)
1992	46,8	30,0	24,9
1993	121,8	96,0	295,6
1995	234,3	195,0	873,3
2000	329,8	292,0	1.739,4
2006	388,9	345,1	2.024,3
2007	388,9	345,1	1.982,8
2008	388,9	345,1	2.074,2
8T/2009	388,9	345,1	1.465,5

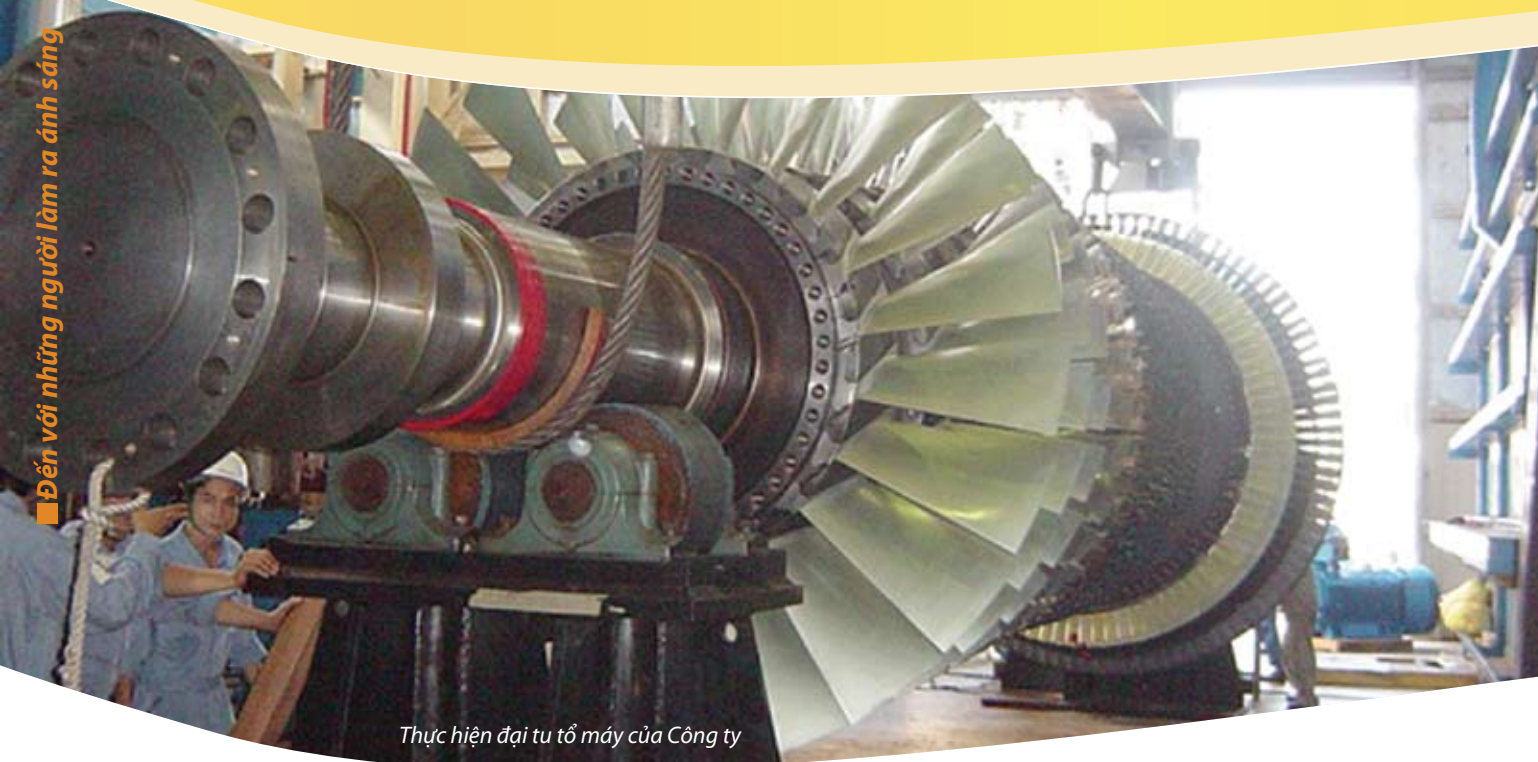


Cách đây 10 năm, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đã đại tu, sửa chữa thành công tổ máy số 2 (GT22) Nhà máy điện Phú Mỹ 2.1. Từ dấu ấn này, nhiều hãng chế tạo thiết bị tuabin khí nổi tiếng trên thế giới như ABB, sau này là Alstom đã đặt niềm tin hợp tác với Việt Nam trong công tác sửa chữa các tổ máy tuabin khí. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ cũng bắt đầu trưởng thành từ đây.

Hiện nay, các nhà máy điện do Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ quản lý gồm Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 2.1, Phú Mỹ 2.1 mở rộng và Phú Mỹ 4 chiếm khoảng 30% sản lượng trong hệ thống điện quốc gia với tổng sản lượng điện sản xuất kể từ khi thành lập đến 31/10/2009 là trên 119,7 tỷ kWh. Riêng giai đoạn mùa khô năm nay, có thời điểm Công ty đã cung cấp cho hệ thống điện quốc gia gần 57 triệu kWh/ngày, chiếm khoảng 24,4% sản lượng của hệ thống, góp phần đáng kể giải quyết sự thiếu hụt điện vào mùa khô. So với mặt bằng chung của các nhà máy điện Việt Nam, năng suất lao động ở đây tương đối cao: 547 người mà quản lý đến 2.485 MW công suất.

Thành lập từ ngày 16/2/1997, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ vừa quản lý 2 tổ máy tuabin khí chu trình đơn thuộc dự án Phú Mỹ 2.1 có tổng công suất 286 MW, vừa chuẩn bị cơ sở vật chất, lực lượng kỹ thuật, lực lượng quản lý để tiếp nhận các tổ máy phát điện của các dự án tiếp theo. Những năm đầu khi tiếp nhận công nghệ mới sửa chữa tổ máy tuabin khí đòi hỏi người lao động phải có trình độ tay nghề và ngoại ngữ. Với chủ trương phát huy nội lực, Công ty đã khẩn trương chuẩn bị lực lượng tiếp cận với chuyên gia nước ngoài để tiếp thu kiến thức và học hỏi kinh nghiệm.

Chỉ trong 3 năm, CBCNV Công ty đã có thể độc lập tự sửa chữa được nhiều hạng mục quan trọng của các tổ máy đạt yêu cầu về tiến độ và chất lượng, tiết kiệm được hàng tỷ đồng các khoản chi phí thuê chuyên gia và mua sắm vật tư. Đặc biệt trong năm 2006, ngoài việc đảm bảo tiến độ trung, đại tu các tổ máy như GT21, GT42..., Công ty còn cùng một lúc thực hiện thành công 5 công trình đại tu các tổ máy công suất lớn thuộc Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1, bảo đảm các tổ máy sẵn sàng phát điện trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Hợi và giảm bớt sự thiếu điện căng thẳng trên toàn hệ thống điện trong mùa khô năm 2007.



Thực hiện đại tu tổ máy của Công ty

Ngoài sản xuất kinh doanh điện, Công ty còn được EVN giao nhiệm vụ quản lý những dự án quan trọng, có quy mô và mức đầu tư lớn. Điển hình là dự án Nhà máy điện Phú Mỹ 4, mức đầu tư lên tới 3.500 tỷ đồng. Đây là một trong những dự án đòi hỏi ngặt nghèo về tiến độ để phù hợp với tiến độ cấp khí của nhà thầu nước ngoài. Sau 3 năm triển khai dự án, việc phát huy nội lực đã khẳng định rõ hiệu quả. Tư vấn trong nước là tư vấn chính, nhà thầu trong nước là thành viên của tổ hợp. Và kết quả rất đáng tự hào: Đây là một trong những dự án đảm bảo chất lượng được triển khai nhanh nhất của EVN - chỉ 26 tháng kể từ khi ký hợp đồng EPC đã đưa vào vận hành thương mại một nhà máy tuabin khí hỗn hợp công suất 450 MW. Bên cạnh đó, với kinh nghiệm qua quá trình vận hành, sửa chữa các tổ máy lớn Phú Mỹ 2.1 và 2.1 mở rộng, đội ngũ kỹ sư và công nhân Công ty đã tham gia giám sát ngay từ khi lắp đặt đến nghiệm thu và vận hành, góp phần đảm bảo chất lượng dự án.

Chia sẻ về những khó khăn trong quá trình quản lý, vận hành các nhà máy tuabin khí, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, ông Trần Quốc Thuấn, cho biết: Với 3 dòng máy khác nhau (của Mitsubishi, Alstom, Siemens), nên vật tư phụ tùng cho mỗi tổ máy phải có dự phòng riêng, do vậy vốn thiết bị tồn kho lớn. Trong khi đó, các thiết bị, phụ tùng của tuabin khí

hầu hết phải nhập khẩu từ các hãng sản xuất, chi phí rất cao. Cũng chính vì thế, các kỹ sư, công nhân kỹ thuật vừa vận hành tổ máy mới, vừa phải tìm tòi, học hỏi cách sửa chữa. Mặt khác, do chủng loại máy là tuabin khí hỗn hợp, nên chu kỳ sửa chữa đại tu mỗi tổ máy cũng phải theo đúng thời gian là từ 2,5 đến 3 năm, chưa kể mỗi lần đại tu chi phí rất đắt, từ khoảng 300-600 tỷ đồng/tổ máy. Ngoài ra, do các tổ máy là tuabin khí chu trình hỗn hợp, nên các nhà máy chỉ vận hành có hiệu quả khi được cấp đủ khí, nếu chạy bằng nguyên liệu dầu thì giá thành sẽ cao, không thể đảm bảo cạnh tranh.

Song Công ty lại có được thuận lợi cơ bản là đến nay các cán bộ kỹ sư, công nhân kỹ thuật đã hoàn toàn chủ động về vận hành, sửa chữa, chỉ phải thuê chuyên gia nước ngoài ở những khâu cần thiết như đánh giá vật tư, hiệu chỉnh các chế độ, cân bằng động. Bên cạnh đó, trong quá trình quản lý, vận hành, Công ty chính là cái nôi đào tạo nguồn nhân lực cho các nhà máy có cùng công nghệ trong khu vực.

Từ một nhà máy chỉ có 2 tổ máy chu trình đơn có tổng công suất 286 MW, đến nay Công ty đang quản lý vận hành 13 tổ máy tuabin khí và tuabin hơi chu trình hỗn hợp với tổng công suất 2.485 MW, chiếm khoảng 20% tổng công suất của toàn

hệ thống điện quốc gia. Trong khi công suất năm 2008 tăng 8,6 lần so với năm 1997 thì sản lượng điện đã tăng gấp 16 lần. Đặc biệt, vào lúc 14h40 ngày 25/8/2008, sản lượng điện lũy kế đã cung cấp cho hệ thống đạt con số 100 tỷ kWh - ghi dấu mốc đáng nhớ trong quá trình phát triển của Công ty.

Đứng trước ngưỡng cửa hội nhập khu vực và thế giới, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ đang không ngừng hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực, nhằm xây dựng một đội ngũ đủ mạnh, phát huy tối đa nội lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong thời gian tới. ■

- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ (trước đây là Nhà máy Điện Phú Mỹ) được thành lập ngày 16/2/1997 theo Quyết định số 48/ĐVN/HĐQT ngày 15/02/1997 của Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).
- Nhà máy điện Phú Mỹ được chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Nhiệt điện Phú Mỹ (gọi tắt là Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ) theo Quyết định số 241/2005/QĐ-TTg ngày 04/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ

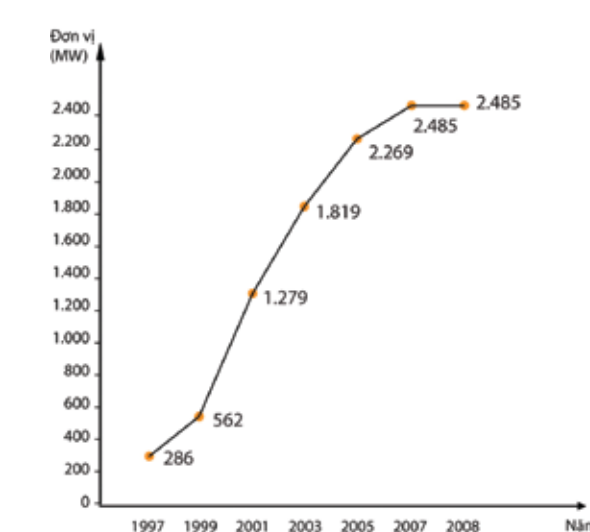
Số lượng CBCNV:

628 người (tính đến hết tháng 10/2009)

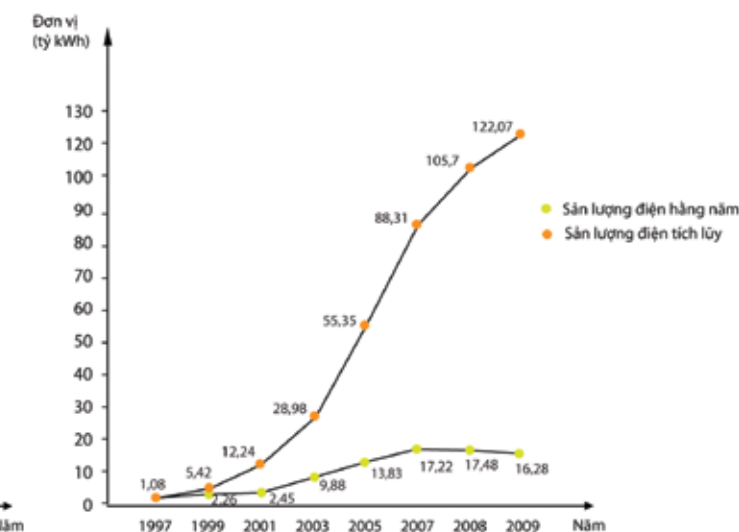
Thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

- Huân chương Lao động hạng Nhì (giai đoạn 2002-2006), Quyết định số 1277/2007 QĐ/CTN ngày 07/11/2007.
- Huân chương lao động hạng Ba: giai đoạn 1999-2003, Quyết định số 519/2004/QĐ/CTN ngày 30/8/2004 tặng Công ty và Giám đốc Công ty; giai đoạn 2002 – 2006, Quyết định số 983/2007 QĐ/CTN ngày 29/8/2007 tặng cho đồng chí Phó Giám đốc Công ty
- Cờ Thi đua Xuất sắc của Chính phủ: năm 2000; năm 2004, năm 2005, năm 2007, năm 2008.
- Và nhiều Cờ thi đua, Bằng khen khác của các cấp, các ngành.

Tổng công suất qua từng năm :



Sản lượng điện phát hàng năm:



Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại:

CHUYỂN MÌNH, VƯỢT VŨ MÔN

Hương Lan

Chuyển mình để cả một tổ chức thay đổi cung cách cũ, tiếp cận cái mới, nhằm đạt hiệu quả hoạt động cao hơn cũng có thể được ví như một cuộc chuyển đổi, vượt vũ môn. Bởi không có gì khó hơn là việc vượt lên chính bản thân mình...

VINH QUANG QUÁ TRÌNH DỰNG XÂY

Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tiền thân là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ra đời và hoạt động vào giai đoạn trước khi đất nước chuyển mình trong công cuộc đổi mới, Nhà máy được đầu tư mở rộng, phát triển, giữ vững vị trí “anh cả” trong hệ thống điện quốc gia (thuộc “top” những nhà máy nhiệt điện lớn nhất Việt Nam), góp phần không nhỏ vào việc cung ứng điện để phát triển kinh tế, xã hội đất nước.

Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại có 2 nhà máy nhiệt điện than với tổng công suất lớn nhất cả nước hiện nay, gồm 6 tổ máy, có tổng công suất 1.040 MW. Nhà máy 1 được khởi công xây dựng ngày 17/5/1980, có công suất thiết kế 440 MW gồm 4 tổ tuốc bin-máy phát và 8 lò hơi vận hành theo khối 2 lò - 1 máy, mỗi tổ máy có công suất 110 MW. Tổ máy 1 hoà lưới điện quốc gia ngày 28/10/1983 và lần lượt mỗi năm sau đó các tổ máy tiếp theo được đưa vào vận hành. Tổ máy số 4 hoà lưới tháng 11/1986.

Mười hai năm sau đó, Nhà máy 2 được khởi công xây dựng vào ngày 8/6/1998 với công suất thiết kế 600 MW gồm 2 tổ hợp lò hơi - tuốc bin - máy phát, công suất mỗi tổ máy 300 MW. Tổ máy số 5 được đưa vào vận hành tháng 10/2001. Tổ máy số 6 hoà lưới điện tháng 5/2002.

Mặc dù đã đạt được những kết quả hoạt động nhất định, nhưng trước xu thế đổi mới của doanh nghiệp nhà nước, trước đòi hỏi đổi mới của ngành Điện, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được xác định là phải kịp thời cải tổ mô hình hoạt động. Chiếc áo “đơn vị hạch toán phụ thuộc” đã trở nên quá chật hẹp. Vậy nên, Nhà máy đã chuyển đổi thành công ty hạch toán độc lập, trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam, rồi chuyển đổi hoạt động sang mô hình công ty cổ phần. Ngày 01/7/2005 đã trở thành dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của đơn vị phát điện “anh cả” này, ghi nhận Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại chính thức thành lập.

Tiếp nối thành quả của hơn 10 năm dựng xây, Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã tạo nên những bút phát quan trọng khi bước sang trang sử mới của mình. Có thể minh hoạ cho nhận định này bằng con số sản lượng điện trung bình của Công ty từ năm 2004 đến nay đạt trên 6 tỷ kWh/năm, chiếm khoảng 10% tổng sản lượng điện trung bình của cả nước và 40% sản lượng điện toàn miền Bắc. Còn nếu tính kể từ ngày phát điện tổ máy số 1 đến nay, Công ty đã cung cấp cho hệ thống trên 78,1 tỉ kWh điện.

Đó có thể là những con số khô khan và chưa nói lên điều gì với những người ngoài cuộc, nhưng trong ngành Điện, mọi người đều hiểu rằng, đó là kết quả của những chuỗi ngày nối tiếp ngày, bao lớp cán bộ công nhân viên của Nhà máy rồi sau này là Công ty đã phải nỗ lực giữ cho lò máy vận hành an toàn liên tục và đảm bảo phương thức huy động của TT Điều độ hệ thống điện Quốc gia, suất sự cố, suất tiêu hao nhiên liệu, suất tiêu hao vật liệu phụ trong quá trình sản xuất phải giảm thấp nhất có thể...

Ghi nhận cho những nỗ lực của tập thể Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, chính là rất nhiều những

huân chương, danh hiệu, bằng khen mà Đảng, Nhà nước, bộ ngành và địa phương trao tặng. Đối với một công ty Nhiệt điện, việc được Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam chứng nhận Thương hiệu xanh vì sự phát triển bền vững và Bộ Văn hoá Thể thao và du lịch tặng cúp vàng Văn hoá doanh nghiệp trong năm 2008 chính là sự ghi nhận đáng kể cho những nỗ lực vì môi trường, vì cộng đồng. Không dừng ở đó, năm 2008, Công ty còn được “mùa” giải thưởng như: Giải thưởng toàn quốc Nhân ái Việt Nam, Giải thưởng Chứng khoán uy tín và Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam. Đặc biệt, Công ty còn được bình chọn và trao tặng “Cúp vàng vì sự phát triển Cộng đồng lần 3” và truy tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho ông Hoàng Văn Quế - Nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty.

HÀNH TRÌNH TỚI TƯƠNG LAI

Với tập thể 1.458 cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, quá khứ với những dấu ấn đẹp vừa là niềm tự hào, vừa là áp lực không nhỏ trong việc kế thừa phát triển sau này. Không một đơn vị nào có thể sống mãi trong ánh sáng của quá khứ, những thành tích lấp lánh trong những tấm huy chương, mà luôn phải đổi mới và giải quyết quyết liệt các các vấn đề thực tại, để đạt được thành quả xứng đáng trong tương lai, ông Nguyễn Khắc Sơn - Tổng giám đốc đã chia sẻ như vậy.

Công ty vốn có những thuận lợi không nhỏ như: Nhà máy gần nguồn than, nhu cầu về điện trong những năm tới vẫn còn rất lớn. Tài sản vô giá của Công ty chính là đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ và công nhân vận hành được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm trong công tác và quản lý vận hành. Tuy nhiên, khó khăn vẫn còn không



ít ở phía trước. Dây chuyền 1 đã vận hành gần 30 năm, thiết bị đã xuống cấp; còn dây chuyền 2 cũng đã đến chu kỳ đại tu thay thế phụ tùng, phải nhập ngoại thiết bị. Các nhà thầu trong nước cũng chưa có kinh nghiệm trong công tác sửa chữa tổ máy 300 MW. Đó là chưa kể, vốn vay xây dựng dây chuyền 2 do tỷ giá giữa VNĐ/JPY tăng cao, nên sẽ phát sinh chi phí đánh giá lại vốn vay, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận hằng năm của Công ty. Rồi khi thị trường điện phát triển, việc chào lái Công ty thế nào để sản lượng điện bán ra được như kế hoạch cũng là vấn đề không nhỏ...

Nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của năm 2009 - năm có nhiều khó khăn do nền kinh tế chịu tác động của khủng hoảng kinh tế, và nhìn xa hơn là để đảm bảo giữ được tốc độ phát triển bền vững, lâu dài, Công ty đã xác định cần phải tăng cường hơn nữa nội lực của mình. Theo đó, phải đánh giá chất lượng nội bộ, khắc phục kịp thời những bất cập trong quản lý và điều hành dựa trên cơ sở hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đã được thiết lập. Công ty cũng xác định chú trọng tăng cường quản lý lao động, quản lý kỹ thuật, vận hành, sửa chữa để nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị, đáp ứng yêu cầu về phương thức của hệ thống, đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục và kinh tế. Phần đầu giảm tỷ lệ điện tự dùng cho

sản xuất điện, nâng cao sản lượng điện thương phẩm bằng các chính sách tiết kiệm điện và phương thức vận hành tối ưu thiết bị. Các danh mục sửa chữa lớn sẽ có kế hoạch sớm và triển khai đảm bảo tiến độ, yêu cầu để ra. Việc thực hiện tốt công tác chào giá phát điện khi thị trường phát điện cạnh tranh thí điểm vận hành, đảm bảo mục tiêu các tổ máy của Công ty được “bám lưới”, sẽ góp phần làm tăng doanh thu sản xuất điện... Ngoài ra, không chỉ tính đến việc sản xuất và tiêu thụ điện năng mà Công ty cũng cần phát triển đa diện và hoàn thiện hơn. Vậy nên, chiến lược phát triển của Công ty đã xác định rõ cần phải xây dựng kế hoạch và sử dụng dòng tiền của Công ty vào hoạt động đầu tư một cách hiệu quả nhất.

Chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, được tự chủ trong hoạt động, song Công ty cũng phải chịu sức ép không nhỏ từ chính sự giám sát của những cổ đông. Vậy nên, Công ty chỉ có thể tự hào viết tiếp lịch sử của mình khi tạo dựng được một tập thể đoàn kết cùng phấn đấu vì mục tiêu chung. Trong sức mạnh hôm nay, còn phải kể đến sự đồng tâm hiệp lực từ chính mỗi cổ đông. Từ đó, thương hiệu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sẽ không chỉ là “địa chỉ đỏ” của ngành Điện, mà còn là mã chứng khoán có thể góp phần tạo nên những hừng khởi cho thị trường chứng khoán Việt Nam như nhóm cổ phiếu ngành Điện đã và đang có ảnh hưởng. ■

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Quá trình phát triển:

- Được thành lập tháng 4/1982, bao gồm 2 nhà máy nhiệt điện than có công suất lớn nhất cả nước, với 6 tổ máy, tổng công suất 1.040 MW.
- Ngày 1/7/2005, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập, trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
- Ngày 26/1/2006, chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- Sản lượng điện hàng năm: Trên 6 tỷ kWh.
- Tổng sản lượng điện đã phát (tính đến hết tháng 10/2009): 79,352 tỷ kWh

Tổng số CBCNV: 1458

- Trình độ từ đại học và trên đại học : 216
- Trình độ cao đẳng: 81
- Trình độ trung cấp: 227
- Sơ cấp trở xuống: 934

Thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1997, năm 2003.
- Được trao tặng «Cúp vàng vì sự phát triển Cộng đồng lần 3» và truy tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho ông Hoàng Văn Quế -Nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty năm 2008.

Số liệu sản xuất kinh doanh

Năm	Kế hoạch (Triệu kWh)	Thực hiện (Triệu kWh)
1984	700	942,2
1990	2.100	1.492,8
1995	1.827	1.665,8
2000	2.120	2.152,9
2005	6.667	6.766,3
2006	6.700,3	7.254,4
2007	6.464,3	7.027,8
2008	6.485,3	6.927,1
2009 (tính đến hết tháng 10/2009)	5.968,3	6.223,4

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH:

HỒI SINH & PHÁT TRIỂN

Trần Kế Tấn

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình

Trải qua 35 năm xây dựng và phát triển, với bao biến cố, thăng trầm, có thời điểm tưởng chừng phải ngừng hoạt động, song Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình (nay là Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình) vẫn không ngừng vươn lên, khắc phục khó khăn, đóng góp cho đất nước trên 16 tỷ kWh và đảm bảo hoạt động ổn định cho lưới điện truyền tải trong khu vực.



Ngày 6/8/2009, cổ phiếu NBP của Công ty cp Nhiệt điện Ninh Bình chính thức được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hà Nội

QUÁ KHỨ GIAN NAN

Với sự giúp đỡ của Trung Quốc, công trình xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình gồm 4 tổ lò máy với tổng công suất 100 MW được khởi công từ 15/3/1971, giữa lúc cuộc chiến tranh chống Mỹ đang diễn ra ác liệt. Những trận không kích hủy diệt miền Bắc của đế quốc Mỹ khiến nhiều thiết bị và hạng mục công trình bị hư hại nặng nề. Sau Hiệp định Paris (năm 1973), công trường mới tiếp tục thi công trở lại.

Đến 19/5/1974, tổ máy số 1 bắt đầu được đưa vào vận hành, phát những kWh điện đầu tiên hoà vào hệ thống điện miền Bắc. Tháng 3/1976, tổ máy cuối cùng đi vào vận hành, cung cấp cho lưới điện miền Bắc mỗi năm trên dưới 600 triệu kWh. Con số ấy, bây giờ thật nhỏ bé, nhưng đối với thời điểm đó có một ý nghĩa vô cùng to lớn bởi đây là 1 trong 3 nguồn điện chủ yếu của miền Bắc phục vụ đặc lực cho công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và phát triển kinh tế đất nước.

Sau quá trình vận hành nhiều năm, thiết bị của Nhà máy thường phát sinh sự cố, xì hở nhiều, sản xuất

không đạt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, giá thành cao. Hơn nữa, do Nhà máy xây dựng ngay sát núi Cánh Diều, ống khói thấp so với núi hơn 20 mét, chỗ đặt thiết bị vận hành sâu nhất so với mặt đất là 11 mét, hệ thống khử bụi lạc hậu, không có điều kiện sửa chữa, đầu tư đúng mức... nên khói bụi của Nhà máy đã gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường khu vực. Công ty đứng trước nguy cơ phải ngừng hoạt động.

TỪNG BƯỚC HỒI SINH

Trước tình hình đó, với phương châm phát triển sản xuất, kinh doanh đi đôi với bảo vệ môi trường, Công ty luôn coi trọng và chấp hành nghiêm Luật Bảo vệ môi trường; thường xuyên chăm lo, cải thiện môi trường nơi làm việc cho người lao động. Từ năm 1993 đến 1997, Công ty đã đầu tư trên 60 tỷ đồng thực hiện chương trình phục hồi thiết bị. Theo đó, cả 4 lò hơi được phục hồi theo đúng công suất thiết kế ban đầu. Nhờ vậy, sản lượng điện sản xuất tăng từ 200 triệu kWh (năm 1992) lên 350 triệu (năm 1996) và 519 triệu (năm 1997). Riêng các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật đã được cải thiện đáng kể. Cụ thể, than tiêu chuẩn giảm

gần 100 g/kWh, hiệu suất lò tăng 3-5%, hiệu suất máy tăng 1,5-2%, dầu đốt kèm giảm 50% so với trung bình 10 năm trước đó. Đặc biệt, giai đoạn 1997 - 2003, với hai dự án “Khắc phục ô nhiễm môi trường khí quyển” và “xử lý ô nhiễm nguồn nước thải xi”: Xây mới ống khói cao 130 mét, lắp các bộ khử bụi tĩnh điện và hệ thống phụ trợ, hệ thống tuần hoàn nước, bãi thải xỉ.... Sau gần 10 năm vận hành, các hệ thống này đã phát huy hiệu quả rõ rệt, lượng khói bụi giảm hẳn, các thông số kỹ thuật được cải thiện, hiệu quả sản xuất kinh doanh từng bước tăng lên. Ngay trong năm 2000 - năm đầu tiên hoàn thành dự án, sản lượng điện đã đạt 554 triệu kWh, cao nhất sau 17 năm Nhà máy vận hành liên tiếp.

Bên cạnh đó, với sự hỗ trợ của EVN, Công ty tiếp tục tập trung nâng cấp các thiết bị chính khác như: Máy biến thế, các máy cắt, bơm cấp nước, hệ thống gia nhiệt... Đặc biệt, nhóm chuyên gia và công nhân kỹ thuật của Công ty đã trực tiếp thay thế thành công các cánh của tuabin bị mòn, rạn nứt, làm giảm công suất phát điện và gây nguy cơ mất an toàn cho sản xuất. Từ thành công này, Công ty đẩy mạnh việc triển khai công trình nghiên cứu và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Hàng loạt các thiết bị tiên tiến được lắp đặt thay thế một số thiết bị lạc hậu như: Máy cắt, thiết bị kiểm nhiệt... làm tăng tính an toàn và độ tin cậy trong vận hành cho hệ thống. Trong đó, công trình kết hợp với Viện Năng lượng áp dụng hệ thống vòi đốt UD trong buồng đốt đã được đồng giải Nhất Giải thưởng VIFOTEC (Quỹ hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam) của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về môi trường năm 2003. Liên tục từ năm 2004 đến nay, Công ty nhận được các giải thưởng quốc gia về công tác môi trường.

ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Từ ngày 15/7/2005, đơn vị chuyển đổi mô hình hoạt động với tên gọi Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình. Từ một Nhà máy có công nghệ lạc hậu, nhân lực đông, cơ chế quản lý cũ với tư duy bao cấp, việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức theo phương án cổ

Tên gọi qua các thời kỳ:

- Ngày 17/1/1974 được thành lập với tên gọi Nhà máy Nhiệt Điện Ninh Bình;
- Ngày 30/3/2005 được chuyển đổi thành Công ty Nhiệt Điện Ninh Bình;
- Từ ngày 1/1/2008 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.

Danh hiệu tiêu biểu:

- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2009;
- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2003;
- Huân chương Lao động hạng Nhì các năm: 1978, 1986 và 1997;
- Huân chương Lao động hạng Ba các năm: 1975 và 1982.
- Giải nhất giải thưởng VIFOTECH về ứng dụng khoa học công nghệ năm 2003.
- Giải thưởng “Môi trường” và Bằng khen của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2005.
- Giải thưởng “Thương hiệu xanh bền vững” năm 2008 và 2009.
- Cúp vàng “Vì sự nghiệp bảo vệ Môi trường Việt Nam” năm 2005 và 2008.
- Cúp vàng “Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam” năm 2009.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009 và 2010

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	KH Năm 2010
Sản lượng phát	10 ⁶ kWh	680	650
Sản lượng điện thương phẩm	10 ⁶ kWh	604	578,5
Tỷ lệ điện tự dùng	%	11,2	11
Than tiêu chuẩn	G/kWh	600	600
Dầu đốt	G/kWh	0,5	0,5
Tổng Doanh thu	Tr.đ	410.012,2	466.062,16
Tổng chi phí SXKD	Tr.đ	385.027,7	448.700,65
Giá Bán điện cho EVN	đ/kWh	678,8	785,8
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	24.984,5	17.361,51
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	18.738,4	13.021,13
Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	10

phần hoá không hề đơn giản. Song nhờ triển khai những biện pháp hợp lý, Công ty Nhiệt điện Ninh Bình đã tiến hành cổ phần hoá rất thành công. Đến tháng 1/2008, số lao động của Công ty chỉ còn 1.018/1.350 người, số đơn vị còn 14/25 đầu mối, nhưng sản lượng điện lại tăng 1,2 lần so với năm 2004.

Năm 2008, chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, cũng là năm đầu hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, chi phí sản xuất tăng cao, Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình cũng gặp nhiều khó khăn như các doanh nghiệp khác. Tuy nhiên, với truyền thống vượt khó vươn lên, tinh thần phấn đấu không mệt mỏi, CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Sản lượng điện đạt 751 triệu kWh, tăng 112%; suất sự cố cũng giảm; Tổng doanh thu (điện và các sản phẩm khác) đạt 457 tỷ đồng đạt 131 % so với năm 2007; nộp ngân sách Nhà nước tăng 72% so với kế hoạch và hơn 2,4 lần so với năm 2007); tỷ lệ chi trả cổ tức năm đạt 23%.

Tháng 8/2009, cổ phiếu của Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình đã được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã giao dịch NBP. Theo đó, Công ty CP Nhiệt Điện Ninh Bình được chấp thuận niêm

yết 12.865.500 cổ phiếu phổ thông, tương ứng với giá trị chứng khoán niêm yết theo mệnh giá 128,655 tỷ đồng. Công ty cũng đã và đang tích cực mở rộng các ngành nghề khác ngoài sản xuất điện hiện đang có và phát triển các ngành khác mà công ty có điều kiện và tiềm năng như sản xuất vật liệu cách nhiệt, tách tro xỉ, làm các vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường...

Nhìn lại chặng đường hình thành và phát triển, CB-CNV Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình có quyền tự hào về sự nỗ lực, bám lò, bám máy, đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục. Những cố gắng đó đã được EVN tin tưởng giao làm chủ đầu tư dự án Nhiệt điện Thái Bình 1 (công suất 600 MW), tổng mức đầu tư gần 800 triệu USD. Dự án này khi hoàn thành sẽ tăng thêm tiềm năng của công ty trong việc tham gia thị trường điện trong thời gian tới. ■

Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh các thời kỳ

Thời kỳ	Sản lượng điện phát (triệu kWh)	Điện tự dùng (%)	Dầu kèm (g/kWh)	Than tiêu chuẩn (g/kWh)	Hiệu suất lò (%)
1975-1985	547	9,55	5,99	597	75
1986-1995	250	15,05	7,38	782	69,33
1996-1999	406	11,88	0,76	619	78,87
2000-2004	585	10,58	0,55	609	79,5
2005-2008	740	9,42	0,147	567	81,28

Công nhân Công ty cp Nhiệt điện Ninh Bình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị định kỳ



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ:

TẬN DỤNG LỢI THẾ, TỐI ĐA SẢN LƯỢNG

Đỗ Nhung

Được xây dựng từ đầu những năm 90, là bậc thang đầu tiên trong 3 bậc thang thủy điện theo quy hoạch phát triển điện năng trên sông Bé, Nhà máy Thủy điện Thác Mơ (nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ) gồm 2 tổ máy có tổng công suất 150 MW, sản lượng 610 triệu kWh/năm. Sau 14 năm vận hành, Thủy điện Thác Mơ đã hoà vào lưới điện quốc gia gần 12 tỷ kWh, trực tiếp cung cấp điện cho các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Đắk Nông, Tây Ninh và góp phần chống quá tải cho TP HCM. Ngoài nhiệm vụ sản xuất điện, Thủy điện Thác Mơ còn có nhiệm vụ điều tiết nước, chống lũ vào mùa mưa và chống hạn vào mùa khô.

LUÔN VƯỢT KẾ HOẠCH

Trong giai đoạn 1995-1999, Công ty gặp không ít khó khăn do thiết bị vận hành chưa ổn định, lực lượng quản lý vận hành, sửa chữa còn non trẻ, thiếu kinh nghiệm. Mặc dù vậy, cán bộ công nhân viên Công ty, đặc biệt là lực lượng kỹ thuật đã liên tục bám máy, xử lý sự cố suốt ngày đêm, kể cả ngày nghỉ, lễ Tết, đáp ứng yêu cầu cung cấp điện năng cho đất nước.

Ngoài nhiệm vụ phát điện an toàn, liên tục, Công ty còn có nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình thủy công, như đập, khắc phục kịp thời những sự cố đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ, đặc biệt là đảm bảo an toàn trong công tác điều tiết xả lũ hồ chứa, bảo vệ người và thiết bị công trình.

Với sự nỗ lực của tập thể CBCNV, trong giai đoạn 1995-1999, sản lượng điện của Nhà máy luôn vượt kế hoạch đề ra. Sản lượng điện năm cao nhất lên đến 1.027 triệu kWh, vượt 417 triệu kWh so với thiết kế. Đặc biệt, năm 1999, sản lượng điện đạt 1.026,7 triệu kWh, đạt 190% kế hoạch.

NHỮNG THÁCH THỨC MỚI

Trong giai đoạn 2000-2009, Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức mới. Ngoài những thiết bị chính như tuabin, máy phát, máy biến áp có chất lượng cao, vận hành ổn định, các thiết bị phụ trợ như máy cắt, dao cách ly, máy biến áp tự dòng, hệ thống TCY, hệ thống bảo vệ rơ le, hệ thống điều khiển... sau một thời gian vận hành đã bị hư hỏng và xuống cấp nghiêm trọng. Rất nhiều sự cố xảy ra do thiết bị phụ trợ hoạt động không tin cậy, dẫn đến chi phí cho sản xuất tăng và thời gian sửa chữa kéo dài.

Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã kiến nghị và được EVN cho phép thay thế các thiết bị cũ bằng các thiết bị mới hiện đại. Song song với việc xin hỗ trợ từ phía Tập đoàn, tập thể CBCNV Công ty CP Thủy điện Thác Mơ cũng tích cực nghiên cứu, đề ra các phương án thay thế, nâng cấp các thiết bị đang vận hành. Công ty đã chủ động thay thế từ các hệ thống đơn giản như hệ thống điều khiển tự động trạm khí nén, thông gió... cho đến những thiết bị và hệ thống phức tạp như máy cắt dầu cực máy phát, tủ bảo vệ đường dây, hệ thống đo lường điều khiển tổ máy, hệ thống rơ le bảo vệ tổ máy...

Trực vận hành Thủy điện Thác Mơ (năm 2005)
Ảnh: Nguyễn Đăng

Đây là một công việc khó khăn và phức tạp, đòi hỏi thiết bị mới phải tương thích với thiết bị hiện tại, đồng thời phải đảm bảo hiệu quả kinh tế và kế hoạch được giao. Kết quả đã khẳng định bản lĩnh và năng lực của đội ngũ CBCNV Công ty. Sau khi thay thế các thiết bị, tần suất sự cố dừng tổ máy, thời gian và chi phí sửa chữa ngày càng giảm. Một số hệ thống được tự động hoá hoàn toàn (như trạm khí nén), đã giúp giảm đáng kể chi phí vận hành.

Một dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển là ngày 1/1/2008, đơn vị chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với những bước thay đổi đột phá trong phương thức quản lý doanh nghiệp, đòi hỏi không chỉ đội ngũ quản lý mà mỗi người lao động đều phải tự chủ, linh hoạt và trách nhiệm hơn. Đây là thách thức lớn, đồng thời cũng là cơ hội giúp Công ty chủ động hơn trong sản xuất, kinh doanh, có điều kiện thu hút thêm vốn đầu tư, hợp tác, liên doanh với các đối tác để mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, do sản lượng và hiệu quả hoạt động của nhà máy thủy điện phụ thuộc vào nguồn nước, nếu hạn hán kéo dài, lượng nước hồ chứa thấp hơn so với yêu cầu khi thiết kế, thì sản lượng điện sản xuất có thể bị ảnh hưởng. Do đó, lợi nhuận cổ tức sẽ có sự chênh lệch giữa các năm. Điều này cũng tạo áp lực không nhỏ cho các nhà quản lý, điều hành Công ty.

Trải qua 14 năm xây dựng và phát triển, cùng với 2 bậc thang thủy điện Cần Đơn và Srok Phu Miêng trên dòng sông Bé, Thủy điện Thác Mơ đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Phước nói riêng và hệ thống

nguồn điện phía Nam nói chung. Song song với việc xây dựng Nhà máy và kết cấu hạ tầng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cũng đồng thời xây dựng nhiều công trình phục vụ quốc kế dân sinh như đường xá, trường học, cầu cống... nhằm góp phần phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương. Đó là những dấu ấn mang đậm nghĩa tình của Điện lực Việt Nam nói chung và Thủy điện Thác Mơ nói riêng đối với người dân địa phương. ■

Danh hiệu tiêu biểu:

Huân chương Lao động hạng Ba (2001)

Kết quả hoạt động sản xuất

Năm	Sản lượng điện (triệu kWh)	Điện tự dùng (%)	Suất sự cố
2000	932,16	0,209	0
2001	926,19	0,208	1
2002	832,06	0,218	0,25
2003	830,59	0,208	0,12
2004	636,91	0,273	0
2005	582,37	0,315	0
2006	896,13	0,17	0
2007	901,81	0,159	0
2008	762,72	0,172	0
Ước 2009	880	0,8	

Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

Nơi sản sinh “ANH TÀI” thủy điện miền Nam

Bài: **Hoàng Phương** Ảnh: **Ngọc Hà**



Trực vận hành phát điện các tổ máy Thủy điện Hàm Thuận (tháng 9/2009)

Là đơn vị đầu tiên trong ngành Điện được thí điểm chuyển sang hoạt động theo mô hình tập trung các nhà máy thủy điện trên cùng một dòng sông về một đầu mối quản lý, Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi không chỉ tiếp tục phát huy tối đa những ưu thế riêng về địa thế, con người, mà còn chứng minh được hiệu quả của một quyết định đúng đắn.

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH MỚI

Trong 4 nhà máy thủy điện mà Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi (DHD) quản lý vận hành, Đa Nhim là công trình mang đậm dấu ấn nhất. Được xây dựng ở bậc thang trên cùng của hệ thống sông Đồng Nai, sử dụng trực tiếp nguồn nước của sông Đa Nhim và sông Krông Let, trong những năm đầu, sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, nhà máy đóng vai trò cung cấp điện chủ yếu cho khu vực miền Nam. Với sự nỗ lực cố gắng và trưởng thành vượt bậc của đội ngũ CBCNV Nhà máy, Đa Nhim được coi là “cái nôi” sản sinh những cán bộ thủy điện ưu tú khu vực phía Nam.

Đứng dưới chân đèo Ngoạn Mục, nhìn hai đường

ống thủy áp như đôi trăn khổng lồ bằng thép bạc sáng chói nằm vắt từ đỉnh núi xuống đến chân đèo. Một công trình công nghiệp hiện đại, hùng vĩ hiển hiện giữa núi rừng hoang sơ. Theo Phó giám đốc Công ty – ông Lê Văn Quang, “Với lợi thế có một không hai của nhà máy thủy điện là tận dụng được nguồn thủy năng đổ xuống từ độ cao 800 m, suất tiêu hao nước của Nhà máy rất thấp (0,56 m³/kWh), do đó Đa Nhim đạt hiệu quả cao nhất trong các nhà máy thủy điện ở Việt Nam”.

Ông Quang cho biết: Nhà máy Đa Nhim được thiết kế 6.250 h/năm, nhưng với lợi thế trên, hiện các tổ máy thường xuyên chạy đến 8.000 h/năm. Mặc dù vậy, với kinh nghiệm quản lý vận hành lâu năm, các thiết bị vẫn luôn được vận hành ổn định, ít bị sự cố, nhất là từ khi Nhà máy hoàn tất việc phục hồi thay thế hầu hết các thiết bị chính từ năm 2006. Quản đốc Phân xưởng vận hành Nhà máy – ông Đỗ Minh Lộc so sánh: Nếu Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận công suất 300 MW, sản lượng khai thác bình quân trong các năm qua xấp xỉ 1 tỷ kWh/năm và Thủy điện Đa Mi công suất 175 MW, sản lượng khai thác bình quân chỉ vào khoảng 550 triệu kWh/năm, thì ở Đa Nhim, tuy công suất chỉ 160 MW, nhưng nhiều năm nay vẫn vận hành vượt thiết kế với sản lượng khai thác trung bình hơn 1 tỷ kWh/năm. Dự kiến trong năm 2009, Nhà máy Đa Nhim sẽ đóng góp vào hệ thống điện quốc gia với sản lượng hơn 1,2 tỷ kWh, tương đương năm 2008.

Ngoài ra, Đa Nhim còn đóng góp lợi ích quan trọng khác, đó là cung cấp nước tưới và sinh hoạt cho khu vực tỉnh Ninh Thuận, nơi có lượng mưa thấp nhất trong cả nước.

Cùng với Thủy điện Đa Nhim, hai nhà máy Thủy điện Hàm Thuận và Đa Mi là các bậc thang tiếp theo được xây dựng trên lưu vực sông La Ngà - chi lưu của sông Đồng Nai. Nhà máy Hàm Thuận gồm 2 tổ máy sử dụng trực tiếp nguồn nước của sông La Ngà để phát điện. Nước sau khi chạy máy Hàm Thuận tiếp tục được dẫn xuống hồ chứa Đa Mi để chạy 2 tổ máy Đa Mi. Nước sau khi chạy máy Đa Mi, được nhập trở lại vào sông La Ngà để cuối cùng đổ về hồ chứa Thủy điện Trị An (bậc thang

cuối của hệ thống quy hoạch bậc thang thủy điện trên sông Đồng Nai). Điện năng của hai nhà máy này phần lớn hoà vào hệ thống điện quốc gia qua các đường dây 220 kV Hàm Thuận - Bảo Lộc, Hàm Thuận - Long Thành, Đa Mi - Long Thành, phần còn lại cung cấp cho khu vực tỉnh Bình Thuận. Ngoài phát điện, hai công trình này còn góp phần điều hòa nguồn nước cho hạ du (đặc biệt là 2 huyện: Đức Linh và Tân Linh của tỉnh Bình Thuận) và gia tăng lưu lượng dòng chảy đến hồ Trị An trong mùa khô, góp phần tăng thêm sản lượng của Nhà máy Thủy điện Trị An.

Sau khi 4 nhà máy thủy điện cùng nằm trên hệ thống sông Đồng Nai gồm Đa Nhim, Hàm Thuận, Đa Mi và Sông Pha được quy tụ vào một đầu mối quản lý là Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi (DHD) đến nay, số lượng CBCNV đã được tinh giảm từ trên 400 người xuống còn 320 người, đồng thời tiết giảm được chi phí do chỉ tập trung một số vật tư dự phòng chính. Phó giám đốc Công ty Lê Văn Quang cho biết: Giai đoạn đầu, Công ty quản lý vận hành các nhà máy theo mô hình mới gặp nhiều khó khăn do đường xá xa xôi cách biệt (trụ sở Công ty ở Thị xã Bảo Lộc; Thủy điện Đa Nhim nằm giáp ranh giữa 2 tỉnh Lâm Đồng và Ninh Thuận; Thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi nằm giáp ranh giữa Bình Thuận và Lâm Đồng), việc thông tin, tổ chức giao ban định kỳ rất vất vả... Nhưng sau một thời gian, lãnh đạo Công ty cho triển khai hình thức giao ban trực tuyến, không chỉ tiết kiệm được thời gian đi lại mà còn giải quyết kịp thời nhiều tình huống xử lý sự cố, triển khai công tác phòng chống lụt, bão...

“VƯỜN ƯƠM” ANH TÀI THỦY ĐIỆN

Ngoài công tác chính là quản lý vận hành các nhà máy thủy điện đạt hiệu quả tối ưu, Đa Nhim còn được biết đến với vai trò là vườn ươm, sản sinh ra những “anh tài” của thủy điện phía Nam. Từ năm 1985, một số CBCNV Đa Nhim đã được điều động về tham gia công trường xây lắp, chuẩn bị sản xuất và tiếp quản vận hành khai thác Nhà máy Thủy điện Trị An. Đây là công trình nằm ở bậc thang cuối của hệ thống sông Đồng Nai. Sau đó, người từ Trị An và Đa Nhim lại cùng nhau đến với thủy điện Thác Mơ để khai thác nguồn thủy năng của dòng sông Bé, một chi lưu khác của hệ thống sông Đồng Nai, nằm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Năm 1992, người lao động của Thủy điện Đa Nhim lại tham gia xây lắp và tiếp nhận vận hành Nhà máy

Thủy điện Sông Pha. Năm 2001, CBCNV Đa Nhim tiếp tục được điều động về quản lý vận hành hệ thống Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi, nằm trên dòng sông La Ngà, bậc thang giữa của hệ thống sông Đồng Nai, thuộc địa bàn giáp ranh giữa tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Bình Thuận.

Từ giữa năm 2003, DHD được EVN giao thêm nhiệm vụ chuẩn bị sản xuất Nhà máy Thủy điện Đại Ninh, đây là công trình nằm ở bậc thang thứ hai trên hệ thống sông Đồng Nai. Đến tháng 7/2007, Hội đồng Quản trị EVN đã ra quyết định thành lập Công ty Thủy điện Đại Ninh, với toàn bộ nhân lực được tách ra từ DHD. Từ cuối năm 2004, CBCNV của DHD lại được điều động về tham gia công trường xây lắp và chuẩn bị sản xuất các nhà máy khai thác tiềm năng thủy điện của dòng sông Srêpôk, nằm trên địa bàn các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Hàng chục năm qua, dấu ấn của DHD in đậm trên “bản đồ” thủy điện miền Nam như vậy.

PHÁT HUY THỂ MẠNH NGUỒN NHÂN LỰC

Một trong những nét nổi bật điển hình của DHD là tinh thần tự lực, phát huy cao độ nguồn nội lực. Các phong trào thi đua, nghiên cứu, phát huy nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng thành công vào dây chuyền sản xuất đem lại những lợi ích kinh tế to lớn luôn được duy trì và phát triển mạnh. Trong giai đoạn khó khăn khi đất nước bị cấm vận về kinh tế, CBCNV Công ty đã nghiên cứu, tự gia công khuôn ép chế tạo các loại gioăng da định hình làm kín các loại van cao áp, các chi tiết cơ khí của bộ điều tốc,... Đội ngũ CBCNV của Công ty cũng đã xử lý khắc phục thành công nhiều sự cố hư hỏng thiết bị như: Độ rung lõi từ stator máy phát số 1 Đa Nhim, xâm thực van seat của van cầu, phục hồi sứ xuyên 230 kV của MBA chính, các biến dòng điện của trạm 230 kV,... tiết kiệm được rất nhiều chi phí so với nhập ngoại hoặc thuê các công ty nước ngoài sửa chữa....

Để tập trung mô hình sản xuất trong thời gian tới và chuẩn bị cho tiến trình cổ phần hoá vào năm 2010, Công ty dự kiến đưa toàn bộ thiết bị điều khiển từ 4 nhà máy Đa Nhim, Sông Pha, Hàm Thuận, Đa Mi về Trụ sở chính tại thị xã Bảo Lộc để điều hành chung. Để án xây dựng cơ sở hạ tầng đang bắt đầu được triển khai từ năm 2009. Toàn bộ lực lượng sửa chữa sẽ được chuyển từ Đa Nhim về Bảo Lộc để trở thành một Trung tâm dịch vụ sửa chữa, chỉ giữ lại

Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (tháng 9/2009)

lực lượng vận hành, và một số ít lực lượng sửa chữa tại chỗ. Về lâu dài, ngoài bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị các nhà máy hiện có, Công ty sẽ ký hợp đồng với các đối tác để cung cấp các dịch vụ: thi công lắp đặt, sửa chữa thiết bị; tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị tư vấn thẩm tra hồ sơ mời thầu, bản vẽ thi công;... cho

các nhà máy thủy điện ở các tỉnh trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Đất nước đã và đang xây dựng thêm nhiều công trình thủy điện lớn, song các nhà máy mà DHD quản lý, vận hành vẫn luôn giữ một vị trí quan trọng và mãi ghi dấu ấn lịch sử của ngành Điện Việt Nam. ■

CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

- 21/05/2001, đổi tên Nhà máy Thủy điện Đa Nhim thành Nhà máy Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi, đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, trực thuộc EVN.
- Ngày 30/3/2005, chuyển thành Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi là đơn vị thành viên hạch toán độc lập, trực thuộc EVN.
- Công ty đang quản lý vận hành 4 nhà máy thủy điện:
 - + Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và Sông Pha, nằm trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng và huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;
 - + Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận và Đa Mi nằm trên địa bàn huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và các huyện Hàm Thuận Bắc, Tánh Linh của tỉnh Bình Thuận;
 - + Gồm có 13 tổ máy;
 - + Tổng công suất lắp đặt là 642,5 MW;
 - + Điện lượng bình quân hàng năm khoảng 2,6 tỷ kWh.

Nhà máy Thủy điện Đa Nhim:

- Tổng công suất 160 MW;
- Sản lượng hằng năm 1 tỷ kWh;
- Năm 1964, đưa vào vận hành khai thác;
- Năm 2005, phục hồi thay đổi thiết bị công nghệ mới;
- Dự án phục hồi đã hoàn thành vào tháng 08/2006

Nhà máy Thủy điện Đa Mi:

- Tổng công suất 175 MW
- Sản lượng hàng năm 590 triệu kWh
- Đưa vào vận hành khai thác từ năm 2001,

Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận:

- Tổng công suất 300 MW;
- Sản lượng hằng năm 965 triệu kWh;
- Năm 2001, đưa vào vận hành khai thác.

Nhà máy Thủy điện Sông Pha:

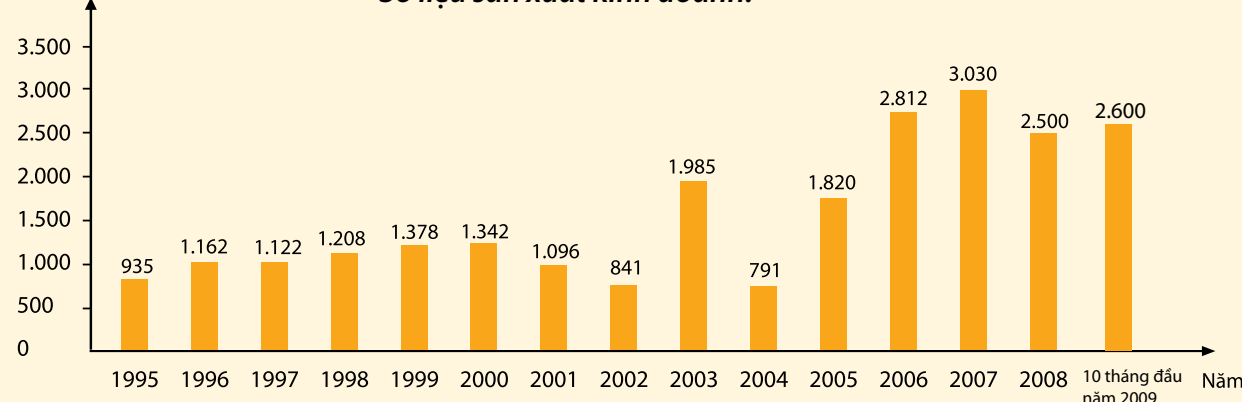
- Tổng công suất 7,5 MW;
- Sản lượng hằng năm 40 triệu kWh;
- Năm 1994, đưa vào vận hành khai thác;
- Nhà máy có quy mô nhỏ nhưng hiệu quả kinh tế cao.

Thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

- Cờ thi đua của Chủ tịch nước (năm 1979, 1981).
- Cờ thi đua của Hội đồng Bộ trưởng (năm 1983, 1987).
- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1985).
- Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1997).
- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1976, 1979, 1987, 2000, 2004).
- Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2004).
- Anh hùng Lao động (năm 2005).

Sản lượng điện
(triệu kWh)

Số liệu sản xuất kinh doanh:



(*) Từ năm 2000 trở về trước, chưa có Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận và Đa Mi đưa vào hoạt động. Từ tháng 4/2001, hai nhà máy này được đưa vào vận hành.

Công nhân Nhà máy
Nhiệt điện Cần Thơ đại
tu tu chỉnh cánh động của
tua bin khí Tổ máy F6
(tháng 12/2004)

Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ

THẮP SÁNG VÙNG SÔNG NƯỚC MIỀN TÂY

Xuân Thủy

Nói đến công trình điện nổi bật của “Tây Đô”, không thể không nhắc đến Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ – một trong những nhà máy điện đặt viên gạch nền móng cho công cuộc điện khí hóa nông thôn miền Nam Việt Nam, thắp sáng vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long – vựa lúa lớn nhất của đất nước.

THEO DÒNG LỊCH SỬ

Cần Thơ nằm trên bờ phải sông Hậu, cách thành phố Hồ Chí Minh 169 km, một thời được biết đến như “Tây Đô” (thủ đô của miền Tây). Đây được coi là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Chính vì vậy, sau khi xây xong Nhà máy Nhiệt điện Thủ Đức cung cấp điện cho Sài Gòn, năm 1973, Chính quyền cũ hợp tác với Nhật tiến hành xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ tại phường Trà Nóc. Dự án gồm một nhà máy nhiệt điện công suất 33 MW chạy bằng dầu và một hệ thống phân phối điện cho 6 tỉnh miền Tây là Cần Thơ, Vĩnh Long, Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc và Sa Đéc.

Tháng 4/1975, khi Nhà máy hoàn thành cũng là lúc miền Nam hoàn toàn giải phóng. Chính quyền cách mạng tiếp quản nguyên vẹn Nhà máy. Quyết định 1093/TCCB ra ngày 7/8/1976 của Bộ Điện Than đã

chính thức “khai sinh” Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ. Giai đoạn từ 1975-1983, Nhà máy có nhiệm vụ cung ứng điện cho các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Với cơ sở vật chất khá khiêm tốn, chỉ với 1 tổ máy nhiệt điện công suất 33 MW và 5 tổ máy Diesel GM, công suất mỗi tổ 2,1 MW.

Năm 1989, do nhu cầu phát triển phụ tải, Nhà máy được lắp đặt thêm 2 tổ máy tua bin khí chạy dầu công suất 28 MW, một điều động từ Nhà máy Điện Thủ Đức, một mua của Cộng hòa Ailen, cũng đã qua sử dụng. Sau này, do 2 tổ máy quá cũ và hư hỏng, không vận hành được theo yêu cầu, nên Nhà máy đã cải tạo thành 2 máy bù quay có nhiệm vụ phát công suất vô công cho lưới điện.

Từ năm 1983 trở đi, các nguồn phát của Nhà máy được nối với lưới điện quốc gia qua đường dây 220 kV nhằm tăng công suất, ổn định điện áp ở cuối nguồn và đảm bảo nguồn điện cho khu vực trong trường hợp đường dây 220 kV bị sự cố.

Bước vào những năm 90 của thế kỷ trước, cùng với tốc độ phát triển kinh tế, nhu cầu sử dụng điện tăng mạnh, để đảm bảo đủ nguồn điện, từ năm 1996-1998, EVN quyết định lắp đặt thêm cho Nhà máy 4 tổ máy tua bin khí F6 với tổng công suất 155 MW và giao Nhà máy nhiệm vụ kiểm nhiệm Ban Quản lý Dự án. Từ một nhà máy nhỏ bé được xây dựng trong chế độ cũ, Nhiệt điện Cần Thơ đã được tiếp thêm nguồn

lực để “vươn mình” đi lên với quy mô và tầm vóc mới, thực hiện vai trò cấp đủ điện, tạo động lực phát triển cho vùng kinh tế trọng điểm có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ – vừa lúa lớn nhất của đất nước. Từ “cái nôi” của Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ, rất nhiều cán bộ quản lý, kỹ sư đã được đào tạo để “chi viện” cho một số nhà máy nhiệt điện được xây dựng sau khi miền Nam giải phóng như Bà Rịa, Phú Mỹ...

TRUNG TÂM NĂNG LƯỢNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Ngày 11/5/2005, Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ chính thức chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước MTV Nhiệt điện Cần Thơ. Đây là một sự kiện lớn có ý nghĩa quyết định đến tương lai của đơn vị. Từ đó, ngoài ngành nghề chính là sản xuất, kinh doanh điện năng, Công ty còn tham gia nhiều lĩnh vực có ưu thế khác nhằm khai thác tối đa nguồn lực hiện có, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Một thuận lợi và cũng là thử thách lớn nhất của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ sau khi chuyển đổi mô hình, Công ty được EVN chọn làm đơn vị tư vấn quản lý và chuẩn bị sản xuất dự án Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn năm 2006. Đây cũng là giai đoạn “lửa thử vàng”, đòi hỏi tập thể CBCNV Công ty phải nỗ lực từng ngày, từng giờ vượt qua rất nhiều khó khăn, để công trình không “trễ hẹn”, trong bối cảnh ngành Điện Việt Nam đang “gồng mình” vượt qua tình trạng thiếu nguồn điện. Ngày 9/7/2009 công trình Nhiệt điện Ô Môn hoàn thành và đưa vào vận hành thành công. Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã tin tưởng, tiếp tục giao cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ quản lý và vận hành thương mại. Với sự góp mặt của Nhiệt điện Cần Thơ và Tổ hợp Nhiệt điện Ô Môn (tổng công suất 2.800 MW), thành

phố Cần Thơ không chỉ là trung tâm hành chính, kinh tế mà còn là trung tâm năng lượng của vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ thời kỳ 2006 – 2020 mà Chính phủ phê duyệt, để đạt được mục tiêu xây dựng Cần Thơ trở thành thành phố công nghiệp, hiện đại, có vai trò là động lực phát triển cho vùng đồng bằng sông Cửu Long thì ngành công nghiệp của tỉnh phải phấn đấu đến năm 2010 chiếm 45,2% GDP. Những mục tiêu đó đang được triển khai cụ thể bằng các khu công nghiệp tập trung như Hưng Phú I, II, Trà Nóc I, II, khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Cái Sơn, Hàng Bàng, Thốt Nốt... Đồng thời, với tốc độ phát triển sản lượng điện thương phẩm 12-17%/năm của thành phố Cần Thơ và để phục vụ cho nền công nghiệp của tỉnh nhà đang bước vào thời kỳ sung sức, đặc biệt là “trải thảm đỏ” cho các dự án đầu tư nước ngoài, thì vai trò và trọng trách đặt trên vai Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ ngày càng cao hơn.

Xin khép lại bài viết này bằng lời nhận xét về thành tựu và những đóng góp của Công ty trong những năm qua của một viên chức chế độ Sài Gòn trước năm 1975 - ông Võ Văn Hoàng. Ông đã cùng chuyên gia Nhật Bản tham gia khảo sát và xây dựng Nhà máy thời gian đầu. Sau 30 năm sống ở Pháp, năm 2001, về thăm lại Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ, ông đã cảm kích nói: “Tôi vô cùng cảm động khi đứng trước Nhà máy Trà Nóc (tên gọi khác của Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ-PV). Ban đêm điện sáng cả một khung trời. Ngành Điện miền Tây đang đóng góp mạnh vào công cuộc phát triển kinh tế nước nhà, tạo công ăn việc làm cho biết bao đồng bào. Tự hào thay cho những ai đã đóng góp vào công tác lịch sử này...” ■

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ (Cantho thermal power Co.,Ltd)

Thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

- Huân chương Lao động hạng Ba và hạng Nhì” năm 1983, 1987.
- Huân chương Lao động hạng Ba cho ông Nguyễn Hoàng Măng - nguyên Giám đốc Nhà máy năm 1991
- Huân chương Lao động hạng Nhất cho tập thể Công ty và Huân chương Lao động hạng Ba cho ông Phan Thanh Liêm, Giám đốc Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ năm 1999.
- Huân chương Lao động hạng Nhì cho ông Phan Thanh Liêm, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Cần Thơ năm 20007.

Sau 33 năm phát triển, quy mô sản xuất của Công ty đã tăng lên gấp 15 lần.

Từ một tổ máy chạy bằng dầu với công suất ban đầu chỉ 33 MW, hiện nay, Công ty có 6 tổ máy phát điện với tổng công suất 518 MW chạy bằng dầu hoặc khí và 2 tổ máy phát vô công 18MVA. Với chế độ vận hành 24/24 (gồm 3 ca, 5 kíp sản xuất).

Về đội ngũ nhân lực, những ngày đầu lực lượng của Nhà máy chỉ khoảng 150 người với 17 kỹ sư, đến nay tổng số CBCNV của Công ty là 415 người, gồm 6 thạc sĩ, 122 kỹ sư, cử nhân, 10 cao đẳng, 87 trung cấp và 152 công nhân kỹ thuật lành nghề. Ngoài ra, Công ty đang gửi đào tạo 01 thạc sĩ tại Thái Lan.

Công ty Truyền tải điện 1

NĂNG LƯỢNG TỪ NHỮNG PHONG TRÀO THI ĐUA

Lưu Anh



Từ núi cao cho đến đồng bằng, suốt từ Đèo Ngang trở ra Bắc, những người thợ của Công ty Truyền tải điện 1, ngày qua ngày, luôn giữ cho đường dây truyền tải điện được thông suốt. Họ hợp sức tạo nên một tập thể anh hùng của ngành Điện. Và nguồn năng lượng để “mái nhà chung” Công ty Truyền tải điện 1 tỏa sáng chính là sức sống từ những phong trào thi đua sôi nổi.

GIAN NAN VƯỢT KHÓ

Tổ chức tiền thân của Công ty Truyền tải điện 1 (PTC1) là Sở Truyền tải điện miền Bắc được thành lập ngày 01/5/1981 trực thuộc Công ty Điện lực 1. Giai đoạn đầu, đơn vị chỉ có gần 200 cán bộ công nhân, đảm nhiệm quản lý vận hành 7 trạm biến áp 110 kV với 11 máy biến áp, tổng dung lượng 261 MVA và 145 km đường dây 110 kV xung quanh khu vực Hà Nội, Hà Tây (cũ). Hệ thống lưới truyền

tải điện già cỗi, kém tin cậy, không có thiết bị dự phòng, phải vận hành quá tải liên tục. Nhiều trạm biến áp 220 kV, kể cả các trạm nút quan trọng vẫn vận hành theo sơ đồ kết dây tạm, thiết bị không đồng bộ, nhiều tuyến đường dây, trạm biến áp phải vận hành trong tình trạng quá tải gây phát nóng, đứt dây, tụt lều.

Làm thế nào để giữ cho dòng điện an toàn liên tục, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội luôn là nỗi niềm “đau đầu” trong tâm trí mỗi người thợ Truyền tải 1. Đó cũng là động lực lớn nhất để tập thể CBCNV Công ty không quản ngại khó khăn, gian khổ, tự mày mò, nghiên cứu, từng bước vươn lên làm chủ thiết bị và cơ bản hoàn thành nhiệm vụ cung cấp điện an toàn cho các tỉnh miền Bắc.

Năm 1992, đường dây 500 kV lịch sử được khởi công xây dựng, những người thợ truyền tải lại khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện để tiếp nhận đưa công trình vào vận hành. Ngày 27/5/1994, đường dây 500 kV chính thức hoà lưới, hệ thống điện toàn quốc được thống nhất. Công ty được giao nhiệm vụ biên soạn hệ thống quy trình, quy phạm quản lý vận hành chung cho toàn quốc. Đây là nhiệm vụ hết sức nặng nề, vì lần đầu tiên ở Việt Nam, đường dây 500 kV được xây dựng, các nhà khoa học và nhà quản lý còn nhiều ý kiến trái ngược...

Đội ngũ cán bộ Công ty đã nghiên cứu, chắt lọc từ hàng nghìn trang tài liệu nước ngoài, đối chiếu với thực tiễn Việt Nam và nhanh chóng hoàn thành tốt công việc đầy thử thách này. Mặt khác, trước thực tế đường dây 500 kV đi qua hầu hết các khu vực núi cao, rừng sâu, dân cư thưa thớt, trình độ dân trí thấp, cây cối trong và ngoài hành lang rậm rạp, tái sinh rất nhanh, tiềm ẩn nhiều nguy cơ đe dọa sự cố, Công ty đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giúp người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong hành lang lưới điện, xã hội hoá công tác bảo

vệ đường dây... nên đường dây 500 kV luôn được đảm bảo vận hành tuyệt đối an toàn.

Đường dây 500 kV vào vận hành ổn định, cũng là thời kỳ đất nước đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá, nhu cầu về điện tăng nhanh, dẫn đến hàng loạt các trạm biến áp 220 kV phải vận hành trong tình trạng quá tải. Bằng tinh thần vượt khó, phát huy nội lực, chủ động, sáng tạo, Công ty đã hoàn thành xuất sắc chương trình chống quá tải, hiện đại hoá các trạm biến áp trọng điểm của miền Bắc như: Hà Đông, Mai Động, Chèm, Thanh Hoá, Ninh Bình, Thái Bình, Vĩnh Yên, Trạm Hưng Đông - Nghệ An... tiết kiệm cho Nhà nước hàng tỷ đồng mà vẫn vượt tiến độ, đảm bảo chất lượng. Ngoài ra, Công ty còn phối hợp với các đơn vị thi công, tập trung lực lượng để khẩn trương hoàn thành 2 mạch đường dây 220 kV mua điện Trung Quốc qua Tân Kiều - Lao Cai và Thanh Thủy - Hà Giang. Tham gia tư vấn giám sát đường dây 500 kV Sơn La - Hoà Bình- Nho Quan; đường dây 500kV Sơn La - Hiệp Hoà (Bắc Giang). Khắc phục tình trạng thiếu điện cho khu vực miền Bắc.

hoàn thành vượt tiến độ dự án cải tạo nâng công suất Trạm biến áp Thái Nguyên, tổ chức thực hiện hoàn thành dự án nâng công suất trạm 220 kV Phố Nối vượt một nửa thời gian theo kế hoạch, đã nâng công suất của trạm lên 1,5 lần công suất ban đầu, bổ sung công suất cho tỉnh Hưng Yên, Hải Dương và một phần của thủ đô Hà Nội. Đây là những khu vực phát triển kinh tế "nóng" đang "khát" điện... Đặc biệt mới đây, Công ty đã đóng điện thành công máy biến áp 250 MVA tại Trạm 220 kV Chèm phục vụ chương trình dự án cấp bách chống quá tải - đảm bảo cung cấp điện cho thủ đô Hà Nội trong mùa khô năm 2010 cũng như giai đoạn 2010-2011 và Đại lễ 1000 năm Thăng Long Hà Nội (dự án nâng công suất 3 trạm biến áp 220kV khu vực quanh Hà Nội: Chèm, Mai Động, Hà Đông).

SỨC MẠNH "BÓ ĐŨA"

Điểm đặc trưng của nghề "truyền tải điện" đòi hỏi người lao động phải cần cù, sáng tạo, bản lĩnh, trách nhiệm cao trong công việc. Những người thợ truyền

tải "bám" tuyến tưởng như đơn độc giữa rừng sâu, núi thẳm, song với sức mạnh tập thể trong nội bộ đơn vị, sự gắn bó mật thiết với nhân dân và chính quyền địa phương có các đường dây đi qua mà PTC1 gây dựng thành công phong trào xã hội hoá công tác quản lý, bảo vệ đường dây. Phong trào thi đua cũng luôn truyền lửa ấm áp và đầy sinh khí cho "ngôi nhà chung" với tinh thần phục vụ vì sự phát triển của đất nước. Các phong trào thi đua lao động sản xuất đã lượng hoá tất cả các công việc, đưa vào tiêu chuẩn chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ để từ đó phân phối thu nhập cho người lao động, đảm bảo công bằng, dân chủ, phong trào thi đua lao động sản xuất vì vậy luôn tạo nên những hiệu quả bất ngờ.

Con đường gắn thi đua với thực tiễn sản xuất, với đời sống thu nhập của người lao động đã biến những lý thuyết về phát huy sức mạnh tập thể thành thực tế sống động. Điển hình là phong trào thi đua xây dựng trạm và đường dây kiểu mẫu do Công ty khởi xướng và duy trì phát triển trong nhiều năm qua đã mang lại hiệu quả hết sức to lớn. Ngoài ra, hội thi thợ vận hành giỏi mà Công ty là đơn vị truyền tải duy nhất tổ chức hàng năm là một nội dung vô cùng quan trọng trong việc nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho công nhân QLVH. Thông qua đó, phong trào tự học được phát triển mạnh mẽ cả chiều rộng và chiều sâu, công tác đào tạo bồi dưỡng của các đơn vị được chú trọng. Đây không chỉ đơn thuần là một hội thi để tìm ra người thợ QLVH&SC trạm biến áp giỏi nhất, mà còn là một cuộc giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV QLVH&SC trạm biến áp của PTC1 với tinh thần "tất cả vì dòng điện thân yêu của Tổ Quốc".

Hơn một phần tư thế kỷ xây dựng và trưởng thành, từ số lao động ít ỏi, đến nay, Công ty đã có được nguồn nhân lực mạnh, luôn xung kích đi đầu, sẵn sàng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Lớp lớp thế hệ CBCNV Công ty Truyền tải điện 1 có quyền tự hào về sự cống hiến, đóng góp của mình cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội đất nước. ■

Sửa chữa đường dây 220 kV (tháng 6/2006)

Sửa chữa điện nóng đường dây 220 kV (tháng 8/2003)

Những dấu mốc quan trọng:

- Sở Truyền tải điện miền Bắc (tiền thân của PTC1) được thành lập ngày 01/5/1981 trực thuộc Công ty Điện lực 1.
- Từ 1995 – 2008: Công ty Truyền tải điện 1 trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).
- Ngày 11/4/2008, Công ty Truyền tải điện 1 trở thành đơn vị trực thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (thuộc Tập đoàn ĐLVN).

Những danh hiệu tiêu biểu:

* Tập thể

- Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới cho Công ty Truyền tải điện 1
- Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới cho Trạm biến áp 220 kV Đồng Hoà thuộc Công ty
- Huân chương Độc lập hạng Nhì, Ba cho Công ty
- Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba cho Công ty
- 20 Huân chương Lao động cho các tập thể trực thuộc Công ty

* Cá nhân:

- Danh hiệu Anh hùng Lao động cho ông Đậu Đức Khởi, nguyên Giám đốc Công ty Truyền tải điện 1
- 14 Huân chương Lao động cho các cá nhân trong Công ty.

Số lượng và tổng dung lượng trạm biến áp:

- Tổng số: 32 trạm biến áp, trong đó có 5 trạm biến áp 500 kV; 26 trạm biến áp 220 kV và 1 trạm biến áp 110 kV (đang chuẩn bị cải tạo thành trạm 220 kV).
- Tổng dung lượng: 9.883 MVA

* Tổng chiều dài đường dây:

- Đường dây 500 kV: 887,24 km
- Đường dây 220 kV: 3688,6 km
- Đường dây 220 kV vận hành 110 kV: 200,5 km

Bảng tổng hợp sản lượng điện truyền tải

Năm	Sản lượng truyền tải (tỷ kWh)
1998	9,29
1999	10,17
2000	10,53
2001	11,60
2002	13,16
2003	15,80
2004	16,57
2005	17,68
2006	18,46
2007	23,52
2008	27,36
Tính đến 10/12/2009	29,40 (đạt 105 % kế hoạch)

CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 2:

Giữ vững “HUYẾT MẠCH” dòng điện

Bài: **Thanh Tâm** Ảnh: **Quang Thắng**

Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum và Gia Lai). Những ngày mới thành lập, cơ sở vật chất hạn chế, đội ngũ cán bộ còn thiếu, nhưng Công ty đã từng bước đứng vững, đi lên và khẳng định vị trí trong ngành Điện.

CHẤM DỨT THỜI KỲ “ĐÓI ĐIỆN”

Những năm đầu thập niên 90, miền Trung thiếu điện trầm trọng, hệ thống lưới điện cũ kỹ trong khi nhu cầu về điện của xã hội ngày càng tăng. Chỉ sau vài tháng bắt đầu đi vào hoạt động, Công ty đã hoàn thành, đóng điện thành công và đưa vào vận hành an toàn các công trình trạm biến áp và đường dây tải điện 110 – 220 kV tuyến Vinh - Đà Nẵng dài trên 600 km. Một số trạm 110 kV cũng đã được đưa vào vận hành như trạm 110 kV Đông Hà, Xuân Hà, Huế, Quảng Ngãi. Lưới điện quốc gia đã vươn đến các tỉnh miền Trung qua các đường dây 110 kV Đồng Hới - Huế, Huế - Đà Nẵng, Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Quảng Ngãi - Vĩnh Sơn, Vĩnh Sơn - Quy Nhơn...

Tháng 4/1992, Đảng và Nhà Nước quyết định xây dựng hệ thống tải điện 500 kV Bắc - Nam mạch 1 đi qua 15 tỉnh, thành phố, liên kết hệ thống điện ba miền Bắc - Trung - Nam, thống nhất lưới điện quốc gia, tạo bước đột phá trong việc cung cấp điện phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Để đáp ứng tốt nhiệm vụ quan trọng này, Công ty đã tập trung chuẩn bị sản xuất, nghiệm thu tiếp nhận gần 600 km đường dây 500 kV, 2 trạm biến áp 500 kV Đà Nẵng, Plei Ku và toàn bộ hệ thống thông tin cáp quang với 9 trạm lặp dọc cung đoạn, bảo vệ tốt đường

dây - trạm biến áp 500 kV với 121 nhà chốt bảo vệ, 9 nhà bảo vệ trạm lặp.

Mỗi CBCNV Công ty dù kiêm nhiệm thêm nhiều công việc khác nhau giữa quản lý vận hành đường dây 110, 220 kV với chuẩn sản xuất 500 kV, nhưng vẫn nỗ lực vượt qua mọi gian nan, vất vả. Ngay cả trong quá trình giám sát, nghiệm thu ở những vị trí đèo núi hiểm trở như Hải Vân, Phước Tượng, Phú Gia, Ngang, Lò Xo, Ngầm Xoi... những người thợ Truyền tải điện 2 cũng không quản ngại, quên mình vượt khó để hoàn thành tốt công việc, đảm bảo đúng tiến độ công trình. Công tác tuyển chọn kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân cho bộ máy được triển khai khẩn trương từ các trường đại học, trung cấp trong cả nước và các địa phương có đường dây đi qua. Thành quả của những nỗ lực đó, ngày 27/5/1994 tại Trạm biến áp 500 kV Đà Nẵng đã hòa mạng thành công hệ thống điện Bắc-Nam, kết nối hệ thống điện Việt Nam qua đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 1. Chỉ vài tháng sau, lần lượt tại trạm 500 kV Đà Nẵng và Plei Ku đã chính thức cung cấp dòng điện 500 kV mạch 1 cho các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Các đội quản lý, vận hành nằm dọc theo đường dây cũng được hình thành và những những kỹ sư, công nhân trẻ của PTC2 cũng tự nguyện lên vùng sâu, vùng xa ở lại với đường dây tải điện. Từ đây, các địa phương miền Trung và Tây Nguyên đã được cấp điện một cách liên tục, an toàn, đảm bảo cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng.

GIỮ VỮNG “HUYẾT MẠCH” DÒNG ĐIỆN

Năm 1996, trên hệ thống điện của miền Trung xuất hiện tình trạng quá tải dung lượng của MBA, đặc biệt là các Trạm 500 kV Đà Nẵng, Trạm 110 kV Đông Hà, Huế, Xuân Hà, Quảng Ngãi. Trước tình hình trên, Công ty đã phối hợp với Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung lắp đặt, nghiệm thu và đưa vào vận hành các công trình nâng công suất, chống quá tải cho các Trạm 110 kV Đông Hà, Huế 1, Huế 2, Cầu Hai, Xuân Hà, Điện Nam - Điện Ngọc, Liên Chiểu, Dung Quất, Quảng Ngãi, Kon Tum... Hệ thống đo đếm các trạm cũ kỹ, thiết bị không đồng bộ, độ chính xác thấp... đã được Công ty cải tạo nâng cấp, lắp đặt các thiết bị có độ chính xác cao.

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành lưới điện cũng như giảm thiểu điều kiện lao động khó khăn cho người lao động, công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và ứng dụng công nghệ mới luôn được Công ty quan tâm. Một số đề tài NCKH của Công ty đã được triển khai và áp dụng có hiệu quả như: Khoan lỗ treo cột bê tông ly tâm; Truy xuất số liệu sự cố từ xa tại trạm biến áp 500 kV Đà Nẵng; Phương pháp tiếp địa di động tại trạm 500 kV Đà Nẵng...

Vận chuyển thiết bị vượt đèo để khắc phục sự cố do mưa bão (tháng 11/2007)



Phút giải lao trên tuyến của công nhân PTC2

Công nhân PTC2 vận chuyển dây dẫn vượt đèo Phú Gia để sửa chữa (tháng 10/2006)

Công ty Truyền tải điện 2 (PTC2) được thành lập ngày 13/3/1990, tiền thân là Sở Truyền tải điện 1 trực thuộc Công ty Điện lực 3 (nay thuộc Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia). Công ty có nhiệm vụ quản lý vận hành lưới điện Truyền tải có cấp điện áp từ 220 – 500 kV trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên (Quảng Bình, Quảng

Với chủ trương hạn chế đến mức thấp nhất việc cắt điện đường dây 500 kV, ngày 9/9/2001, PTC2 là đơn vị đầu tiên của ngành Điện đã triển khai áp dụng công nghệ sửa chữa đường dây 500 kV đang mang điện và lần lượt sửa chữa tất cả các loại sơ đồ có bố trí dây dẫn và cách điện khác nhau. Việc sửa chữa ĐZ 500 kV đang mang điện trên toàn tuyến Bắc - Nam có ý nghĩa thiết thực cho công tác vận hành lưới điện trên quy mô toàn quốc, đem lại những lợi ích kinh tế to lớn, đồng thời tạo phương thức tối ưu trong vận hành hệ thống.

Khi đường dây 500 kV mạch 2 được xây dựng, Công ty được EVN giao nhiệm vụ tư vấn, giám sát, nghiệm thu và tiếp nhận quản lý, vận hành hơn 600 km, với 1.491 vị trí cột từ Plei Ku đến Đèo Ngang. Đây là một trong những cung đường khó khăn nhất không chỉ trong thiết kế, thi công mà còn cả trong quản lý, vận hành. Hơn 70% cung đường nằm trên địa bàn rừng núi hiểm trở, đi lại rất khó khăn, phải đi qua các đèo cao, còn ở địa bàn đồng bằng ven biển thì lại có địa chất yếu. Nhưng với sự chủ động chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, PTC2 đã hoàn thành nhiệm vụ được

giao, giám sát nghiệm thu, tiếp nhận quản lý và đảm bảo vận hành đường dây an toàn liên tục. Điều này không chỉ khẳng định đáng vóc của trí tuệ và sức lực của ngành Điện Việt Nam mà còn đem lại lợi ích to lớn về kinh tế - xã hội cho đất nước nói chung và miền Trung, Tây Nguyên nói riêng.

Nhu cầu cung cấp điện năng cho toàn xã hội ngày càng tăng, song khả năng truyền tải của hệ thống điện có hạn, chỉ một sự cố cũng có thể gây nên những ảnh hưởng và tổn thất rất lớn. Bên cạnh đó là những khó khăn đặc biệt về địa hình điều kiện khí hậu, thời tiết, thiên tai, bão lũ của dải đất miền Trung khiến cho mỗi bước chân của những người “lính” truyền tải điện nơi đây đều in đậm dấu ấn của nhọc nhằn, gian khó. Không lùi bước trước mọi trở ngại, đội ngũ CBCNV PTC2 ngày hôm nay vẫn giương cao ngọn cờ quả cảm, nỗ lực đảm bảo sự an toàn, thông suốt của dòng điện thiêng liêng. Nhìn lại chặng đường 19 năm xây dựng và phát triển, Công ty Truyền tải điện 2 có thể tự hào về những đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kinh tế xã hội của miền Trung và Tây Nguyên. ■

Thành tích, danh hiệu tiêu biểu

Công ty vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương lao động hạng Nhất, Nhì, Ba.
03 Huân chương Lao động hạng Nhì cho các cá nhân.
13 Huân chương Lao động hạng Ba cho các tập thể.
13 Huân chương Lao động hạng Ba cho các cá nhân.
Và nhiều danh hiệu thi đua cao quý khác.

Tổng sản lượng điện truyền tải, tổn thất qua các năm

Năm	1990	1992	1994	1996	1998	2000	2002	2004	2006	2008	2009
Kế hoạch (tỷ kWh)	69	351	450	980	850	1.100	1.550	2.150	2.784	3.100	3.100
Thực hiện (tỷ kWh)	69.5	349	563	840	901	1.233	1.775	2.229	2.900	3.233	3.101*
Sản lượng truyền tải trên đz 500 kV (tỷ kWh)	/	/	802	1.920	1.825	1.622	3.015	4.337	6.833	11.521	13.696*
Tổn thất % (đạt)	19	17	9	2,34	3	3,17	3,92	3,03	2,37	0,97	1,11*
Tổn thất (%) (giao)								3,5	3,3	1,40	1,3
Số vụ sự cố			38	42	36	38	33	42	38	13	

Ghi chú: (*) số liệu tính đến hết ngày 08/11/2009



Thi công thay sứ đường dây 500kV Bắc Nam năm 2003
Ảnh: Minh Trí

Công ty Truyền tải điện 3

**ĐOÀN KẾT
LÀ YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH**

Hoàng Dũng

Đến bây giờ, các thế hệ cán bộ, công nhân đầu tiên của Sở Truyền tải điện 2 (tiền thân của Công ty Truyền tải điện 3) vẫn nhớ như in về những ngày khởi sự với cơ sở vật chất nghèo nàn, phương tiện thi công ít ỏi, chỉ có 20 con người với tinh thần đoàn kết, quyết tâm, lòng nhiệt tình, gắn bó máu thịt với những công trình lưới truyền tải. Hòa trong không khí lao động quên mình của toàn ngành Điện Việt Nam vì dòng điện Tổ quốc, với “vốn liếng” tinh thần mạnh mẽ của những người “lính” truyền tải miền Trung,... những đường dây trải dài 9 tỉnh Nam miền Trung và Tây Nguyên những năm qua đã liên tục được vận hành an toàn, hiệu quả, đưa dòng điện xuôi ngược Bắc – Nam.

Trong quá trình xây dựng, vận hành hệ thống đường dây tải điện siêu cao áp Bắc - Nam hai mạch 500 kV, biết bao CBCNV ngành Điện, trong đó có những người “lính” truyền tải điện 3 đã thâm lặn hy sinh giữa núi rừng heo hút để cho dòng điện – mạch máu của đất nước được nối liền. Gắn bó với đường dây 500 kV cả hai mạch từ những ngày đầu dựng cột, kéo dây trên địa bàn miền Trung đầy gian khó, đội ngũ CBCNV Công ty Truyền tải điện 3 đã vượt qua muôn vàn thử thách, từng ngày trưởng thành, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giữ vững sự an toàn, ổn định cho đường dây truyền tải điện huyết mạch của đất nước.

Ngày 1/4/1995 được coi là một mốc lịch sử trên chặng đường hình thành và phát triển của đơn vị khi đánh dấu

sự ra đời của Công ty Truyền tải điện 3 trên nền tảng của Sở Truyền tải điện 2. Là một trong 4 công ty truyền tải trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam, với phương châm hoạt động “phát huy nội lực, đoàn kết, kỷ cương, đi tắt đón đầu” chỉ trong một thời gian rất ngắn, Công ty Truyền tải điện 3 đã nhanh chóng lớn mạnh, sánh vai cùng các đơn vị trong ngành.

Miền Trung nổi tiếng với núi rừng hiểm trở, sông suối gập ghềnh, khí hậu hết sức khắc nghiệt, nên việc quản lý lưới điện quốc gia ở khu vực này là vô cùng cam go. Nhưng “người lính” Truyền tải điện 3 đã không quản ngại mọi khó khăn, gian khổ, trong nhiều năm liền bảo vệ, quản lý, vận hành gần 550 km đường dây 500 kV hai mạch, tìm mọi biện pháp để hạn chế tối đa các sự cố.

Nhớ lại, hồi tháng 8/1997, đoạn cáp quang dài 2500 m đường dây 500 kV khoảng néo 2586-2589 bị đứt. Chưa một lần gặp sự cố như thế, cũng như chưa hề được huấn luyện xử lý những tình huống tương tự, nhưng anh em cán bộ kỹ thuật của Công ty đã mạnh dạn xây dựng phương án xử lý, tự thiết kế thi công và thay thế thành công đoạn cáp đảm bảo an toàn, góp phần giữ vững thông tin liên lạc cho ngành Điện, cho quốc gia và tiết kiệm hàng tỉ đồng.

Rồi đến tháng 8/1999, sau những trận mưa lớn ở Tây Nguyên, tại Đắk Nông xảy ra hiện tượng biến động địa chất đất. Gần nửa quả đồi bị sụt lún và trôi đi làm dịch chuyển móng cột tại vị trí 2965 của đường dây so với tâm ban đầu từ 0,8 đến 1,5 m. Cột bị vặn xoắn, dây dẫn căng ra, có nguy cơ bị đứt và trụ có thể bị đổ hàng loạt với mức thiệt hại khó lường. Với tinh thần trách nhiệm cao, khi kiểm tra tuyến, các công nhân vận hành đã phát hiện kịp thời ngay từ khi vết nứt mới xuất hiện rộng chưa đầy 1cm. Không ngại mưa lũ, ngày đêm, toàn Công ty dồn cả trí và lực đưa ra giải pháp xử lý kịp thời và chính xác để giữ vững, vận hành an toàn hệ thống điện cho đến khi trụ 2965 được xử lý xong. Nhớ lại hình ảnh trong lúc đường dây vẫn mang điện, cột điện đang bị vặn xoắn do trôi móng, anh em công nhân vẫn dũng cảm leo lên trụ để buộc dây chằng néo, cố giữ cho trụ không bị đổ, nhiều người vẫn không thể tin nổi, lúc đó động lực nào lại giúp họ làm nên điều kỳ diệu và phi thường như thế...

Hay như trận lũ quét xảy ra tại huyện Krông Nô (tỉnh Đắk Lắk) hồi tháng 10/2000 khiến một phần móng trụ 2831 bị sạt lở nghiêm trọng, phần đá kê bị trôi xuống dốc ở độ cao trên 20m, để trơ mảng đế bê tông. Các phương tiện đi lại đều không hoạt động được, kể cả canô. Công ty buộc phải thuê máy bay trực thăng để chở vật tư, thiết bị, dụng cụ và công nhân vào hiện trường xử lý, đồng thời kết hợp kiểm tra dọc tuyến. Bằng nhiều biện pháp như chằng néo, đóng cọc, khơi dòng nước và phủ bạt che mưa, giảm độ bào mòn, cột 2831 đã được xử lý kịp thời và sau đó được xử lý vĩnh cửu, tránh tổn thất lớn cho ngành Điện và cho đất nước.

Để kịp thời xử lý các sự cố trong thời gian ngắn nhất, Công ty thường xuyên tổ chức diễn tập các tình huống sự cố, chuẩn bị phương án cấp điện dự phòng cho từng đối tượng sự cố. Tại các đơn vị luôn

thực hiện chế độ trực thông tin, trực kỹ thuật để có thể nắm bắt và xử lý thông tin nhanh nhất, từ đó huy động lực lượng để ngăn chặn tình trạng đứt rừng, làm rẫy, trồng cây cao trong hành lang. Nhờ vậy, những năm qua, nhiều sự cố đã được Công ty phát hiện và xử lý kịp thời, có biện pháp khắc phục nhanh, hiệu quả, sáng tạo. Đồng thời, sau mỗi sự cố, Công ty triển khai ngay công tác nghiên cứu, phân tích, tìm nguyên nhân chi tiết để rút kinh nghiệm cho những trường hợp tương tự.

Bên cạnh những thành công ấy, Công ty còn thường xuyên phối hợp với lực lượng quân đội, công an và chính quyền địa phương làm tốt công tác tuyên truyền bảo vệ đường dây, triển khai thực hiện tốt Nghị định 54/CP của Chính phủ về đảm bảo an toàn hành lang bảo vệ lưới điện cao áp (nay là Nghị định 106/2005/NĐ-CP).

Phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nghiên cứu ứng dụng KHKT cũng luôn được CBCNV công ty phát huy, nhân rộng. Từ năm 1995 đến nay, Công ty tiết kiệm và làm lợi hàng trăm tỉ đồng nhờ có hàng trăm sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất lao động và góp phần cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tập đoàn, phục vụ công tác quản lý điều hành sản xuất được Công ty áp dụng như: Thao tác đóng cắt thiết bị điện từ xa trên máy vi tính; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật “Lập trình thiết bị PLC thay thế mạch tự động YPOB trạm biến áp 110kV Cam Ranh”; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ kỹ thuật số chế tạo mạch điều khiển, đo lường, bảo vệ và nâng cấp bộ nguồn 220VDC cho các trạm biến áp truyền tải điện; Lập bản đồ nhiễm bẩn và biện pháp xử lý nhiễm bẩn trên đường dây tải điện; Thiết kế chế tạo robot trong việc quản lý vận hành đường dây ...

Những khó khăn, thử thách vẫn còn ở phía trước, khi hệ thống điện quốc gia đang phát triển mạnh mẽ nhằm đáp ứng nhu cầu điện ngày càng cao về sản lượng và chất lượng. Áp lực ngày càng lớn và những bài toán mới hóc búa hơn đang và sẽ được đặt ra đòi hỏi những người thợ Truyền tải điện 3 phải dày công nghiên cứu, lao động quên mình và đặc biệt luôn giữ vững truyền thống đoàn kết, gắn bó, để cùng ngành Điện Việt Nam tiếp tục tạo nên những kỳ tích mới trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. ■

Đến tháng 9/2009, số km đường dây truyền tải từ cấp điện áp 220 kV – 500 kV, Công ty quản lý là 1.482,981 km. Trong đó: Cấp điện áp 500 kV là 591,6km; 220 kV (mạch đơn) là 765,581 km; 220 kV (mạch kép) là 125,8 km.

Tổng dung lượng Công ty quản lý: 1.478 MVA, trong đó có 1 trạm 500 kV và 4 trạm 220 kV.

Quản lý vận hành lưới điện truyền tải có cấp điện áp từ 220 kV đến 500 kV trên địa bàn các tỉnh Nam miền Trung và Tây Nguyên, gồm: Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Gia Lai, KonTum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng và Bình Phước.

Những thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

*** Tập thể:**

- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2003;
- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1998;
- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1995.

*** Cá nhân:**

- Ông Đinh Miên (Nguyên Giám đốc Công ty) được phong tặng Anh hùng Lao động năm 2000

Tên gọi Công ty qua các thời kỳ:

- Ngày 01/6/1990, được thành lập với tên gọi Sở Truyền tải điện 2
- Ngày 01/4/1995: Công ty Truyền tải điện 3 được chính thức thành lập, trực thuộc EVN
- Ngày 30/06/2008, Công ty Truyền tải điện 3 là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia

Sản lượng điện truyền tải và tỷ lệ tổn thất điện năng trên lưới 220 kV và 110 kV của PTC3 qua các thời kỳ

Năm	Sản lượng điện truyền tải (tỷ kWh)	Tổn thất điện năng (%)
1995	0,59	5,94
1996	0,87	4,32
1997	0,92	4,44
1998	1,04	5,87
1999	1,22	5,87
2000	1,4	4,77
2001	1,5	4,79
2002	1,7	4,92
2003	2,02	4,51
2004	2,26	3,48
2005	2,68	3,44
2006*	3,05	3,09
2007	2,98	2,93
2008	2,63	2,27
7 tháng đầu năm 2009	1,7	1,8

* Từ năm 2006 trở về trước gồm cả lưới 110 kV và 220 kV

Đường dây và Trạm do PTC3 quản lý qua các thời kỳ

Năm	Cấp điện áp 110 kV		Cấp điện áp 220 kV		Cấp điện áp 500 kV	
	Đường dây	Trạm	Đường dây	Trạm	Đường dây	Trạm
1993	Đa Nhim - Cam Ranh - Nha Trang		66			
2006	1.095 km	24	548 km	3	591,6 km	1
2009			765,581 km (mạch đơn); 125,8 km (mạch kép)	4	591,6 km	1

CÔNG SUẤT CÁC TRẠM 220 KV – 500 KV THUỘC PTC3 QUẢN LÝ VẬN HÀNH

TT	Tên trạm	Điện áp (KV)	Số lượng MBA (máy)	Công suất (MVA)
I	Trạm 500 kV Plei Ku (E52)			
	Máy 500 kV	500	1	450
	Máy 220 kV	220	1	250
II	Trạm 220 kV Nha Trang (E29)			
	Máy 220 kV	220	2	125+125
III	Trạm 220 kV Quy Nhơn (E21)			
	Máy 220 kV	220	2	125+125
	Máy 110 kV	110	2	25+40
IV	Trạm 220 kV Krông Buk (E47)			
	Máy 220 kV	220	2	125+63
	Máy 110 kV	110	1	25
V	Trạm 220 kV Tuy Hòa			
	Máy 220 kV	220	1	125

Thi công lắp đặt tụ bù dọc tại Trạm biến áp 500kV Plei Ku năm 2004
Ảnh: Minh Trí



Công ty Truyền tải điện 4

TĂNG TỐC từ công nghệ mới

Đức Minh

Công ty Truyền tải điện 4 (PTC4) là đơn vị quản lý khối lượng chiều dài đường dây và công suất trạm biến áp lớn nhất trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Hàng năm, tổng điện năng chuyển tải trên lưới của PTC4 chiếm hơn 50% tổng sản lượng điện của cả nước, mức tăng sản lượng điện truyền tải trung bình 18,9%/năm.

Qua hơn 30 năm hình thành và phát triển, với chức năng quản lý vận hành lưới điện cao thế toàn miền Nam từ cấp 220 kV đến 500 kV, PTC4 đảm trách nhiệm vụ nhận điện từ các nhà máy điện: Đa Nhim, Trị An, Thủ Đức, Trà Nóc, Thác Mơ, Phú Mỹ, Bà Rịa Ô Môn, Nhơn Trạch Formosa Hiệp Phước, Cà Mau, Hàm Thuận - Đa Mi, và một phần công suất của Nhà máy Thủy điện Hòa Bình, Ialy cung cấp cho các điện lực địa phương tại 21 tỉnh, thành phố phía Nam. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện công tác truyền tải công suất cao từ cụm điện Phú Mỹ ra các tỉnh miền Trung, miền Bắc trong mùa khô qua hệ thống đường dây 500 kV..

“CÔNG” ĐIỆN VƯỢT “NÚI” KHÓ KHĂN

Từ năm 1975, tiếp quản Nha chuyển vận phân phối sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, những người thợ của Sở Quản lý Truyền tải điện (tiền thân của PTC4) đã nỗ lực ngày đêm khôi phục lưới điện sau chiến tranh. Đến năm 1981, khi Sở Quản lý Truyền tải điện được đổi tên thành Sở Truyền tải điện trực thuộc Công ty Điện lực 2, thì những khó khăn, thử thách vẫn luôn thường trực: Hành lang còn nhiều bom mìn do chiến tranh để lại; thiết bị và phụ kiện chắp vá, không đồng bộ; không mua được thiết bị thay thế... Tuy nhiên, với tinh thần quyết tâm vượt khó và phát huy sáng tạo của cán bộ nhân viên trong đơn vị, điện năng vẫn được cung cấp ở mức cao nhất có thể cho thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm kinh tế lớn nhất đất nước.



Công ty Truyền tải điện 4 đón nhận cờ thi đua của EVN tại Hội nghị Tổng kết 10 năm vận hành đường dây siêu cao áp 500 kV (tháng 5/2009)

Đến năm 1995, Sở Truyền tải điện được tách khỏi Công ty Điện lực 2, Công ty Truyền tải điện 4 được thành lập trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (từ ngày 1/7/2008 chuyển thành đơn vị thành viên của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia – thuộc EVN). Đây là dấu mốc cho giai đoạn tăng trưởng mạnh của PTC4 khi mà các yếu tố cần và đủ đã được đảm bảo. Năm 1994, đường dây 500 kV Bắc – Nam mạch 1 đi vào vận hành, đội ngũ kỹ sư và công nhân của Công ty đã nhanh chóng học hỏi, nắm bắt công nghệ từ chuyên gia nước ngoài, đủ sức tự điều hành, tính toán nghiên cứu hệ thống, chỉnh định rơ le bảo vệ, thí nghiệm, bảo dưỡng và sửa chữa đường dây. Với sự nỗ lực của đội ngũ CBCNV PTC4, đường dây 500 kV mạch 1 đã truyền tải một lượng điện lớn cung cấp cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của miền Nam và miền Trung, chấm dứt tình trạng thiếu điện triền miên trước đó tại các khu vực này; đồng thời nâng cao đáng kể độ tin cậy cũng như chất lượng cung cấp điện.



Truyền Tải Điện Cao Nguyên thực hiện thay sứ, bảo trì, bảo dưỡng đường dây 500KV Plei Ku - Phú Lâm (mạch 2) ngày 21/01/2004

Thời gian vận hành đường dây 500 kV mạch 1 cũng đã đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của những CBCNV PTC4, chứng tỏ khả năng làm chủ công nghệ hiện đại, ngang bằng với trình độ của nhiều nước tiên tiến thế giới trong truyền tải điện cao áp và điều khiển hệ thống điện liên kết các vùng miền.

Với những kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn được tích lũy và nâng cao qua gần 10 năm quản lý vận hành đường dây 500 kV mạch 1, Công ty hoàn toàn tự tin đảm nhận thêm một nhiệm vụ lớn, quản lý 307,6 km đường dây 500 kV mạch 2 (được đưa vào vận hành năm 2004).

Kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tăng trưởng mạnh kéo theo nhu cầu điện năng tăng vọt. Điều này đòi hỏi PTC4 phải khẩn trương đưa ra các giải pháp tình thế chống quá tải để cung cấp điện kịp thời. Với đặc thù địa bàn quản lý phân tán, địa hình phức tạp (có cả đồng bằng, miền núi, vùng sông nước, vùng đô thị), lại phải chịu nhiều đột thiên tai, lũ lụt..., những yêu cầu trong hoàn cảnh mới đòi hỏi những người lao động của PTC4 tiếp tục phát huy cao độ tinh thần vượt khó, đề xuất những sáng kiến, áp dụng công nghệ mới, giữ vững “huyết mạch” điện đang có và đẩy nhanh tiến độ của các dự án mới.

Ông Nguyễn Xuân Hòa - Phó Giám đốc Công ty cho biết: Trong những thời điểm cao độ về công suất truyền tải, trên những tuyến đường dây “nóng”, mỗi công nhân được phân công đảm trách một cột điện, theo dõi sát mọi diễn biến để hạn chế đến mức thấp nhất sự cố có thể xảy ra. Vào mùa nước nổi, những

người thợ truyền tải vẫn hằng ngày đi xuống, rồi lội hàng chục cây số, kiểm tra từng trụ điện, kịp thời khắc phục những nguy cơ gây sự cố, dù là nhỏ nhất.

Tại những khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, các đơn vị phụ trách địa bàn tổ chức ký kết quy chế phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác cấp phép xây dựng công trình gần hành lang an toàn đường dây; đồng thời tăng tần suất kiểm tra tại những địa bàn nhạy cảm... Tất cả sự nỗ lực ngày đêm vượt qua hàng “núi” những khó khăn của các thể hệ CBCNV Công ty là để đảm bảo sự an toàn, thông suốt cho dòng điện thiêng liêng của tổ quốc.

ĐI ĐẦU MŨI NHỌN CÔNG NGHỆ

“Miền Nam là khu vực có tốc độ phát triển kinh tế và nhu cầu điện năng cao nhất nước. Việc đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định là nhiệm vụ hết sức nặng nề, đòi hỏi toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty phải luôn nỗ lực phấn đấu, trau dồi kiến thức chuyên môn, kết hợp đồng bộ giữa tăng chất lượng nhân lực với đầu tư, ứng dụng công nghệ mới” – Ông Nguyễn Xuân Hòa, Phó Giám đốc Công ty chia sẻ.

Được đánh giá là một trong những đơn vị có nền nếp quản lý kỹ thuật hiệu quả nhất, đi đầu trong công tác tiếp cận, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, những người lao động của PTC4 luôn có ý thức cầu tiến, ham học hỏi. Sự thành công của những dự án mang tính tiên phong trong ứng dụng công nghệ hiện đại đã khẳng định rõ nét ưu thế này của PTC4. Đó là lần đầu tiên ở Việt Nam, PTC4 đã triển khai xây dựng, vận hành quản lý trạm GIS 220 kV Tao Đàn. Năm 2003, Công ty đã lắp đặt và đưa vào vận hành thành công và vượt tiến độ Trạm biến áp 500 kV Phú Mỹ công suất 900 MVA - góp phần giải tỏa “cơn khát điện” của hệ thống điện quốc gia đang vô cùng nóng bỏng trong thời gian ấy. Tiếp đến là việc hỗ trợ lắp đặt thay thế máy biến áp cho Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 3 (bị sự cố vào cuối năm 2007), tránh lãng phí một nguồn điện quý giá làm tăng lên tới 300 MW trong gần hai năm...

Kinh nghiệm và trình độ của đội ngũ kỹ thuật đã tạo nên uy tín ngày càng cao cho PTC4, tạo điều kiện để Công ty mở rộng các lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Cải tạo, nâng cấp các công trình lưới điện truyền tải; thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị đo lường, hệ thống tự động, role bảo vệ và các thiết bị ở các cấp điện áp; tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, giám sát và thi công xây dựng lắp đặt các công trình lưới điện; đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ và công nhân quản lý vận hành đường dây và trạm. ■

Những danh hiệu tiêu biểu:

- * Tập thể:**
- 1 Huân chương Độc lập hạng Nhất.
 - 1 Huân chương Độc lập hạng Ba.
 - 2 Huân chương Lao động hạng Nhất.
 - 2 Huân chương Lao động hạng Nhì.
 - 1 Huân chương Lao động hạng Ba.
 - 47 Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba (các đơn vị cơ sở)
- * Cá nhân:**
- 1 Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới

CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 4 quản lý vận hành lưới điện truyền tải với cấp điện áp từ 220 kV đến 500 kV trên phạm vi 22 tỉnh thành phía Nam, từ Lâm Đồng trở vào đến Cà Mau.

- Tổng số CBCNV: 2.056 người

Khối lượng quản lý (tính đến ngày 31/08/2009)

Đường dây:

- Đường dây 500 kV: 765,86 km
- Đường dây 220 kV: 3.182,71 km
- Tổng cộng: 3.948,57 km

Trạm biến áp:

- Trạm 500 kV: 5 trạm, 31 máy biến áp, tổng công suất 5.156 MVA
- Trạm 220 kV: 22 trạm, 55 máy biến áp, tổng công suất 7.700 MVA
- Tổng cộng: 26 trạm, 86 máy biến áp, tổng công suất 12.856 MVA

Sản lượng điện truyền tải qua các năm:

Năm	Sản Lượng tỷ KWH	Tổn Thất
1995	6,213	5,7 %
2000	11,3	4,66 %
2005	27,5	2,96 %
2006	28,76	2,62 %
2007	33,135	2,10 %
2008	37,527	1,61%
2009	42 (Dự kiến)	1,6 %
2010	2,7 (Kế Hoạch)	1,6 % (Kế hoạch)

Sản lượng tăng trưởng từ 2004 đến 2008 bình quân 15,8%



Truyền Tải Điện Miền Đông 1 (thuộc PTC 4) thi công công trình căng dây đường dây 220kv Phú Mỹ - Long Thành thực hiện vào tháng 09 năm 2009

Ảnh: Ngô Trung Hiếu

Công ty Điện lực thành phố Hà Nội

THẮP SÁNG THỦ ĐÔ ANH HÙNG

Phan Anh

Phát huy niềm tự hào là nơi Bác Hồ về thăm ngay sau ngày giải phóng Thủ đô, thực hiện lời căn dặn của Bác, trải qua 55 năm với bao hi sinh, mất mát trong chiến tranh, thăng trầm, biến cố trong xây dựng và đổi mới, Công ty Điện lực thành phố Hà Nội đã có những đóng góp quan trọng trong việc tạo dựng tầm vóc của một Thủ đô anh hùng ngàn năm văn hiến.



Chữa điện cầu Long Biên trong chiến dịch "Điện Biên Phủ trên không" cuối tháng 12/1972 Ảnh: Trần Nguyên Hơi



Phòng Giải đáp thông tin khách hàng (thuộc HNPC) Ảnh: Đỗ Nhung



Công nhân Chi nhánh điện Quốc Oai đóng, cấp điện cho các hộ dân trên địa bàn (tháng 6/2009). Ảnh: Ngọc Hà



Công nhân Xí nghiệp Quản lý lưới điện 110 kV (thuộc HNPC) nâng cáp TBA 110 kV E8 - Yên Phụ (tháng 7/2009) Ảnh: Hoa Việt Cường

bạn bè năm châu. Mồ hôi, nước mắt và máu những người thợ điện đã đổ xuống để Hà Nội - trái tim kiên cường, kiêu hãnh của đất nước luôn đỏ trong lồng ngực.

HAY TRƯỚC NHỮNG THỬ THÁCH, KHÓ KHĂN

Những năm đầu khi đất nước hoàn toàn giải phóng, Sở Điện lực Hà Nội (tiền thân của Công ty Điện lực thành phố Hà Nội) đã gặp muôn vàn khó khăn: Mất cân đối nghiêm trọng giữa nguồn điện và phụ tải, giữa nguồn điện và lưới điện, máy móc, thiết bị rệu

doanh điện, Công ty đã đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng phong cách Người thợ điện Thủ đô "Trách nhiệm, Trí tuệ, Thanh lịch", gắn liền với cải cách thủ tục hành chính.

Đồng thời, xác định rõ chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công, sự sống còn của đơn vị, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ CBCNV. Công ty là đơn vị duy nhất trong ngành đã xây dựng một Trung tâm đào tạo với cơ sở vật chất khang trang, hiện đại để người thợ điện Thủ đô được trang bị

DÙ TRONG MƯA BOM, BÃO ĐẠN...

Cách đây 55 năm, ngày 10/10/1954, dòng điện Hà Nội đã toả sáng đón Đoàn quân chiến thắng trở về. Tiếp quản một cơ sở vật chất nghèo nàn, những người thợ điện Thủ đô đã nỗ lực đảm bảo dòng điện để chính quyền cách mạng bắt tay vào xây dựng đất nước từ những "viên gạch" thô sơ làm nền móng. Từ năm 1964 đến cuối tháng 12/1973, với quyết tâm đưa miền Bắc Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá, đế quốc Mỹ đã dùng không quân đánh phá ác liệt và mục tiêu đầu tiên là toàn bộ cơ sở vật chất của ngành Điện. Nhưng kẻ thù không thể ngờ rằng, dù dưới ánh nắng hè gay gắt, hay trong

những đêm mưa giá lạnh,... vừa dứt tiếng bom đạn, người thợ điện Thủ đô lại gác súng chiến đấu, trở về với nhiệm vụ khôi phục dòng điện.

Đặc biệt, năm 1972, trong chiến dịch Điện Biên Phủ trên không, đường dây trung thế từ nội thành qua cầu Long Biên sang bờ bắc bị đứt, những thợ điện Thủ đô đã dấn mình trong giá rét của sông Hồng nổi lại dây để kịp thời có điện phục vụ cuộc chiến đấu. Dù máy bay Mỹ ném bom khốc liệt vào Hà Nội, nhiều trạm biến áp, đường dây cấp điện bị phá huỷ, nhưng khi tiếng bom vừa dứt, chỉ ít phút sau, đèn lại sáng, Đài tiếng nói Việt Nam lại truyền đi những tin chiến thắng của Thủ đô, của cả nước tới

rã do thiếu phụ tùng thay thế. Nhưng với truyền thống vượt khó, với nỗ lực bền bỉ của những người thợ điện, từng ngày, lưới điện Hà Nội đã được khắc phục và cải tạo.

Năm 1995 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi Sở Điện lực Hà Nội (đơn vị hạch toán phụ thuộc) trở thành Công ty Điện lực thành phố Hà Nội (HNPC) - đơn vị hạch toán độc lập, thuộc EVN. Nhận thức được vị trí trong thời kỳ đổi mới, Công ty đã xác định phải hoàn toàn từ bỏ tư tưởng bao cấp, khôi phục được lòng tin, sự tín nhiệm của khách hàng dùng điện. Đi đầu trong khối các đơn vị kinh

đầy đủ kiến thức khi bước vào những "cuộc chiến" với nhiều thử thách mới trong nền kinh tế tri thức.

Là một trong 2 trung tâm kinh tế, xã hội lớn nhất cả nước, thành phố Hà Nội đạt tốc độ tăng trưởng GDP trên 10% mỗi năm. Vì vậy, việc đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu về điện phục vụ cho công cuộc đổi mới CNH-HĐH của Thủ đô, phục vụ nhu cầu SXKD, sinh hoạt của nhân dân trong bối cảnh khủng hoảng năng lượng, thiếu nguồn cung cấp điện là một nhiệm vụ vô cùng nặng nề. Đặc biệt, Hà Nội mở rộng địa giới hành chính, cũng đồng thời mở thêm rất nhiều cơ hội và đặt ra những thách

thức lớn lao đối với HNPC trong công tác đầu tư cải tạo, nâng cấp và phát triển lưới điện.

Căn cứ Quy hoạch phát triển và cải tạo lưới điện thành phố Hà Nội giai đoạn 2002-2010, có xét tới năm 2020, vượt qua những khó khăn để thu xếp đủ nguồn vốn đáp ứng yêu cầu, HNPC đã từng bước xây dựng và nâng cấp cải tạo lưới điện trong mỗi giai đoạn một cách chính xác và phù hợp nhất. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng các phương án cấp điện hợp lý cho các phụ tải mới, đề xuất các giải pháp kỹ thuật cũng như sơ đồ kết lưới hợp lý cho các đề án nâng điện áp 22 kV, áp dụng các công nghệ hiện đại phù hợp với điều kiện khí hậu, môi trường của Hà Nội... Nhờ vậy, trong 10 năm qua, hệ thống lưới điện Thủ đô đã phát triển theo hướng cân đối, đáp ứng được yêu cầu phát triển của phụ tải với mức tăng trưởng 13-15%/năm, linh hoạt, tối ưu trong vận hành, đảm bảo tính hiệu quả và tiết kiệm đáng kể chi phí đầu tư.

Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000, Công ty đã triển khai hàng loạt các chương trình củng cố công tác quản lý kỹ thuật tại các điện lực, Trung tâm thí nghiệm điện và Xí nghiệp Quản lý lưới điện 110 kV. Từ đó, công tác quản lý vận hành và giám sát sự cố của tất cả các đơn vị được thực hiện thống nhất, đồng bộ và đi vào nề nếp.

THAY ĐỔI DIỆN MẠO KHU VỰC NÔNG THÔN

Trong công tác tiếp nhận lưới điện hạ áp và bán điện trực tiếp đến hộ nông thôn, HNPC cũng là một điểm sáng, đi đầu trong toàn ngành. Mặc dù phải đối mặt với rất nhiều vướng mắc khi các tổ chức bán điện tại các thôn xã luôn tìm mọi cách cản trở vì họ sợ mất việc làm, mất nguồn thu, nhưng với quyết tâm cao, thực hiện sự chỉ đạo của Tập đoàn và lãnh đạo Thành phố, từ năm 1999-2002, Công ty đã hoàn thành tiếp nhận 100% lưới trung thế các xã, thực hiện thí điểm tiếp nhận bán lẻ đến hộ dân các xã làng nghề.

Khắc phục mọi khó khăn, khai thác triệt để những thuận lợi dù là nhỏ, Công ty đã từng bước thực hiện tiến trình của “Đề án điện nông thôn” bằng nguồn vốn ngân sách của Thành phố với giá trị trên 300 tỷ đồng. Tính đến tháng 11/2007, Công ty đã hoàn thành việc tiếp nhận lưới điện hạ thế của 115 xã và thực hiện bán điện trực tiếp đến 393.214 hộ dân các xã ngoại thành theo qui định của Nhà nước. Công ty cũng đã đưa điện lưới quốc gia đến nhiều xã thuộc vùng sâu, vùng xa (như khu vực Đồng Đò,

4 xã miền Tây) của huyện Sóc Sơn.

Sau khi Hà Nội mở rộng địa giới hành chính, đặc biệt, tháng 9/2008, Công ty đã xây dựng xong trước thời hạn 1 trạm biến áp và đường dây cấp điện đến xã Yên Trung - huyện Lương Sơn (Hoà Bình) - địa bàn trước đây chưa từng có điện. Đến hết tháng 10/2009, Công ty đã thực hiện tiếp nhận và bán điện trực tiếp đến từng hộ dân của 150 xã/345 xã thuộc khu vực mới sát nhập còn mua điện qua cai thầu. Diện mạo của những vùng nông thôn Hà Nội đã hoàn toàn thay đổi nhờ ánh điện Thủ đô.

VÀ VƯƠN LÊN TẦM CAO MỚI

Thực hiện chủ trương xây dựng Tổng công ty TNHH NN MTV, hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con, HNPC đang đứng trước những thời cơ và thách thức rất lớn. Hà Nội mở rộng với thể “rồng cuộn, hổ ngồi” phồn thịnh đang bứt phá mạnh mẽ; kéo theo đó là nhu cầu phát triển lưới điện Thủ đô phải đẹp, an toàn, tin cậy; kinh doanh có lãi và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Đối với sự phát triển nội tại của HNPC, sự lớn mạnh về quy mô, vị thế cũng phải song hành với những thay đổi thực sự về chất trong toàn bộ doanh nghiệp, thúc đẩy tất cả các phần tử của hệ thống ấy tiến bước theo chiến lược đã được hoạch định. HNPC yêu cầu các đơn vị trực thuộc đổi mới mô hình tổ chức sản xuất, kinh doanh, hoàn thiện cơ chế quản lý, quy trình và phân cấp hoạt động, thực hiện các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu của sản xuất, kinh doanh điện, viễn thông và các lĩnh vực khác theo mô hình tổ chức mới. Đội ngũ những người thợ điện Thủ đô luôn xác định: Con đường ấy đã được rọi sáng một cách rõ ràng, nhưng không hề trải thảm nhung... ■

Thành tích, danh hiệu tiêu biểu :

- Danh hiệu Anh hùng LLVTND năm 2001;
- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 1999;
- Huân chương Độc lập hạng Nhì năm 2009;
- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 1956, 1961;
- Huân chương Lao động hạng Nhất cho Công đoàn Công ty năm 2006;
- Huân chương Lao động hạng Nhì cho Công đoàn Công ty năm 1999;
- Huân chương chiến công hạng Nhì năm 2000...

Cơ cấu tổ chức

Năm	1999	2000	2005	2008	Năm 2009
Nội dung					
Tổng số lao động	3230	3211	3600	5907	5972
Trình độ:					
- Trên đại học	3	7	16	131	156
- Đại học	452	695	1087	1881	1974
- Trung cấp	298	322	457	1260	1119
- CNV	2447	2383	2087	2635	3161
Bộ máy:					
- Số phòng ban	14	14	16	19	
- Số Điện lực	11	11	14	29	
- Số Trung tâm, xưởng đội	9	9	8	7	

Sự phát triển lưới điện Hà Nội

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Năm 1998	Năm 2008	Năm 2009
1	Trạm biến áp 110 kV	Trạm	11	25	25
2	Tổng dung lượng	kVA	659	2.195	2.215
3	Trạm biến áp trung gian	Trạm	23	43	57
4	Trạm biến áp phân phối	Trạm	3.548	10.181	10.451
5	Đường dây cao thế 110 kV	km	287,5	607	608,6
6	Đường dây trung thế	km	2.114,08	5.923	6.134
7	Đường dây hạ thế	km	1.188,82	10.624	13.945

Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh

Nội dung	Đơn vị	Năm 1999	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2008	Năm 2009
Số lượng khách hàng mua điện	Khách hàng	341.872	366.065	662.462	1.244.869	1617.000
Sản lượng điện thương phẩm	tỷ kWh	2,044	2,271	4,003	5,985	~ 10
Tỷ lệ tổn thất điện năng	%	11,07	10,9	8,9	7,32	6,9
Giá bán điện bình quân	đ/kWh	713,22	741,5	877,1	985,77	1.024
Doanh thu tiền điện	tỷ đồng	1.458,4	1.684,11	3.511,26	5.900	7.723

Công ty Điện lực 1

Những chặng đường GIAN NAN

Minh Quang

Đội tự vệ nhà máy điện Yên Phụ trong trận chiến ngày 10/5/1972 đã bắn rơi 1 máy bay F4 của Hải quân Mỹ khi xâm phạm bầu trời Hà Nội
Ảnh: Trần Nguyên



KHÍ PHÁCH ANH HÙNG...

Thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ ở miền Bắc, các cơ sở điện lực là mục tiêu bắn phá của máy bay Mỹ. Mỗi ngày Nhà máy điện Vĩnh (Nghệ An) phải hứng chịu khoảng 8.000 quả bom, mỗi mét vuông đất phải hứng chịu khoảng 100 kg thuốc nổ. Nhà máy điện Thanh Hóa có đợt 3 ngày liền chịu 27 trận không kích với 500 quả bom các loại. Ngày 22/12/1965, tại Nhà máy điện Uông Bí, có tới 99 lượt máy bay đánh xối xả. Đế quốc Mỹ còn dùng bom định hướng, tên lửa và nhiều loại bom khác nhằm xóa sổ Nhà máy điện Hải Phòng và Nhà máy điện Yên Phụ (Hà Nội)...

Thấm nhuần chân lý "Không có gì quý hơn độc lập tự do" của Bác Hồ kính yêu, CBCNV PC1 đã quyết tâm "Giữ vững dòng điện trong mọi tình huống", bom đạn ngừng là tranh thủ phục hồi máy móc, thiết bị. Nhiều nhà máy vẫn đạt công suất thiết kế, thậm chí, hệ thống nguồn và lưới điện còn tiếp tục được củng cố, bổ sung thêm, đặc biệt là nguồn diesel phục vụ yêu cầu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp địa phương.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2, các nhà máy điện Vĩnh, Uông Bí, Yên Phụ... một lần nữa lại trở thành mục tiêu đánh phá của

đế quốc Mỹ. Tuy nhiên, những tổn thất do chiến tranh không ngăn cản được sức sống vươn lên của CBCNV ngành Điện miền Bắc. Mỗi CBCNV ngành Điện miền Bắc đã nêu cao tinh thần "Giữ vững dòng điện trong mọi tình huống", "Trái tim người thợ điện còn đập thì dòng điện không bao giờ tắt". Nhiều tấm gương anh hùng đã xuất hiện như các đồng chí Đỗ Chanh (Thanh Hóa), Nguyễn Đình Thành (Hà Nội), 121 CBCNV Công ty đã ngã xuống vì dòng điện thân yêu của Tổ quốc ...

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải tiến quản lý kinh tế, năm 1969, PC1 được thành lập hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế. Từ đây, PC1 chính thức đi vào hoạt động với đầy đủ tư cách pháp nhân là một công ty quốc doanh quản lý và cung cấp điện cho toàn miền Bắc XHCN.

Đây là bước ngoặt có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển điện lực ở Việt Nam.

Sau chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, miền Bắc bị tàn phá nặng nề. Nhưng với quyết tâm khôi phục sản xuất, củng cố quản lý làm nhiệm vụ hàng đầu, chỉ trong 2 năm (1970-1971), PC1 vừa khôi phục lại hầu hết các nhà máy điện bị hư hỏng trong chiến tranh vừa tổ chức, sắp xếp lại nhân sự cho phù hợp với cơ chế mới. Năm 1971, sản lượng điện PC1 thực hiện vượt mức kế hoạch, tăng 28,1% so với năm 1970, bước đầu có lãi và thực hiện tích lũy cho Nhà nước.

...NỖ LỰC VƯỢT BẠC

Năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, Công ty Điện lực 1 vừa phải khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, vừa san sẻ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, công nhân lành nghề vào tiếp quản các cơ sở vật chất của ngành ở miền Nam.

Thực hiện Tổng sơ đồ phát triển điện giai đoạn 1 từ 1981-1985, PC1 đã triển khai thực hiện công trình có tầm cỡ quốc gia là Nhà máy điện Phả Lại; xúc tiến xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Bình. Hàng

loạt đường dây 110 kV và 220 kV huyết mạch của miền Bắc đang vận hành hiện nay cũng được xây dựng ở thời kỳ này. Đây là bước đi đầu tiên quan trọng không chỉ đối với ngành Điện Việt Nam mà còn thực hiện chiến lược hàng đầu của Nhà nước. Đến năm 1990, lưới điện truyền tải 220 kV ở miền Bắc đã vươn tới thành phố Đà Nẵng để cấp điện cho các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng, chấm dứt tình trạng "đói điện" của miền Trung, giúp đồng bào nơi đây phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống.

Để hợp nhất hệ thống điện toàn quốc, khắc phục tình trạng dư công suất ở miền Bắc, thiếu công suất ở miền Trung và miền Nam, Đảng và Nhà nước quyết định xây dựng đường dây 500 kV xuyên quốc gia và các trạm biến áp 500 kV ở các khu vực. Công ty Điện lực 1, ngoài việc dồn tâm lực cho việc hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch được giao, còn tập trung cao độ sức người, sức của để tham gia xây dựng công trình.

Những năm cuối thế kỷ 20 đến nay, trước thực trạng nguồn điện miền Bắc luôn trong tình trạng thiếu công suất, lưới phân phối cũ nát, xuống cấp, điện áp nhiều khu vực giảm thấp, tổn thất điện năng cao, Công ty Điện lực 1, với tinh thần quyết tâm cao đã huy động mọi khả năng, thống nhất nhiều biện pháp thực hiện để xây dựng và cải tạo lưới điện.

Từ năm 2000 đến hết năm 2008, Công ty đã đầu tư, cải tạo trên 14.000 hạng mục công trình với tổng

Công nhân Chi nhánh điện Kỳ Anh (Điện lực Hà Tĩnh) dựng cột tuyến đường dây 110 kV cấp điện cho Thị trấn Kỳ Anh (tháng 10/2007)
Ảnh: Ngọc Hà



giá trị đầu tư lên đến gần 14.000 tỷ đồng. Tốc độ đầu tư tăng bình quân đạt trên 18%/năm. Công tác sản xuất, kinh doanh ngày càng phát triển. Thu nhập và đời sống của CBCNV không ngừng nâng cao. Điện thương phẩm năm 1991 của Công ty là 2,267 tỷ kWh, năm 2000 tăng lên gấp đôi là 5,925 tỷ kWh, năm 2008 là 14,628 tỷ kWh. Doanh thu năm 2008 đạt 10.715,5 tỷ VNĐ (tăng gấp 14 lần so với năm 1991). Tỷ lệ tổn thất điện năng năm 2000 là 9,5%, đến năm 2008 đạt 6,66%, giảm bình quân hằng năm 0,35%.

Thực hiện chương trình chống quá tải của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) giao, chỉ trong 3 năm (2000-2002), Công ty Điện lực 1 đã thi công hoàn

Số liệu sản xuất kinh doanh từ năm 1995 – 2009

Năm	Điện thương phẩm (triệu kWh)	Doanh thu (Tỷ đồng)	Tỷ lệ tổn thất (%)	Giá bình quân (đ/kWh)	Số lượng khách hàng
1995	3.646	1.775	12,44	486,88	386.576
1996	4.218	2.287	12,30	542,20	433.722
1997	4.772	2.819	11,62	590,90	473.030
1998	5.380	3.267	10,88	607,26	522.979
1999	5.137	2.736	10,53	532,76	593.807
2000	5.921	3.301	9,45	557,67	647.056
2001	6.843	3.836	9,08	560,60	736.062
2002	7.872	4.589	8,21	582,98	887.786
2003	8.943	5.812	7,85	649,93	1.105.530
2004	10.086	6.676	7,78	661,91	1.596.858
2005	10.364	6.609	8,63	666,60	1.832.028
2006	11.880	7.969	8,46	670,84	1.989.561
2007	13.528	9.684	8,11	715,85	2.121.319
2008	14.628	10.715	6,66	732,49	2.279.110
9T/2009	11.663	9.652,7	8,40 Có TN	827,63	4.093.796

thành đưa vào vận hành 45 trạm biến áp 110 kV, nâng tổng dung lượng các trạm 110 kV từ 1.100 MW năm 2000 lên 2.150 MW năm 2002, hoàn thành cơ bản chương trình chống quá tải lưới điện 110 kV và 35 kV. Một số công trình đường dây và trạm biến áp 110 kV được xây dựng chỉ trong 2 tháng 7 ngày như: Quỳnh Lưu - Nghệ An, Phúc Yên - Vĩnh Phúc, Từ Sơn - Bắc Ninh...

Hiện, PC1 quản lý và cung cấp điện trên địa bàn 24 tỉnh phía Bắc. Hầu hết hệ thống điện do PC1 quản lý là vùng nông thôn, miền núi, nên việc tiếp nhận lưới điện nông thôn khó khăn hơn các đơn vị khác. Tuy vậy, PC1 luôn là đơn vị dẫn đầu toàn ngành về công tác tiếp nhận lưới điện trung áp nông thôn và phát triển lưới đưa điện về các xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và biên

giới. Tính đến 31/10/2009, Công ty đã tiếp nhận được 1.821/1770 xã theo kế hoạch EVN giao đạt 102% (hoàn thành vượt trước kế hoạch EVN giao 2 tháng) với 1.906.277 khách hàng, 23.843 km đường dây hạ áp, 1.859.198 công tơ 1 pha và 47.079 công tơ 3 pha, giá trị còn lại của tài sản tiếp nhận là 516,2 tỷ đồng.

Lịch sử hình thành và phát triển ngành Điện đã tròn 115 năm và trải dài qua 3 thế kỷ (1894-2009), trong đó, hơn nửa thế kỷ vinh quang (1954-2009) của ngành Điện Việt Nam có sự đóng góp mồ hôi, trí tuệ, cả máu và nước mắt của nhiều thế hệ CBCNV Công ty Điện lực 1. Những tấm gương đầy khí phách anh hùng của thế hệ trước đã truyền thụ cho lớp người thợ điện sau tạo nên trang sử hào hùng của PC1. ■

CÔNG TY ĐIỆN LỰC 1

Sơ lược quá trình phát triển

- Ngày 6/10/1969, Bộ Điện Than có quyết định số 106 QĐ/TC thành lập Công ty Điện lực.
- Năm 1976, Công ty Điện lực được chia tách để thành lập các công ty Điện lực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.
- Ngày 9/5/1981, Công ty Điện lực miền Bắc đổi tên thành Công ty Điện lực 1.

Tổng số lao động: 20.825 người (đến ngày 30/6/2009)

Địa bàn quản lý: Toàn bộ khu vực phía Bắc trừ TP Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương và Ninh Bình.

Các danh hiệu tiêu biểu

- Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân: 6 đơn vị;
- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới: 02 đơn vị và 07 cá nhân;
- Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba: 11 đơn vị;
- Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba cho 106 cá nhân và tập thể;
- 10 Huân chương Quân công;
- 09 Huân chương Chiến công.

Số lượng khách hàng mua điện và thuê bao viễn thông công cộng đến hết tháng 9/2009

STT	Tên đơn vị	Số lượng khách hàng mua điện	Số lượng thuê bao VTCC
1	Nam Định	606.294	46.769
2	Phú Thọ	136.489	55.884
3	Quảng Ninh	268.362	49.688
4	Thái Nguyên	209.271	53.689
5	Bắc Giang	240.772	41.819
6	Thanh Hóa	210.590	89.945
7	Thái Bình	309.217	53.141
8	Yên Bái	114.192	30.423
9	Lạng Sơn	102.470	16.527
10	Tuyên Quang	142.888	45.550
11	Nghệ An	268.979	49.673
12	Cao Bằng	75.379	25.903
13	Sơn La	156.209	66.602
14	Hà Tĩnh	111.534	37.055
15	Hòa Bình	124.583	24.651
16	Lào Cai	93.058	27.339
17	Điện Biên	54.845	20.567
18	Hà Giang	80.115	26.489
19	Bắc Ninh	323.270	46.284
20	Hưng Yên	188.814	38.530
21	Hà Nam	83.129	20.809
22	Vĩnh Phúc	100.799	37.346
23	Bắc Kan	58.787	17.642
24	Lai Châu	33.750	12.185
25	TTVT&CNTT	0	159.697

Công ty Điện lực 2:

ĐỘNG LỰC QUYẾT ĐỊNH tăng trưởng kinh tế miền Nam

Thảo Nguyên



PC2 Không ngừng cải tạo mở rộng lưới điện
Ảnh: Ngọc Hà

34 năm hình thành, xây dựng và phát triển của Công ty Điện lực 2 là chặng đường đầy gian nan, thử thách. Không thể kể hết những vất vả, gian khó từ những ngày đầu chấp chững, cũng không thể quên những năm tháng phấn đấu đầy tự hào và những thành tựu sáng chói mà tập thể CBCNV Công ty đã đạt được, góp phần viết nên trang sử rạng ngời của ngành Điện miền Nam.

GIAN LAO MÀ ANH DŨNG

Tháng 4/1975, khi quân chủ lực ào ạt tiến về Sài Gòn, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Cục Miền Nam, Tiểu Ban quản quản Sài Gòn được thành lập để chuẩn bị tiếp thu các cơ sở điện, nước, cơ khí, công nghiệp của chính quyền Ngụy. Nhờ sự chuẩn bị chu đáo, triển khai nhanh chóng, chính xác nên ngay trong buổi sáng ngày 1/5/1975, đoàn cán bộ tiếp quản của ngành Điện gồm 40 đồng chí đã có mặt tại số nhà 72 Hai Bà Trưng để tiếp quản toàn bộ và nguyên vẹn cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty

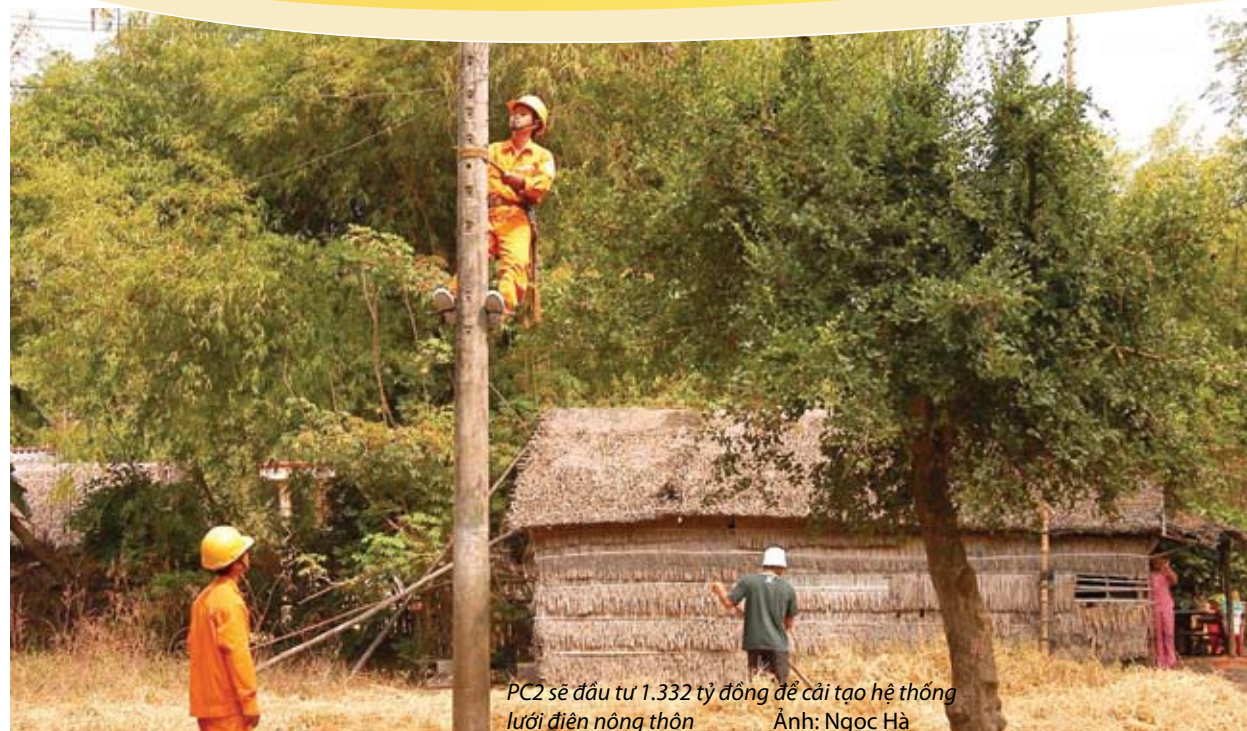
điện lực Việt Nam (CDV), phá tan ý đồ của Mỹ và bè lũ tay sai là khi chúng rút đi, miền Nam chỉ còn lại đồng đồng nát và Sài Gòn chỉ là thành phố chết.

Tại thời điểm tiếp nhận, tình trạng nguồn và lưới điện miền Nam còn chắp vá, nghèo nàn và mất cân đối toàn diện. Về nguồn, chỉ có Nhà máy điện Thủ Đức, Nhà máy điện Chợ Quán tại Sài Gòn; Nhà máy điện Trà Nóc tại Cần Thơ; Thủy điện Đa Nhim tại Ninh Thuận... còn các tỉnh khác được cung cấp điện từ các máy diesel độc lập. Hệ thống lưới điện miền Nam chưa hình thành, nhiều vùng còn chưa hề có điện. Chưa hết, nhiều địa phương tùy tiện trong quản lý, điều hành các trung tâm điện lực theo cách riêng của mình.

Những năm tháng đầu sau chiến tranh, Tổng cục Điện lực được thành lập, chịu trách nhiệm quản lý điện từ vĩ tuyến 17 đến Minh Hải, có nhiệm vụ thu gọn tất cả các trung tâm điện lực địa phương về một mối quản lý, duy trì hệ thống sản xuất kinh doanh điện, tiếp tục củng cố kiện toàn tổ chức với sự chỉ viện cán bộ từ miền Bắc. Thành tích lớn nhất lúc bấy giờ là tập trung khôi phục thành công đường ống áp lực của Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và đường dây 230 kV Đa Nhim - Sài Gòn, bổ sung kịp thời nguồn điện cung cấp cho thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, góp phần cải tạo, phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa miền Nam.

Từ năm 1975-1978, mặc dù phải đối mặt với tình trạng thiếu vốn để mua dầu chạy máy, thiếu linh kiện phụ tùng thay thế khi xảy ra hư hỏng bởi chính sách cấm vận của Mỹ, nhưng do nhu cầu điện ở TP Hồ Chí Minh và các tỉnh chủ yếu là phục vụ thắp sáng và sinh hoạt nên ngành Điện còn “cầm cự” được. Song từ năm 1979, thực hiện chủ trương cải tạo và khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, khó khăn bắt đầu nảy sinh. Điện sản xuất không đáp ứng đủ. Tình trạng mất cân đối giữa cung và cầu gay gắt và kéo dài nhiều năm.

Trước tình thế cấp bách đó, được sự quan tâm của



PC2 sẽ đầu tư 1.332 tỷ đồng để cải tạo hệ thống lưới điện nông thôn
Ảnh: Ngọc Hà

Đảng, Chính phủ, ngành Điện đã dồn sức đầu tư xây dựng các nguồn lưới điện mới. Các nhà máy điện lần lượt ra đời như Thủy điện Trị An, Thác Mơ, Hàm Thuận-Đa Mi, các cụm tuabin khí Thủ Đức, Bà Rịa, Phú Mỹ... kèm theo đó là các đường dây truyền tải, đường dây phân phối và các trạm biến áp phát triển đồng bộ.

Đặc biệt, từ năm 1994, đường dây tải điện 500 kV Bắc-Nam hoàn thành đưa điện từ Thủy điện Hòa Bình vào đã giúp ngành Điện phía Nam thoát cơn khủng hoảng kéo dài và mở ra sự hỗ trợ hai chiều giữa hai miền Bắc - Nam...

ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN MIỀN NAM

Địa bàn PC2 quản lý gồm 20 tỉnh thành phía Nam từ Ninh Thuận, Lâm Đồng đến Cà Mau, Kiên Giang. Do địa bàn đa dạng như vậy, nên nhu cầu cung ứng điện khá phức tạp. Các tỉnh tiếp giáp thành phố Hồ Chí Minh như Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Long An nằm trong khu vực có tốc độ phát triển kinh tế lẫn đô thị hóa nhanh nhất Việt Nam, do vậy nhu cầu điện, đặc biệt là điện cho các khu công nghiệp rất lớn. Ngoài ra, một số địa phương khác có tiềm năng phát triển du lịch như Vũng Tàu, Cần Thơ, thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng), huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang)... cũng đòi hỏi nguồn điện ổn định, chất lượng tốt.

Nếu như ở các tỉnh miền Đông Nam bộ, ngành Điện phải chú trọng phát triển điện công nghiệp thì ở khu

vực miền Tây Nam bộ như Kiên Giang, An Giang, Long An, Đồng Tháp v.v... thuộc vựa lúa lớn nhất của cả nước – bên cạnh đảm bảo điện sinh hoạt, điện nông thôn thì việc cung ứng điện cho các trạm tưới tiêu cho nông nghiệp cần đặc biệt chú trọng.

Nhằm giúp người nông dân chủ động trong khâu tưới tiêu, PC2 từng bước thay thế trạm bơm sử dụng nhiên liệu khí hoá lỏng sang sử dụng điện. Trong năm 2008, PC2 đã thi công hoàn tất đóng điện 9 công trình cấp điện cho 196 trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang, bao gồm 57 km đường dây trung thế và tổng công suất trạm phân phối là 18,470 MVA. Trong năm 2009, Công ty đang tiếp tục thực hiện 102 km đường dây trung thế và tổng công suất trạm phân phối là 30,053 MVA với tổng mức đầu tư là 75 tỷ đồng để cấp điện cho 274 trạm bơm khác...

Để đáp ứng tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân là 20% năm, công tác đầu tư, cải tạo nguồn và lưới điện được PC2 đặc biệt chú trọng. Chỉ riêng trong năm 2009, PC2 đầu tư 1.027 tỷ đồng, thực hiện 42 công trình với tổng khối lượng 281 km đường dây 110 kV và tổng công suất trạm là 889 MVA. Ngoài ra, Công ty cũng đang chuẩn bị đầu tư cho 17 công trình lưới điện 110 kV khác với 137 km đường 110 kV, tổng công suất trạm là 336 MVA. Về lưới điện phân phối, Công ty đầu tư 420 công trình với 1.668 km đường dây trung thế, 1.489 km đường dây hạ thế và tổng công suất trạm phân phối là 71,925 MVA.

Một nhiệm vụ quan trọng và cũng không ít khó khăn khác PC2 đã và đang nỗ lực thực hiện trong những năm qua là công tác tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn. Năm 2008 và 6 tháng đầu năm 2009, toàn Công ty tiếp nhận: 3884 km đường dây hạ áp; xóa 5495 công tơ tổng, 260.336 hộ dân chuyển qua mua điện trực tiếp của ngành Điện. Việc ngành Điện thay thế các HTX, các cai thầu bán điện trực tiếp tới người dân đã mang lại hiệu quả tích cực: Giá bán điện thống nhất từ thành thị đến nông thôn. Chất lượng điện được cải thiện cơ bản. Sau khi tiếp nhận LĐHANT do hệ thống lưới đã quá cũ nát nên để lưới điện đảm bảo vận hành an toàn, thời gian tới PC2 phải đầu tư mới, cải tạo sửa chữa 1.196 km ĐDTA, 3.798 TBA – 148.883 kVA và 10.992 km đường dây hạ áp, với tổng mức đầu tư ước 1.332 tỷ đồng

Hiện Công ty đang phối hợp với các địa phương tiếp tục triển khai dự án năng lượng nông thôn 2 (REII); Dự án cải tạo lưới điện nông thôn (RD) nhằm nâng cấp lưới điện, nâng cao chất lượng điện áp, giảm tổn thất điện năng... trên địa bàn 20 tỉnh phía Nam thuộc Công ty Điện lực 2 quản lý. Ngoài ra, trong năm 2009, PC2 cũng đang triển khai dự án cấp điện cho các thôn buôn chưa có điện của tỉnh Lâm Đồng và dự án cấp điện cho đồng bào Khmer tại tỉnh Trà

Vinh, Sóc Trăng. Khi dự án hoàn thành, 76,7 ngàn người sẽ được dùng điện. Đây là việc làm có ý nghĩa xã hội to lớn, giúp ổn định chính trị, xóa dần khoảng cách giữa miền núi và thành thị, đồng thời tạo tiền đề giúp địa phương phát triển kinh tế.

Trên địa bàn PC2 quản lý, ngoài khu vực đất liền còn có những huyện đảo, lưới điện quốc gia chưa phủ đến như Phú Quốc, Phú Quý, Côn Đảo, Kiên Hải. Những năm qua, PC2 đã có nhiều cố gắng trong việc cấp điện cho các huyện đảo này bằng máy phát điện diesel kết hợp với nguồn năng lượng tái tạo. Hiện, Công ty đang triển khai Dự án “Đường dây cáp ngầm 110kV cấp điện cho đảo Phú Quốc (dài 63 km) có tổng mức đầu tư khoảng 1.300 tỷ đồng. Dự kiến khởi công trong năm 2010, đóng điện cuối năm 2011, cung cấp điện phục vụ cho việc phát triển kinh tế, đặc biệt là du lịch của hòn “Đảo Ngọc”.

Bằng những cố gắng không mệt mỏi và những thành quả thiết thực đem lại điện mạo mới cho miền Nam rộng lớn và năng động, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, Công ty Điện lực 2 – đơn vị Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới đã khẳng định một tầm vóc lớn trong ngành Điện Việt Nam. ■

Tên công ty qua các thời kỳ

- Năm 1975: Tổng cục Điện lực;
- Năm 1976: Công ty Điện lực Miền Nam;
- Năm 1981: Công ty Điện lực 2 trực thuộc Bộ Điện lực;
- Năm 1993, Công ty Điện lực 2 trực thuộc Bộ Năng lượng;
- Năm 1995, Công ty Điện lực 2 trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, sau này là Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- PC2 là một trong 7 Công ty phân phối, kinh doanh điện trực thuộc EVN, có nhiệm vụ chính là xây dựng, quản lý và phân phối kinh doanh điện trên 20 tỉnh thành phía Nam từ Ninh Thuận đến Cà Mau (trừ Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai).

Thành tích, danh hiệu tiêu biểu

- * Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2005).
- * 1 Huân chương Lao động hạng Nhất.
- * 1 Huân chương Lao động hạng Nhì.
- * Huân chương Lao động hạng Ba.
- * 1 Huân chương Độc lập hạng Nhì.
- * 1 Huân chương Độc lập hạng Ba.

Tính đến nay, trên địa bàn PC2 quản lý đã có 100% số huyện, 99,91 % số xã, 95,16% số hộ dân có điện, trong đó 81,9% số hộ dân nông thôn.

Chỉ tiêu	1995	1996	1998	2000	2002	2004	2006	2008	Đến T09/2009
Sản lượng điện thương phẩm (triệu kWh)	1.810,5	2.188,7	3.074,5	4.224,3	6.148,7	8.8200	12.313,5	16.979,7	14.324,2
Tỉ lệ tổn thất (%)	10,84	10,46	9,90	11,48	11,37	9,10	8,10	7,27	6,14
Khách hàng	398.191	455.671	618.514	914.859	1.340.096	1.639.715	3.022.360	3.914.944	4.232.926

Công ty Điện lực 3:

Từ dải đất “TRẮNG ĐIỆN”...

Bài: **Xuân Thủy**
Ảnh: **Dương Anh Minh**

Nhìn lại lịch sử phát triển của Công ty Điện lực 3, những thành quả đáng tự hào đều kết tinh từ mồ hôi, công sức, thậm chí là xương máu của các thế hệ cán bộ, công nhân viên trong quá trình lao động đầy gian nan: Đưa dòng điện thiêng liêng của quốc gia đến với người dân miền Trung - Tây Nguyên.

SÁNG KIẾN 3 GIẢI PHÁP

Công ty Điện lực 3 (PC3) - tiền thân là Công ty Điện lực miền Trung – được thành lập ngày 7/10/1975. Ban đầu, cơ sở vật chất của Công ty chỉ là những tổ máy diesel cũ, lưới điện manh mún, cấp điện áp cao nhất là 15 kV và cũng chỉ có ở nội thị, còn các vùng nông thôn thì hoàn toàn “trắng điện”.

Từ năm 1976 đến 1985, miền Trung luôn trong tình trạng thiếu điện nghiêm trọng. Trong lúc chưa có phương án giải quyết vấn đề thiếu điện thì tháng 2/1988, công trình Nhiệt điện Đà Nẵng phải ngừng thi công, dẫn đến nguy cơ khủng hoảng năng lượng. Trước tình hình “nước sôi lửa bỏng”, PC3 đưa ra 3 giải pháp cho bài toán thiếu điện của khu vực. Đó là: Củng cố nguồn điện diesel hiện có để đáp ứng nhu cầu điện trước mắt; kéo lưới điện truyền tải từ Nam ra, từ Bắc vào, lấy điện của các nhà máy Hoà Bình, Phả Lại, Trị An... cung cấp cho miền Trung; xây dựng tại chỗ các nhà máy điện có công suất đủ mạnh, đặc biệt là thủy điện.

Sau khi 3 giải pháp trên được phê duyệt và triển khai thực hiện, chỉ trong hai năm, từ 1988 đến 1990, ngoài các máy phát điện cũ tiếp tục được duy tu bảo dưỡng, PC3 được lắp đặt thêm 74 tổ máy diesel, tăng công suất lên 69 MW. Thêm vào đó, đường dây 220, 110 kV Vinh - Đà Nẵng hoàn thành, đưa điện từ Thủy điện Hoà Bình vào cung cấp cho 4 tỉnh từ Quảng Bình đến Đà Nẵng. Đồng thời, Công ty cũng bắt đầu đưa vào phát điện Thủy điện Drayh’linh, công suất 12 MW.

Với những cố gắng vượt bậc, CBCNV PC3 đã tạo nên bước chuyển biến quan trọng. Nếu năm 1976, tổng sản lượng điện khu vực chỉ đạt 97,8 triệu kWh

thì đến cuối năm 1990 đã lên đến 561,3 triệu kWh (tăng 5,74 lần). Cuối năm 1990, cơ bản đã chấm dứt tình trạng cắt điện luân phiên ở miền Trung. Đây chính là một mốc son đáng nhớ trong quá trình phát triển của PC3.

Từ năm 1991 đến 1995, hàng loạt các công trình nguồn và lưới điện ở miền Trung được đầu tư xây dựng và hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng: Năm 1992 đóng điện tuyến đường dây 110 kV Đa Nhim - Nha Trang; năm 1994, đường dây 110 kV Nha Trang - Tuy Hoà hoàn thành, đưa điện từ Nhà máy Thủy điện Đa Nhim cấp cho tỉnh Phú Yên; tháng 9/1994, Trạm 500 kV Đà Nẵng hoàn thành. Cũng trong năm đó, Trạm 500 kV Plei Ku hoàn thành đồng bộ với đường dây 220 kV Qui Nhơn - Plei Ku và trạm 110 kV Plei Ku, cung cấp điện cho các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Về nguồn điện, vào năm 1991, Thủy điện An Điểm công suất 5,4



Công nhân Điện lực Đắk Lắk đang thao tác đóng điện trạm 35kV phục vụ khách hàng (tháng 1/2007)



Công nhân Điện lực Đắk Lắk hướng dẫn khách hàng sử dụng điện thoại E - com (tháng 1/2007)

MW và năm 1994, Thủy điện Vĩnh Sơn 66 MW đã lần lượt hòa lưới điện quốc gia; năm 1993, công trình Thủy điện Yaly công suất 720 MW cũng được kịp thời khởi công xây dựng...

Từ năm 1995 đến 1999, PC3 cũng đã hoàn thành đường dây 220, 110 kV Plei Ku - Buôn Mê Thuột, cấp điện cho Đắk Lắk - tỉnh cuối cùng được nhận điện quốc gia. Cải tạo, bổ sung máy biến áp, nâng công suất tại các trạm 500 kV Đà Nẵng, Plei Ku cũng như các trạm 220, 110 kV của các địa phương để đáp ứng nhu cầu phụ tải ngày càng tăng mạnh. Đầu năm 1999, PC3 đưa vào vận hành các đường dây 220 kV Krông Búk - Nha Trang và trạm 220 kV Nha Trang, nâng cao chất lượng điện cung cấp cho Đắk Lắk và Khánh Hoà. Năm 2000, Thủy điện Sông Hinh và Thủy điện Yaly được đưa vào vận hành...

SONG HÀNH NHIỆM VỤ KINH TẾ - CHÍNH TRỊ

Địa bàn hoạt động của PC3 là 13 tỉnh, thành phố thuộc khu vực miền Trung, Tây Nguyên. Đây là vùng đất có điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, hay xảy ra thiên tai, nên kinh tế miền Trung kém phát triển hơn so với 2 đầu đất nước. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước đã xác định mục tiêu: Không thể để cho “khúc ruột miền Trung” mãi đói nghèo, lạc hậu. Năm 2003, Khu kinh tế mở Chu Lai được thành lập tại tỉnh Quảng Nam. Năm 2005, Khu kinh tế Dung

Quất được xây dựng tại tỉnh Quảng Ngãi. Đây là những công trình trọng điểm quốc gia có vai trò “đòn bẩy” vực dậy nền kinh tế Trung Bộ.

Các đặc khu kinh tế trên sẽ tập trung phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm như: Đóng tàu, cán thép, xi măng, chế tạo cơ khí, sản xuất lắp ráp ô tô... Chưa kể hàng loạt các khu đô thị vệ tinh mọc xung quanh. Nhu cầu điện vì thế theo tính toán sẽ tăng lên gấp bội. Trong bối cảnh đó, dòng điện, với vai trò là “dòng máu” nuôi nền công nghiệp miền Trung luôn phải “đi trước một bước”.

Để đảm bảo đủ điện cho nhu cầu phát triển công nghiệp của miền Trung hiện tại và tương lai, công tác xây dựng nguồn và lưới điện luôn được PC3 chú trọng. Trong giai đoạn 2001 – 2008, tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty chiếm khoảng 6.500 tỷ đồng. Đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế có nhu cầu tiêu thụ điện lớn, Công ty đã phối hợp chặt chẽ với ban quản lý khu kinh tế để nắm bắt kịp thời nhu cầu điện từng giai đoạn, từ đó có kế hoạch cụ thể về vốn, mức độ đầu tư phù hợp. Mục tiêu của Công ty là sản lượng điện thương phẩm năm 2010 đạt 7 tỷ kWh, năm 2015 đạt 14 tỷ kWh. Để đạt được mục tiêu đó, hiện tại, bằng nguồn vốn tự có hoặc liên doanh, Công ty tiếp tục đầu tư các công trình thủy điện, dự kiến đến năm 2011, hoàn thành 5 nhà máy với tổng công suất 313 MW, đến năm 2015 thêm 5 nhà máy nữa với tổng công suất 500 MW.

Ngoài ra, Công ty còn triển khai, hoàn thành nhiều dự án phục vụ đời sống sinh hoạt người dân như: 13 dự án cải tạo lưới điện các thành phố, thị xã; 3 dự án cải tạo lưới điện các khu vực thuộc thành phố Đà Nẵng, thị xã An Nhơn (Bình Định), thị xã Tuy Hòa (Phú Yên); Dự án Năng lượng nông thôn I cấp điện cho 259 xã thuộc 10 tỉnh miền Trung; Dự án Năng lượng nông thôn II...

Nhờ những nỗ lực đó, đến cuối năm 2008, đã có 100% huyện đất liền, 99% số xã và 93,8% số hộ dân nông thôn, miền núi đã có điện, hoàn thành vượt mức yêu cầu của Quốc hội và Chính phủ đề ra. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động, tích cực trong việc tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn, bán điện trực tiếp đến các hộ tiêu dùng (ở 400 xã) giúp người dân hưởng giá điện ưu đãi của Chính phủ.

Đặc biệt, từ năm 2006, Chính phủ đã giao cho EVN - mà PC3 là đại diện - triển khai Dự án cấp điện các thôn, buôn chưa có điện trên địa bàn 4 tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông với tổng vốn đầu tư hơn 1.300 tỷ đồng. Mục tiêu cấp điện cho 77.602 hộ dân thuộc 863 thôn buôn (55 huyện). Xác định đây là nhiệm vụ chính trị đặc biệt, thể hiện sự quan

tâm của Đảng, Chính phủ đối với đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa; qua đó củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Công ty Điện lực 3 đã tập trung mọi nguồn lực, thực hiện nhiều giải pháp nhằm sớm phát huy hiệu quả dự án. Đơn cử, PC3 cũng chủ động tạm ứng vốn để đầu tư lắp đặt công tơ và dây dẫn điện vào nhà dân để khi đóng điện 1 TBA nào là người dân khu vực đó có điện sử dụng ngay. Việc làm này được chính quyền và người dân đánh giá cao.

Nhìn lại 34 năm xây dựng và trưởng thành của PC3 - đơn vị Anh hùng lao động của ngành Điện, có thể thấy biết bao khó khăn mà Công ty phải đối mặt, cũng như những nỗ lực vượt bậc của toàn thể CBCNV. Trên dải đất "trắng điện" ngày nào, đến nay, hầu hết người dân đã có điện sinh hoạt, kinh tế miền Trung đang từng ngày khởi sắc. Chặng đường đã qua đầy chông gai, và đội ngũ CBCNV Công ty Điện lực 3 - những con người đã được tôi luyện trong muôn vàn thử thách vẫn luôn xác định: Để xây dựng một miền Trung giàu mạnh, kinh tế phát triển, chặng đường phía trước của những người thợ điện vẫn còn rất nhiều thử thách, khó khăn... ■

CÔNG TY ĐIỆN LỰC 3:

- Tổng số lao động: 8.448 CBCNV;
- Điện thương phẩm tăng bình quân trên 17%/năm, gấp đôi mức tăng trưởng của nền kinh tế khu vực.

Thành tích tiêu biểu:

- Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2000);
- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2004);
- Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm 2007).

Số liệu sản xuất kinh doanh của Công ty Điện lực 3 từ năm 1995 đến 2009

Năm	Điện thương phẩm (triệu kWh)	Doanh thu (Tỷ đồng)	Nộp ngân sách (Tỷ đồng)	Tỉ lệ điện dùng để truyền tải & phân phối (%)	Số lượng khách hàng dùng điện
1995	1010,3	521,32	50	13,22	192.248
1997	1472,2	904,35	112	10,51	246.387
1999	1952	1228	73,6	9,06	321.464
2001	2665	1616	161,2	7,74	443.098
2003	3512,2	2492	157	7,44	736.734
2005	4442,4	3212,5	156,5	7,05	1.140.576
2007	4083	3080	106,5	7,76	1.128.573
2008	4735	3658	135,7	7,52	1.237.818
Ước 2009	5350	4621	150	7	1.600.000

Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

ĐI ĐÚNG HƯỚNG VÀ ĐẠT MỤC TIÊU

Hà Phương

Vượt qua mọi khó khăn, toàn thể CBCNV Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng đã hợp sức, phát huy tối đa nguồn nội lực. Họ nhận ra rằng, để thành công, doanh nghiệp cần nhận rõ những thách thức phải đối mặt để hoạch định bước đi phù hợp...

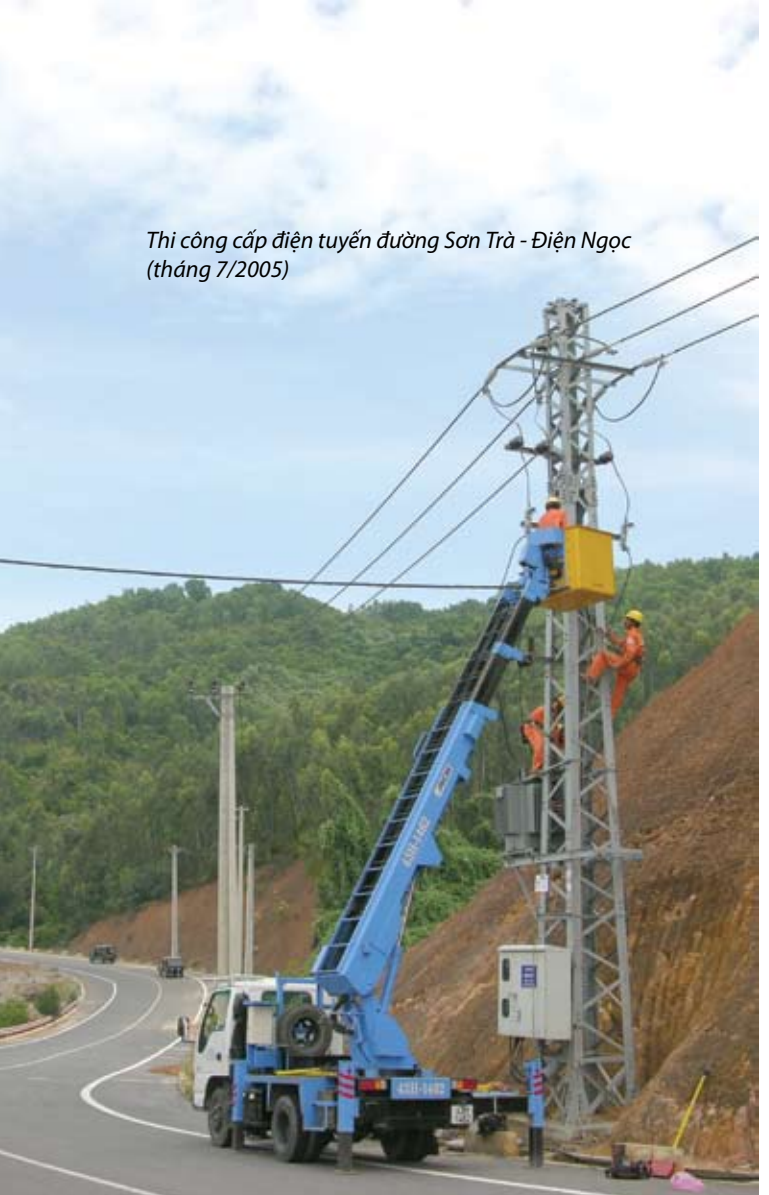
TỪNG BƯỚC PHÁT TRIỂN

Cũng như hầu hết các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, đội ngũ CBCNV Công ty Điện lực Đà Nẵng (ĐLĐN) đã sát cánh bên nhau, vượt qua mọi khó khăn khi đất nước trong giai đoạn chuyển mình, khắc phục những trở ngại nội tại của doanh nghiệp. Khi mới thành lập, hệ thống điện do đơn vị quản lý chỉ gồm một số cụm máy diesel do chế độ cũ để lại, công suất thực tế không quá 11.000 kW, sản lượng điện 35 triệu kWh, phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong phạm vi nội thị. Lưới điện cũ kỹ, chập vá, độc đạo, không có khả năng truyền tải khi mất điện do sự cố và dễ gây quá tải cục bộ.

Đến nay, Công ty đã có hệ thống lưới điện có quy mô lớn, vận hành ổn định. Với chiến lược đầu tư chiều sâu vào nguồn nhân lực để tạo nên sự phát triển bền vững, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV. Hiện Công ty có hơn 900 CBCNV, trong đó 10 người có trình độ trên đại học, hơn 220 người trình độ đại học và 580 công nhân kỹ thuật. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý không ngừng được nâng lên. Tính tự chủ và trách nhiệm cá nhân được phát huy. Công tác quản lý doanh nghiệp, quản lý kỹ thuật, an toàn và bảo hộ lao động, dịch vụ khách hàng... ngày càng được củng cố, nâng cao.

Những nỗ lực trên đã đem lại cho ĐLĐN kết quả rất khả quan. Năm 2008, sản lượng điện thương phẩm của Công ty đạt 997,166 triệu kWh, tăng 34,7 lần so với năm 1976; tỷ lệ tổn thất điện năng 4,39%, giảm 6,14% so với năm 1997 (là năm chia tách 2 địa bàn Quảng Nam và Đà Nẵng); doanh thu đạt 829,9 tỷ đồng; lợi nhuận đạt 30,9 tỷ đồng, gấp hơn 4 lần kế hoạch được giao (7,33 tỷ đồng)...

Thi công cấp điện tuyến đường Sơn Trà - Điện Ngọc (tháng 7/2005)



TẬP TRUNG NGUỒN LỰC CHO CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Có thể nói nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt của Công ty là cung cấp điện đủ cho các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của thành phố Đà Nẵng. Không phải ngẫu nhiên trong 63 tỉnh, thành phố cả nước, năm 2003, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết định hướng Đà Nẵng là Trung tâm của miền Trung và Tây Nguyên, là trọng điểm kinh tế có vai trò thúc đẩy các tỉnh khu vực miền Trung – Tây Nguyên phát triển.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng có trách nhiệm cung cấp đủ điện cho nền sản xuất, không để khu vực nào trên địa bàn “đói” điện. Từ nhiều năm nay, công tác xây dựng nguồn và lưới điện cho hơn 10 khu KCN và các cụm cảng liên hoàn trên địa bàn Thành phố được Công ty nhanh chóng triển khai.

Giai đoạn 2003-2007, Công ty cải tạo, nâng cấp và xây mới hơn 441 km đường dây trung hạ áp, 552 trạm biến áp với tổng giá trị hơn 175 tỷ đồng. Riêng trong năm 2008-2009, Công ty triển khai 91 dự án, chủ yếu là các dự án trọng điểm như: TBA 110 kV Hoà Khánh 2; Dự án khai thác 22 kV sau các trạm 110 kV khu vực quận Liên Chiểu; xây dựng lưới điện ngầm đường Nguyễn Văn Linh nối dài; di dời nâng cấp lưới điện đường Lê Văn Hiến - Trần Đại Nghĩa; cải tạo lưới điện trung áp huyện Hoà Vang...

Ngoài công nghiệp thì du lịch cũng được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của Đà Nẵng. Chính vì vậy, các dự án cấp điện cho bán đảo Sơn Trà, Điện Ngọc, Bà Nà, dọc sông Hàn v.v... đáp ứng nhu cầu của các khu du lịch cũng được Công ty đặc biệt chú trọng. Nhờ những nỗ lực đó, ngày 15/12/2008, sản lượng điện Công ty thực hiện đạt mốc 1 tỷ kWh.

Để đảm bảo đủ điện cho thành phố có tốc độ phát triển “nóng” liên tục trong nhiều năm, bên cạnh việc tăng cường thêm nguồn điện thì công tác tuyên truyền sử dụng điện tiết kiệm cũng được chú trọng. Công ty đã đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức: Phát tờ rơi, qua báo, đài; phối hợp với chính quyền địa phương, Sở Công Thương trong công tác kiểm tra sử dụng điện giờ cao điểm. Bên cạnh đó, Công ty cũng tư vấn cho khách hàng sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, hỗ trợ khách hàng kiểm toán năng lượng... Nếu như năm 2006, Đà Nẵng chỉ tiết kiệm được hơn 4,3 triệu kWh, thì đến năm 2008 đã thực hiện được 16,8 triệu kWh; chỉ riêng 7 tháng đầu năm 2009 tiết kiệm 18,2 triệu kWh. Nhờ vậy, vào thời điểm 7/2009, dù trong mùa khô, nắng nóng khắc nghiệt, nhưng Công ty vẫn

đảm bảo đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn, không phải khổng chế phụ tải như các năm trước.

Mặt khác, Công ty đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận lưới điện hạ áp và bán điện đến tận hộ dân nông thôn tại 11 xã trên địa bàn với 119,96 km đường dây trung áp, 90 trạm biến áp và 185,45 km đường dây hạ áp và “về đích” trước thời hạn 6 tháng. Sau khi tiếp nhận, Công ty tiếp tục cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống lưới điện trung, hạ áp. Nhờ vậy, tỉ lệ tổn thất tại các địa bàn này đã giảm đáng kể. Nếu trước xóa bán tổng, tỉ lệ tổn thất điện năng tại một số xã ở mức 18 – 20% thì sau xóa bán tổng, con số này chỉ còn là 5,1 - 8,4 %.

Đánh giá vai trò và sự nỗ lực của Công ty, ông Hoàng Tuấn Anh - nguyên Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng (nay là Ủy viên TW Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch) khẳng định: “Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng đã có những đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế xã hội, góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, thay đổi diện mạo của thành phố Đà Nẵng ngày càng văn minh, hiện đại”. ■



Thi công xây dựng đường điện trên tuyến phố Điện Biên Phủ (tháng 1/2005)

Những mốc thời gian quan trọng:

- Ngày 10/8/1990, Sở Điện lực Quảng Nam – Đà Nẵng chính thức nhận điện lưới quốc gia qua Trạm 110 kV Xuân Hà, đánh dấu thời kỳ phát triển mới của đơn vị.
- Ngày 19/9/1994, đóng điện vận hành máy biến áp 450 MVA-500/220/110kV trạm 500 kV Đà Nẵng. Miền Trung chính thức nhận điện lưới quốc gia qua hệ thống 500 kV.
- Tháng 12/2003, hoàn thành cấp điện cho thôn Tà Lang – Giàn Bí (xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang) - thôn cuối cùng trên địa bàn TP. Đà Nẵng có điện lưới quốc gia.
- Ngày 30/6/2008, hoàn thành 100% công tác tiếp nhận lưới điện hạ áp, bán lẻ đến từng hộ dân (sớm 06 tháng so với kế hoạch Tập đoàn giao).
- Ngày 15/12/2008, sản lượng điện nhận của Công ty đạt mốc 1 tỷ kWh.
- Ngày 08/6/2009, thành lập 5 Điện lực trực thuộc trên cơ sở nâng cấp các chi nhánh điện khu vực hiện có.

Những thành tích, danh hiệu tiêu biểu

- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1985, 1997
- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1990
- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 1995
- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2005
- Huân chương Lao động hạng Ba năm 2005

Hiện Công ty đang quản lý vận hành:

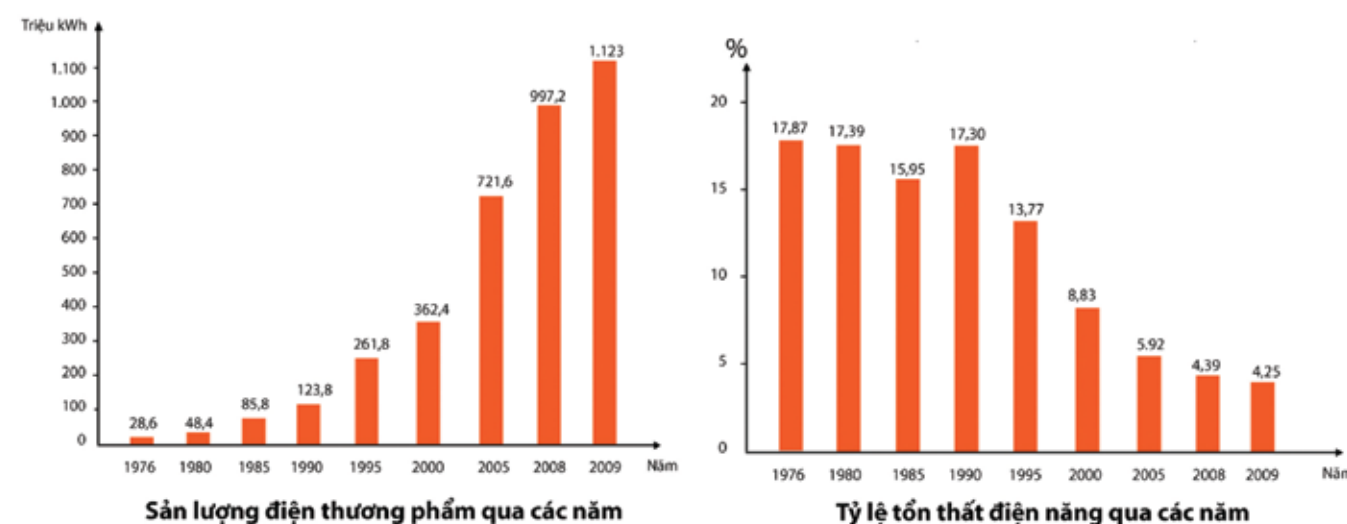
- 5 trạm 110 kV với tổng dung lượng 300 MVA,
- 1 nhà máy phát điện diesel (21 MVA),
- 38,9 km đường dây 110 kV,
- 763 km đường dây trung áp,
- 1.195 km đường dây hạ áp và 2.023 trạm biến áp với tổng dung lượng lắp đặt 832,7 MVA
- Hơn 213 nghìn khách hàng sử dụng điện.

Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

(ĐLĐN) tiền thân là Sở Quản lý và Phân phối điện Quảng Nam - Đà Nẵng, sau đổi tên thành Sở Điện lực Quảng Nam - Đà Nẵng, rồi Điện lực Quảng Nam - Đà Nẵng.

Năm 1997, sau khi tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng tách thành thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, Điện lực Quảng Nam - Đà Nẵng được tổ chức lại và đổi tên thành Điện lực Đà Nẵng.

Từ ngày 1/7/2006, Điện lực Đà Nẵng chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm đại diện chủ sở hữu cho đến nay.



Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh:

SỨ MỆNH TIÊN PHONG

Lưu Hương

Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh luôn là đơn vị nổi bật của ngành Điện trong đảm bảo cung cấp điện năng, không ngại khó, năng động, quyết liệt cải cách toàn diện ở tất cả các lĩnh vực hoạt động.

TIÊN PHONG CẢI CÁCH TOÀN DIỆN

Có thể nói, đằng sau những thành tựu phát triển kinh tế, xã hội vượt bậc của thành phố Hồ Chí Minh - một thành phố trẻ, năng động, một cực phát triển kinh tế quan trọng của đất nước là sự đóng góp không nhỏ của Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh (HCM PC).

Từ kết quả kinh doanh thực tế của Công ty, có thể thấy nhận định trên được minh chứng là đúng đắn. HCM PC luôn đạt và vượt chỉ tiêu sản lượng điện thương phẩm Tập đoàn giao. Cụ thể: Giai đoạn 1995-2003, tăng trưởng bình quân trên 14%/năm; giai đoạn 2004-2008 tăng trưởng bình quân gần 8%/năm.

Năm 2008, mặc dù phải đối mặt với bộn bề khó khăn, nhưng Công ty cũng đã khép lại một năm với con số sản lượng điện ấn tượng, đạt 12,4 tỷ kWh. Sản lượng điện thương phẩm bình quân đầu người trên địa bàn Thành phố luôn ở mức cao gấp 2-3 lần so với cả nước. Chiếm 20-25% tổng sản lượng điện thương phẩm của cả nước, Công ty là một trong 3 đơn vị phân phối điện lớn nhất của Tập đoàn.

COI TRỌNG CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

HCM PC là đơn vị đạt được chỉ tiêu giá bán điện bình quân cao nhất Tập đoàn Điện lực giao (năm 2008, giá bán đạt 1.086 đ/kWh). Doanh thu bán điện của Công ty tăng trưởng mạnh qua các năm và chiếm gần ¼ doanh thu bán điện của toàn Tập đoàn.

Để đạt được kết quả đó, ông Lê Văn Phước - Giám đốc HCM PC đã chia sẻ: Thành công của doanh nghiệp không thể tách rời sự nỗ lực không ngừng của CBCNV trong việc nâng cao chỉ số hài lòng của khách hàng. Với kim chỉ nam này, Công ty đã có những bước tiến quan trọng trong kinh doanh điện năng.

Ngay từ năm 2006, Công ty là đơn vị tiên phong trong Tập đoàn thực hiện chế độ "dịch vụ một cửa", rút ngắn tiến độ giải quyết các dịch vụ. Đồng thời, Công ty đã nghiên cứu, cải cách, biên soạn, hiệu chỉnh các thủ tục hành chính để vừa đơn giản hóa thủ tục cho khách hàng, nhưng vẫn đảm bảo được tính chặt chẽ về mặt pháp lý trong các quy trình nghiệp vụ. Không chỉ dừng lại ở đó, HCM PC còn là một trong những đơn vị đi đầu trong việc đa dạng hoá các hình thức thu tiền điện. Đến nay, Công ty đã mở rộng được 643 điểm thu, triển khai thanh toán qua thẻ ATM của 2 ngân hàng VCB và ICB (3.000 máy); thanh toán qua tin nhắn, mạng internet...

Đối với 327 khách hàng lớn thuộc khu chế xuất, khu công nghiệp (tiêu thụ trung bình năm từ 3 triệu kWh trở lên hoặc có công suất đặt trên 500 kW), Công ty luôn quan tâm, nắm bắt, giải quyết kịp thời các nhu cầu của khách hàng liên quan đến dịch vụ điện, chủ động tư vấn, giới thiệu các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả...

TIẾP SỨC CHO LƯỚI ĐIỆN

Trước năm 1975, lưới điện ngoại thành Thành phố rất nhỏ bé, manh mún, toàn vùng ngoại thành chỉ có khoảng trên 10% số hộ được dùng điện lưới quốc gia. Vào đầu những năm 90, để đạt được mục tiêu đẩy nhanh điện khí hóa nông thôn, một trong những chủ trương mang tính đột phá được lãnh đạo Thành phố trong thời kỳ đó nhất trí thông qua là phương án phụ thu tiền điện.

Kết quả, trong giai đoạn 1990-2002, Công ty đã thực hiện điện khí hóa và hoàn thiện lưới điện cho toàn bộ 6 quận, huyện với 100 xã, thị trấn, hoàn thiện khối lượng xây dựng đồ sộ với tổng vốn đầu tư gần 600 tỷ đồng. Chương trình điện khí hóa nông thôn được hoàn tất từ năm 2002 đã giúp năng lực sử dụng của lưới điện nông thôn tăng gấp đôi so với trước, đồng thời khẳng định được tính ưu việt của mô hình ngành Điện trực tiếp quản lý bán điện ở khu vực nông thôn.

Như một cuộc tiếp sức cho dòng điện - huyết mạch của một thành phố sung sức đang trên đà phát triển, HCM PC đã tập trung các nguồn vốn đầy mạnh phát triển lưới điện và không ngừng cải tiến kỹ thuật. Trước năm 2003, Công ty đã đầu tư bình

quân 200-300 tỷ đồng/năm. Từ năm 2004 đến nay, con số này là trên 700 tỷ đồng/năm. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng trên 80 tỷ đồng/năm phục vụ cho công tác đại tu, sửa chữa lớn lưới điện.

Đặc biệt, 2008 là năm đầu tiên Công ty triển khai công tác đánh giá khả năng cung cấp điện thông qua việc tính toán các chỉ số tin cậy lưới điện SAIFI (số lần gián đoạn cung cấp điện trung bình của một khách hàng trên hệ thống trong 1 năm), SAIDI (thời gian gián đoạn cung cấp điện trung bình của một khách hàng trên hệ thống trong 1 năm) để từng điện lực phấn đấu đảm bảo cung cấp điện tin cậy nhất cho khách hàng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành công tác điều tra nguyên nhân sự cố theo phương pháp phân tích cây sự cố (FTA) để xác định nguyên nhân sự cố sơ cấp, từ đó triển khai các biện pháp hữu hiệu. Kết quả cho thấy, mức độ tin cậy lưới điện tăng 16% so với năm 2007 và suất sự cố lưới điện phân phối giảm 37% so với năm 2007.

Công ty cũng chú trọng đưa vào ứng dụng nhiều giải pháp công nghệ nhằm tối ưu khả năng quản lý vận hành lưới điện. Có thể ví dụ bằng công trình xây dựng các trạm cấp nguồn mới dùng công nghệ GIS trong khu vực trung tâm thành phố. Điển hình là việc hoàn thành dự án xây dựng trạm truyền tải 220/110/15-22 kV Tao Đàn theo công nghệ GIS (Gas Insulated Switchgear - Cách điện bằng khí) và ngầm hóa lưới điện 220 kV (năm 2004). Đây là công trình điện 220 kV hiện đại nhất từ trước đến nay, đưa nguồn điện về trung tâm Thành phố, góp phần giải quyết nhanh tình trạng quá tải và dự phòng nguồn điện cung ứng cho trung tâm Thành phố trong giai đoạn từ nay đến năm 2010. Qua đó, phân bổ tối ưu lại cấu trúc lưới điện truyền tải đang vận hành, làm tiền đề để triển khai thực hiện các dự án đường dây cáp ngầm và các trạm GIS 110 kV trong khu vực nội thành.

Một điểm thành công nữa chính là việc triển khai chương trình quản lý các hộ tiêu thụ DSM (Demand Side Management) để điều hòa đồ thị phụ tải của hệ thống điện Thành phố. Điều này phần nào giải được bài toán tưởng như rất khó khăn: Cân bằng phụ tải giữa giờ cao - thấp điểm để đạt mục tiêu cuối cùng là tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư cho công suất nguồn điện được huy động dùng để phủ đỉnh vào giờ cao điểm.

VÀ NỖ LỰC VƯỢT LÊN CHÍNH MÌNH

Chỉ có thể tiến lên phía trước khi có được một tập thể thống nhất và một bộ máy tiến bộ. Muốn vậy, mấu chốt, không chỉ ở cái tâm của người lãnh đạo, ở năng lực của các thành viên mà chính ở việc hội



Phó Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh gắn Huân chương Lao động hạng Ba lên cờ truyền thống Điện lực Củ Chi (ngày 29/8/2009)



Lễ gắn biển công trình chào mừng 33 năm ngày thành lập Sở Quản lý phân phối điện tp HCM (7/8/2009)



Ngày hội Viễn thông Điện lực tại Nhà Văn hóa Thanh niên tp HCM

tụ được đẩy đủ các nguồn lực nói trên. Nhận thức được điều đó, HCM PC đã bền bỉ và quyết liệt trong cải cách các lĩnh vực hoạt động.

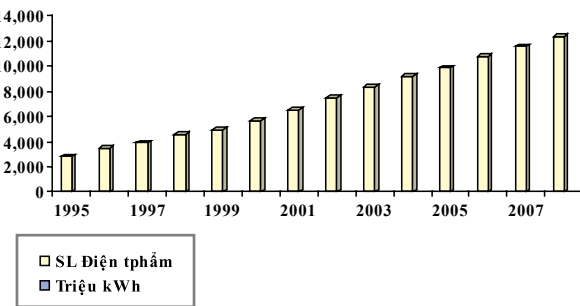
Công ty đã mạnh dạn cải cách giao việc qua phần mềm Microsoft Outlook tại văn phòng Công ty từ năm 2007, không chỉ giúp tiết giảm thời gian và chi phí văn phòng phẩm mà năng suất lao động toàn Công ty còn tăng trên 11%/năm. HCM PC cũng là đơn vị đầu tiên trong toàn EVN cung cấp dịch vụ hộp thư điện tử cho 100% cán bộ công nhân viên, tạo được môi trường trao đổi thông tin hiệu quả nhiều mặt

Cùng với quá trình đổi mới và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị thành viên, Công ty đã hoàn tất thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Tư vấn Xây dựng điện; thực hiện chuyển đổi cơ cấu hoạt động lấy thu bù chi cho Trung tâm Thí nghiệm Điện; Trung tâm Viễn thông – Công nghệ Thông tin. Đồng thời, Công ty cũng đã thành lập xong và đưa vào hoạt động Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM (Tradincorp) và Công ty CP Kinh doanh bất động sản Điện lực Sài Gòn Vina (EVN Land Sai Gon). Sự lớn mạnh từ bên trong, sự vươn tay sang các lĩnh vực đầu tư, bất động sản... cho thấy, HCM PC đang chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển tăng tốc phía trước.

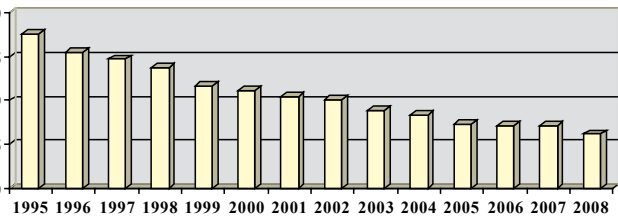
Là một trong những đơn vị mũi nhọn, vững mạnh của EVN, những gì mà HCM PC chất lọc được trong quá trình phát triển sẽ là kinh nghiệm quý giá để bản thân Công ty cũng như các doanh nghiệp trong ngành Điện có thể đảm đương tốt hơn nữa vai trò đảm bảo an toàn và lưu thông huyết mạch của nền kinh tế đất nước. ■

Tập thể CBCNV Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh đã tự nguyện đóng góp tổng số tiền trên 200 triệu đồng để mua vật tư mắc điện và thi công lắp đặt 243 điện kế cho các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tại các xã ngoại thành.

Biểu đồ sản lượng điện thương phẩm qua các năm



Biểu đồ tỷ lệ điện dùng cho truyền tải và phân phối (%)



Những số liệu chính về hoạt động SXKD hằng năm của đơn vị

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	1995	2000	2005	2006	2007	2008	Ước thực hiện năm 2009
I. SỐ LIỆU CỦA TP. HCM									
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế – GDP	%	15,30	9,00	12,20	12,20	12,60	11,00	7,5
II. SỐ LIỆU CỦA CÔNG TY ĐL TP.HCM									
1	Điện nhận	Triệu kWh	3.411	6.327,6	10.623,1	11.560,3	12.440,2	13.187,8	13.844,5
2	Tổng SL điện thương phẩm	Triệu kWh	2.815	5.621	9.850	10.727	11.560	12.365	13.000
3	Tiết kiệm điện	Triệu kWh				13,35	104,57	220,23	190,00
4	Doanh thu bán điện (không VAT)	Triệu đồng	1.666	4.552.524	9.388.604	10.299.940	12.347.264	13.436.218	15.366.000
5	Giá bán bình quân (không VAT)	đ/kWh	592,0	809,9	953,1	960,2	1.068,1	1.086,6	1.182
6	Số lượng khách hàng tính đến cuối năm	Ngàn KH	496	860	1.325	1.412	1.508	1.601	1.684
7	Điện năng bình quân đầu người	kWh/ng/năm	606,57	1071,00	1578,57	1669,69	1751,00	1870,19	1.824,99

Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai:

CẤP ĐIỆN ĐỦ “LƯỢNG” VÀ “CHẤT”

Ngọc Cảnh



Đồng Nai là tỉnh kinh tế trọng điểm phía Nam, nơi có nhiều khu công nghiệp phát triển mạnh và năng động nhất cả nước. Điều đó đã đặt ra những cơ hội và thách thức không nhỏ đối với Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai.

GIAN NAN CẤP ĐỦ ĐIỆN

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, hệ thống lưới điện phân phối trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ven vện có 66,168 km đường dây 15 kV với tổng dung lượng các trạm biến áp là 78.389,5 kVA, chỉ đủ để cung cấp điện cho khu kỹ nghệ Biên Hoà và một số phường của thành phố. Thời gian này, tỉnh Đồng Nai chỉ có 4 chi khu phát điện, đó là Định Quán, Long Khánh, Biên Hòa và Đức Tu. Hệ thống lưới điện của Đồng Nai chưa hình thành, nên nhiều vùng chưa được cung cấp điện. Hoạt động sản xuất

phân phối điện còn manh mún, chắp vá. Đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật thiếu và yếu. Trước tình hình đó, Tỉnh đã chỉ đạo, tập trung cán bộ chuyên ngành hiện có và đề nghị bổ sung cán bộ từ miền Bắc vào, sau đó thành lập Sở Quản lý và Phân phối điện Đồng Nai. Từ đây, công tác đầu tư, cải tạo lưới điện đã từng bước được triển khai.

Đến năm 1999, lưới điện của Đồng Nai đã được xây dựng với tổng số 3.227 km đường dây cấp điện áp các loại, trong đó có 1.651,28 km đường dây trung thế với 2.842 trạm biến áp, tổng dung lượng 536.316 kVA. Số CBCNV đơn vị lúc này là 933 người.

Năm 1999, để đáp ứng được sự phát triển mạnh mẽ của địa phương và cả nước, Điện lực Đồng Nai được nâng cấp thành Công ty Điện lực Đồng Nai trực thuộc EVN. Đây cũng là giai đoạn Công ty đứng trước nhiều khó khăn, thách thức: Vừa làm, vừa củng cố mô hình tổ chức, quản lý, vận hành. Trong khi đó, nguồn điện quốc gia vô cùng thiếu thốn, các trạm trung gian đều quá tải, khả năng phát triển lưới điện không theo kịp tốc độ gia tăng phụ tải của một vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; không đủ vốn để đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện. Do vậy, tình trạng điện áp không đảm bảo thường xuyên xảy ra, ảnh hưởng không nhỏ đến việc cung ứng điện cho khách hàng. Tuy nhiên, nhờ có sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ thường xuyên của lãnh đạo ngành và địa phương, cùng với tinh thần đoàn kết, tích cực thi đua lao động sản xuất, năng động, sáng tạo của CBCNV, Công ty Điện lực Đồng Nai đã từng bước khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

KHẮC HỌA ĐIỆN MẠO MỚI CHO ĐỒNG NAI

Đồng Nai là tỉnh kinh tế trọng điểm phía Nam, tiếp giáp với thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một trong

những địa phương phát triển các khu công nghiệp với tốc độ mạnh và vững nhất trong cả nước. Hiện tại, trên địa bàn Tỉnh đã có 29 khu công nghiệp, trong đó có những khu công nghiệp lớn như: AMA-TA, Sông Mỹ, Bàu Xéo, Nhơn Trạch, Long Thành, Biên Hòa 1, 2... (nhiều khu rộng gần 300 ha), sản xuất hàng trăm mặt hàng thiết yếu phục vụ cho tiêu dùng, phát triển kinh tế trong nước và xuất khẩu như: Điện tử, cơ khí, dược phẩm, may mặc, gốm sứ, thép xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, thiết bị điện, viễn thông, công nghệ sinh học... Điều đặc biệt quan trọng là các khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh phát triển mạnh mẽ đã kéo theo những yêu cầu phải xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ. Chính vì vậy, từ năm 1999 đến tháng 9.2009, bằng nhiều nguồn vốn đầu tư, Công ty đã xây dựng được 316 km đường dây 110 kV, 2.158 km đường dây trung thế, 1787 km đường dây hạ thế, 15 TBA 110kV với tổng dung lượng 627 MVA, hằng năm "tiếp" một nguồn năng lượng đáng kể - trên 2,8 tỷ kWh điện cho các khu công nghiệp, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về điện để các đơn vị thuộc khu vực này hoạt động có hiệu quả.

Bên cạnh đó, bằng nhiều biện pháp đồng bộ trong quản lý kỹ thuật và kinh doanh, công tác giảm tổn thất, nâng cao chất lượng điện năng đã đạt được những thành tựu đáng chú ý. Năm 1999, tỷ lệ tổn thất điện năng của Công ty còn 5,11%. Đến năm 2008, tỷ lệ điện tổn thất là 2,41% (giảm 2,7 % so với năm 1999). Nhiều năm liền, Công ty là một trong

Sửa chữa máy biến thế (tháng 8/2007)



những đơn vị có tỷ lệ tổn thất điện năng thấp nhất trong các công ty phân phối điện của EVN.

Với mục tiêu tạo tiền đề quan trọng vào việc thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông thôn trên địa bàn tỉnh, Công ty cũng đặc biệt chú trọng làm tốt công tác điện nông thôn. Hiện tại, trên toàn địa bàn tỉnh đã có 100% xã được đầu tư lưới điện hạ thế, số hộ dân nông thôn sử dụng điện đạt 97,91% (vượt chỉ tiêu Nghị quyết tỉnh Đồng Nai đề ra). Để thực hiện chính sách đưa điện về vùng đồng bào dân tộc ít người và các xã anh hùng, góp phần thực hiện tốt công tác xã hội hoá nông thôn và đền ơn đáp nghĩa, từ đầu năm 2008, Công ty còn hỗ trợ xây dựng 130,74 km đường dây hạ thế với số vốn trên 11 tỷ đồng.

Trong các năm từ 2006 đến 2008, thực hiện chủ trương tiết kiệm điện, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp hiệu quả như: Phát hàng trăm ngàn tờ rơi, lắp đặt hàng trăm panô, áp phích và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền về tiết kiệm điện; khuyến khích các phụ tải lớn chủ động huy động các nguồn tự có để chia sẻ khó khăn về nguồn điện với ngành Điện... Mặc dù gặp không ít khó khăn do đặc thù phụ tải công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, không thuộc diện tiết giảm, song, nhờ có những giải pháp quyết liệt, đồng bộ và sự cố gắng hết mình của CBCNV, sản lượng điện tiết kiệm của Công ty TNHH MTV Đồng Nai đã góp phần đáng kể giảm thiểu mức độ căng thẳng trong cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia, đảm bảo cung cấp điện cho phát triển kinh tế và an sinh xã hội tại địa phương. Nếu như năm 2007, Công ty mới chỉ tiết kiệm được trên 50 triệu kWh thì tới năm 2008, con số này đã lên tới 103,73 triệu kWh.

Ông Nguyễn Ngọc Thành - Giám đốc Công ty cho biết: Công ty luôn chú trọng trong công tác đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương với chất lượng ngày càng cao. Đặc biệt là điện cung cấp cho các khu công nghiệp, bởi đây là những khách hàng sử dụng điện với sản lượng lớn, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Qua các Hội nghị khách hàng hằng năm, Công ty đều nhận được những lời cảm ơn, động viên về sự phục vụ chu đáo, cung cấp điện ổn định an toàn, chất lượng cho khách hàng, nhất là khách hàng thuộc các khu công nghiệp. Đây chính là nguồn động viên lớn đối với Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai để đơn vị tiếp tục phấn đấu hoàn thành mọi chỉ tiêu, kế hoạch Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao.

Các dấu mốc phát triển:

- Tiền thân là Sở Quản lý và Phân phối điện, trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (nay là Công ty Điện lực 2),
- Năm 1999, Điện lực Đồng Nai được nâng cấp thành Công ty Điện lực Đồng Nai, trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
- Tháng 10/2006, Công ty chuyển đổi sang mô hình TNHH MTV.

Thành tích tiêu biểu:

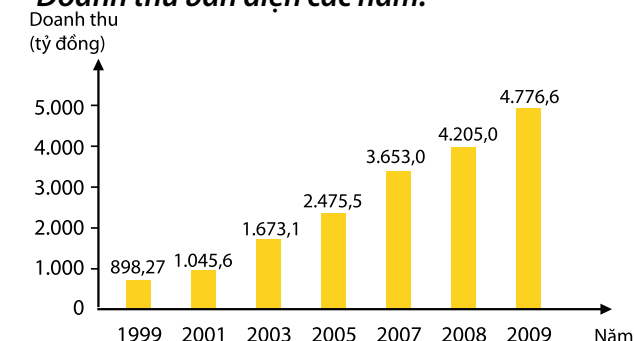
Tập thể: - Huân chương Lao động hạng Nhất (2003), Nhì (1996), Ba (1987);

Cá nhân: - 2 Huân chương Lao động hạng Ba (2004 và 2006).

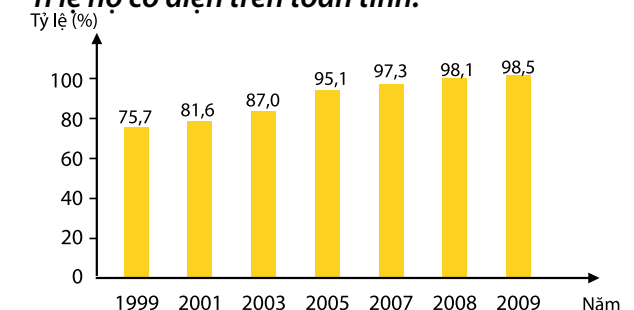
Hiện Công ty đang quản lý, vận hành:

- + 20 TBA 110kV dung lượng 1.041 MVA với 381,29 km đường dây cao thế.
 - + 3.810 km đường dây trung thế, 4.300 km đường dây hạ thế.
 - + 7.757 trạm biến áp phân phối, tổng dung lượng 2.179.468 kVA
 - + 462.000 khách hàng sử dụng điện.
- Công ty hiện có 2.465 CBCNV.

Doanh thu bán điện các năm:



Tỷ lệ hộ có điện trên toàn tỉnh:





Đầu tư xây dựng trạm 110 kV cấp điện cho thành phố Cảng

Thanh Tâm

Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng, tiền thân là Nhà máy đèn Hải Phòng, bao gồm Nhà máy điện Cửa Cấm và bộ phận bán điện vườn hoa. Nhà máy điện Cửa Cấm là nhà máy điện đầu tiên ở nước ta do thực dân Pháp xây dựng từ cuối thế kỷ XIX, công suất thiết kế 5,5 MW. Sau khi thành phố Hải Phòng giải phóng (13/5/1955), chính quyền cách mạng tiếp quản nhà máy đèn và đổi tên thành Nhà máy điện Hải Phòng. Những năm kháng chiến chống Mỹ, cơ sở vật chất nghèo nàn lạc hậu, lưới điện hầu hết là đường cáp 6 kV cũ nát, các trạm phân phối điện công suất nhỏ, sơ đồ cung cấp điện thô sơ, kém an toàn, nhưng CBCNV Công ty đã anh dũng, kiên cường bám lò, bám máy đảm bảo dòng điện cho tổ quốc, góp phần vào công cuộc giải phóng đất nước.

TỪ 50% HẠ XUỐNG... 4%

Hòa bình lập lại, hòa chung không khí cải tạo xã hội chủ nghĩa của cả nước, Công ty ra sức khắc phục khuyết tật của các trạm biến áp 110 kV, mở rộng thêm các đường dây 110 kV, cấy thêm trạm mới và mở rộng lưới phân phối, xây dựng đường dây 220 kV Phả Lại – Hải Phòng, góp phần cung cấp điện cho các khu công nghiệp tập trung trọng điểm

như: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Nguyên, Việt Trì...

Thực hiện Tổng sơ đồ phát triển điện giai đoạn III, Công ty Điện lực Hải Phòng là một trong các đơn vị đi đầu cả nước trong việc giảm tỉ lệ tổn thất điện năng. Đầu những năm 1990, tỉ lệ tổn thất điện năng của Hải Phòng ở mức 30-50% (thậm chí có thời điểm lên trên 50%). Trước tình hình đó, Công ty đã nhanh chóng chấn chỉnh kỷ cương, cải tạo đồng bộ lưới điện hạ thế, củng cố các mặt quản lý, tổ chức thi đua liên kết giữa 3 thành phố lớn Hà Nội – Hải Phòng – Hà Nam Ninh (cũ) và 8 chi nhánh điện ở Hải Phòng. Với sự quyết liệt và nỗ lực vượt bậc của đội ngũ CBCNV Công ty, tỉ lệ tổn thất được giảm dần, từ 55% (tháng 1/1993) xuống còn 26,4 % (tháng 12/1993) tương đương 270 triệu kWh, trị giá 30,3 tỷ đồng. Tháng 6/1994, tỉ lệ tổn thất chỉ còn 19% và cứ tiếp tục hạ xuống còn 4,3 % (năm 2008). Đến nay, Công ty Điện lực Hải Phòng là đơn vị có tỉ lệ tổn thất điện năng thấp nhất trong 8 công ty phân phối.

NHỮNG BƯỚC ĐỘT PHÁ MỚI

Đảm nhận nhiệm vụ sản xuất, cung ứng và kinh



Ban Lãnh đạo Công ty tại Lễ ra mắt Công ty TNHH MTV tháng 3/2007

doanh điện năng trên địa bàn một thành phố công nghiệp đông dân như Hải Phòng, Công ty luôn xác định trách nhiệm nặng nề của mình, đặc biệt trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bằng nhiều nỗ lực, từ năm 2003 đến 2005, sản lượng điện thương phẩm của Công ty tăng bình quân từ 10,5% lên 19%; tỷ lệ tổn thất ngày càng giảm (đạt 6,03% năm 2005); số lượng khách hàng sử dụng điện tăng bình quân mỗi năm gần 19.000 khách hàng; giá bán bình quân đến năm 2005 đạt 761,17 đồng/kWh, tăng 61,36 đồng/kWh so với năm 2002.

Thực hiện kế hoạch sắp xếp đổi mới doanh nghiệp, ngay sau khi có quyết định ngày 16/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Điện lực Hải Phòng thành Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty đã có nhiều biện pháp phát huy tính chủ động, nâng cao hiệu quả công việc. Bước đột phá đầu tiên là năm 2007, Công ty đã giảm chi phí 72 tỷ đồng đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm vật tư, thiết bị kỹ thuật, nhưng vẫn đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu điện năng để phát triển thành phố với trên 1,982 tỷ kWh thương phẩm, tăng hơn năm 2006 là 23%, giảm tỷ lệ điện tổn thất xuống còn 5,19%, tiết kiệm được 20,5 triệu kWh, làm lợi cho Nhà nước hàng chục tỷ đồng.

Đối với các đơn vị trong ngành Điện, kinh doanh viễn thông là một lĩnh vực mới, nhiều thách thức,

phải cạnh tranh gay gắt với các nhà cung cấp có nhiều kinh nghiệm; cơ sở vật chất kỹ thuật mạng viễn thông điện lực chưa hoàn thiện, nhưng Công ty luôn xác định phải nỗ lực phát triển viễn thông công cộng - một trong những nhiệm vụ trọng tâm song hành với sản xuất, kinh doanh điện. Hết năm 2006, Công ty đạt được kết quả khá ấn tượng với 42.715 khách hàng sử dụng dịch vụ CDMA, Internet ADSL, thuê kênh luồng, trong đó có 30.160 thuê bao E-com, 6.305 E-phone, 6.229 E-mobile... Công ty trở thành một trong những đơn vị dẫn đầu ngành Điện về công tác kinh doanh viễn thông công cộng. Kết quả này không chỉ khẳng định hướng đi đúng đắn của đơn vị mà còn tạo nền móng vững chắc cho những bước đột phá tiếp theo của đơn vị trong thời gian tới.

Nằm trong tam giác kinh tế phía Bắc, Hải Phòng đang từng ngày phát triển mạnh mẽ, nhu cầu sử dụng và chất lượng dịch vụ điện cũng đòi hỏi ngày càng cao, yêu cầu hệ thống điện phải thường xuyên được cải tạo, nâng cấp. Nhận thức rõ điều này, ngay khi có chủ trương tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn, Công ty đã tiến hành cải tạo lưới điện cũ nát, hỏng hóc, tiến hành thay toàn bộ công tơ cũ bằng công tơ được kiểm định đặt trong hộp, đảm bảo bán điện an toàn và công bằng cho các hộ dân.

Tính đến tháng 9/2009, Công ty đã triển khai tiếp nhận và bán điện trực tiếp đến hộ dùng điện ở

14/76 xã, với tổng số 27.570 hộ. Một trong những niềm vui của người dân Hải Phòng nói chung và người dân xã Việt Hải (huyện Cát Hải – Hải Phòng) nói riêng là ngày 20/8/2009 - 12 năm sau ngày lưới điện quốc gia về đảo Cát Bà, Công ty đã đưa điện về với xã Việt Hải - xã cuối cùng của Hải Phòng có điện lưới quốc gia, hiện thực hóa ước mơ bấy lâu của người dân trong xã, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng cường quốc phòng, an ninh và

nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Nhìn lại chặng đường hình thành và phát triển, với sự nỗ lực không ngừng của tập thể CBCNV, Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng đã đóng góp không nhỏ vào sự phát triển vững mạnh của thành phố Cảng – một trong những thành phố công nghiệp trọng điểm của đất nước. ■



Công ty Điện lực Hải Phòng quyền góp ủng hộ nhân dân Hà Tĩnh, Quảng Bình bị thiệt hại do lũ lụt năm 2007



Các thời kỳ phát triển:

- + Nhà máy điện Hải Phòng (5/1955 – 12/1962);
- + Sở quản lý và phân phối điện khu vực II (1/1963 – 5/1978);
- + Sở quản lý và phân phối điện Hải Phòng (6/1978 – 4/1981);
- + Sở Điện lực Hải Phòng (5/1981 – 2/1996);
- + Điện lực Hải Phòng (3/1996 – 3/1999);
- + Công ty Điện lực Hải Phòng (07/04/1999 – 15/10/2006);
- + Từ ngày 16/10/2006 đến nay: Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng.

Những thành tích tiêu biểu:

- Anh hùng LLVTND năm 2001.
- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2008.
- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2003.
- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1988.
- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1994.

Một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu

Năm	Điện thương phẩm (triệu kWh)	Doanh thu (Tỷ đồng)	Tỷ lệ tổn thất (%)	Giá bình quân (đ/kWh)
1995	406,6	206,7	14,25	532,6
2000	832,721	563,8	6,43	680
2006	1.601	1.224	5,75	764,3
2007	1.982	1.623	5,19	818,9
2008	2.302,8	1.915	4,1	831,6
Ước thực hiện 2009	2.480	2.236,9	4,1	902

Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình:

“THẮP LỬA” vùng đất Cố đô

Bài và ảnh: **Văn Lương**



Ban Lãnh đạo Công ty Điện lực Ninh Bình tại Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2007

Nhiều năm qua, các thế hệ CBCNV Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình đã bền bỉ lao động sáng tạo, vượt qua các giai đoạn khó khăn, cung cấp điện ổn định, chất lượng, không ngừng mở rộng và củng cố hệ thống lưới điện, giữ vững nguồn sáng - “thắp lửa” cho sự phát triển của vùng đất Cố đô Ninh Bình.

VƯỢT KHÓ

Những ngày mới thành lập, toàn Tỉnh chỉ có 2 chi nhánh điện, 9 trạm trung gian 35/10 kV với tổng dung lượng 34.400 kVA; 10 trạm hạ thế, 580 km đường dây cao hạ thế. Sản lượng điện thương phẩm năm 1992 chỉ khoảng 52 triệu kWh, nhưng tổn thất điện năng lên đến 32%. Nhân lực của Sở Điện lực Ninh Bình lúc ấy chỉ có 105 người, phần lớn là lực lượng lao động phổ thông chưa được đào tạo kỹ thuật cơ bản, số cán bộ kỹ thuật chỉ chiếm khoảng 8,5%.

Xác định năng lực là “vật tư” chiến lược, là động lực quan trọng cho phát triển kinh tế đất nước, đội ngũ cán bộ, công nhân Sở Điện lực Ninh Bình đã chủ động vượt khó, nhanh chóng bắt tay vào thực hiện xây dựng hệ thống lưới điện. Do vậy, từ năm 1993 đến 1996, hàng loạt tuyến đường dây đã được triển khai thi công, nhiều trạm biến áp được lắp đặt, với quyết tâm nhanh chóng đưa công trình điện vào sử dụng, đảm bảo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Lưới điện quốc gia đã được đưa lên đến miền núi hiểm trở Nho Quan, qua vùng chiêm trũng Gia Viễn rộng lớn, rồi xuống tới vùng biển Kim Sơn hoang sơ.

Các công trình được hoàn thành nhanh chóng, đảm bảo chất lượng và kỹ thuật, đáp ứng hoạt động sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của các địa phương, góp phần để Ninh Bình sớm vượt qua giai đoạn khó khăn nhất khi mới được tái lập.

Ngày 8/3/1996, Sở Điện lực Ninh Bình đổi tên thành Điện lực Ninh Bình. Lúc này, Điện lực Ninh Bình không còn chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực điện, mà trở thành đơn vị quản lý vận hành lưới điện, kinh doanh điện. Đến tháng 3/2003, Điện lực Ninh Bình đã phát triển xây dựng hệ thống lưới điện đến 100% số xã trong toàn Tỉnh, đưa tỷ lệ số hộ dân được dùng lưới điện quốc gia lên 96%, cung cấp điện ổn định an toàn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các thành phần kinh tế và đời sống dân sinh trong tỉnh. Điện thương phẩm năm 2003 đạt 290 triệu kWh (tăng 8 lần so với ngày mới thành lập). Nếu như tổn thất điện năng năm 1992 ở mức 32% thì đến hết năm 2003 đã giảm xuống 7,3%. Điện lực Ninh Bình đã được đầu tư xây dựng và vận hành mới 4 trạm 110 kV, 16 trạm trung gian 35/10 kV, 707 trạm phân phối với tổng dung lượng 177.590 kVA, 1.350 km đường dây cao hạ thế. Đội ngũ nhân lực cũng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, với 450 CBCNV làm công tác quản lý, vận hành, kinh doanh bán điện.

THÍCH ỨNG VỚI TÌNH HÌNH MỚI

Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tháng 3/2003, Điện lực Ninh Bình chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình, là một trong 10 đơn vị thuộc EVN được chọn làm thí điểm về việc chuyển sang hoạt động theo mô hình mới trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đơn vị hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập theo Luật Doanh nghiệp của Nhà nước, Công ty đã sớm khắc phục những tồn tại, mạnh dạn đổi mới trong các hoạt động quản lý, sắp xếp nhân lực, quản lý kỹ thuật, kinh doanh bán điện phục vụ các đối tượng khách hàng. Luồng gió đổi mới mạnh mẽ đến từ mô hình quản lý Công ty TNHH MTV đã tạo nên một động lực quan trọng để đơn vị phát huy tối đa mọi nguồn lực, năng động và quyết liệt hơn.

Năm 2006, Công ty đã đảm nhận việc cải tạo, nâng cấp và giám sát những dự án lưới điện 110 kV phục vụ cấp điện cho các dự án trọng điểm của Tỉnh, các khu công nghiệp và nhà máy xi măng. Cuối năm 2006, Công ty đã hoàn thành việc cải tạo, xây dựng đường dây 110 kV cấp điện đúng tiến độ cho Nhà máy Xi măng Vinakansai. Trong 3 năm liên tiếp, Công ty đã đưa vào vận hành thêm 4 trạm 110 kV với tổng dung lượng 155.000 kVA cấp điện cho Nhà máy Xi măng TheVissai, Duyên Hà, Hướng Dương và Xi măng Phú Sơn.

Năm 2008, Công ty hoàn thành kế hoạch tiếp nhận lưới điện hạ thế nông thôn bán lẻ đến tận hộ dân tại 100/125 xã của toàn tỉnh Ninh Bình, vượt tiến độ 2 năm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra. Bán điện trực tiếp tới 200.000 khách hàng, phụ tải cực đại của toàn tỉnh Ninh Bình đạt khoảng 90 - 95 MW. Điện thương phẩm năm 2008 đạt 674 triệu kWh, tăng 37% so với năm 2007 và tăng trưởng gấp 3 lần so với năm 2003; giá bán điện bình quân đạt 776 đồng/kWh (tăng 51 đồng/kWh so với năm 2007). Tổng doanh thu đạt 547 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2007; nộp ngân sách Nhà nước 8,1 tỷ đồng (vượt 31% so với kế hoạch giao).

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, Công ty đã đẩy mạnh phát triển lĩnh vực viễn thông, truyền hình cáp, cơ khí, tài chính ngân hàng, bảo hiểm... Đến tháng 9/2009, Công ty đã hoàn thành dự án viễn thông giai đoạn VI và VII, lắp đặt và đưa vào sử dụng thêm 5

trạm BTS, nâng tổng số lên 40 trạm BTS tại các huyện thị trong tỉnh. Dự kiến cuối năm 2009, sẽ phát triển thêm khoảng 10.000 thuê bao viễn thông CDMA các loại, nâng tổng số thuê bao toàn Công ty đạt 80.000 thuê bao. Dịch vụ truyền hình cáp đã có tại 4/8 huyện thị trong Tỉnh, đạt trên 6.000 thuê bao sử dụng. Doanh thu viễn thông và truyền hình cáp năm 2009 dự kiến đạt gần 20 tỷ đồng. Tháng 6/2009, Công ty đã được EVN cho phép nâng cấp Phân xưởng Cơ khí bê tông điện lực thành Xí nghiệp cơ khí bê tông điện lực với quy mô sản xuất 30.000 cột điện bê tông dự ứng lực/năm đáp ứng nhu cầu bức thiết cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh về chủ trương tiếp nhận lưới điện hạ thế nông thôn. Doanh thu năm 2009 của Xí nghiệp cơ khí bê tông ước đạt trên 20 tỷ đồng.

Từ giữa năm 2008 đến nay, Công ty đã tiếp nhận, quản lý kinh doanh Nhà khách Trảng An với tổng diện tích trên 6.200 m², mở thêm lĩnh vực kinh doanh dịch vụ mới trong xu hướng phát triển của tỉnh Ninh Bình. Tương lai, nơi đây sẽ được đầu tư xây dựng để trở thành Trảng An Plaza - một trung tâm thương mại và khách sạn cao cấp, đón khách trong nước và quốc tế về tham quan, du lịch vùng đất Cờ đồng lịch sử.

Trên nền tảng kế thừa những thành quả 17 năm xây dựng và phát triển, với định hướng chiến lược đúng đắn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong giai đoạn tới Công ty Điện lực Ninh Bình sẽ tiếp tục phát triển lớn mạnh, đóng góp tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. ■

Tên gọi của Công ty qua các thời kỳ

- Từ 16/05/1992: Sở Điện lực Ninh Bình;
- Từ 8/3/1996: Điện lực Ninh Bình;
- Từ 28/3/2003 đến nay: Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình.

Thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2001);
- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2007).
- Huân chương Lao động hạng Ba cho cá nhân T.S Lã Mai Hoàn - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty (năm 2007).

Kết quả thực hiện từ khi chuyển đổi mô hình thành Công ty TNHH MTV và kế hoạch đến năm 2012:

TT	Năm thực hiện	Điện thương phẩm (triệu kWh)	Giá bán bình quân (đ/kWh)	Doanh thu điện (tỷ đồng)	Khách hàng	Tỷ lệ tổn thất điện năng (%)
Thực hiện	6 tháng cuối năm 2003	129,6	611,3	79,2	33.719	6,011
	Năm 2004	270,8	619,5	167,8	42.129	7,103
	Năm 2005	369,9	655,96	242,6	60.823	6,87
	Năm 2006	413,7	675,87	279,6	97.980	6,24
	Năm 2007	489,9	728,76	357,1	161.291	7,37
	Năm 2008	674,5	757,61	511,0	179.156	6,65
	Năm 2009	790,0	824	650,8	207.000	6,71
Kế hoạch	Năm 2010	1.106,4	849,56	939,9	210.000	6,94
	Năm 2011	1.271,9	890	1.131,9	215.000	6,6
	Năm 2012	1.462,6	945	1.382,2	220.000	6,4

CÔNG TY TNHH MVT ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG

ĐỘT PHÁ SAU CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Nguyễn Thanh

Những năm đầu khi mới chuyển đổi mô hình tổ chức, Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương đã gặp không ít khó khăn, nhưng với nỗ lực và quyết tâm cao, Công ty đã từng bước vượt qua trở ngại, lập nhiều thành tích trong công tác quản lý kỹ thuật, giảm tổn thất điện năng và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh.

GIẢI NHỮNG BÀI TOÁN KHÓ

Được thành lập ngày 08/4/1969, giữa bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn ác liệt, Sở quản lý và Phân phối điện Hải Hưng (tên gọi cũ) đã đi lên từ một xuất phát điểm thấp với cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn và lạc hậu. Phần lớn thiết bị từ thời Pháp thuộc, độ an toàn không cao, khả năng cung cấp điện hạn chế.

Tháng 12/2004, Thủ tướng Chính phủ có quyết định chuyển Điện lực Hải Dương (trực thuộc Công ty Điện lực 1) thành Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Những năm đầu khi chuyển đổi mô hình, Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phát triển rộng, số lượng các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn Tỉnh tăng mạnh. Nhu cầu dùng điện khiến việc cải tạo và phát triển hệ thống lưới điện trở nên rất cấp thiết, trong khi đó, nguồn vốn của Công ty lại hạn hẹp, phải vay các ngân hàng thương mại với lãi suất cao để đầu tư khiến khó khăn càng tăng lên gấp bội.

Không lùi bước trước khó khăn, với nỗ lực của toàn thể CBCNV, ngay năm đầu khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp, Công ty đã đầu tư 162 tỷ đồng xây dựng 13 công trình, triển khai 84 hạng mục sửa chữa lớn, 237 hạng mục sửa chữa thường xuyên trị giá hàng chục tỷ đồng... nhằm củng cố, nâng cao



Kiểm tra Trạm trung gian Thanh Hà – Công ty Điện lực Hải Dương (năm 2005)
Ảnh: Nguyễn Văn Tuấn

khả năng cấp điện và độ tin cậy của hệ thống lưới điện. Nhờ đầu tư đúng hướng, Công ty đã không để xảy ra sự cố, cung ứng điện ổn định cho khách hàng. Sản lượng điện thương phẩm năm 2005 đạt 970 triệu kWh, tăng 15,48% so với năm 2004; doanh thu 656,69 tỷ đồng; giá bán điện bình quân đạt 677 đ/kWh.

Một trong những bài toán nan giải khác khi chuyển đổi mô hình kinh doanh là tổ chức lại bộ máy, chấn chỉnh tác phong làm việc. Ban lãnh đạo Công ty đã triển khai đồng bộ và kiên quyết nhiều giải pháp như: Kiện toàn, sắp xếp lại một số đơn vị; tổ chức bồi huấn nghiệp vụ và quy hoạch lại đội ngũ cán bộ ở các phòng ban, khuyến khích CBCNV mạnh



Đầu tư, cải tạo đường dây trung thế chống quá tải cho lưới điện nông thôn (tháng 1/2007)
Ảnh: Nguyễn Văn Tuấn

dạn áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và công tác; đổi mới công tác giao tiếp với khách hàng, giảm thủ tục hành chính về cấp điện, thu ngân, lắp đặt mới công tơ... Chính vì thế, chỉ trong một thời gian ngắn, Công ty đã xây dựng được một phong cách làm việc chuyên nghiệp, tạo được lòng tin của khách hàng và nhân dân.

BỨT PHÁ TRONG KINH DOANH

Từ năm 2003 đến nay, trên địa bàn tỉnh Hải Dương, sự tăng trưởng đột biến của các phụ tải công nghiệp kéo theo hàng loạt các dịch vụ phụ trợ phát triển, nhu cầu điện sinh hoạt không ngừng tăng khiến lưới điện trên địa bàn có những thời điểm bị quá tải, tỷ lệ tổn thất điện năng cao. Song, nhờ có các giải pháp như tiếp tục đầu tư cải tạo lưới điện, đặc biệt là lưới điện nông thôn, tăng cường công tác kiểm tra sử dụng điện... nên Công ty đã giảm mạnh tỉ lệ tổn thất điện năng. Năm 2000, tỉ lệ tổn thất đã giảm xuống còn 6,53%, Năm 2002 xuống 6,15%. Năm 2007, con số này chỉ còn 5,17%.

Công tác kinh doanh của Công ty luôn được đẩy mạnh, năm 2008, Công ty đạt doanh thu hơn 1 nghìn tỷ đồng, sản lượng điện thương phẩm đạt trên 1,5 tỷ kWh điện. Lưới điện đã vươn tới tất cả

các ngõ xóm, đến từng hộ dân trong tỉnh. Số lượng thuê bao dịch vụ viễn thông điện lực của Công ty không ngừng tăng nhanh. Năm 2006, Công ty phát triển được 16.835 thuê bao, doanh thu cước viễn thông đạt xấp xỉ 6 tỷ đồng. Năm 2008, đạt 65.852 thuê bao, doanh thu đạt 34 tỷ đồng.

Công ty cũng có nhiều sáng kiến áp dụng mô hình quản lý điện nông thôn nhằm giúp người nông dân được dùng điện bình đẳng với người dân khu vực thành phố. Đến hết tháng 6/2008, Công ty đã hoàn thành việc tiếp nhận lưới điện trung áp nông thôn, vượt kế hoạch trước 1 năm. Công ty còn tiến hành đại tu, cải tạo và làm mới 65 công trình đường dây trung thế chống quá tải với số tiền gần 22 tỷ đồng cho khu vực nông thôn, đầu tư hơn 39 tỷ đồng cho 36 công trình chống quá tải và xóa bán tổng. Tới nay, Công ty đã kiểm định miễn phí hơn 50.000 công tơ và đào tạo trên 2.000 thợ quản lý điện nông thôn miễn phí.

Với nỗ lực, quyết tâm của Ban lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp tích cực, quyết liệt đẩy lùi mọi khó khăn, vươn lên hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, phấn đấu lập thành tích chào mừng 55 năm ngày truyền thống ngành Điện... ■



Kiểm định công tơ tại Xưởng Công tơ - Công ty Điện lực Hải Dương tháng 3-2005
Ảnh: Ngọc Cảnh

Tên gọi qua các thời kỳ:

- 08/04/69 - 29/04/82: Sở quản lý phân phối điện Hải Hưng;
- 30/04/82 - 07/03/96: Sở điện lực Hải Hưng;
- 08/03/96 - 31/03/97: Điện lực Hải Hưng;
- 01/04/97 - 31/12/04: Điện lực Hải Dương;
- 01/01/05 đến nay: Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương (HDPC).

Thành tích tiêu biểu:

- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1999);
- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2004);

Hiện Công ty đang quản lý:

- 2.000 km đường dây từ 04 kV đến 110 kV;
- 5 trạm biến áp 110 kV dung lượng 250 MVA;
- 1.912 trạm biến áp trung gian, phân phối, dung lượng 699,411 MVA;
- Tổng số lao động: 806 người;
- Vốn điều lệ: 112 tỷ đồng.

Số lượng khách hàng:

- Khách hàng công nghiệp: 595 hộ;
- Khách hàng phi công nghiệp: 91;
- Khách hàng nông nghiệp: 1073, trong đó có 201 trạm bơm thủy lợi;
- Công tơ tư gia: 20.460 cái;
- Công tơ cơ quan: 540 cái.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm	Điện thương phẩm (triệu kWh)	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ lệ tổn thất (%)	Giá bình quân (đ/kWh)
1994	317,1	135,9	20,02	428,5
1996	455,1	235,6	14,27	518,4
1998	473,3		9,44	599,7
2000	542,8	315,5	6,53	581,3
2002	659,7	396,7	6,15	601,3
2004	840,0	568,2	6,17	676,4
2006	1.180,0	820,8	4,79	692,4
2008	1.516,4	1.133,2	5,31	744,6
Ước thực hiện năm 2009	1.638	1.367,8	4,91	834,8

Trạm biến áp 110kV E31 Đồng Đế cấp điện chủ yếu cho khu vực phía bắc thành phố Nha Trang

Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa :

ĐÓN ĐẦU KHI KHÁNH HÒA “CHUYỂN MÌNH”

Xuân Thủy

Là đơn vị đầu tiên trong khối kinh doanh, phân phối điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty CP Điện lực Khánh Hòa đã khẳng định được thực lực, luôn đáp ứng nhu cầu điện, tạo động lực quan trọng để 5 năm qua, tỉnh Khánh Hòa phát triển mạnh mẽ với mức tăng trưởng GDP bình quân là 10,84% năm.

KHÓ KHĂN NHỮNG BƯỚC TIỀN PHONG

Ngày 1/7/2005, Công ty cổ phần Điện Lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động. Đây cũng là thời điểm Luật Điện lực có hiệu lực và với việc thực hiện quy định “bên bán điện có nghĩa vụ phải đầu tư các công trình điện đến công tơ cho khách hàng”, hầu hết các đơn vị kinh doanh điện đều gặp rất nhiều khó khăn do thiếu vốn đầu tư. Khó khăn này nhân lên gấp bội đối với một đơn vị kinh doanh điện mang sứ mệnh “tiên phong” chuyển đổi mô hình sang công ty cổ phần khi hiệu quả và lợi nhuận được các cổ đông đặc biệt quan tâm. Trong khi đó, với đặc thù, việc đầu tư vào hạ tầng cơ sở điện lực đòi hỏi số vốn rất lớn nhưng thời gian thu hồi vốn chậm, đặc biệt, việc đầu tư cho

khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, phục vụ an ninh quốc phòng mang tính công ích... sẽ khó thuyết phục các cổ đông.

Chưa hết, vào thời điểm CPH, Điện lực Khánh Hòa cũng là một trong số đơn vị đầu tiên trong cả nước tiếp nhận toàn bộ hệ thống lưới điện nông thôn để bán lẻ trực tiếp đến khách hàng. Điều này khiến nhu cầu nhân lực quản lý lưới điện trở nên căng thẳng. Ngoài ra, hệ thống lưới điện nông thôn trước đây thiếu đồng bộ, chập vá nên sau khi tiếp nhận, Công ty đã phải đầu tư với số vốn không nhỏ để cải tạo nhằm đảm bảo an toàn cung cấp điện cho khách hàng, nhưng mãi đến cuối năm 2008, Bộ Tài chính mới có Thông tư 97 về hỗ trợ đầu tư công ích điện nông thôn, miền núi, hải đảo...

Đứng trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty tiến hành cải tiến phương pháp quản lý, củng cố, sắp xếp gọn nhẹ bộ máy. Đồng thời, một trong những việc cần làm ngay của Công ty sau CPH là đào tạo, nâng cao trình độ nguồn nhân lực, giúp người lao động thích ứng nhanh với môi trường và nguyên tắc làm việc mới. Đối với bài toán thiếu vốn cho đầu tư, ngoài lĩnh vực kinh doanh điện năng, với phương châm “lấy ngắn nuôi dài”, Công ty mở rộng sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực khác như

kinh doanh viễn thông, vật tư thiết bị điện, tư vấn và thi công xây lắp các công trình điện, góp vốn thành lập các công ty cổ phần đầu tư thủy điện nhỏ, chế tạo thiết bị điện, sản xuất sản phẩm bê tông ly tâm dự ứng lực...

Nhờ sự năng động và nỗ lực vượt bậc của đội ngũ CBCNV, những năm qua, kết quả kinh doanh của Công ty luôn tăng trưởng vượt mức kế hoạch lợi nhuận Đại hội cổ đông giao. Hệ thống nguồn và lưới điện của Công ty tại các khu vực thành phố, thị trấn, thị tứ đã được đầu tư nâng cấp và cải tạo nên cơ bản bảo đảm được việc cung cấp điện ổn định, liên tục và chất lượng tốt.

ĐI TRƯỚC ĐÓN ĐẦU

Khánh Hòa là một trong những tỉnh có nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh trên cả nước. Không chỉ là tỉnh có thế mạnh lớn về phát triển du lịch, Khánh Hòa còn là địa phương phát triển công nghiệp mạnh nhất trong khu vực Miền Trung và Tây Nguyên. Đặc biệt, những khu kinh tế quan trọng như cảng trung chuyển quốc tế và khu kinh tế Vân Phong, khu kinh tế Cam Ranh đang hình thành. Bản Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 cũng xác định sẽ xây dựng thành phố Khánh Hòa trở thành trung tâm của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Theo đó, cơ cấu kinh tế sẽ chuyển dịch nhanh theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ và công

ng nghiệp với các ngành chế biến thực phẩm, may mặc, đóng tàu và sản xuất vật liệu xây dựng (cát, xi măng...), dịch vụ du lịch.

Nắm được tinh thần đó, ngoài thực hiện những mục tiêu cơ bản xuyên suốt của toàn ngành, Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã chủ động đề ra định hướng phát triển trung và dài hạn để đón đầu khi Khánh Hòa “chuyển mình”. Cụ thể, trong giai đoạn 2009-2010, Công ty chú trọng cải tạo lưới điện các thị xã, thị trấn, thành phố trong tỉnh Khánh Hòa để nâng cao năng lực cấp điện, giảm tổn thất điện năng. Ngoài ra, Công ty cũng tích cực tìm kiếm nguồn vốn ưu đãi cho dự án điện các khu kinh tế trọng điểm của Tỉnh; tăng cường phát huy hiệu quả các ngành nghề đang kinh doanh, đảm bảo ổn định mức lợi nhuận cho cổ đông... Hiện, Công ty đang chủ động xây dựng phương án giá mua bán điện khi thị trường điện hình thành; tiếp tục tham gia kinh doanh trên các lĩnh vực tiềm năng và lợi thế của Công ty như: Đầu tư và khai thác thủy điện nhỏ, sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, bất động sản, du lịch, công nghệ thông tin, sản phẩm bê tông ly tâm dự ứng lực... và nỗ lực thu xếp vốn để đầu tư phát triển lưới điện.

Tin rằng, cùng với sự năng động, quyết liệt, Công ty CP Điện lực Khánh Hòa sẽ vượt qua mọi thử thách, nắm bắt cơ hội, song hành với tỉnh Khánh Hòa bước vào những giai đoạn phát triển mới hứa hẹn nhiều triển vọng tốt đẹp. ■

Danh hiệu tiêu biểu:

- Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (năm 2000)
- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1985, 2000
- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1993, 1999
- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 1995
- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 1995	Năm 2005(*)	NĂM 2006	NĂM 2007	NĂM 2008	Ước thực hiện NĂM 2009
1	Vốn điều lệ	tỷ đồng		163	163	174,09	174,09	208,9
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	219,9	703,4	776,1	816,3	873,4	944
3	Số lượng khách hàng	K.hàng	40.000	197.791	213.976	227.569	241.707	260.700
4	Tỷ lệ tổn thất	%	9,3	7,97	6,61	5,76	7,107(**)	6,96
5	Giá bán điện bình quân	đ/kWh	508,01	779,33	815,37	885,63	897,68	1.012
6	Doanh thu (SXĐ+SX khác)	tỷ đồng		307,4	650,3	768,6	850,3	1.016,5
7	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng		14,9	27,5	46,4	52,6	53,7
9	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng		10,7	19,8	33,4	33,9	37
10	Cổ tức (***)	%		5,83	8,4	12	17,24	

Ghi chú:

(*) Doanh thu, lợi nhuận, cổ tức tính từ 1/7/2005 - thời điểm bắt đầu đi vào hoạt động theo mô hình CPH

(**) Năm 2008, tỷ lệ tổn thất có tính cả lưới điện 110 kV.

(***) Năm 2007 phát hành thêm cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 2% (trên vốn điều lệ 163 tỷ đồng) từ nguồn thuế TNDN được miễn năm 2006.

Cổ tức năm 2008 bao gồm: 14,14% cổ tức và 3,1% lợi nhuận chưa phân phối năm 2007.

Công ty CP Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh:

MỞ NHỮNG TRANG SỬ MỚI CỦA NGÀNH CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Ngọc Cảnh

Công ty cổ phần Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh tiền thân là Nhà máy Sửa chữa Thiết bị điện Đông Anh được thành lập ngày 26/3/1971. Gần 40 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty đã tham gia sửa chữa và chế tạo nhiều thiết bị điện, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển hệ thống điện Việt Nam. Đặc biệt, Công ty đã thiết kế, chế tạo thành công máy biến áp 110 kV, 220 kV đầu tiên của Việt Nam và tới đây sẽ là máy biến áp 500 kV.

VƯỢT QUA BOM ĐẠN, HIỂM NGUY

Ngay từ khi mới thành lập, theo thiết kế, Nhà máy chỉ được giao nhiệm vụ sửa chữa, đại tu lò, tuabin cho các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, sửa chữa các máy biến áp công suất đến 560 kVA. Nhưng thực tế không chỉ có vậy, Nhà máy đã tham gia khôi phục các nhà máy điện, tuabin, lò hơi, trạm biến áp 110 kV... trong hệ thống điện miền Bắc. Đồng thời, sửa chữa, khôi phục hàng ngàn máy biến áp phân phối, máy biến áp trung gian, động cơ máy phát cho các ngành kinh tế khác.



Đoàn cán bộ của Bộ KHCN thăm công trình MBA 125 MVA - 220 kV do Công ty thiết kế, chế tạo và lắp đặt (tháng 8/2008)

Giai đoạn từ năm 1971 đến 1972, miền Bắc liên tục bị không quân Mỹ đánh phá ác liệt. Các nhà máy điện như: Vinh, Yên Phụ, Thác Bà, Ninh Bình... và Nhà máy Sửa chữa Thiết bị điện đều là mục tiêu phá hoại của kẻ thù. Để đảm bảo an toàn, Nhà máy đã triển khai kế hoạch sơ tán con người và thiết bị máy móc đến xã Thụy Lâm (Đông Anh - Hà Nội) và Văn Lâm (Hưng Yên). Ngoài công việc tại Nhà máy, các kỹ sư, công nhân thường xuyên phải đối mặt với bom đạn, vượt qua không ít hiểm nguy để đến các nhà máy, trạm điện để sửa chữa theo nhiệm vụ chính trị được giao với thời gian nhanh nhất, chất lượng tốt nhất. Đặc biệt, nhiệm vụ sửa chữa các nhà máy phát điện, các trạm biến áp cung cấp điện phục vụ sản xuất công nghiệp và nông nghiệp luôn được đặt lên hàng đầu.

Chung số phận với những khu vực nội thành Hà Nội bị tàn phá trong 12 ngày đêm lịch sử "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972, khu vực quanh Nhà máy tại xã Uy Nỗ, Nguyên Khê, Thụy Lâm cũng bị trên 5.000 quả bom B52 cày nát. Song, không nản lòng trước những mất mát, đau thương, Lãnh đạo Nhà máy đã kịp thời có biện pháp khắc phục khó khăn, ổn định đời sống cho CBCNV, khôi phục sản xuất. Chỉ trong vòng gần 6 tháng, với tinh thần cách mạng, thực hành tiết kiệm, toàn bộ nhà xưởng, nhà ở, nhà làm việc của đơn vị đã được khôi phục, làm mới, vượt trước dự kiến.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cùng với sự đổi mới của đất nước, Nhà máy đã từng bước chuyển hướng sản xuất kinh doanh. Vừa sửa chữa, cải tạo, khôi phục các thiết bị điện, đồng thời chủ động việc thiết kế chế tạo các sản phẩm cho ngành Điện như máy biến áp phân phối, trung gian, cáp nhôm trần tải điện với nhiều cỡ loại tiết diện khác nhau, các loại tủ bảng điện...

Trong giai đoạn ngành Điện đang gặp khó khăn về việc cung cấp cột thép phục vụ cho xây dựng đường dây 500 kV mạch 1, Công ty đã mạnh dạn nghiên cứu và chế tạo thành công nhiều chi tiết cột, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu tiết kiệm chi phí và thời gian của các đơn vị thi công, xây lắp đường dây 500 kV, do không phải nhập từ nước ngoài. Bên cạnh đó, Công ty vẫn đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của khách hàng về công tác sửa chữa thiết bị điện như: Sửa chữa, khôi phục 6 tổ máy biến áp 1 pha 72 MVA - 500 kV (Thủy điện Ialy), 2 máy 3 pha 125 MVA-220 kV (Trạm biến áp 220 kV Huế), 2 máy biến áp 250 MVA- 220 kV (Trạm 500 kV Phú Lâm), máy biến áp 1 pha thuộc Nhà máy Thủy điện Hòa Bình, Trạm 500 kV PleiKu, Đà Nẵng...

Bên cạnh đó, hằng năm, Công ty thường xuyên chế tạo mới và sửa chữa, đại tu các máy biến áp 110 kV, 220 kV, 500 kV cho các đơn vị trong và ngoài ngành Điện, đáp ứng được yêu cầu về kỹ thuật và tiến độ. Đặc biệt là sản phẩm của Công ty luôn có giá thấp hơn từ 10- 15% so với giá thị trường. Trong suốt thời gian này, với những kiến thức, kinh nghiệm tích lũy trong quá trình sửa chữa, đại tu thiết bị điện, Ban lãnh đạo Công ty luôn nung nấu và từng bước đưa ý tưởng nghiên cứu thiết kế chế tạo máy biến áp điện lực "made in Việt Nam" với cấp điện áp cao nhất (500 kV) thành hiện thực.

TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

Ông Phạm Ngọc Cối - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, cho biết: Bắt đầu từ năm 1986, Công ty đã mạnh dạn thực hiện đầu tư thiết bị và thiết kế, sản xuất hàng loạt các loại máy biến áp từ 35 kV trở xuống với số lượng 1.500 máy/năm. Bên cạnh đó là dây chuyền sản xuất cáp nhôm, cáp thép loại A và AC, tiết diện 700 mm², công suất trên 2.500 tấn/năm. Năm 1993, Công ty đã chế tạo thành công máy biến áp điện lực 110 kV-25 MVA mang thương hiệu EEMC đầu tiên tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế. Chỉ tính riêng về mặt kinh tế, máy được sản xuất trong nước với giá thành thấp hơn giá nhập khẩu các loại máy cùng loại từ 1-1,2 tỷ đồng/máy mà trước đây phải nhập ngoại hoàn toàn. Tiếp sau đó là hàng trăm máy biến áp 110 kV với dung lượng từ 25 MVA đến 63 MVA lần lượt được xuất xưởng với chất lượng tốt, được lắp đặt và vận hành an toàn trên mọi miền đất nước.

Thành công trong thiết kế, chế tạo máy biến áp 110 kV đã đánh dấu bước phát triển mới của Công ty, khích lệ CBCNV tích cực thi đua sản xuất, nghiên cứu thành công nhiều đề tài khoa học về chế tạo thiết bị điện, trong đó có đề tài chế tạo máy biến áp 220 kV-125 MVA - công trình nghiên cứu lớn bậc nhất trong lĩnh vực cơ khí điện lực nước ta tại thời điểm đó. Trọng trách thiết kế máy biến áp 220 kV đã được giao cho một nhóm kỹ sư có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm. Trong đó, kỹ sư Nguyễn Đình Đoàn thiết kế chính phần cơ, còn trách nhiệm thiết kế chính phần điện thuộc về nữ kỹ sư tài năng Nguyễn Thị Nguyệt.

Khi công việc chế tạo máy biến áp được bắt đầu, các chi tiết, bộ phận của máy biến áp luôn được theo dõi, kiểm tra chặt chẽ trong quá trình sản xuất và kết thúc chuyển giai đoạn theo tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2000. Các cán bộ, kỹ sư của Công ty và trực tiếp công nhân

viên tham gia chế tạo máy biến áp 220 kV phải làm thêm ca, thêm giờ, cống hiến tất cả trí tuệ, sức lực với tất cả tinh thần nỗ lực vượt bậc, coi chất lượng sản phẩm là mục tiêu quan trọng hàng đầu.

Chiếc máy biến áp 220 kV - 125 MVA được chế tạo thành công đầu tiên tại Việt Nam, lắp đặt tại Trạm biến áp 220 kV Sóc Sơn, chính thức đóng điện vận hành vào ngày 30/12/2003 trong niềm vui, tự hào to lớn của ngành Điện Việt Nam và sự ngỡ ngàng của nhiều chuyên gia trên thế giới. Sự kiện này đã đánh dấu một bước tiến có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc khẳng định nội lực, nâng cao uy tín của ngành Cơ khí điện lực Việt Nam, giảm nhập ngoại, tạo việc làm cho hàng nghìn người lao động và đáp ứng sớm thời gian cho các công trình cung cấp điện cho ngành Điện và giá cả thấp hơn so với giá nhập ngoại.

Hiện nay, Công ty đang tập trung cao độ trong việc nghiên cứu, thiết kế kỹ thuật, xây dựng quy trình công nghệ, mở rộng nhà xưởng để thực hiện chế tạo máy biến áp 500 kV-3 x 150 MVA đầu tiên, dự kiến sẽ xuất xưởng vào quý III năm 2010 để chào mừng kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Như vậy, thêm một lần nữa, sản phẩm mang thương hiệu EEMC sẽ tiếp tục mở ra một trang mới của ngành Cơ khí Điện lực Việt Nam, góp phần thực hiện Nghị quyết của Đảng về thực hiện CNH-HĐH đất nước trong giai đoạn mới với nền kinh tế hội nhập quốc tế. ■



Tủ điều khiển và bảo vệ tự động



Tủ điều khiển MBA từ xa



MBA phân phối kiểu kín



MBA khô

Tính đến thời điểm này, Công ty đã chế tạo và đưa vào vận hành được 6 máy biến áp 220 kV (trong đó 5 máy có công suất 125 MVA), trên 200 máy biến áp (MBA) 110 kV có công suất từ 16 ÷ 63.000 KVA, hàng ngàn MBA phân phối và cầu dao 110 ÷ 220 kV, cùng với các tủ điện động lực, tủ điện điều khiển... với chất lượng tốt, được khách hàng sử dụng và đánh giá cao.

Thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

* Tập thể:

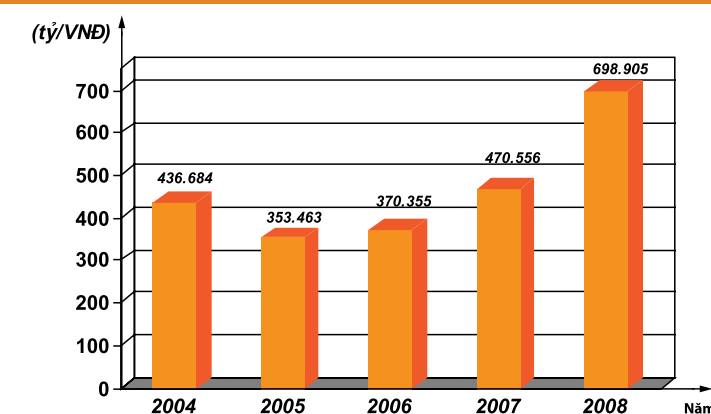
- Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2007), hạng Nhì (năm 1985), hạng Ba (năm 1981);
- Huân chương Chiến công hạng Ba (năm 1996)
- Huy chương Vàng cho máy biến áp 110 kV, 220 kV;
- Nhiều bằng khen của Chính phủ, Bộ Công Thương, EVN...

* Cá nhân

- KS Nguyễn Thị Nguyệt được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2006);
- Kỹ sư Phạm Ngọc Cối - Chủ tịch HĐQT Công ty được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2007);

Các dấu mốc quan trọng:

- Ngày 26/3/1971, Nhà máy sửa chữa Thiết bị điện Đông Anh được thành lập
- Ngày 5/12/1981, theo Quyết định số 056 NL-TCCB của Bộ Năng lượng, Nhà máy được đổi tên thành Công ty Sản xuất Thiết bị điện.
- Ngày 22/11/2004, theo Quyết định số 140/QĐ-BCN, Công ty được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh.



Giá trị doanh thu TTSP của toàn Công ty

Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung

SẼ LÀ TRUNG TÂM CƠ KHÍ MẠNH Ở MIỀN TRUNG

Mai Phương

Đích thân đưa các nhà báo đi thực địa 4 xí nghiệp sản xuất có quy mô gần 4 ha nhà xưởng, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Điện Miền Trung (CEMC) Ngô Việt Hải chia sẻ với chúng tôi rất nhiều trăn trở và những kỳ vọng vào sự phát triển của CEMC. Với những ý tưởng táo bạo và những quyết sách có tính đột phá, Ban lãnh đạo Công ty đang quyết tâm đưa CEMC trở thành một Trung tâm cơ khí mạnh ở miền Trung trong tương lai gần.

ĐẦU TƯ ĐÚNG HƯỚNG

Trở lại với những năm tháng khó khăn khi đất nước bắt đầu chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường, các doanh nghiệp cơ khí trong nước buộc phải chấp nhận bước vào “sân chơi” cạnh tranh thực sự quyết liệt với các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Để tồn tại và phát triển, nhất là khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, CEMC không còn con đường nào khác là phải thay đổi toàn bộ định hướng, chiến lược kinh doanh. Chìa khoá đưa CEMC vượt qua mọi khó khăn, thách thức, rồi đi hết từ thành công này đến thành công khác chính nhờ chiến lược: Không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ nhằm tăng năng lực sản xuất, chú trọng đào tạo nhân lực và cải tiến phương thức quản lý.

Bắt đầu từ việc đầu tư vào dây chuyền gia công chế tạo cột thép để vừa tăng năng suất, vừa đảm bảo tuổi thọ cho máy, đã giúp CEMC tham gia các dự án đường dây tải điện, cột anten viễn thông với tỷ lệ thắng thầu đạt từ 70 - 80%. Rồi dây chuyền mạ nhúng kẽm nóng đốt dầu FO bằng công nghệ của Đức (công suất 40 tấn/ngày đêm) hoàn thành đảm bảo khối lượng lớn các đơn hàng cột thép mạ kẽm cho các đường dây tải điện 500 kV.

Không dừng ở đó, CEMC tiếp tục đầu tư dây chuyền gia công chế tạo thiết bị cơ khí thủy công (CKTC) cho các nhà máy thủy điện với công nghệ hiện đại của Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc..., đặc biệt là 2 máy lốc tôn công suất lớn có chiều dày phôi lốc đến 60 mm. Nhờ vậy, sản phẩm thiết bị CKTC mang thương hiệu CEMC đã được sử dụng cho nhiều công trình trọng

điểm quốc gia như: Thủy điện Quảng Trị, Bản Vẽ, Khe Diên, Sông Tranh 2, Định Bình, An Khê -Kanak, Huội Quảng...và đặc biệt là hạng mục đường ống áp lực của Thủy điện Sơn La, công trình trọng điểm quốc gia, lớn nhất Đông Nam Á.

“LUỒNG GIÓ MỚI” TRONG LĨNH VỰC CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Với sự đầu tư đúng hướng, đồng bộ, hiệu quả về công nghệ và nguồn nhân lực nhằm đáp ứng mục tiêu của Đề án “Chiến lược phát triển cơ khí điện lực của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đến năm 2020”, CEMC đang từng bước khẳng định sự phát triển bền vững của mình. Sản phẩm của Công ty hiện đã có mặt trên khắp mọi miền đất nước. Hàng vạn tấn cột thép đã được cung cấp cho các công trình: Đường dây 110 kV cấp điện cho Trạm biến áp Gang thép Thái Nguyên, Khu công nghiệp Thăng Long 2, đường dây Hải Hậu - Lạc Quấn, Bắc Ninh - Tiên Sơn, Vũng Áng - Hà Tĩnh, Dốc Sỏi - Kỳ Hà, Krông - Hnăng - Eakar, Long Thành - Nhơn Trạch, đường dây 220 kV Nhơn Trạch - Cát Lái; đường dây 500 kV mạch 2... CEMC đang từng bước trở thành một trong những doanh nghiệp đứng đầu trong nước về chế tạo cột thép.

Hàng ngàn cột anten viễn thông các loại do Công ty TNHH Đầu tư công nghệ Huawei (Trung Quốc) đặt hàng với yêu cầu kỹ thuật và tiến độ khắt khe cũng đã được Công ty đáp ứng. Hàng trăm máy biến áp do CEMC cải tạo, sửa chữa; hàng trăm ngàn mét dây cáp điện, hàng ngàn hộp bảo vệ công tơ các loại, tủ điện hạ thế, tủ điều khiển do CEMC sản xuất đã được đưa

vào sử dụng trên lưới điện miền Trung và cả nước.

Bên cạnh đó, CEMC còn có đủ năng lực thiết kế, chế tạo và lắp đặt hầu hết các thiết bị cơ khí thủy công (CKTC) cho các công trình nhà máy thủy điện. Riêng với Thủy điện Sơn La, công trình thủy điện lớn nhất đất nước với gần 10.000 tấn thiết bị, Công ty đã hoàn thành vượt tiến độ nhiệm vụ thiết kế chế tạo và cung cấp các đường ống áp lực cho công trình.

“CEMC cũng đang bước vào giai đoạn cuối cùng hoàn thành việc cung cấp thiết bị cho các công trình thủy điện như An Khê - Ka Nak, Krông - H’Năng, Nậm Chim. Cùng với các doanh nghiệp cơ khí khác trong cả nước, việc tham gia chế tạo loại thiết bị CKTC như một luồng gió mới đem đến sự khởi sắc cho ngành cơ khí Việt Nam. Công ty đã tạo bước đột phá chính từ hướng đi này...” - Tổng giám đốc Ngô Việt Hải hồ hởi nói.

Tuy nhiên, không chỉ bằng lòng với những gì đã đạt được, CEMC vẫn đang tiếp tục tham gia đấu thầu, tìm kiếm mở rộng thị trường, sử dụng tối đa công suất của hệ thống chế tạo thiết bị CKTC, chế tạo cột thép CNC và dây chuyền mạ nhúng kẽm nóng. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng tìm kiếm đầu ra cho các sản phẩm như hộp bảo vệ công tơ, tủ bảng điện các loại, dây và cáp điện, cải tạo và nâng cấp máy biến áp ..., đồng thời nghiên cứu chế tạo cung cấp thiết bị cơ khí, điện cho các nhà máy nhiệt điện, song song với hợp tác đầu tư sản xuất các thiết bị điện khác như máy cắt trung áp đến 35 kV, dao cách ly, khí cụ điện trung áp, điện dân dụng...

Chế tạo thiết bị tại Công ty CP Cơ khí miền Trung
Ảnh: Ngọc Hà

Tổng giám đốc Ngô Việt Hải cho biết, trong 3 năm tới, CEMC dự kiến sẽ triển khai nghiên cứu chế tạo máy biến áp khô, các loại thiết bị cách điện polymer, tổ máy thủy điện vừa và nhỏ công suất dưới 30 MW, phát triển thiết bị phong điện và có thể sẽ thành lập một tổ nghiên cứu chế tạo các thiết bị nhiệt điện để chuyển từ thầu phụ sang thầu chính...

Song song với đầu tư, đổi mới công nghệ để tăng năng lực sản xuất, Công ty còn mở rộng quy mô nhà xưởng: Đã đưa vào phục vụ sản xuất khu nhà mái vòm không gian có diện tích hơn 9.000 m², đảm bảo hoạt động sản xuất hiệu quả trong điều kiện thời tiết thất thường của miền Trung, cũng như đáp ứng việc chế tạo các thiết bị CKTC kích thước lớn. Đồng thời, cùng với việc chú trọng thu hút, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển cán bộ quản lý, kỹ thuật giỏi, Công ty còn hợp đồng liên kết đào tạo tại chỗ các kỹ thuật viên kiểm tra vật liệu kim loại bằng phương pháp siêu âm, đào tạo thợ hàn áp lực theo tiêu chuẩn quốc tế. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân có tay nghề giỏi đã và đang làm chủ việc vận hành, quản lý thiết bị, giúp Công ty làm nên những “chiến công” qua các công trình lớn.

THÁCH THỨC CÒN Ở PHÍA TRƯỚC

Theo Tổng giám đốc Ngô Việt Hải, hiện nay, thiết bị CKTC đều áp dụng tiêu chuẩn quốc tế của những nước phát triển, nên các thiết kế do CEMC thực hiện đều phải thuê tư vấn nước ngoài thẩm định. Đồng thời, hầu hết các vật tư chính phục vụ chế tạo có yêu cầu cơ tính cao, trong nước chưa sản xuất được, phải

nhập khẩu từ các nước phát triển với điều kiện khối lượng đặt hàng phải lớn. Điều này khiến các đơn vị chế tạo thường bị động trong việc chuẩn bị vật tư, nhất là các công trình có quy mô, công suất nhỏ, khối lượng thiết bị ít, rất khó đặt hàng. Các thiết bị CKTC thường là kết cấu phi tiêu chuẩn có quy cách kích thước và khối lượng quá lớn (thuộc vào hàng quá khổ, quá tải), nhưng đường vận chuyển nội bộ tại công trường thường nhỏ hẹp, nên công tác vận chuyển rất khó khăn. Trong khi đó, các hướng dẫn,

quy định về cước phí vận chuyển chưa sát thực tế và có giá trị thấp so với giá đơn vị chế tạo thuê các đơn vị vận tải thực hiện....

Dẫu vẫn còn rất nhiều khó khăn, thử thách ở phía trước, nhưng với quyết tâm cao, với những bước đi chiến lược đúng hướng và vững vàng, CBCNV Công ty Cổ phần Cơ Điện miền Trung đang từng ngày hiện thực hóa mục tiêu trở thành trung tâm cơ khí điện lực mạnh ở miền Trung và cả nước. ■

1. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân là Xí nghiệp Sửa chữa Cơ Điện thuộc Công ty Điện lực 3 (thành lập năm 1987).
- Tháng 10/1991, tách riêng bộ phận thí nghiệm điện và thành lập Xí nghiệp Cơ Điện.
- Tháng 2/2006, chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty cổ phần Cơ Điện Miền Trung.

2. Thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

- Huân chương Lao động hạng 3 (năm 2005)
- Các bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Nghiệp (Bộ Công Thương), UBND TP Đà Nẵng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công đoàn Điện lực Việt Nam...
- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2 năm liên tục (2008 và 2009).
- Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững lần thứ nhất 2008...
- Cúp vàng "Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam lần I" năm 2009.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất chế tạo, sửa chữa phục hồi các sản phẩm thiết bị, kết cấu cơ khí thuộc lĩnh vực công nghiệp và dân dụng; các loại xà, cột thép đường dây tải điện đến 500 kV. Sản xuất các thiết bị điện và máy biến áp; các loại dây, cáp điện, các sản phẩm bằng vật liệu composite. Hoàn thiện bề mặt sản phẩm bằng các phương pháp: Mạ nhúng kẽm nóng, mạ điện phân, sơn tĩnh điện.
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí cho các công trình thủy điện, nhiệt điện và các kết cấu cơ khí khác.
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa các thiết bị chịu áp lực và thiết bị nâng.
- Tư vấn, thiết kế, giám sát và thi công các công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 kV. Tư vấn, đầu tư xây dựng và xây lắp các dự án, công trình viễn thông công cộng.
- Kinh doanh vận tải hàng; xếp dỡ hàng hoá;

4. Số lượng CB-CNLĐ: 400 người

5. Những số liệu chính về hoạt động SXKD (tính từ năm 2005 - trước CPH đến nay)

TT	Chỉ tiêu	2005 (trước khi CPH)	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008		Dự kiến năm 2009	
			Giá trị thực hiện	Tỷ lệ so với 2005	Giá trị thực hiện	Tỷ lệ so với 2006	Giá trị thực hiện	Tỷ lệ so với 2007	Giá trị thực hiện	Tỷ lệ so với 2008
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	64,00	152,27	237,9%	202,00	131,3%	258	128,3%	320	124%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1,77	6,10	346%	8,40	116%	10,4	124%	12	120%
3	Nộp ngân sách (tỷ đồng)	1,50	2,81	184%	0,97	46,9%	2,30	237%	4,3	187%
4	Thu nhập bình quân (Tr.đồng/người_ tháng)	4,17	4,24	102,3%	4,50	105,4%	5,125	115%	6	117%

Công ty CP Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc (NPS)

RỘNG MỞ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN

Trọng Lân

Sự ra đời của NPS xuất phát từ chủ trương của Lãnh đạo Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) về việc chuyển đổi mô hình sửa chữa phân tán nhỏ lẻ từng nhà máy sang tập trung nguồn lực, chuyên môn hóa trong lĩnh vực sửa chữa thiết bị, để phù hợp với quy mô phát triển nguồn nhiệt điện, đồng thời mở ra tiềm năng phát triển cho loại hình dịch vụ kỹ thuật đặc thù này.

Sau gần 8 năm nghiên cứu, khảo sát ở trong và ngoài nước, đến tháng 4/2007, HĐQT Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có Nghị quyết phê duyệt đề án thành lập Công ty CP Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc. Ngày 29/6/2007, Đại hội đồng cổ đông thành lập NPS được tổ chức với 9 cổ đông sáng lập (EVN góp vốn 35%) và vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Ngày 17/7/2007, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy phép kinh doanh cho Công ty, đặt mốc chính thức cho sự ra đời của NPS.

KHÓ KHĂN NGÀY KHỞI NGHIỆP

Trao đổi với chúng tôi, ông Nguyễn Hữu Hằng – Tổng giám đốc NPS cho biết: Yếu tố thuận lợi cơ bản khi Công ty đi vào hoạt động, trước hết là tập hợp được một đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề, có kinh nghiệm trên 20 năm về bảo trì, sửa chữa thiết bị nhà máy nhiệt điện từ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại chuyển sang, trong đó có trên 200 thợ lành nghề bậc cao và gần 100 kỹ sư với các chuyên ngành khác nhau. Đồng thời là sự hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại - đơn vị tiền thân khai sinh ra Công ty, về cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn việc ban đầu.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có không ít khó khăn, thách thức. Đó là đơn vị vừa phải hoàn thiện cơ cấu tổ chức, vừa phải sản xuất, thâm nhập thị trường, đảm bảo công ăn việc làm cho trên 700 CBCNV. Mặc dù tiềm năng phát triển cho dịch vụ bảo trì, sửa chữa các nhà máy nhiệt điện khá rộng mở vì theo Quy hoạch điện

VI, công suất nguồn nhiệt điện than chiếm tỷ lệ rất lớn trong cơ cấu nguồn điện, nhưng vào thời điểm mới "chào đời" của NPS, đa số các nhà máy nhiệt điện này mới đang trong giai đoạn đầu tư hoặc đang vận hành thử nghiệm nên thị trường ban đầu còn hạn hẹp.

Ngoài ra, trong những ngày khởi nghiệp, cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty còn thiếu thốn, trụ sở làm việc, nhà xưởng còn phải thuê, mượn. Đội ngũ quản lý tuy có kinh nghiệm, nhưng do chuyển từ môi trường quản lý theo cơ chế bao cấp, sang doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường, nên còn phải mất thời gian nhất định để thích nghi với cơ chế mới. Đó là chưa kể sự ảnh hưởng của khủng hoảng tiền tệ và suy thoái kinh tế thế giới cũng tác động một phần tới hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị... Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết khắc phục khó khăn, phát huy tiềm năng sẵn có, trong 2 năm qua, Công ty đã nỗ lực đảm bảo sản xuất, kinh doanh hiệu quả, bước đầu xây dựng được niềm tin đối với khách hàng.

KHẸNG ĐỊNH HƯỚNG ĐI ĐÚNG

Chỉ trong thời gian 2 năm, NPS đã khẳng định sự nỗ lực vượt bậc cũng như tầm nhìn chiến lược của mình thông qua các hoạt động sản xuất, kinh doanh sôi động, tạo dựng các mối quan hệ, liên kết chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước - nền móng vững vàng cho sự phát triển bền vững, dài lâu. Công ty đã bám sát công tác bảo trì, sửa chữa 2 dây chuyền của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại, đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt, tiến độ nhanh; tổ chức xây lắp hệ thống công nghệ cấp nguyên liệu cho dây chuyền sản xuất tro bay Sơn La tại Phả Lại; khắc phục kịp thời sự cố cho Nhiệt điện Cao Ngạn; chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng tiếp cận, cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho các tổ máy 300 MW mới thuộc EVN như Quảng Ninh, Hải Phòng và Nhiệt điện Cẩm Phả, Sơn Động thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản (TKV)...

Năm 2009, Công ty đang cung cấp dịch vụ xây lắp điện, điều khiển cho Nhà máy Xi măng Hạ Long; hoàn

thành việc thành lập xí nghiệp dịch vụ sửa chữa nhiệt điện tại Uông Bí với đội ngũ khoảng 100 CBCNV, sẵn sàng đảm nhận công tác bảo trì, sửa chữa ngay sau khi nhà thầu bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí Mở rộng (300 MW) cho EVN...

Bên cạnh đó, Công ty đã đẩy mạnh hợp tác liên danh, liên kết với nhiều đối tác trong và ngoài nước, như: Công ty Cơ khí Hà Nội (HAMECO) để xây dựng tổ hợp liên danh NPS-HAPECO chế tạo, phục hồi các chi tiết, thiết bị cơ - nhiệt - điện phục vụ công tác bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị cho nhà máy nhiệt điện, giảm tối đa phụ thuộc nước ngoài; hợp tác với Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (PVN) về tham gia dịch vụ kỹ thuật bảo trì, sửa chữa. Đối với đối tác nước ngoài, Công ty đã thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Năng lượng Power Machines (Nga), Tập đoàn Hitachi (Nhật Bản), Công ty Chế tạo van Fang Chung Thiết Linh (Trung Quốc) về cung cấp dịch vụ và thiết bị bảo trì, thay thế cho nhà máy nhiệt điện...

2 năm kể từ khi thành lập, Công ty đã và đang từng bước khẳng định vị trí, thương hiệu NPS trên thị trường dịch vụ kỹ thuật, sửa chữa các nhà máy điện và đặc biệt là khẳng định được sự đúng đắn, sáng suốt của EVN, cũng như xu thế phát triển tất yếu của việc xây dựng mô hình bảo trì, sửa chữa tập trung, chuyên môn hóa các nhà máy nhiệt điện ở nước ta.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với mục tiêu phấn đấu mức doanh thu năm sau cao hơn năm trước, phát triển bền vững, Công ty xác định chiến lược phát triển là: Giữ vững thị trường dịch vụ kỹ thuật bảo trì, sửa chữa truyền thống trong và ngoài ngành, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo tiến độ, tiết kiệm chi phí và mức giá dịch vụ hợp lý, cạnh tranh; chuẩn bị tốt nguồn lực tiếp cận các nguồn nhiệt điện mới đi vào vận hành của EVN. Đồng thời, nghiên cứu mở rộng thị trường tới các nhà máy



NPS có đội ngũ kỹ sư giỏi, thợ sửa chữa lành nghề sẵn sàng bảo dưỡng, phục hồi, sửa chữa thiết bị nhà máy nhiệt điện đạt chất lượng cao

nhiệt điện than thuộc TKV, PVN tại khu vực phía Bắc; đẩy mạnh liên danh, liên kết, hợp tác trong và ngoài nước ở nhiều lĩnh vực dịch vụ khác nhau nhằm mở rộng thị phần và tăng sức cạnh tranh. Công ty cũng xác định cần chú trọng đầu tư phát triển sản xuất, góp vốn đầu tư, cân đối tăng vốn điều lệ trong từng thời kỳ với phương châm tranh thủ thời cơ, đảm bảo bảo toàn nguồn vốn, hạn chế tối đa rủi ro.

Để có thể thực hiện chiến lược đó, ngoài sự phát huy nội lực, Công ty rất mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện hơn nữa của EVN và sự hợp tác chặt chẽ, thường xuyên của các nhà máy điện trong và ngoài ngành. Công ty cam kết cung cấp dịch vụ cho các nhà máy điện với chất lượng hàng đầu, mọi lúc, mọi nơi, góp phần quan trọng đảm bảo các tổ máy nhiệt điện vận hành an toàn, ổn định, kinh tế. ■

Kết quả kinh doanh:

- Năm 2007: Doanh thu 40,1 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 5,3 tỷ đồng.
- Năm 2008: Doanh thu dịch vụ đạt 82 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 8,8 tỷ đồng, cổ tức đạt 12%.
- Kế hoạch năm 2009: Doanh thu đạt 84 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 6,5 tỷ đồng, cổ tức đạt 8%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

North Power Service Joint Stock Company (NPS)

Vốn điều lệ:

50 tỷ đồng, tương ứng 5 triệu cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh:

1. Sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương;
2. Lắp đặt chuyển giao công nghệ thiết bị nhiệt, thiết bị điện;
3. Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý

dự án, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình của nhà máy điện;

4. Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất công nghiệp.
5. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay.
6. Chế tạo và phục hồi các chi tiết, thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế thuộc thiết bị các nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác...

EVNTELECOM KẾT NỐI SỨC MẠNH



Mai Phương

Ra đời khá muộn trong một thị trường viễn thông công cộng cạnh tranh khốc liệt, mặc dù phải “chiến đấu” với nhiều đối thủ “nặng ký”, song với chủ trương tận dụng lợi thế, mạnh dạn đón đầu, đến nay EVNTelecom đã có những bứt phá ngoạn mục với những con số ấn tượng. Đó là một lượng khách hàng lớn với hơn 4 triệu thuê bao dịch vụ thoại, hơn 95.000 khách hàng sử dụng dịch vụ Internet băng rộng và hứa hẹn đạt 20% thị phần viễn thông Việt Nam vào năm 2010.

ĐI LÊN TỪ NỘI LỰC

Ra đời năm 1995, những năm đầu, Công ty Thông tin Viễn thông Điện lực (EVNTelecom) chủ yếu quản lý vận hành và khai thác mạng thông tin viễn thông điện lực với nhiệm vụ đảm bảo vận hành ổn định, an toàn, chất lượng cao cho công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất, vận hành hệ thống điện và kinh doanh của ngành Điện.

Năm 2001, sau khi được Tổng cục Bưu điện (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông công cộng, EVNTelecom có thêm sức mạnh để thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm. Chính thức bước vào kinh doanh dịch vụ viễn thông công cộng, EVNTelecom đã khẳng định thương hiệu bằng việc cung cấp dịch vụ cố định không dây và mạng di động toàn quốc (096) phủ sóng trên 64 tỉnh, thành. Những năm sau đó, EVNTelecom tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh với nhiều dự án đầu tư mở rộng mạng, cung cấp dung lượng mạng lưới với chất lượng tốt nhất. Để đón đầu xu thế hội nhập WTO, EVNTelecom đã mở rộng

sự hiện diện các POP của mạng lưới viễn thông ngành Điện tới Hồng Kông, Mỹ và nhiều nước khác trên thế giới.

Năm 2007 đã đánh một dấu mốc quan trọng khi EVNTelecom lần lượt đón chào thuê bao thứ 1 triệu, rồi 2 triệu... Tính đến cuối năm 2008, EVNTelecom đã có gần 4 triệu thuê bao, trong đó khách hàng thuê bao điện thoại cố định không dây chiếm 65%, riêng thuê bao trả sau chiếm 70%. EVNTelecom cũng đã cung cấp dịch vụ Internet băng thông rộng trên toàn quốc, với “điểm nhấn” là dịch vụ EVDO có tốc độ tối đa 2,4Mbps (dịch vụ 3G trên mạng CDMA) tại 3 thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh giúp cho người dùng truy cập mạng Internet dễ dàng trên thiết bị di động.

Tiếp nối thành công, cuối năm 2008, EVNTelecom đã tham gia xây dựng tuyến cáp quang biển Liên Á và cuối tháng 11/2009 đã đưa vào khai thác dịch vụ viễn thông quốc tế, tăng cường dung lượng kết nối mạng viễn thông Việt Nam với các nước trên thế giới, triển khai thử nghiệm mạng truy nhập băng rộng không dây Wimax.

Đến nay, EVNTelecom đã cung cấp cho khách hàng nhiều dịch vụ từ thoại đến truyền số liệu, thuê kênh riêng..., trong đó nổi bật là các dịch vụ: Điện thoại cố định không dây (E-Com), di động nội tỉnh (E-Phone), di động toàn quốc (E-Mobile) ứng dụng trên cùng một hạ tầng mạng viễn thông và dịch vụ cho thuê kênh truyền dữ liệu.

TIỀN PHONG ĐƯA THÔNG TIN ĐẾN VÙNG SÂU

Nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm trong việc phổ



EVNTelecom và Ha Noi Telecom ký hợp tác chiến lược triển khai công nghệ 3G nâng cao công nghệ, cạnh tranh cùng các nhà khai thác viễn thông lớn trong thị trường viễn thông (tháng 6/2009)

cập viễn thông tới các vùng sâu, vùng xa, cộng với ưu thế về công nghệ vượt trội, ngay từ những ngày đầu ra đời, EVNTelecom đã triển khai đầu tư, lắp đặt bổ sung hàng trăm trạm thu phát sóng tới các vùng hẻo lánh – nơi chưa hề có sóng điện thoại, phát tặng máy, hướng dẫn bà con vùng sâu, vùng xa lần đầu biết gọi, nghe điện thoại.

Là “nhà mạng” đầu tiên không “ngại khó, ngại khổ, ngại lỗ...”, EVNTelecom đã đưa viễn thông điện lực đến với nhân dân các xã vùng khó khăn như Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái... ngay từ năm 2006, giúp bà con dễ dàng tiếp nhận “nền văn minh của công nghệ không dây”. Nhân viên của các đơn vị ngành Điện không những rất tích cực tuyên truyền đến người dân tại vùng viễn thông công ích, mà còn hoà mạng trực tiếp và có những chương trình ưu đãi, khuyến mại, hỗ trợ tiền mua máy cho khách hàng...

Phát huy những kết quả đã đạt được, thời gian tới, EVNTelecom sẽ tiếp tục hoàn thành mục tiêu phổ cập dịch vụ viễn thông đến đông đảo hơn nữa đồng bào vùng sâu vùng xa, góp phần có hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo, phục vụ an ninh, quốc phòng tại các vùng kinh tế khó khăn, miền núi, biên giới và hải đảo.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Tính đến hết tháng 6/2009, cả nước có khoảng 101,7 triệu thuê bao điện thoại, đạt mật độ 117,6 máy/100 dân. Tốc độ phát triển này đang đẩy thị trường điện thoại Việt Nam sớm đạt mức bão hòa. Thị trường băng rộng Internet cũng có những bước phát triển mạnh với gần 2,5 triệu thuê bao, hơn 21,5 triệu người sử dụng với 4.491 tên miền .vn được đăng ký.

Thị trường di động tiếp tục “nóng” với việc các mạng lớn đồng loạt giảm giá bình quân từ 15 đến 21%, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có mức cước di động vào hàng rẻ nhất trong khu vực cũng như trên thế giới. Đứng trước sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, EVNTelecom nhận thấy, đây là cơ hội rất lớn song cũng là giai đoạn thử thách hơn bao giờ hết, đòi hỏi Công ty phải có hướng đi đúng đắn.

Phát huy thế mạnh về hạ tầng, EVNTelecom sẽ tiếp tục chiến lược kinh doanh với phương châm “luôn đổi mới và theo kịp bước tiến về công nghệ” để trở thành một trong những nhà cung cấp hạ tầng mạng mạnh nhất tại Việt Nam. Thời gian tới EVNTelecom tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng, với nhiều dự án đầu tư mở rộng mạng, nâng cấp dung lượng mạng lưới,

đáp ứng phù hợp với tốc độ phát triển thuê bao. Đầu tư phát triển các công nghệ mới như BPL-Wifi, Wimax... Tăng dung lượng kết nối và đưa vào khai thác cáp quang biển liên Á kết nối các nút thông tin với các quốc gia phát triển, mục tiêu chiếm 30% dung lượng kết nối quốc tế của Việt Nam.

Sự kiện EVN Telecom và HanoiTelecom liên kết để giành tấm vé 3G là một vận hội mới để EVNTelecom có điều kiện tiếp tục nâng cao công nghệ, thêm cơ hội để cạnh tranh với các nhà mạng lớn. Với những thuận lợi cơ bản về cơ sở hạ tầng, Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ đầu tư mạng di động 3G để sớm triển khai kinh doanh và

thương mại hóa ổn định dịch vụ, mục tiêu tháng 4 năm 2010 sẽ cung cấp đến khách hàng.

Thời cơ và thách thức còn rất nhiều ở phía trước, bởi vậy, để “kết nối sức mạnh” Viễn thông Điện lực sẽ phải nỗ lực và đoàn kết không ngừng để có thể tiến vững, tiến chắc trên con đường thực hiện những chiến lược kinh doanh mà lãnh đạo Tập đoàn đã vạch ra. Tạo được sự đồng lòng, chung sức của hơn 9 vạn CBCNV ngành Điện vì mục tiêu phát triển viễn thông điện lực đến cộng đồng là một lợi thế quan trọng, để có thể hi vọng và tin tưởng thương hiệu EVNTelecom sẽ tạo được một chỗ đứng vững chắc trên thị trường viễn thông. ■

Mục tiêu năm 2010:

- Chiếm 20% thị phần các dịch vụ viễn thông công cộng trên cả nước;
- Tổng doanh thu đạt khoảng 28.500 tỷ đồng;
- Nâng tổng số thuê bao mạng CDMA lên 6,6 triệu thuê bao, mạng Internet đạt trên 400.000 thuê bao (chiếm 10-15% thị phần)

Các mốc phát triển thuê bao:

- Tháng 10-2007 (sau gần 2 năm cung cấp dịch vụ): Đạt 2 triệu thuê bao - mức phát triển nhanh nhất so với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông vào thời điểm đó.
- Đến 30/9/2009, đạt 4 triệu thuê bao. Trong đó, thuê bao điện thoại cố định không dây E-com chiếm 65%.

Cơ sở hạ tầng - Một trong những lợi thế để EVNTelecom cạnh tranh với các nhà mạng:

- 40.000 km cáp quang, mạng truyền dẫn tại 63 tỉnh, thành phố.
- Hệ thống đường trục Bắc – Nam chạy song song đồng thời trên các tuyến dây tải điện 500 kV, 220 kV với công nghệ hiện đại và dung lượng thiết kế lớn lên đến 400Gbps.
- Hệ thống mạng truyền dẫn nội hạt có độ tin cậy cao do được thiết lập đảm bảo chặt chẽ nguyên tắc mạch vòng bảo vệ.
- Mạng truyền dẫn có độ an toàn cao nhất: Sử dụng hệ thống cáp OPGW trên lưới điện cao thế 500 kV, 220 kV, 110 kV và hệ thống cáp treo ADSS trên lưới điện trung thế 110 kV, 35 kV, 0,4 kV.
- Gần 3.000 trạm BTS công nghệ CDMA với cấu hình tối đa có thể mở rộng đến 3 sóng mạng (tương đương 9.000 trạm BTS công nghệ GSM);
- Phát triển 2.150 hệ thống điểm giao dịch trên cả nước.

97% số lượng thuê bao EVNTelecom công bố là thuê bao thực đang hoạt động trên toàn mạng.

Đến hết năm 2008, EVNTelecom đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Bộ Thông tin và Truyền thông giao về chủ trương đưa điện thoại đến với đồng bào vùng sâu vùng xa, tiếp tục duy trì và phát triển thuê bao điện thoại cố định không dây cho người dân với số lượng lên gần 1 triệu thuê bao.

EVNTelecom với “tấm vé” 3G: VẬN HỘI MỚI

Trần Phương

Khi “cuộc đua” giành giấy phép 3G có kết quả chính thức với chiến thắng thuộc về 4 nhà cung cấp: Viettel, Mobifone, VinaPhone và liên danh EVNTelecom – Hanoi Telecom đã mở ra một bước ngoặt mới trên thị trường thông tin di động Việt Nam nói chung và đối với Công ty Thông tin Viễn thông Điện lực (EVNTelecom) nói riêng.

LỢI THẾ HẠ TẦNG

Theo các chuyên gia, Việt Nam lựa chọn triển khai 3G đúng thời điểm là yếu tố vi mô thuận lợi cho quá trình kinh doanh của các doanh nghiệp viễn thông nói chung. Riêng đối với Viễn thông Điện lực, công nghệ 3G cũng không quá xa lạ với khách hàng bởi đã có trong dịch vụ viễn thông của EVNTelecom với chuẩn CDMA 2000 1x – EVDO.

Các trạm Node B phát sóng của EVNTelecom cũng tận dụng được hệ thống các trạm sẵn có, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình phát triển hạ tầng. Hơn nữa, với thể mạnh cơ sở hạ tầng hiện nay, EVNTelecom có mạng viễn thông quốc tế gồm 3 cổng truyền dẫn quốc tế: Móng Cái: 12,5Gbps, Lạng Sơn: 10Gbps, Mộc Bài: 2,5Gbps và 2 truyền dẫn phục vụ dung lượng quốc tế là Hà Nội - Quảng Ninh - Lạng Sơn: 10Gbps, Hà Nội - TP Hồ Chí Minh đang nâng cấp lên 40Gbps; tuyến cáp biển Liên Á (IACS) có tổng dung lượng là 3.84 Tbps (4x96x10), trong đó EVNTelecom sở hữu 50Gbps, tương lai có thể nâng cấp lên 450Gbps). Mạng truyền dẫn quốc gia, mạng NGN quy mô toàn quốc dựa trên hạ

tầng mạng truyền tải IP/MPLS với cấu trúc phân lớp (core, edge và access) bao phủ khắp 63 tỉnh/thành phố, bao gồm các thiết bị Softswitch, Media Gateway, Router, hệ thống cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng... Mạng NGN hiện nay cũng là hạ tầng mạng cung cấp dịch vụ VoIP với 64 điểm kết nối (POP) trên toàn quốc. Ngoài các POP trong nước, EVNTelecom đã triển khai nhiều POP trên thế giới, tạo thành một mạng kết nối toàn cầu.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, Viễn thông Điện lực cũng gặp không ít những khó khăn do thời hạn cung cấp dịch vụ khá gấp mà khả năng xây lắp của các nhà thầu trong nước còn hạn chế. Việc cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị viễn thông, xác nhận thiết bị đồng bộ và hợp chuẩn hiện cũng mất một khoảng thời gian khá dài, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ. Vướng mắc lớn nhất hiện nay là những khó khăn trong giải phóng mặt bằng khi xây dựng các Node B. Các nội dung dịch vụ 3G vẫn còn nhiều hạn chế, do thị trường dịch vụ nội dung số trên điện thoại di động tại Việt Nam còn rất nhiều khoảng trống (những lĩnh vực dịch vụ giải trí cao cấp với mạng 3G như phim online, nhạc online, mobile Internet... vẫn ở dạng tiềm



năng). Trong khi đó, nội dung số là vấn đề sống còn cho ứng dụng 3G.

CHÌA KHÓA MỞ Cánh CỬA THÀNH CÔNG

Nắm bắt cơ hội và nhận thức được những chông gai, rào cản để vượt qua khó khăn sẽ là chìa khóa mở cánh cửa thành công cho EVNTelecom trên con đường chinh phục 3G – xa lộ được ví như đang rải hoa hồng, nhưng cũng không ít chông gai. Do vậy, để đạt được mục tiêu này, EVNTelecom đã xây dựng một chiến lược kinh doanh hợp lý trên cơ sở những phân tích sát với thị trường viễn thông nói chung và thị trường dành cho 3G nói riêng.

Thị trường di động Việt Nam đang trong quá trình trưởng thành, sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ và phức tạp. Để tồn tại và phát triển, các nhà cung cấp cần phải có sự khác biệt. Ưu điểm nổi bật của công nghệ 3G là tốc độ truyền dữ liệu cao giúp nhà cung cấp có thể triển khai hàng loạt dịch vụ gia tăng hấp dẫn, không chỉ tạo nên sự khác biệt về dịch vụ mà còn gia tăng doanh thu. Khai thác khả năng này, EVNTelecom sẽ thực hiện một chiến lược dịch vụ đặc sắc bao gồm nhiều dịch vụ đa phương tiện như Mobile TV, Mobile video clip platform, Mobile music station.... Các dịch vụ sẽ được xây dựng trên cơ sở tìm hiểu phân tích đặc điểm của từng phân

đoạn thị trường, nhằm đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

Chiến lược giá hấp dẫn là một thế mạnh hứa hẹn sẽ giành một số lượng khách hàng lớn cho EVNTelecom ngay từ điểm khởi đầu vì Viễn thông Điện lực có khả năng cung cấp dịch vụ thoại và dữ liệu với chi phí thấp nhờ công nghệ UMTS. Ngoài ra, để cạnh tranh với các nhà cung cấp GSM vốn có sẵn hạ tầng mạng và cơ sở dữ liệu khách hàng, EVNTelecom sẽ nhanh chóng xây dựng mạng 3G với phạm vi phủ sóng toàn quốc.

EVNTelecom đã xác định cơ sở hạ tầng mạnh là một lợi thế. Hơn nữa, hiện nay tỉ lệ thâm nhập của dịch vụ điện thoại cố định vẫn ở mức thấp (đến cuối năm 2008 chỉ khoảng 15%) trong khi đó nhu cầu về internet ngày càng tăng (tỉ lệ sử

Song hành với thực hiện nhiệm vụ phát triển nhanh, mạnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các tiện ích cho 3G, Ban lãnh đạo EVNTelecom xác định mục tiêu liên tục đẩy mạnh phát triển về mọi mặt chất lượng dịch vụ, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, đào tạo đội ngũ nguồn lực giỏi chuyên môn, đoàn kết vì một con đường đã chọn của Viễn thông Điện lực.

dung internet của Việt Nam đến cuối năm 2008 là 24%). Bởi thế, dịch vụ internet băng rộng qua điện thoại cố định không đủ để đáp ứng nhu cầu về internet và đây chính là cơ hội lớn cho các nhà cung cấp dịch vụ di động nói chung và các nhà cung cấp dịch vụ UMTS/HSPDA nói riêng. Do đó, ngay khi triển khai 3G, EVNTelecom sẽ cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao thông qua công nghệ HSDPA nhằm “mang lại thói quen sử dụng internet trên điện thoại di động” cho các khách hàng.

Từ những định hướng trên, EVNTelecom tin tưởng khi dịch vụ 3G chính thức được cung cấp sẽ là một cơ hội mới để một lần nữa thương hiệu EVNTelecom có thể “kết nối sức mạnh”, “kết nối niềm tin” với hàng triệu người dùng. ■

Chuẩn 3G do Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam cấp phép: WCDMA (Wideband Code Division Multiple Access - truy cập đa phân mã băng rộng) ở băng tần 2100 MHz.

Công nghệ WCDMA: Có khả năng hỗ trợ các dịch vụ đa phương tiện tốc độ cao như video, truy cập Internet, hội thảo hình..., không hạn chế về mặt phát triển thuê bao, cho phép sử dụng tài nguyên mạng tối ưu.

Hệ thống dịch vụ giá trị gia tăng (GTGT) của EVNTelecom trên nền mạng 3G cung cấp trực tiếp đến mobile của người dùng, bao gồm những nhóm dịch vụ GTGT sau:

Nhóm dịch vụ giải trí (Entertainment)

- Mobile music station: Cung cấp nội dung nhạc.
- Mobile video clip platform: Cung cấp nội dung video và video clip trực tuyến.
- Mobile TV: Cung cấp các kênh truyền hình trực tuyến, phim, trò chơi truyền hình.

Nhóm dịch vụ thông tin liên lạc (Communication)

- Mobile Email: Cung cấp đầy đủ các chức năng tiện ích của một ứng dụng email, sử dụng được với hầu hết các dịch vụ email phổ biến như gmail, yahoo, msn...
- Video call: Cho phép 2 người đàm thoại nhìn hình ảnh của nhau.

Nhóm dịch vụ về tin tức (News)

- News portal: Cung cấp đầy đủ các thông tin hữu ích và được cập nhật liên tục; là cổng truy cập các dịch vụ GTGT của mạng ...
- Mobile newspaper: Cung cấp các bản tin đa phương tiện dưới dạng các tin nhắn vào một thời điểm nhất định trong ngày mà khách hàng đăng kí.

Nhóm dịch vụ tiện ích mở rộng (Extra)

- Mobile banking: Sử dụng ứng dụng cài đặt trên mobile để thực hiện các phương thức thanh toán, kiểm tra tài khoản, chuyển tiền, đầu tư và thực hiện các lệnh khác như giao dịch thông thường với ngân hàng.

Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình:

BÚT PHÁ từ những lợi thế của EVN

Đỗ Nhung



Lễ ký kết hợp tác giữa ABBANK và Công ty Điện lực 2 (tháng 5/2008)



Lễ ký kết hợp tác giữa ABBANK và Maybank (tháng 3/2008)

Trong bối cảnh “trăm hoa đua nở, trăm ngân hàng đua... lái suất” và nhất là năm 2008 - khi “siêu bão” tài chính đi qua – nhân tố nào đã giúp cho Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình trụ vững và định vị được “cái tôi” khác biệt?

ĐIỂM TỰA VỮNG CHẮC

Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình (ABBANK) được thành lập tháng 4/1993 với vốn điều lệ 1 tỷ đồng. Thời điểm đó, ABBANK mới chỉ là một ngân hàng quy mô khiêm tốn. Sau gần 10 năm hoạt động, khi nền kinh tế đất nước ngày càng phát triển, đặt ra rất nhiều cơ hội và thách thức lớn cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ý thức rõ phải đổi mới nếu muốn tồn tại, từ tháng 3

năm 2002, ABBANK đã tiến hành cải cách mạnh mẽ về cơ cấu và nhân sự, tập trung vào chuyên ngành kinh doanh ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư.

Song, có thể nói, hoạt động của ABBANK chỉ thực sự khởi sắc bắt đầu từ năm 2005, khi Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) trở thành cổ đông chiến lược với 40% vốn điều lệ. Với đặc thù là một tập đoàn kinh tế mạnh của Nhà nước, được Chính phủ cho phép kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực, EVN có đủ uy tín, tiềm lực để tìm kiếm một đối tác nhằm phát triển lĩnh vực tài chính, ngân hàng. ABBANK lúc đó với những điều kiện cần và đủ là “điểm đến” mà EVN nhắm tới khi đặt chân vào một lĩnh vực hết sức quan trọng đối với bất kỳ một tập đoàn kinh tế nào – ngân hàng, tài chính, để củng cố thêm nội lực và sức mạnh tổng hợp của mình.

Với sự “hậu thuẫn” của EVN, ABBANK đã bứt phá ngoạn mục với những bước tiến được đánh giá là “thần kỳ” khi từ một ngân hàng cổ phần thương mại nông thôn thành ngân hàng thương mại cổ phần thành thị. Liên tục trong các năm gần đây, tổng tài sản, doanh thu, lợi nhuận của ABBANK tăng trưởng hơn 300%.

Từ khi trở thành cổ đông chiến lược của ABBANK, EVN duy trì phần lớn dòng tiền lưu thông của doanh nghiệp mình trên hệ thống của ABBANK, cũng như luôn ưu tiên để ABBANK sắp xếp và làm đầu mối tài trợ, cấp tín dụng cho các công trình điện trên toàn quốc. Có thể nói, trong bối cảnh thị trường vốn khan hiếm, dòng tiền thanh toán từ hoạt động kinh doanh của EVN được xem như là một trong những dòng vốn quý giá mà ABBANK cũng như bất kỳ ngân hàng nào đều muốn “chảy” vào ngân hàng của mình. Ngược lại, khi EVN cần huy động vốn, ABBANK – ngân hàng “nhà” của ngành Điện cũng chính là một nhân tố tích cực thu xếp nguồn vốn, đảm bảo cho các hoạt động đầu tư mạnh mẽ của EVN vào các dự án nguồn và lưới điện nhằm cung cấp đủ điện cho nền kinh tế đất nước. Đơn cử như tháng 11/2006, ABBANK cùng với Ngân hàng Deustch Bank và Quỹ đầu tư Vina Capital phát hành thành công 1.000 tỷ trái phiếu của EVN...

Trở thành “ngân hàng nhà” của ngành Điện, ABBANK còn có thể đẩy mạnh hoạt động thu hộ tiền điện, dịch vụ viễn thông, triển khai nhiều dịch vụ tiện ích khác cho các đơn vị thành viên và toàn thể CBCNV cũng như khách hàng của EVN. Trong giai đoạn khó khăn nhất về thanh khoản trong quý II, quý III năm 2008, việc thu tiền điện từ các đơn vị EVN đã phát huy tác dụng rất lớn, giúp hỗ trợ về thanh khoản và giảm giá vốn cho ngân hàng, mang lại số dư trên tài khoản thanh toán cao. Đến nay, ABBANK đã có quan hệ hợp tác với 33 trong tổng số 70 đơn vị thành viên của EVN. Ngoài ra, con số 9 vạn cán bộ công nhân viên toàn EVN cũng là thị trường tiềm năng to lớn để ABBANK nhắm tới nhằm phát triển hệ thống khách hàng cá nhân và kinh doanh thẻ trong tương lai.



TĂNG CƯỜNG TIỀM LỰC

Muốn biết một ngân hàng có mạnh hay không, có lẽ phải nhìn nó chống chọi như thế nào trong những “con bão” tài chính, bởi đó là ngọn lửa thử vàng chính xác nhất. Trong thời gian diễn ra khủng hoảng tín dụng cuối năm 2007 đến nửa đầu năm 2009, ABBANK đã không bị lao đao như nhiều ngân hàng khác. Năm 2008 lại là thời điểm đánh dấu những bước phát triển quan trọng của ABBANK khi Ngân hàng Nhà nước đã có quyết định chấp thuận mở rộng thời gian hoạt động của ABBANK lên 99 năm và cho phép ABBANK được cung ứng dịch vụ ngoại hối. Hơn nữa, ABBANK còn đàm phán thành công với Maybank - Ngân hàng lớn nhất Malaysia có tổng tài sản 82 tỉ USD. Tháng 9/2008, định chế tài chính này trở thành cổ đông chiến lược thứ hai của ABBANK, sau EVN. Hiện tại, Maybank góp 15% vốn điều lệ vào ABBANK (tương đương 2.138 tỷ đồng). Dự kiến ngân hàng này sẽ mua thêm 5% cổ phần của ABBANK khi được Chính phủ Việt Nam chấp thuận. Xét về bản chất, hoạt động ngân hàng là kiếm tiền thông qua quản trị rủi ro, mà trong lĩnh vực này, ABBANK nói riêng và hầu hết các ngân hàng Việt Nam nói chung đều “non trẻ”. Chính vì vậy, việc ABBANK hợp tác với Maybank không chỉ là tranh thủ tiềm lực vốn của đối tác, mà quan trọng hơn là học hỏi kinh nghiệm quản lý của họ.

Sau khi trở thành cổ đông chiến lược, Maybank bắt tay vào giúp ABBANK xây dựng hệ thống quản lý theo đúng tiêu chuẩn hiện đại của những ngân hàng quốc tế, đặc biệt là lĩnh vực quản lý rủi ro.

Bên cạnh đó, Maybank cũng hỗ trợ nghiệp vụ và kỹ thuật ngân hàng thương mại, phát triển hoạt động kinh doanh ngoại tệ và nguồn vốn; thiết lập hoạt động tài trợ thương mại, tài trợ xuất nhập khẩu hàng hoá... Đây là những việc rất quan trọng bởi hiện tại, ABBANK có hơn 10.000 khách hàng là đối tượng doanh nghiệp.

Ngoài 2 đối tác chiến lược có vai trò như “cột cái” giúp ABBANK chống đỡ, trụ vững trước khó khăn, những năm gần đây, ABBANK còn đầu tư, hợp tác với một số ngân hàng và tổ chức tài chính lớn như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank), Công ty Chứng khoán An Bình (ABS), Công ty bảo hiểm Prudential, Tổng công ty Viễn thông quân đội Viettel... để tăng cường thêm tiềm lực

Hiện nay, trong chiến lược phát triển kinh doanh, ABBANK theo đuổi chiến lược đầu tư bền vững thông qua các khoản đầu tư dài hạn vào những công ty hoạt động trong các ngành kinh tế trọng điểm của đất nước như điện lực, phát triển cơ sở hạ tầng... Trong năm 2008, ABBANK đã tham gia góp vốn, giao dịch chứng khoán với các tổ chức tài

chính, doanh nghiệp lớn, có tiềm năng tăng trưởng cao như: Habubank, Công ty cổ phần Bách Việt Media, Công ty Geleximco, Công ty cổ phần chứng khoán An Bình, Công ty cổ phần giấy An Hòa, Công ty tài chính cổ phần Điện lực (EVN Finance), Dược phẩm Viễn Đông... Trong đó, đầu tư, góp vốn với các đối tác, công ty thuộc ngành Điện là hoạt động mũi nhọn. Ngoài ra, ABBANK cũng đã mở rộng đa dạng hóa danh mục đầu tư của mình để tăng cường lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

Sau hơn 15 năm phát triển, ABBANK đã bứt phá và trở thành một trong các ngân hàng cổ phần hàng đầu, nằm trong top 10 ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam (2.850 tỷ đồng). Hiện ABBANK có 1.345 nhân viên với hơn 79 điểm giao dịch tại 29 tỉnh thành trên toàn quốc, phục vụ hàng ngàn doanh nghiệp và hàng vạn cá nhân. Cùng với những sản phẩm mang tính đặc thù của một ngân hàng mang “sắc xanh” thân thiện và “sắc cam” nhiệt tình – đồng phục của những người lao động khối kinh doanh trong ngành Điện, vị thế của ABBANK ngày càng được nâng cao, được khẳng định là một nhân tố tích cực đi lên bền vững, song hành với sự phát triển mạnh mẽ của ngành Điện Việt Nam. ■



Một số thành tích của ABBANK:

- Ngân hàng thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2007 và 2008: do Wachoviabank – một trong bốn ngân hàng lớn nhất của Mỹ trao tặng.
- Nhân hiệu nổi tiếng quốc gia 2008 và 2009: Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng.
- Cúp vàng Nhà bán lẻ hàng đầu VN 2008: Hiệp hội các Nhà bán lẻ VN trao tặng.
- Thương hiệu nổi tiếng VN 2008: do VCCI và công ty Nielsen trao tặng.
- Giải thưởng Quả Cầu Vàng – the Best Banker cho ngân hàng phát triển nhanh các sản phẩm dịch vụ công nghệ cao: Ban tổ chức hội chợ tài chính - ngân hàng- bảo hiểm Banking Expo 2007 trao tặng.
- “Nhà phát hành trái phiếu công ty bản tệ tốt nhất Châu Á”: Tạp chí Asia Money bình chọn.

* Năm 2008

- Tổng vốn huy động của ABBANK là 7.145 tỷ đồng.
- Tổng dư nợ tín dụng đạt 6.542 tỷ đồng.
- Thu nhập từ lãi 307,497 tỷ đồng, tăng 8% so với 2007.

* 9 tháng đầu năm 2009:

- Lợi nhuận trước thuế 281 tỷ đồng
- Dư nợ cho vay 10.809 tỷ đồng, tăng 165% so với năm 2008
- Huy động vốn đạt 13.419 tỷ đồng, tăng 187% so với năm 2008

* **Mục tiêu mà ABBANK hướng đến** là trở thành một ngân hàng TMCP bán lẻ thân thiện, hoạt động đa năng theo mô hình một tập đoàn tài chính – ngân hàng, hoạt động chuyên nghiệp theo những thông lệ quốc tế tốt nhất với công nghệ hiện đại.

* Với những lợi thế từ đối tác chiến lược EVN, ABBANK hiện là ngân hàng duy nhất có khả năng tạo sức bật nhanh và mạnh trên thị trường



Lễ ký thỏa thuận hợp tác toàn diện giữa GIC và EVN (tháng 7/2007)

Công ty CP Bảo hiểm Toàn cầu

ĐỘT PHÁ TRÊN MỐI LIÊN KẾT BỀN VỮNG

Thu Giang

Công ty CP Bảo hiểm Toàn cầu (GIC) bước chân vào “làng bảo hiểm” với số vốn điều lệ ban đầu khá khiêm tốn – 80 tỷ đồng. Chỉ sau 3 năm hoạt động, con số này đã tăng lên trên 300 tỷ đồng, trong đó EVN với vai trò là cổ đông chiến lược nắm giữ 30%. Mạng lưới hoạt động của GIC hiện đã “phủ sóng” hơn 40 tỉnh thành trong cả nước. Các sản phẩm bảo hiểm khác biệt của GIC ngoài việc chiếm lĩnh thị phần trong ngành Điện cũng đã vươn tới cạnh tranh với thị trường bảo hiểm trên cả nước.

NHỮNG BƯỚC ĐỘT PHÁ

Thành lập từ tháng 6/2006, GIC đã chính thức phân phối sản phẩm từ tháng 9/2006. Là 1 trong 3 công ty được phép cung cấp dịch vụ bảo hiểm hàng không trên thị trường Việt Nam, vào đầu tháng 3/2007 (ngay sau khi được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ này), GIC đã cung cấp bảo hiểm cho: Toàn bộ đội bay của Tổng công ty Bay dịch vụ Việt Nam, Trung tâm Quản lý bay dân dụng Việt Nam, một số xưởng sửa chữa máy bay,... bảo hiểm trách nhiệm cho Cụm cảng Hàng không miền Nam (bao gồm Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và tất cả các sân bay thuộc khu vực phía Nam). Đây là bước phát triển đột phá quan trọng, không những khẳng định vị thế của GIC trên thị trường Việt Nam mà còn cả trên thị trường bảo hiểm quốc tế.

Với tư cách là cổ đông chính và cũng là đối tác chiến lược của GIC, Tập đoàn Điện lực Việt Nam

(EVN) đã ký Thỏa thuận Hợp tác toàn diện với GIC trên nhiều lĩnh vực. Theo đó, hai bên tiến hành các hoạt động liên doanh, liên kết, góp vốn để hỗ trợ nhau mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực... khai thác tốt nhất thế mạnh của mỗi bên cũng như tiềm năng thị trường trong và ngoài nước. Mặt khác, GIC đã tiến hành ký kết hợp tác với các đơn vị khác như: Tổng công ty Bay dịch vụ Việt Nam, Công ty Bay dịch vụ miền Nam, Công ty Điện lực 1, Công ty Điện lực TP Hà Nội... Bên cạnh đó, nhằm thực hiện Nghị định 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, tháng 11/2007 GIC đã tiến hành ký Quy chế phối hợp về triển khai thực hiện bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc với Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy TP.HCM, góp phần tăng cường công tác quản lý Nhà nước về PCCC.

Hiện GIC có mạng lưới dịch vụ phủ khắp hơn 40 tỉnh thành trên cả nước với 14 chi nhánh và các phòng kinh doanh bảo hiểm, chủ yếu đặt tại các tỉnh, thành phố trọng điểm. Đội ngũ CBCNV của Công ty phần lớn là những người đã có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, hiểu biết sâu sắc về các lĩnh vực hàng hải, hàng không, xây dựng lắp đặt... có quan hệ chặt chẽ với các tổ chức và cá nhân môi giới bảo hiểm quốc tế; các nhà nhận tái bảo hiểm quốc tế; các luật sư chuyên ngành; các công ty giám định quốc tế...

Với sự nỗ lực không ngừng, năm 2008, GIC đạt danh hiệu “Doanh nghiệp Thương mại - Dịch vụ tiêu biểu” của Bộ Công Thương. Điều quan trọng hơn cả là GIC đã xây dựng được các sản phẩm đặc trưng của mình, phục vụ mọi đối tượng, kể cả ở khu vực vùng sâu vùng xa của Việt Nam - nơi chưa từng có một công ty bảo hiểm nào tìm đến. Hiện nay, doanh thu của GIC đã đứng thứ 9/27 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

EVN VÀ GIC – MỐI LIÊN KẾT BỀN VỮNG

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và GIC với vai trò là đối tác chiến lược trong mục tiêu cùng phát triển đã có sự hỗ trợ lẫn nhau khai thác các dịch vụ, nhằm tận dụng mọi tiềm năng và mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh và đầu tư. EVN lựa chọn GIC là một đối tác ưu tiên hàng đầu thực hiện các chương trình bảo hiểm: Xây dựng, lắp đặt, tài sản, xe cơ giới, hàng hóa, con người và các chương trình bảo hiểm khác của

EVN. Ngược lại, GIC sử dụng các dịch vụ: Điện năng, ngân hàng, tài chính, viễn thông,... của EVN trên cơ sở được đảm bảo về chất lượng và giá cả cạnh tranh.

Ngoài ra, EVN và GIC cùng phối hợp xây dựng các chương trình bảo hiểm, quản lý rủi ro với các điều kiện, điều khoản và phí bảo hiểm hợp lý. Bên cạnh đó, 2 bên cùng hợp tác nghiên cứu triển khai cung cấp các sản phẩm liên kết đặc thù như: Bảo hiểm - tài chính, bảo hiểm - điện, bảo hiểm - ngân hàng, bảo hiểm - viễn thông... các dịch vụ liên kết, các chương trình khuyến mại nhằm quảng bá thương hiệu và khuyến khích khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ của mỗi bên. Trên cơ sở đó, GIC sử dụng mạng lưới của EVN có đủ điều kiện làm đại lý để khai thác tất cả các loại hình bảo hiểm mà GIC được phép kinh doanh cho các đối tượng khách hàng trong và ngoài EVN. Đồng thời, GIC cũng ưu tiên dành phần vốn nhàn rỗi cho EVN vay để đầu tư vào các công trình, tham gia đồng tài trợ vốn và huy động vốn cho các dự án của EVN; mở tài khoản gửi tiền tại Ngân hàng An Bình, Công ty Tài chính CP Điện lực.

Trên thực tế, EVN không chỉ là một trong những cổ đông chính, mà còn là khách hàng chiến lược đầy tiềm năng của GIC. Với sự hỗ trợ, tạo điều kiện của EVN, GIC có thể tiếp cận các dự án, công trình của ngành Điện, nhằm khảo sát, đánh giá rủi ro, từ đó bố trí các đơn bảo hiểm có điều kiện, cạnh tranh tốt nhất và phù hợp với đặc thù của ngành Điện. Hiện, GIC đã tham gia bảo hiểm cho nhiều công trình của EVN như: Nhà máy Thủy điện Huội Quảng, Bản Chát, Sông Tranh 2, Hồ Bón, Uông Bí 2, Nhiệt điện Quảng Ninh, công trình Tháp đôi điện lực, Trạm biến áp 500 kV Sơn La..., bảo hiểm cháy nổ cho Nhà máy điện Phả Lại, Hoà Bình, Yaly, Phú Mỹ....

GIC cũng xây dựng và đưa ra sản phẩm Bảo hiểm tai nạn người sử dụng điện, mở rộng bảo hiểm tai nạn 24/24.. Đây là một sản phẩm rất ưu việt, không những ưu đãi về phí bảo hiểm và còn tạo điều kiện để mọi người dân có thể tham gia. Sản phẩm bảo hiểm này được triển khai thông qua mạng lưới là hàng vạn CBCNV ngành Điện khắp cả nước. Hiện nay, GIC đã triển khai bán bảo hiểm thành công và tạo được thương hiệu của mình tại nhiều địa phương như: Sơn La, Hải Phòng, Đà Nẵng, Gia Lai, Bình Dương, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh...

Ông Hồ Nam Thắng – Chủ tịch HĐQT Công ty Bảo hiểm Toàn cầu cho biết: Trên cơ sở những thành quả đạt được, trong thời gian tới, GIC sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới, nâng cao trình độ đội ngũ CB-CNV, đưa ra các sản phẩm bảo hiểm mới phù hợp với nhu cầu của khách hàng, nâng cao chất lượng

dịch vụ nhằm xây dựng phát triển GIC thành một Công ty Bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu của Việt Nam, hoạt động đa ngành trong lĩnh vực dịch vụ tài chính trên nền kinh doanh bảo hiểm. Tất cả những hoạt động của GIC đều hướng tới mục tiêu “Vi quyền lợi của khách hàng”.



Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu được trao tặng danh hiệu “Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ tiêu biểu 2008” (tháng 1/2009)



Ông Nguyễn Thành Duy - Giám đốc PC2 và ông Phan Hoàng Chung Thủy - Tổng Giám đốc GIC ký kết Hợp đồng đại lý bảo hiểm (tháng 10/2008)

Các Cổ đông chính:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) – nắm giữ 30% vốn điều lệ.
- Tổng công ty CP Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (Vinare).
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (DongA Bank).
- Tổng công ty bay dịch vụ Việt Nam (SFC).
- Công ty CP đầu tư phát triển đô thị & KCN Sông Đà (Sudico).

Danh mục thực hiện	2006	2007	2008	Ước thực hiện đến tháng 12/2009
Doanh thu KDBH (tỉ đồng)	2,558	119,592	204,435	260
Cổ tức			6%	7%
Số lượng nhân viên (người)	30	194	290	350
Số lượng đại lý			6000	8100

Sản phẩm bảo hiểm chính:

- Bảo hiểm tài sản & bảo hiểm thiệt hại (xây dựng, lắp đặt, máy móc, mọi rủi ro, tiền, lòng trung thành, gián đoạn kinh doanh, ...);
- Bảo hiểm cháy nổ;
- Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển (đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không);
- Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu;
- Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
- Bảo hiểm xe cơ giới;
- Bảo hiểm trách nhiệm chung;
- Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;
- Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
- Bảo hiểm nông nghiệp;
- Bảo hiểm hàng không.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

“CẦU NỐI” CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH ĐIỆN

Bài và ảnh: **Thạch Lam**

Hơn một năm xây dựng và phát triển, mặc dù chưa đủ thời gian để đánh giá tầm vóc và thương hiệu, song những kết quả đạt được trong 12 tháng qua cũng có thể khẳng định Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance) đang thực hiện tốt sứ mệnh là “cầu nối” cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia vào lĩnh vực phát triển điện lực.

Tháng 9/2008, thời điểm ra đời của EVNFinance cũng chính là tâm điểm của “cơn bão” khủng hoảng tài chính toàn cầu với sự lung lay, sụp đổ của rất nhiều các định chế tài chính lớn trên thế giới. Đây cũng là khoảng thời gian khó khăn nhất của lĩnh vực tài chính, ngân hàng Việt Nam nói riêng trong nhiều thập kỷ qua. Trong hoàn cảnh đó, EVNFinance đã ý thức rất rõ những thách thức phải đối mặt. Đó là làm sao để hoạt động thu xếp vốn được suôn sẻ, đáp ứng yêu cầu cấp bách cho các dự án điện của EVN, đảm bảo hoạt động xuyên suốt có hiệu quả theo mong muốn của cổ đông.

Tuy nhiên, trong thách thức luôn hàm chứa những cơ hội phát triển. Thực tế đã cho thấy, với lợi thế về vốn điều lệ lớn, sự ủng hộ tuyệt đối của



Lễ kỷ niệm 1 năm thành lập Công ty Tài chính cổ phần Điện lực (ngày 28/8/2009)

Điện lực Việt Nam – ĐI LÊN CÙNG ĐẤT NƯỚC | 211

EVN, sự hỗ trợ hợp tác của các đối tác trong và ngoài ngành, EVNFinance đã tích cực tiếp cận các đơn vị, dự án trong ngành nhằm triển khai thành công hoạt động huy động vốn, tín dụng, đầu tư và các hoạt động khác.

SỰ KHỞI ĐẦU TỐT ĐẸP

Từ định hướng chủ đạo là khai thác và ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, chất lượng quản lý rủi ro, EVNFinance đã coi đây là những yếu tố quan trọng hoàn thành toàn diện mục tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua và tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển EVNFinance trong tương lai.

Sau một năm hoạt động, EVNFinance đã từng bước xây dựng được một đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Công ty đã thiết lập quan hệ với hơn 40 tổ chức tín dụng trong nước và quốc tế, hợp tác chặt chẽ với hàng chục đối tác là các đơn vị lớn trong và ngoài ngành Điện để triển khai hiệu quả các dịch vụ tài chính.

Bên cạnh việc thực hiện hiệu quả các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư trực tiếp, nhận ủy thác quản lý dòng tiền cho EVN và các đơn vị trong ngành, hoạt động nổi bật nhất của EVNFinance là tư vấn phát hành thành công 4.000 tỷ đồng trái phiếu EVN. EVNFinance còn xây dựng và thực hiện “Đề án Thanh toán điện tử, tiền điện, cước viễn thông cho các công ty điện lực”, góp phần tạo dựng và từng bước khẳng định thương hiệu của EVNFinance - một định chế tài chính mới trên thị trường Việt Nam.

HƯỚNG TỚI MỘT ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH VỮNG MẠNH

Con đường hướng đến một định chế tài chính mạnh trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng tại Việt Nam còn rất nhiều những thử thách. Tuy nhiên, với lòng quyết tâm

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC EVNFinance

Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Kinh doanh tiền tệ, nhận gửi tiền và cho vay, cung cấp các dịch vụ tư vấn, đầu tư các lĩnh vực tài chính, dự án. Là đầu mối thu xếp vốn và quản lý vốn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và cho các đơn vị thành viên, đơn vị liên kết của EVN;
- Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của tổ chức, cá nhân theo quy định của NHNN;
- Phát hành kỳ phiếu, trái phiếu công ty, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ của tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;
- Cho vay ngắn hạn, cho vay trung và dài hạn theo quy định của NHNN; Cho vay theo ủy thác của Chính phủ, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định hiện hành của Luật các Tổ chức tín dụng và hợp đồng ủy thác; Cho vay tiêu dùng bằng hình thức cho vay trả góp;
- Đầu tư tài chính vào các dự án và các tổ chức kinh doanh theo qui định pháp luật;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn quản lý tài chính tiền tệ, tư vấn quản lý tài sản; đánh giá các dự án đầu tư để chuẩn bị nguồn vốn và cấu trúc nguồn vốn một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả của dự án đầu tư; thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của Tập đoàn, các đơn vị thành viên và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật; tư vấn cổ phần hoá, xác định giá trị doanh nghiệp của các đơn vị trong quá trình cổ phần hóa, chuyển thành công ty TNHH MTV và các loại hình công ty khác;
- Tư vấn đàm phán ký kết các hợp đồng vay vốn trong và ngoài nước cho Tập đoàn, các đơn vị thành viên của Tập đoàn và các tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng;
- Quản lý thanh toán tiền điện, dịch vụ viễn thông công cộng điện lực nội bộ giữa Tập đoàn với các đơn vị thành viên và giữa các đơn vị thành viên Tập đoàn với nhau thông qua phương thức quản lý vốn...



Lễ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa EVNFinance và VietinBank (ngày 29/12/2008)

và những nền tảng cơ bản đã tạo dựng dựa trên lợi thế ngành Điện chính là những thuận lợi cho EVNFinance trên con đường chinh phục những đỉnh cao mới. EVNFinance đang tiếp tục khẳng định vị thế của một công ty tài chính phục vụ đặc lực cho sự phát triển của EVN nói riêng và lĩnh vực năng lượng nói chung. EVNFinance nỗ lực phấn đấu để trở thành sự lựa chọn hàng đầu cho các khách hàng, đối tác thông qua việc tạo dựng niềm tin và uy tín trên thị trường cùng các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng. Song song với các hoạt động kinh doanh, EVNFinance cũng không ngừng mở rộng quan hệ đối ngoại thông qua việc phát triển hệ thống khách hàng, đối tác trong nước và quốc tế...

Ra đời trong khó khăn, EVNFinance hiểu rõ hơn hết những cơ hội và cả những thử thách còn đang chờ đợi phía trước. Tuy nhiên sức trẻ và những nỗ lực không mệt mỏi của đội ngũ CBCNV chính là sự khởi đầu cho những thành công mới ngày càng lớn hơn của EVNFinance. ■

Kết quả hoạt động kinh doanh của EVNFC

(Đến 30/09/2009)

- | | |
|----------------------|----------------|
| • Tổng tài sản: | 10.000 tỷ đồng |
| • Tổng số dư đầu tư: | 4.000 tỷ đồng |
| • Dư huy động vốn: | 6.200 tỷ đồng |
| • Tổng dư nợ: | 1.800 tỷ đồng |
| • Doanh thu: | 470 tỷ VND |

Cam kết của EVNFinance:

- Đầu mối đặc lực trong việc quản trị vốn và thu xếp vốn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Cung cấp nguồn vốn ổn định, chi phí hợp lý, tiến độ đảm bảo;
- Cung cấp các dịch vụ tài chính một cách chuyên nghiệp, chất lượng với chi phí cạnh tranh;
- Chia sẻ các cơ hội kinh doanh, đầu tư hiệu quả, là cầu nối giữa các đơn vị ngành điện và các dự án ngoài ngành;
- Chia sẻ các thông tin kinh tế, tài chính cập nhật, đáng tin cậy, hỗ trợ các đối tác trong việc ra các quyết định kinh doanh chính xác, kịp thời;
- Phục vụ trực tiếp cán bộ nhân viên của đối tác, các đối tượng khách hàng cá nhân với các dịch vụ tài chính đa dạng, thuận tiện và giá cả hấp dẫn;
- Mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng và các cổ đông.



Trên công trường thủy điện Tuyên Quang
Ảnh: Ngọc Hà

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1

“CÁNH CHIM ĐẦU ĐÀN” CỦA TƯ VẤN VIỆT

Lưu Hương

Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1 (PECC1) từ lâu đã được ghi nhận như “cánh chim đầu đàn” trong số các công ty tư vấn xây dựng điện của Việt Nam. Để tự tin “sải cánh”, ngoài ưu thế dày kinh nghiệm “xông pha” là tầm nhìn sáng suốt và khát vọng luôn vượt lên của cả tập thể PECC1.

TỪ HỌC VIỆC VƯƠN LÊN LÀM CHỦ

Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1 tiền thân là Viện nghiên cứu và thiết kế điện (ra đời năm 1965). Những năm 1972 - 1975, Viện đảm nhận nhiệm vụ thiết kế, phục hồi sửa chữa các công trình điện, các đường dây tải điện, trạm biến áp. Khi đất nước giải phóng, Viện triển khai công tác khảo sát NMNĐ Phả Lại, tham gia khảo sát phục vụ lập Luận chứng KTKT NMTĐ Hoà Bình. Các kỹ sư điện, kỹ sư xây dựng của Viện đã đóng góp sức lực không nhỏ cho việc khôi phục và xây dựng hệ thống điện trên toàn quốc.

Ngày 01/07/1982, Công ty Khảo sát Thiết kế điện 1 được thành lập. Ngày 11/01/1999 đổi tên thành Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1 (PECC1). Trong quá trình này, từ vị trí “học việc” PECC1 đã vươn lên mạnh mẽ với vai trò làm chủ. Nếu như ở công trình Thủy điện Hòa Bình, Nhiệt điện Phả Lại, trong công tác tính toán, phân tích hệ thống điện, PECC1 thực hiện công việc dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia nước ngoài thì từ công trình Thủy điện Vĩnh Sơn, laly, Uông Bí mở rộng 1,...

Công ty đã vươn lên trở thành đơn vị chủ trì toàn bộ công tác khảo sát và thiết kế. Đặc biệt, với Thủy điện laly, Công ty đã thực hiện thành công mô hình tư vấn quản lý và giám sát kỹ thuật chất lượng được áp dụng lần đầu tiên tại Việt Nam.

Thật khó có doanh nghiệp nào lại có được những dòng “lý lịch trích ngang” gắn với những công trình lớn của quốc gia trên mọi miền Tổ quốc như PECC1. Trong đó, Thủy điện Sê San 3 là công trình thủy điện đầu tiên có đập bê tông lớn nhất nước ta đến lúc đó. Công ty đã áp dụng cấp phối liên tục với phụ gia tro bay, giải quyết thành công vấn đề ứng suất nhiệt trong bê tông, đáp ứng tiến độ xây dựng. Hay với Thủy điện Tuyên Quang, cũng với những bước đi tiên phong, PECC1 đã lựa chọn thiết kế thành công đập đá đổ bản mặt bê tông chiều cao 95m (đập đầu tiên ở Việt Nam được xây dựng theo kết cấu này thay cho đập đất đá truyền thống), giúp giảm chi phí hàng trăm tỷ đồng, đưa hồ chứa vào vận hành sớm hơn 1 năm so với kế hoạch.

Đặc biệt, PECC1 ghi dấu ấn đậm nét với Thủy điện Sơn La (2.400 MW) - công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á với quy mô và tính chất phức tạp: Là đập dâng cao nhất Việt Nam, nhưng lại được xây dựng trong vùng có địa chất khá yếu (động đất mạnh). Dự án có yêu cầu tuyệt đối đảm bảo an toàn cho vùng hạ du là thủ đô Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Bao yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt chất chống lún vai những người tư vấn PECC1 - tư vấn chính của dự án, làm sao phải hoàn thành tốt nhiệm vụ tư vấn, đảm bảo đúng kế hoạch,



Thủy điện Sê San 3 (tháng 9/2006) Ảnh: Ngọc Hà

thiết kế kỹ thuật và các mốc thời gian do EVN giao. Không quản ngại khó khăn, tháng 12/2004, thiết kế kỹ thuật giai đoạn 1 đã được hoàn thành. Điều đáng nói, không chỉ “về đích” đúng hẹn, đảm bảo cho tiến độ của công trình trọng điểm quốc gia, mà Công ty còn đưa ra được nhiều giải pháp mang lại giá trị kinh tế, xã hội to lớn. Đơn cử như giải pháp sử dụng công nghệ cao là đập bê tông đầm lăn (RCC) cho phép nhà máy phát điện sớm hơn 2 năm so với công nghệ truyền thống, từ đó, lợi ích đem lại là hàng tỉ USD.

Không chỉ có ưu thế lớn trong thiết kế thủy điện, Công ty còn khẳng định năng lực vượt trội của mình qua các công trình nhiệt điện, lưới điện. Tiêu biểu là hệ thống đường dây cao áp 500 kV và trạm đồng bộ mạch 1 lần đầu tiên được xây dựng tại Việt Nam do PEEC1 chủ trì thiết kế. Dự án này đã được thực hiện đúng tiến độ và đưa vào vận hành an toàn trong hơn chục năm qua, kịp thời giải quyết tình trạng thiếu điện ở miền Nam, tạo sự thống nhất của hệ thống điện trên cả nước. Ngoài ra, thành công trong công tác thiết kế, giám sát kỹ thuật chất lượng xây lắp dự án Nhiệt điện Uông Bí mở rộng 1 cũng đã mở ra thời kỳ mới cho hàng loạt các dự án nhiệt điện lớn ra đời như Quảng Ninh 1-2, Mông Dương 1-2,... đồng thời thêm một lần nữa khẳng định sự trưởng thành toàn diện của PEEC1 trong các lĩnh vực hoạt động, đáp ứng được chiến lược phát triển ngành Điện, đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới của đất nước.

NUÔI DƯỠNG CHẤT XÁM - GIỮ VỮNG NGÔI VỊ “ĐẦU ĐÀN”

Trong lĩnh vực tư vấn, hàm lượng chất xám là yêu cầu số một. Điều khiến PECC1 có thể tự tin sánh vai với các tư vấn ngoại chính là Công ty đã tạo được đội ngũ nhân lực mạnh, nhiệt thành với công việc, với mái nhà chung PECC1. Tại mái nhà chung này, mỗi cán bộ, kỹ sư, công nhân đều được tạo điều kiện thuận lợi nhất để

phát triển (được tham gia các dự án lớn, phức tạp trong và ngoài nước, được làm việc với các chuyên gia giỏi trên thế giới...). Cho nên, mỗi dự án không chỉ là trách nhiệm phải hoàn thành, mà còn là “đứa con tinh thần” - là tác phẩm ghi dấu mồ hôi, công sức của mỗi người. Vì thế, trên các công trình điện ở mọi miền đất nước hay tại “đại bản doanh” của PECC1, đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân Công ty luôn nêu cao tinh thần hăng say lao động, bởi họ hiểu rằng: Phần đầu hết mình vì công việc cũng chính là tạo dựng sự thành công cho Công ty, thỏa mãn sự đam mê nghề nghiệp, đồng thời xây đắp tương lai của bản thân mình.

Với chiến lược và định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo PECC 1, nguồn nội lực của PECC1 luôn được tiếp thêm sức mạnh. Đến nay, Công ty có đội ngũ kỹ sư, chuyên gia hùng hậu với gần 800 người có chuyên môn sâu, trình độ cao, đủ năng lực thực hiện các giai đoạn khảo sát thiết kế những dự án lớn và phức tạp (chiếm 60% trong tổng số 1.500 CBCNV). Công ty cũng đã xây dựng và phát triển một đội ngũ mạnh trong lĩnh vực khảo sát địa hình, địa chất, sử dụng nhiều máy móc hiện đại trong công tác địa vật lý, thí nghiệm, đào hầm ngang và đo đạc thủy văn.

Để có thể luôn giữ vị trí “đầu đàn”, PECC 1 không ngừng tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như: Ban hành và áp dụng các quy chế quản lý các quy trình hoạt động, hệ thống quản lý chất lượng hiện đại của quốc tế nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ công trình. Việc chuyển đổi các xí nghiệp khảo sát, tư vấn thành các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã tạo sức mạnh mới, tăng cường tính tự chủ, vươn lên mạnh mẽ phù hợp với định hướng thị trường của Công ty.

Bên cạnh đó, PECC1 còn đi đầu trong tập trung nghiên cứu và áp dụng công nghệ mới vào các dự án điện. Điển hình là: Công nghệ bê tông đầm lăn (RCC), trụ biến áp kín (GIS),... được Công ty áp dụng thành công đầu tiên tại Việt Nam.

Không đơn độc trên con đường chinh phục những thử thách mới, PECC1 luôn chú trọng giữ vững uy tín, quảng bá hình ảnh và thương hiệu đối với khách hàng và các đối tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị tiềm năng trong và ngoài nước, đa dạng hóa hình thức hợp tác. Với những tính toán chiến lược, PECC1 đã tích cực chuẩn bị lực lượng, tham gia các khoá đào tạo để sẵn sàng đón nhận công tác nghiên cứu, tư vấn các dự án điện hạt nhân. Đây cũng là một

“phép thử” lớn đối với thương hiệu PECC1.

Tin rằng, với chiến lược đúng đắn, nắm vững và giải quyết đồng bộ các vấn đề kỹ thuật, công nghệ phức tạp, đi đầu trong các lĩnh vực áp dụng công nghệ mới, soạn thảo quy trình, quy phạm, chủ trì các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, “cánh chim đầu đàn” PECC1 sẽ mạnh mẽ “sải cánh” vươn xa hơn, từng bước tham gia cạnh tranh các dự án ở nước ngoài. ■

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

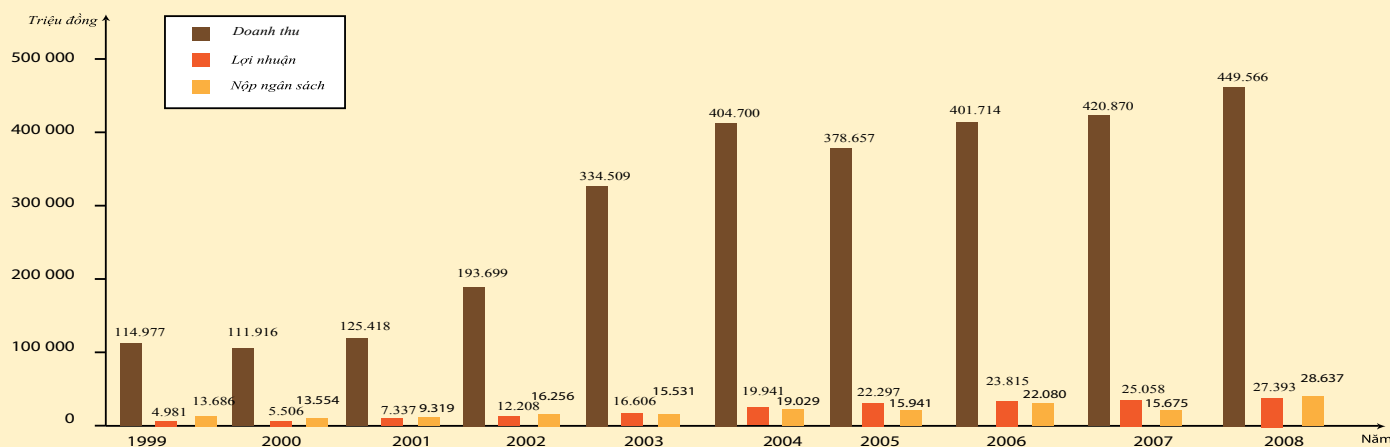
Sơ lược quá trình phát triển:

- Lực lượng khảo sát, thiết kế điện được hình thành từ năm 1950 thuộc Cục thiết kế - Bộ Công - nghiệp.
- Năm 1965 Viện nghiên cứu và Thiết kế điện ra đời.
- Ngày 01/07/1982, Công ty Khảo sát Thiết kế điện 1 thành lập
- Ngày 11/01/1999, đổi tên thành Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1.
- Ngày 02/01/2008, chuyển đổi thành Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 (PECC1)

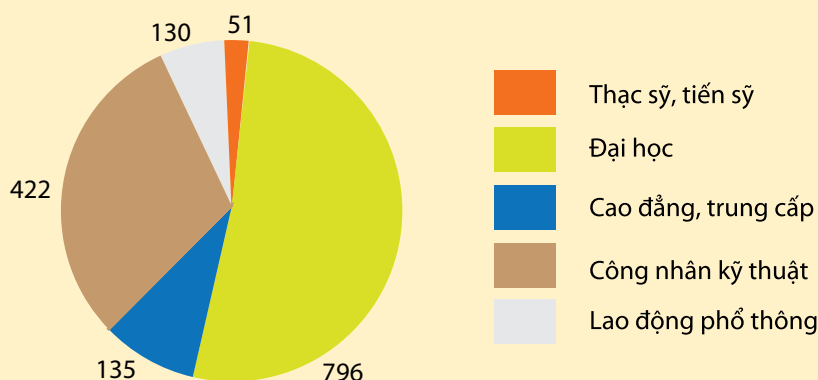
Những thành tích và các công trình tiêu biểu

- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới
- 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm 1994)
- 30 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba;
- Thủy điện Hoà Bình: Huân chương Lao động hạng Ba các năm 1983, 1984, 1985, 1986, 1987, 1989, 1995.
- Đường dây 500kV Bắc - Nam: Huân chương Độc lập hạng Nhì năm 1994, Huân chương lao động hạng Nhất, Nhì năm 1994.
- Thủy điện Yaly: Huân chương Lao động hạng Ba năm 2002.
- Thủy điện Sông Hinh: Bằng khen và Cờ thi đua của Chính phủ năm 2002, 2003.
- Đường dây 500 kV Hà Tĩnh - Nho Quan - Thường Tín: Huân chương Lao động hạng Ba năm 2006, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2006.

Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 1999 - 2008 (Đơn vị: Triệu đồng)



Cơ cấu nhân lực (Đơn vị: Người)



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2)

TIỀN PHONG TRONG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

Long Đức



Lễ ký kết hợp tác giữa PECC 2 và Viện Thiết kế Quảng Đông (GEDI) (ngày 25/3/2008)

Là đơn vị tiên phong trong khối các công ty tư vấn thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam năng động tiếp thu, ứng dụng công nghệ hiện đại, đổi mới phương thức làm việc để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 đã tự tin xây dựng được dấu ấn riêng cho thương hiệu PECC2. Đó là: “Luôn đồng hành với thành công của các dự án”.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc xây dựng công trình nguồn điện ở phía Nam sau ngày thống nhất đất nước, năm 1981, đoàn cán bộ kỹ sư và công nhân của Bộ Năng lượng (chủ yếu là lực lượng đang tham gia xây dựng Thủy điện Hòa Bình) đã lên đường vào TP. HCM triển khai công tác khảo sát và các bước nghiên cứu, thiết kế chuẩn bị khởi công xây dựng công trình trọng điểm: Thủy điện Trị An.

Từ một đoàn công tác chuyên trách nhỏ bé, hơn 20 năm sau, Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) được thành lập, với quy mô lớn mạnh vượt bậc về lực lượng lao động, phương tiện chuyên dụng và năng lực tư vấn. Sau mỗi dấu mốc lịch sử đều là những bước phát triển mạnh mẽ cả về lượng và chất. Đến giữa năm 2009, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty đã lên tới 906 người, trong đó 26 người có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ; 402 kỹ sư, chuyên viên; 120 cán sự, kỹ thuật viên... Từng lĩnh vực hoạt

động, Công ty đều có các kỹ sư chủ chốt đảm nhận chức danh Chủ nhiệm đề án, có năng lực tầm cỡ quốc tế, thể hiện tính chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn cao. Địa bàn hoạt động được mở rộng, không chỉ ở trong nước, mà còn vươn ra các nước trong khu vực như Lào, Campuchia, Trung Quốc... Từ vai trò là tư vấn phụ cho các tư vấn nước ngoài trong các dự án điện tại Việt Nam, PECC2 đã vươn lên trở thành tư vấn chính cho nhiều dự án.

Ngoài việc khuyến khích người lao động phát huy năng lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học, tính chuyên nghiệp và trình độ, kinh nghiệm của PECC2 còn được tích lũy, nâng cao thông qua sự hợp tác hiệu quả với các hãng tư vấn nước ngoài. Công ty chú trọng đầu tư mạnh cho ứng dụng công nghệ mới, nhất là công nghệ thông tin, trang bị các phần mềm chuyên dụng. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ được kiểm soát chặt chẽ thông qua việc áp dụng hệ thống quy trình quản lý chất lượng ISO 9001: 2000, mà Công ty đã xây dựng thành công từ năm 2002 và thường xuyên được cải tiến, tái đánh giá.

Bám sát thực tế, sự trưởng thành của Công ty gắn liền với hàng chục công trình nguồn điện, hàng trăm công trình lưới điện đã đưa vào vận hành, đang thi công và chuẩn bị khởi công: Từ Trị An đến Hàm Thuận – Đa Mi, Đại Ninh, A Vương, Buôn Kuốp, Srêpok 3, các công trình tại Trung tâm điện lực Phú Mỹ, Ô Môn, Cà Mau, Nhơn Trạch, Vĩnh Tân, Duyên Hải và Kiên Lương...; các đường dây 500 kV Phú Mỹ – Nhà Bè – Phú Lâm, 500kV Bắc – Nam, 500kV Sơn La – Hiệp Hòa, 500kV Đà Nẵng – Hà Tĩnh; 500kV Nhà Bè – Ô Môn, 500kV Vĩnh Tân – Sông Mỹ, cáp ngầm 220kV Nhà Bè - Tao Đàn; Trạm biến áp 500kV Phú Mỹ, Trạm biến áp 500 kV Nhà Bè, TBA 500 kV Tân Định, TBA 500kV Ô Môn; Trạm biến áp 220kV Cai Lậy, Trạm GIS 220kV Tao Đàn, Trạm GIS 220kV Hiệp Bình Phước...

Luôn tiên phong áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, thương hiệu của PECC2 ngày càng được giới đầu tư đánh giá cao. Công ty đã thiết kế đường hầm dài nhất Việt Nam tại công trình Thủy điện Đại Ninh (11 km) với biện pháp thi công đường hầm bằng công nghệ nổ mìn và đào bằng máy TBM; thiết kế đập đá lõi giữa cao tới 94 m tại Thủy điện Hàm Thuận (đập đá đổ cao thứ 2 tại Việt Nam); thiết kế đập Thủy

điện A Vương cao 80 m, đập Thủy điện Đăk Mi 4A cao 90 m, đập Thủy điện Đồng Nai 3 cao 108 m và Đồng Nai 4 cao 127 m – hai trong số 5 đập bê tông đầm lăn (RCC) cao nhất Việt Nam và trong số 30 đập RCC cao hơn 100 m trên thế giới; thiết kế đường ống hở bằng thép có cột nước tính toán 300 m tại Thủy điện A Vương và 627 m tại Thủy điện Đại Ninh (cao thứ 2 tại Việt Nam). PECC2 cũng là đơn vị đi đầu trong công tác thiết kế công trình mở rộng và phục hồi, nâng cấp các nhà máy thủy điện như: Phục hồi hệ thống Thủy điện Đa Nhim, dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng...

Trong lĩnh vực nhiệt điện, PECC2 cũng được biết đến như là một đơn vị tư vấn hàng đầu của Việt Nam về nhà máy điện công nghệ tuabin hỗn hợp: Tư vấn và thiết kế các loại nhà máy tuabin khí chu trình hỗn hợp với tuabin khí các thể hệ E, F có công suất nhà máy lên tới 1.090 MW; công nghệ nhiệt điện ngưng hơi truyền thống đốt dầu với công suất tổ máy lên đến 330 MW; công nghệ nhiệt điện ngưng hơi truyền thống đốt than với công suất tổ máy lên đến 1.000 MW...

Đặc biệt, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn, lập quy hoạch và thiết kế các công trình đường dây truyền tải của PECC2 hiện đã đáp ứng mọi yêu cầu khắt khe về kỹ thuật. Tổng chiều dài các công trình đường dây 500kV do Công ty đã và đang thực hiện trên toàn quốc lên tới 1.400 km. PECC2 cũng là đơn vị mạnh dạn đưa các tiến bộ khoa học vào các công trình đường dây, mang tính đột phá. Đó là các thiết kế lần đầu tiên được PECC2 thực hiện ở Việt Nam: Đường dây 500kV 2 mạch, đường dây 220kV 4 mạch, đường dây hỗn hợp 220kV + 110kV 6 mạch, các đường dây hỗn hợp 500kV + 220kV và 500kV + 110kV, đường dây dùng cột thép ống đơn thân, đường dây cáp ngầm 220kV, các đường dây 220kV có quy mô dây phân pha 2 và 3, đường dây cáp ngầm xuyên biển.

Chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, nhằm thích ứng với môi trường kinh doanh mới, có sự cạnh tranh quyết liệt và mức độ toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Công ty đã xác định tầm nhìn mới: Trở thành một công ty tư vấn hàng đầu khu vực, hoạt động đa ngành nghề; có đội ngũ lao động trình độ cao, thỏa mãn khách hàng tối đa, với doanh thu và lợi nhuận tăng liên tục, duy trì và tăng cao uy tín trong cộng đồng. Ông Trương Khắc Len – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã khẳng định: “Cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn tốt nhất liên quan đến việc lựa chọn, quyết định đầu tư và thực hiện đầu tư xây dựng các dự án phát triển năng lượng, thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu của khách hàng, quyền lợi của cổ đông và nhân viên, các lợi ích chung của xã hội và cộng đồng... là sứ mệnh của chúng tôi”.

Tháng 7/1985: Thành lập Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 2 (PIDC2).

11/1/1999: Đổi tên thành: Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2).

1/11/2007: Chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2). Trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ 51% cổ phần.

Những thành tích, danh hiệu tiêu biểu

- 01 Huân chương Độc lập hạng Ba
- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 02 hạng Nhì
- Nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ, chính quyền địa phương và các huân chương cho cá nhân...

Tổng công suất các dự án thủy điện đã và đang thực hiện trong nước

- Lập dự án đầu tư (FS/Pre-FS): 27 dự án với tổng công suất 4.000 MW;
- Lập TKKT&HSMT: 19 dự án với tổng công suất 3.200 MW;
- Lập BVTC&GSTG: 13 dự án với tổng công suất 1.860 MW;
- Tư vấn giám sát xây dựng: 5 dự án với tổng công suất 880 MW;
- Thẩm định thiết kế: 4 dự án với tổng công suất 997 MW;
- Công trình đã vận hành: 7 công trình với tổng công suất 1.448 MW;
- Công trình đang thi công: 11 công trình với tổng công suất 1.626 MW;

Chiều dài các đường dây truyền tải đã và đang thực hiện thiết kế:

- Đường dây điện áp 500kV: khoảng 1400km.
- Đường dây điện áp 220kV: khoảng 1700km.
- Đường dây điện áp 110kV: trên 1000km.
- Đường cáp ngầm điện áp 110kV, 220kV : khoảng 25km.

Khối lượng công tác khảo sát đã thực hiện:

- Trên 20 công trình nguồn điện công suất từ 30 MW đến 1.000 MW;
- Khoan trên 150.000 m;
- Đo vẽ mặt cắt địa hình trên 2.000 km;
- Đo vẽ bình đồ các tỷ lệ từ 1/500 đến 1/2000 khoảng 20.000 ha;
- Khảo sát trên 1.300 km đường dây có điện áp 500 kV;
- Khảo sát hơn 6.000 km đường dây có điện áp từ 66 kV đến 220 kV.



Ngăn sông A Lưới (ngày 5/1/2002)
Ảnh: Dương Anh Minh

Nguyễn Đức

Là một trong bốn đơn vị tư vấn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, bên cạnh những lĩnh vực chuyên môn mang tính “truyền thống”, Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3 đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng để tạo nên thế mạnh riêng, đặc biệt là về năng lực quy hoạch phát triển điện lực các địa phương và nghiên cứu ứng dụng các dạng năng lượng mới.

Hơn 30 năm xây dựng và phát triển, thích ứng với điều kiện và yêu cầu của từng giai đoạn, Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 3 (TV3) luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Công ty đã không ngừng lớn mạnh, trở thành một trong những địa chỉ đáng tin cậy của các nhà đầu tư trong ngành Điện.

ĐẦU TƯ CHO CHẤT XÁM

Trên cơ sở xác định con người là yếu tố quan trọng nhất để tạo dựng thương hiệu của một đơn vị tư vấn, bên cạnh chế độ lương thưởng phù hợp để khuyến khích hiệu quả lao động, thu hút và giữ nhân tài, Công ty luôn đề cao công tác tạo dựng môi trường làm việc vừa đoàn kết đồng lòng, vừa có sự cạnh tranh lành mạnh để mỗi người lao động phát huy tối đa năng lực của mình. Đó cũng chính là “phương thuốc đặc trị” cho tình trạng “chảy máu chất xám” đã và đang làm nhiều doanh nghiệp khác phải đau đầu. Chính vì vậy, không ít cán bộ nhân viên giỏi của TV3 vẫn gắn bó lâu dài với Công ty. Họ luôn nỗ lực cống hiến, phát huy cao độ năng lực, đảm bảo hiệu quả công việc mà Công ty tin tưởng giao phó.

Với mục đích không ngừng nâng cao trình độ, cập nhật các tri thức, tiến bộ khoa học kỹ thuật để áp dụng vào công tác thiết kế cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam, Công ty đã tiến hành liên

Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3

ĐÓN ĐẦU CHO TƯƠNG LAI

doanh, liên kết với các đơn vị tư vấn nước ngoài có uy tín trên cương vị là nhà thầu chính để thiết kế, giám sát thi công các dự án nguồn điện, cụ thể: Liên kết với Colenco – Fichtner (Thụy Sĩ - Đức) giám sát thi công dự án Đuôi hơi Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 mở rộng; liên kết với PB Power (New Zealand) giám sát thi công dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà máy điện Bà Rịa; liên kết với Viện Thiết kế Hoa Đông – ECIDI (Trung Quốc) để lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công các dự án Thủy điện Sông Bung 2 và Sông Bung 4; liên kết với SMEC (Australia) giám sát thi công đập bê tông đầm lăn (RCC) tại các dự án Thủy điện Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4; liên kết với Fichtner (Đức) giám sát thi công các dự án Nhiệt điện Sơn Động và Nông Sơn...

Bên cạnh việc hằng năm cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo chuyên đề ở nước ngoài để tích lũy thêm kiến thức, Công ty còn có chính sách khuyến khích nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, sẵn sàng đài thọ toàn bộ học phí cho những người tham dự các cấp học cao như thạc sĩ, tiến sĩ.

Ông Thái Tuấn Tài, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty, tự hào cho biết, lực lượng lao động của Công ty có tới hơn 60% đạt trình độ đại học và trên đại học. Năm 2001, Công ty đã được Tổ chức TUV Rheinland (CHLB Đức) và Quacert (Việt Nam) cấp giấy chứng nhận quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 2000, và được tái cấp vào các năm 2005, 2008.

... VÀ ĐẦU TƯ CHO TƯƠNG LAI

Không ngừng nâng cao trình độ nhân lực, đầu tư và áp dụng những công nghệ mới, phần mềm hiện đại, phương tiện chuyên dụng tiên tiến, nên dù đang

phải đứng trước áp lực cạnh tranh với các đơn vị tư vấn lớn trong và ngoài nước, nhưng TV3 vẫn tự tin vào năng lực và uy tín của mình.

Trong thời gian vừa qua, với lực lượng lao động giỏi, tinh gọn và cơ động, Công ty đã thực hiện khối lượng công việc lớn, ngày càng mở rộng quy mô hoạt động. Công ty đã thực hiện quy hoạch các Trung tâm nhiệt điện Nghi Sơn (1.800 MW), Quảng Trạch (2.400 MW), Long Phú (4.400 MW) và quy hoạch phát triển lưới điện các tỉnh, thành phố, quận huyện, thị xã tại các tỉnh miền Nam và một số tỉnh miền Trung cho các giai đoạn 1990 – 1995, 1996 – 2000, 2001 – 2005, 2006 – 2010; quy hoạch cải tạo phát triển lưới điện 4 thành phố: Đà Lạt, Vũng Tàu, Biên Hòa và Cần Thơ....

Công ty cũng đã thực hiện khảo sát thiết kế, lập

hồ sơ mời thầu quốc tế, đánh giá thầu, giám sát thi công xây lắp các nhà máy tua bin khí: Bà Rịa, Cần Thơ, Thủ Đức; thiết kế nhà máy điện Amata (120 MW) cho Amata Power Ltd, Thailand; lập báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT), RAP, EIA các dự án nhà máy điện: ENRON Sóc Trăng (475 MW) và Wartsila Bà Rịa (120 MW); làm tư vấn chính từ giai đoạn khảo sát, thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu quốc tế và đánh giá thầu, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công xây lắp, nghiệm thu các dự án: Đuôi hơi 306 - khối 2 Nhà máy điện Bà Rịa (55 MW) và Đuôi hơi Phú Mỹ 2-1 mở rộng (165 MW); các nhà máy điện than: Nghi Sơn 1 (2x300 MW)... Lập Dự án đầu tư và thiết kế các dự án nhà máy thủy điện A Lưới (170 MW) và DaM'bri (70MW), Sông Bung 2 (100 MW), Sông Bung 4 (120 MW), Sông Bung 4A (45 MW) lập đề xuất dự án BOT các nhà máy điện: Nghi Sơn 2 (2x600 MW), Ô Môn II (3x250 MW)...

Đặc biệt, với việc xác định tầm quan trọng của năng lượng tái tạo trong tương lai, Công ty đã từng bước tích lũy kinh nghiệm, tiến hành nghiên cứu, khảo sát và lập dự án đầu tư hàng loạt các dự án phong điện. Cụ thể: Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận có dự án: Phú Quý (3 MW), Phước Thử (30 MW), Thuận Nhiên Phong (50 MW), Phú Lạc (40 MW), Sài Gòn – Bình Thuận (200 MW), PV Power – Impsa (600 MW) và tại một số tỉnh khác như: An Phong - tỉnh Ninh Thuận (180 MW), Nhơn Hội – tỉnh Bình Định (27 MW), Lang Biang – tỉnh Lâm Đồng (40 MW). Đồng thời, Công ty đã thiết kế lắp đặt và vận hành hơn 20 cột quan trắc gió theo tiêu chuẩn quốc tế, lập quy hoạch tiềm năng năng lượng gió để phát triển tại các tỉnh duyên hải miền Nam, các tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận, các đảo Phú Quý, Quý Phú và Côn Sơn. ■

Quá trình phát triển:

- Tiền thân là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực Miền Nam (1975).
- Ngày 13/2/1979: Thành lập Phân viện Quy hoạch và Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực 2.
- Ngày 7/5/1986: Đổi tên thành Trung tâm Năng lượng.
- Ngày 7/4/1999: Chuyển thành Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3 thuộc EVN
- Ngày 26/1/2007: Thành lập Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3.

Những thành tích, danh hiệu tiêu biểu

- 01 Huân chương Độc lập hạng Ba
- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 hạng Nhì
- Nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công nghiệp...

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm

TT	Chỉ tiêu SXKD	Đơn vị tính	Thực hiện 2007	Thực hiện 2008	Ước thực hiện năm 2009
1	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	80,135	100,00	117
2	Doanh thu	Tỷ đồng	66,915	110,00	120
3	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	9,382	11,5	20
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,619	5,4	13
5	Số lao động bình quân/năm	Người	580	560	628
6	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng/tháng	5,5	7,5	10
7	Tổng tài sản	Tỷ đồng	98,137	105,500	138
8	Vốn kinh doanh	Tỷ đồng	27,3	28,0	29.5
9	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	28,495	33,0	42

Thủy điện Buôn Tuasrah (tháng 9/2009) Ảnh: Ngọc Hà



Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4

TRƯỞNG THÀNH TỪ NHỮNG CÔNG TRÌNH

Hoàng Phương

Ra đời ngày 14/7/1976, Phân viện Quy hoạch thiết kế điện miền Nam nay là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4 (PECC4) đã phấn đấu trở thành một trong các đơn vị hàng đầu về tư vấn các công trình điện, góp phần cung cấp nguồn năng lượng điện phục vụ phát triển kinh tế, xã hội chủ yếu tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Hàng trăm công trình điện - những sản phẩm trí tuệ của PECC4 hiện hữu từ khu vực miền Trung đến các tỉnh Tây Nguyên hùng vĩ và trải dài trên khắp mọi miền của đất nước là minh chứng hùng hồn cho quá trình phát triển đầy gian nan, thử thách, nhưng cũng rất đổi tự hào của Công ty.

Vào đầu những năm 90, hệ thống điện tại miền Trung cũng còn rất nhỏ bé, manh mún. Đó là thách thức, nhưng cũng gợi mở các cơ hội cho Công ty trên con đường phấn đấu vươn lên đảm nhận nhiều

công trình trọng điểm mang tầm cỡ quốc gia.

Trước yêu cầu phát triển nhanh chóng của hệ thống điện với các tiêu chuẩn kỹ thuật ngày một cao hơn, đòi hỏi về tiến độ khẩn trương hơn, buộc Công ty phải không ngừng phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ nhất là đội ngũ kỹ sư trẻ; nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác tư vấn; đồng thời hiện đại hoá các máy móc thiết bị, liên tục cập nhật thông tin và các phần mềm tính toán tiên tiến, hiện đại trên thế giới. Nhờ vậy, Công ty đã từng bước vươn lên trở thành đơn vị tư vấn độc lập cho nhiều công trình quan trọng. Hơn 30 năm qua, Công ty đã tư vấn khảo sát, thiết kế phục vụ đầu tư xây dựng hàng chục công trình thủy điện trên khắp mọi miền của đất nước với tổng công suất thiết kế là 2027 MW. Điển hình là các công trình thủy điện đã và đang đi vào vận hành như: Buôn Tuasrah - 86 MW, Krông Năng - 64MW, Bản Uôn - 260MW, Srêpôk 4 - 80 MW, Hối Xuân - 100MW và Thủy điện Tích năng Bắc Ái -

1000MW... Bên cạnh đó Công ty còn thực hiện quy hoạch các nhà máy nhiệt điện than ở miền Trung; trung tâm Điện lực Bình Định, Hậu Giang; trung tâm Nhiệt điện Cam Ranh, lập hồ sơ để xuất Nhiệt điện Vũng Áng... với tổng công suất hơn 15.000 MW. Hiện nay, Công ty còn tham gia thẩm định dự án đầu tư các nhà máy nhiệt điện và xúc tiến đầu tư nghiên cứu để phục vụ phát triển các nhà máy điện hạt nhân. Ngoài việc thực hiện các công trình nguồn điện, Công ty còn tư vấn khảo sát, thiết kế các hàng trăm công trình lưới điện cao áp với gần 600 km đường dây 500 kV như các đường dây (ĐD) 500 kV Bắc – Nam (Mạch 1 - Đoạn từ Đà Nẵng đến Buôn Ma Thuột), ĐD 500 kV Bắc - Nam (Mạch 2 đoạn Hà Tĩnh – Nho Quan), ĐD 500 kV Quảng Ninh - Thường Tín, Quảng Ninh - Mông Dương; và các Trạm biến áp 500 kV: Quảng Ninh - Thường Tín, Đắk Nông với tổng công suất hơn 2350 MVA; hơn 1000 km đường dây 220 kV, 110 kV và hơn 5000 MVA các trạm biến áp 220 kV, 110 kV.

Ngoài ra Công ty còn tư vấn khảo sát, thiết kế hàng trăm công trình lưới điện trung, hạ thế (từ 0,4 kV- 35 kV) và chương trình phát triển điện nông thôn - miền núi ở hầu hết các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên.

Qua hơn 30 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã không ngừng lớn mạnh về mọi mặt, với đội ngũ trên 500 cán bộ, kỹ sư có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có khả năng lập và sử dụng thành thạo các chương trình phần mềm tính toán, thiết kế... với trang thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo đủ năng lực thực hiện công tác tư vấn khảo sát, thiết kế các dự án điện ở tất cả các giai đoạn theo tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận vận hành theo hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) ISO 9001:2000 từ năm 2004, qua 5 năm vận hành, duy trì và cải tiến HTQLCL đã tạo dựng được niềm tin về chất lượng sản phẩm, dịch vụ đối với khách hàng và các đối tác. Phòng thí nghiệm của Công ty cũng đã được Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ LAS-XD376 ngày 20/7/2005 với trang bị đầy đủ các công cụ thí nghiệm phục vụ cho công tác khảo sát và đã được tái chứng nhận đạt chứng chỉ LAS-XD376 vào năm 2008.

Công ty cũng đã tăng cường mở rộng mối quan hệ với các đối tác nước ngoài, qua đó ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật của thế giới vào hoạt động sản xuất; góp phần nâng cao vị thế và từng bước đưa Công ty vươn tới vai trò là đơn vị tư vấn chính cho các công trình điện trong nước và trên thế giới. Thời gian qua Công ty đã liên doanh, liên kết với nhiều đơn vị tư vấn nước ngoài như: Viện Khảo sát thiết kế Hoa Đông - Trung Quốc; Colenco - Thụy Sĩ; Poyry - Thụy Sĩ; Nippon Koei - Nhật Bản; Tepsco - Nhật Bản; EDF – Pháp, Newjec - Nhật Bản, Fichner - Đức ... để lập các dự án thủy điện, lưới điện có yêu cầu công nghệ cao. Ngoài ra Công ty cũng không ngừng tìm hiểu và thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài trong một số lĩnh vực hoạt động mới trong lĩnh vực thẩm tra thiết kế, giám sát xây dựng các dự án điện; nghiên cứu xây dựng các nhà máy nhiệt điện, năng lượng gió... Thông qua quá trình hợp tác, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ của CBCNV trong Công ty được nâng lên rõ rệt, tác phong làm việc cũng mang tính chuyên nghiệp hiện đại hơn.

Tháng 8 năm 2007, Công ty Tư vấn Xây dựng điện 4 đã chính thức vận hành theo mô hình công ty cổ phần. Sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động, bên cạnh nhiệm vụ truyền thống là tư vấn xây dựng các công trình điện, Công ty đang từng bước mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh nhiều lĩnh vực khác như đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh điện năng... nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững, tăng lợi nhuận cho cổ đông, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động.

Trong thời gian tới, định hướng chiến lược sản xuất, kinh doanh của Công ty là mở rộng các ngành nghề trên nhiều lĩnh vực, hợp tác với các tổ chức tư vấn, đầu tư xây dựng trong và ngoài nước, mở rộng thị trường... Đặc thù sản phẩm tư vấn là lao động có hàm lượng trí tuệ cao cộng với công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, nguồn nhân lực là nhân tố xuyên suốt quá trình phát triển và lớn mạnh của các đơn vị tư vấn nên Công ty đã chú trọng đầu tư công tác đào tạo nguồn nhân lực, đồng thời không ngừng đổi mới trang thiết bị có công nghệ tiên tiến, hiện đại. Ngoài ra Công ty còn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu, xây dựng sự

đoàn kết nhất trí và mối quan hệ hài hòa gắn kết trong toàn Công ty; quan tâm đến lợi ích thiết thực của người lao động như: Cải thiện môi trường, điều kiện làm việc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo tâm lý

thoải mái, yên tâm công tác... Nhờ vậy, Công ty đã tạo dựng được niềm tin của CBCNV về sự phát triển bền vững của đơn vị. Đó chính là chìa khóa giúp PECC4 vượt qua nhiều thử thách và ngày càng trưởng thành từ những công trình. ■

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Tên quốc tế: Power Engineering Consulting Joint Stock Company 4 (PECC4)

- Sự phát triển của Công ty qua các thời kỳ:
- + Ngày 14/7/1976 được thành lập với tên gọi Phân viện Quy hoạch Thiết kế điện miền Nam thuộc Bộ Điện Than;
 - Năm 1982 được đổi tên thành Phân Viện Thiết kế điện Nha Trang;
 - Ngày 3/6/1999, Bộ Công nghiệp ra Quyết định chuyển Phân viện thiết kế điện Nha Trang thành Công ty Tư vấn Xây dựng điện 4;
 - Ngày 17/1/2007, chuyển đổi thành Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Những thành tích tiêu biểu:

- 01 Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2006);
- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1996);
- 01 Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1991);
- 01 Huân chương Lao động hạng Ba: (năm 1986);
- 04 Huân chương Lao động hạng Ba cho các đơn vị trực thuộc Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2002	Năm 2004	Năm 2006	Năm 2008	KH năm 2009
Tổng doanh thu	8.692	21.117	52.295	76.742	112.018	120.000
Lợi nhuận trước thuế	462	1.229	3.377	5.021	12.501	14.000
Nguồn vốn chủ sở hữu	5.910	10.493	22.234	34.360	46.046	50.000

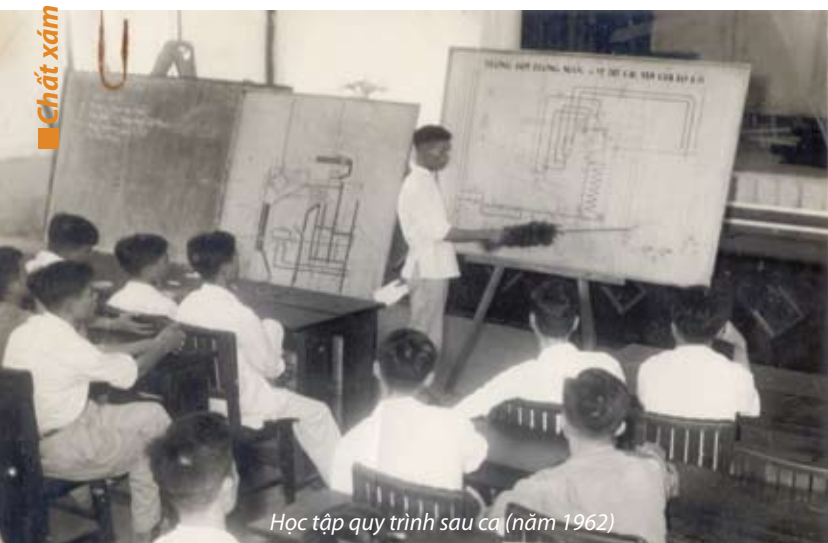
Tốc độ tăng trưởng bình quân 10 năm qua (1999-2008)

- Về doanh thu tăng: 36,52%;
- Về lợi nhuận tăng: 48,68%;
- Về vốn chủ sở hữu tăng: 41,31%.

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Để viết tiếp NHỮNG TRANG SỬ VẺ VANG

Trọng Lân



Học tập quy trình sau ca (năm 1962)

Lịch sử dòng điện cách mạng Việt Nam những ngày đầu khởi nghiệp ghi nhận sự hiện diện của đội ngũ nhân lực thật khiêm tốn với chỉ vài ba kỹ sư từ nước ngoài về và vài chục cán bộ kỹ thuật sơ, trung cấp. Đến hôm nay, sau 55 năm không ngừng phát triển, đội ngũ những người làm điện đã trưởng thành vượt bậc, được đào tạo bài bản, có trình độ cao, năng lực giỏi và nhiệt huyết với ngành nghề. Tiếp tục thực hiện sứ mệnh vinh quang của ngành Điện trong thời kỳ phát triển kinh tế và hội nhập. Đội ngũ những người làm điện vẫn đang từng ngày lớn mạnh hơn, hùng hậu hơn để viết tiếp những trang sử vẻ vang, hào hùng của ngành kinh tế đầu tàu đất nước.

PHÁT TRIỂN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng (1954), ngành Điện bắt đầu thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình với một nguồn nhân lực hết sức nhỏ bé, nhưng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiếp quản, làm chủ các cơ sở sản xuất điện năng

do người Pháp để lại. Ngay sau đó, đội ngũ những người làm điện đã từng bước được kiện toàn, bồi dưỡng để phục vụ công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Hầu khắp các nhà máy điện đều mở các lớp bồi túc văn hóa, đào tạo tay nghề theo hình thức thợ bậc cao kèm thợ bậc thấp hoặc chuyên gia nước ngoài hướng dẫn. Cùng với đó là sự ra đời của trường Kỹ thuật Trung cấp I với 2 hệ đào tạo chính quy về điện lực và trường Đại học Bách Khoa Hà Nội với một bộ phận đào tạo chuyên ngành phát dẫn điện. Những lớp kỹ sư, công nhân kỹ thuật điện tốt nghiệp đầu tiên tại các cơ sở này đã trở thành những tấm gương dũng cảm, kiên cường bám lò bám máy, bám đường dây và trạm để duy trì cấp điện trong thời kỳ miền Bắc chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, góp phần viết lên những trang sử hào hùng cho ngành Điện nước nhà.

Trong những năm tiếp theo, ngành Điện đã chú trọng mở mang, đào tạo, quy hoạch cán bộ cho những kế hoạch dài hạn, kể cả đào tạo cán bộ, công nhân cho công cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cụ thể, đã tách ngành cơ khí, điện ra khỏi trường Kỹ thuật Trung cấp I để thành lập trường Kỹ thuật Trung-Cao cơ điện với 2 hệ trung học và cao đẳng. Năm 1964, trường Trung học Kỹ thuật điện lực được thành lập và mở hệ chuyên tu (dành cho cán bộ lãnh đạo và quản lý, luân phiên đi học) với các ngành nghề: Phát dẫn điện, điện khí hóa xí nghiệp, chế tạo máy... Đây là mốc rất quan trọng về sự ra đời của môi trường đào tạo chuyên nghiệp điện lực đầu tiên ở miền Bắc Xã hội chủ nghĩa. Cũng trong năm này, hệ chuyên tu được nâng cấp thành hệ đại học chuyên tu. Tới năm 1974, thêm một cơ sở đào tạo ngành Điện nữa do Công ty Điện lực (miền Bắc) thành lập có tên là Trường bồi dưỡng cán bộ tại chức. Từ những mái trường này, nhiều học sinh, sinh viên đã trở thành những cán bộ quản lý, lãnh đạo xuất sắc của ngành Điện ở trung ương và cơ sở.

Sau khi đất nước thống nhất (1975) đến nay, nhiều



Trong giờ thực hành tại Trường Đại học Điện lực
Ảnh: Đăng Duy

trường kỹ thuật điện, cơ khí, xây lắp (công trình điện) đã được thành lập, phát triển nhanh và được nâng cấp từ trung học lên cao đẳng điện lực, một số trường được chuyển đổi từ trực thuộc các công ty điện lực về Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Đặc biệt, năm 2006, trường Cao đẳng Điện lực được nâng cấp thành trường Đại học Điện lực trực thuộc EVN.

CHÚ TRỌNG NÂNG CAO VÀ CHUYÊN SÂU

Xác định tầm quan trọng của nguồn lực con người trong toàn bộ hoạt động SXKD và đầu tư phát triển, trong 10 năm gần đây, EVN không chỉ tập trung đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy..., mà còn triển khai nhiều loại hình đào tạo từ nâng cao đến chuyên sâu, từ trình độ đại học đến thạc sĩ, tiến sĩ, đào tạo ngắn hạn, dài hạn, theo nhiều chuyên ngành ở trong và ngoài nước. Đối tượng đào tạo bao gồm công nhân, cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý. Mặt khác, EVN còn chú trọng tới việc đào tạo nguồn nhân lực từ thực tiễn làm việc với các chuyên gia nước ngoài, chuyển giao công nghệ đối với các dự án điện có công nghệ tiên tiến, hiện đại...

TRƯỞNG THÀNH VƯỢT BẬC

Với việc thường xuyên quan tâm chăm lo công tác đào tạo, phát triển nhân lực cả bề rộng lẫn chiều sâu cùng sự nỗ lực bền bỉ vươn lên của từng con người trong suốt 55 năm xây dựng và phát triển,

đến nay, nguồn nhân lực của EVN đã trưởng thành, lớn mạnh vượt bậc. Điều cần nhấn mạnh là, EVN đã xây dựng được một đội ngũ chuyên gia, kỹ sư được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm, trình độ cao về quản lý, tổ chức, tiếp thu, làm chủ công nghệ hiện đại... Điều này được minh chứng rất rõ qua thực tiễn các công tác khảo sát, tư vấn, thiết kế, thi công, giám sát, cung cấp thiết bị và quản lý, vận hành các công trình điện mang tầm quốc gia, quốc tế trong những năm qua như: Đường dây siêu cao áp 500 kV Bắc – Nam, Dự án xây dựng 5 nhà máy thuộc Trung tâm Điện lực Phú Mỹ, công trình xây dựng Nhà máy Thủy điện Sơn La lớn nhất Đông Nam Á.... Từ năm 2003, ngành cơ khí điện lực có bước tiến vượt bậc khi chế tạo thành công MBA 125-110 kV, sau đó là MBA 220 kV công suất 250 MVA và đã tự sửa chữa thành công MBA 500 kV, góp phần hạn chế nhập ngoại, tiết kiệm chi phí đầu tư hàng ngàn tỷ đồng v.v..

Sự lớn mạnh vượt bậc của nguồn nhân lực trở thành điều kiện tiên quyết đảm bảo sự phát triển liên tục của ngành Điện cả về quy mô và tốc độ, cơ bản đáp ứng đủ điện năng cho nền kinh tế xã hội và đời sống nhân dân. Trong 10 năm trở lại đây, ngành Điện luôn đạt mức tăng trưởng cao (từ 14-15%/năm), hệ thống lưới điện quốc gia không ngừng mở rộng. Tính đến cuối năm 2009, EVN đã phát triển hơn 306.000 km đường dây các loại (gấp 50 lần so với năm 1995), tổng công suất đặt toàn hệ thống ước đạt 19.378 MW (gấp hơn 600 lần so với năm 1954 và 14,5 lần năm 1975).

NHÂN LỰC - CHÌA KHÓA QUYẾT ĐỊNH THÀNH CÔNG

Trong cuộc trả lời phỏng vấn Tạp chí Điện lực gần đây, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam Phạm Lê Thanh đã chia sẻ: Sau hơn 3 năm hoạt động theo mô hình Tập đoàn, đa sở hữu và kinh doanh đa ngành nghề, nhiều khó khăn, thử thách đang đặt ra, trong đó có thách thức rất lớn về xây dựng và duy trì được nguồn nhân lực có chất lượng, đủ trình độ và năng lực để đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ trước mắt và đưa Tập đoàn phát triển bền vững. Vấn đề đặt ra là Tập đoàn phải nâng cao hơn nữa chất lượng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực một cách bài bản, có tính hệ thống gắn với mục tiêu ngắn và dài hạn, được định hướng rõ ràng, đồng thời phải có chính sách thỏa đáng nhằm thu hút và giữ “nhân tài”.

Với quan điểm nhân lực là vốn quý nhất đối với doanh nghiệp, là chìa khóa quyết định thành công, năm 2008, Tập đoàn đã ban hành và đang tích cực

thực hiện Kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2008-2010, dự kiến đến năm 2015, nhằm quyết tâm tạo ra bước chuyển mới cho công tác đào tạo phát triển nhân lực của Tập đoàn.

Hy vọng với những biện pháp đồng bộ về cơ chế, chính sách quản lý, đãi ngộ, cải thiện môi trường làm việc... tin tưởng rằng, EVN sẽ thu hút nhiều hơn và giữ được nguồn nhân lực có trình độ cao để phát triển Tập đoàn và viết tiếp những trang sử vẻ vang của ngành kinh tế mũi nhọn đất nước. ■

Tính đến cuối năm 2009, lực lượng lao động của Tập đoàn có trên 97.000 người, trong đó, có 1.150 thạc sĩ và tiến sĩ, 24.500 đại học, 16.850 cao đẳng và trung cấp, trên 50.550 công nhân kỹ thuật bậc 3 trở lên.

Hàng năm, khoảng 50.000 lượt CBCNV Tập đoàn được đào tạo, 2.000 lượt người đi khảo sát ngắn hạn ở nước ngoài, 50-60 chỉ tiêu đào tạo sau đại học/năm.

Các giải pháp cơ bản đào tạo, phát triển nhân lực EVN:

(i) Quán triệt nhận thức về tầm quan trọng của việc nâng chất lượng nguồn nhân lực cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và người lao động... Tăng cường tính chủ động của các đơn vị về lập kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực của đơn vị...

(ii) Tiêu chuẩn hóa hệ thống quản trị nguồn nhân lực kể từ khâu tuyển chọn - đào tạo - sử dụng - đánh giá tại Công ty mẹ - Tập đoàn và các đơn vị thành viên...

(iii) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, thể chế hóa cơ chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn. Có chính sách ưu đãi và trọng dụng người tài, gắn thu nhập với hiệu quả công tác thực tế...

(iv) Tiếp tục xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo mới và đào tạo lại theo mục tiêu và theo nhu cầu với các hình thức đa dạng. Đào tạo gắn với qui hoạch và kế hoạch sử dụng cán bộ. Xây dựng hệ thống kiểm tra và đánh giá hiệu quả quá trình đào tạo và sau đào tạo...

(v) Tạo môi trường làm việc lành mạnh thông qua tăng cường thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng tại các đơn vị thuộc Tập đoàn...

(vi) Có biện pháp đảm bảo và tiếp tục cải thiện đời sống người lao động, trong đó coi tăng năng suất lao động là một biện pháp cơ bản...

(Nguồn: Kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2008-2015, dự kiến đến năm 2015)

Quy mô đào tạo của EVN:

- 1 trường đại học, 3 trường cao đẳng.
- Số lượng chuyên ngành đào tạo: 12 hệ đại học, 15 cao đẳng/cao đẳng nghề, 10 trung học/trung học nghề.
- Quy mô tuyển sinh: 12.500 người/năm, trong đó, đại học 1.000 người, cao đẳng/cao đẳng nghề 5.000 người, trung học chuyên nghiệp/trung học nghề 3.000 người, bồi dưỡng ngắn hạn, nâng bậc 3.500 người.

Từ năm 2001 đến nay, EVN đã tuyển chọn và gửi đi đào tạo đại học và sau đại học ở nước ngoài cho hơn 250 người, trong đó có khoảng 50 kỹ sư tài năng là con em CBCNV tốt nghiệp THPT xuất sắc hoặc đạt giải cao trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế.

- Đến năm 2010: Dự kiến đào tạo được 15-20 tiến sĩ, 150-200 thạc sĩ, 50-70 kỹ sư tài năng; hơn 80.000 lượt CBCNV/năm tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn ...
- Đến 2015: Dự kiến nhân lực EVN là 100.568 người. Trong đó, sau đại học: 1,5 - 2,5%; đại học: 30 - 35%, cao đẳng và trung học: 22 - 24%; công nhân kỹ thuật: 35 - 37%; lao động khác: 2 - 3%.
- Kinh phí đào tạo trong 3 năm 2008-2010: Trên 900 tỷ đồng (không bao gồm kinh phí cho các trường).

(Nguồn: Kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2008-2010, dự kiến đến 2015 của EVN)

Trường Đại học Điện lực

VƯƠN TỚI ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ

PGS.TS Đàm Xuân Hiệp

Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực



Từ một trường Trung học kỹ thuật với mục tiêu đào tạo nghề phục vụ ngành Điện, sau 40 năm kể từ khi thành lập, Trường Cao đẳng Điện lực đã sails một bước tiến dài khi vinh dự được nâng cấp thành Trường Đại học Điện lực theo Quyết định số 111/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006, với quy mô chuẩn quốc gia, đào tạo cán bộ, kỹ sư không chỉ cho ngành Điện mà cho các ngành kinh tế - kỹ thuật cả nước. Tiếp nối những thế hệ đi trước, cán bộ, giáo viên Đại học Điện lực hôm nay hứa hẹn sẽ tạo ra nhiều bước đột phá trong công tác đào tạo phục vụ công cuộc CNH - HĐH đất nước.

Cách đây hơn 100 năm (năm 1898), người Pháp đã thành lập Trường Kỹ nghệ thực hành Hà Nội. Qua nhiều lần chia tách, cho đến năm 1966, Trường Trung học Kỹ thuật điện (sau này là trường Trung học Điện I) đã được thành lập, địa điểm đặt tại xã Bắc Sơn, huyện Đa Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là giai đoạn lịch sử quan trọng làm tiền đề cho sự ra đời của Trường Đại học Điện lực sau này. Mặc dù khởi sự trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, song từ khi còn là trường Trung học Điện 1 cho đến khi nâng cấp thành trường Cao đẳng Điện lực (ngày 26/10/2001) và ngày nay là Đại học Điện lực, Nhà trường luôn đặt chất lượng đào tạo lên hàng đầu. Từng lớp học viên ra trường đã tích cực tham gia vào sự phát triển của ngành Điện, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhiều người đã trở thành những cán bộ lãnh đạo, nắm giữ những cương vị chủ chốt tại các tỉnh, các ngành kinh tế trọng yếu.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG HỘI NHẬP

Trường Đại học Điện lực hiện có 2 cơ sở, với tổng diện tích sử dụng trên 10 ha, bao gồm các phòng học, khu KTX, xưởng thực hành, nhà thí nghiệm, bãi thực tập ngoài trời...

Trong những năm gần đây, với sự quan tâm, đầu tư của EVN, Trường Đại học Điện lực đã từng bước trang bị cơ sở vật chất, hệ thống thiết bị hiện đại, đứng hàng đầu trong số các trường đào tạo về lĩnh vực kỹ thuật điện trên cả nước. Trường có 29 phòng thí nghiệm và thực hành được xây dựng từ vốn vay của WB (trị giá 3,1 triệu USD). Nhiều thiết bị chuyên dụng đã được trang bị từ dự án JICA (trị giá 2,5 triệu USD) phục vụ cho đào tạo 5 chuyên ngành gồm nhiệt điện, thủy điện, máy biến áp, đường dây truyền tải và phân phối. Trường cũng đã xây dựng trung tâm thực hành về điện với cấp

điện áp từ 0,4 - 500 kV, đồng thời triển khai dự án thư viện điện tử của ngành...

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả đào tạo, Nhà trường đã đẩy mạnh triển khai áp dụng công nghệ mới và đề xuất một số giải pháp tổng thể trong công tác quản lý, dạy và học. Xác định người thầy có vai trò quan trọng và quyết định việc hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, Trường rất chú trọng việc xây dựng, củng cố và phát triển đội ngũ giảng viên, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên trẻ, giúp họ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đồng thời tạo điều kiện cho các giáo viên trẻ theo học các lớp cao học, các lớp nghiệp vụ sư phạm và đi đào tạo ở nước ngoài.

Ngoài ra, Nhà trường còn khuyến khích các khoa mời các giảng viên, chuyên gia trong ngành có nhiều kinh nghiệm tham gia giảng dạy, mời các giáo viên nước ngoài cùng đội ngũ giáo viên nhà trường mở rộng giao lưu, học hỏi lẫn nhau. Bên cạnh đó, Trường cũng có những cơ chế khuyến khích giáo viên tham gia xây dựng giáo trình và nghiên cứu khoa học. Chính vì vậy, tỷ lệ giáo trình do Nhà trường tự biên soạn tương đối cao. Nội dung giáo trình đều gắn với yêu cầu thực tế sản xuất, kinh doanh của ngành Điện và liên tục được đổi mới. Công tác nghiên cứu khoa học của Trường cũng đã có những bước phát triển vượt bậc. Hầu hết các hoạt động nghiên cứu khoa học đều tập trung vào việc giải quyết các vấn đề cấp bách của ngành Điện. Từ năm 2007 đến nay, Trường đã hoàn thành 15 đề tài cấp Bộ và cấp Tập đoàn, 40 đề tài cấp Trường. Kết quả các đề tài nghiên cứu được đánh giá cao, áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh của ngành cũng như ứng dụng trong quản lý và giảng dạy ở trường.

Với mục tiêu đào tạo theo hướng ứng dụng, đa cấp, đa lĩnh vực, đặc biệt đào tạo các ngành nghề phục vụ ngành Điện và các ngành kinh tế - kỹ thuật trên cả nước, Nhà trường không ngừng mở rộng giao lưu, hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế. Đặc biệt, Nhà trường đã liên kết đào tạo với Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Học viện Kỹ thuật Quân sự và một số Viện nghiên cứu đầu ngành... Gần đây, khoa Công nghệ cơ khí của Trường đã hợp tác với Viện Nghiên cứu Cơ khí, đưa vào hoạt động Phòng thí nghiệm liên kết số 1, nhằm giúp sinh viên, học viên chuyên ngành cơ khí năng lượng, cơ điện tử có thể tiếp cận và được thực hành trên các loại máy móc và trang thiết bị hiện đại.

Để mở rộng hợp tác quốc tế, Trường đã liên kết với Đại học Bách khoa Grenoble (Pháp). Hàng năm, Đại học Grenoble giúp Trường đào tạo từ 2 - 5 tiến sỹ, ngược lại, Trường nhận sinh viên của phía bạn sang thực tập. Trường cũng hợp tác với Trường Đại học Năng lượng Matxcova (MPEI) của Nga; ký thỏa thuận hợp tác với Viện Giáo dục đa văn hoá (AMES) của Úc về việc liên kết đào tạo theo chương trình của Úc; hợp tác với Học viện Chisholm (Úc) trong việc đào tạo trình độ cao đẳng. Sinh viên sau khi tốt nghiệp các chương trình này có thể tiếp tục học liên thông tại các trường đại học của Úc. Ngoài ra, Trường còn đẩy mạnh mở rộng hợp tác với các đối tác trong khu vực ASEAN... Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước, Trường còn mở những khoá đào tạo bồi dưỡng cán bộ, sinh viên cho các nước Lào, Campuchia.

Song song với việc học tập, nghiên cứu khoa học, vào các dịp hè, Đội sinh viên tình nguyện của Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động xã hội tại các tỉnh, giúp đỡ học sinh ôn tập hè, tham gia cải tạo lưới điện cho thôn, xã, trạm y tế... Những năm gần đây, cuộc thi "Sáng tạo Robocon" cũng đã thu hút sự tham gia của nhiều sinh viên trong Trường theo cách "học mà chơi, chơi mà học".

KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU

Hiện nay, sinh viên của Trường Đại học Điện lực sau khi tốt nghiệp đã được các đơn vị trong ngành đánh giá tốt, tiếp cận nhanh thực tế sản xuất, kinh doanh. Đó là thành quả của cả thầy và trò, là động lực để Trường tiếp tục phát huy hơn nữa những gì đã đạt được. Trong thời gian tới, Trường sẽ mở rộng công tác đào tạo, đồng thời tiếp tục nghiên cứu thị trường lao động để xây dựng thêm các chương trình cho các ngành đào tạo mới, phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, phù hợp với nhu cầu phát triển của ngành Điện nói riêng và nền kinh tế nói chung. Nhà trường đang triển khai xây dựng và hoàn thiện những chương trình phù hợp, tránh tình trạng học chay và tạo ra sự chủ động cho các em trong học tập. Ngoài ra, việc Trung tâm Đào tạo nâng cao được thành lập dựa trên cơ sở vật chất và nhân lực từ dự án JICA - EVN về đào tạo giáo viên/hướng dẫn viên ngành Điện đã và đang đóng vai trò cầu nối, phát huy tiềm năng chất xám của các khoa chuyên ngành trong Trường Đại học Điện lực thông qua hợp tác, liên kết với các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong Tập đoàn. Đây là một đòi hỏi cấp thiết đối với một trường đại

học phát triển theo hướng ứng dụng cao như Đại học Điện lực.

Phát huy truyền thống hơn 40 năm xây dựng, phát triển, dù phía trước còn nhiều thách thức, song thầy và trò Trường Đại học Điện lực đang nỗ lực không ngừng để khẳng định thương hiệu, vững bước trong hội nhập, phấn đấu trở thành một trường đại học đẳng cấp khu vực và thế giới. ■



Giờ thực hành

Trường Đại học Điện lực

* Tên giao dịch quốc tế: Electric Power University - EPU

* Địa chỉ:

- Cơ sở 1: 235 Hoàng Quốc Việt - Hà Nội.
- Cơ sở 2: Xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội.

* Điện thoại: 04.38343839/ 04. 37544054 * Fax: 04. 38362065

* Website: www.epu.edu.vn * Email: thongtin@epu.edu.vn

Những danh hiệu tiêu biểu:

- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất (2006);
- 02 Huân chương Lao động hạng Nhì (1985, 2001);
- 01 Huân chương Lao động hạng Ba (1976);
- 05 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- Nhiều năm liên tục được tặng Cờ Thi đua của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Công Thương;
- 01 Nhà giáo được tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân;
- 4 Nhà giáo ưu tú;
- 4 Nhà giáo được phong học hàm Phó Giáo sư.

Tính đến tháng 9/2009: Trường ĐHDL có 315 cán bộ, giảng viên (201 GV và 114 CBCNV). Trong đó:

- 20 PGS - TS, TS (chiếm gần 10% GV),
- 99 thạc sỹ, 88 nghiên cứu sinh đang học trong và ngoài nước,
- 64 giảng viên trình độ đại học (30 người đang học thạc sỹ).
- Tổng số giảng viên hợp đồng giảng dạy là 30 người (trình độ trên đại học).

Hàng năm, Trường tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn và dài hạn cho khoảng 5.000 - 10.000 lượt cán bộ đến từ các nhà máy, công ty điện lực.

Các Khoa và Trung tâm đào tạo tại Trường:

1. Khoa Khoa học cơ bản
2. Bộ môn Khoa học Chính trị
3. Khoa Hệ thống điện
4. Khoa Quản lý năng lượng
5. Khoa Công nghệ Năng lượng (Nhiệt điện, Thủy điện, Nguyên tử, Nhiệt lạnh)
6. Khoa Công nghệ tự động
7. Khoa Công nghệ thông tin
8. Khoa Điện tử viễn thông
9. Khoa Công nghệ cơ khí (Cơ khí chế tạo, cơ điện tử, ô tô)
10. Khoa Quản trị kinh doanh
11. Xưởng thực hành
12. Khoa Đào tạo tại chức
13. Trung tâm Đào tạo nâng cao (ACT)
14. Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ
15. Trung tâm tư vấn viễn thông
16. Trung tâm Đào tạo quốc tế
17. Trung tâm dịch vụ đời sống

Các chuyên ngành đào tạo:

1. Hệ thống điện
2. Nhiệt điện
3. Thủy điện
4. Quản lý Năng lượng
5. Tự động hóa
6. Tin học
7. Điện tử viễn thông
8. Cơ khí chế tạo
9. Quản trị kinh doanh
10. Kế toán kiểm toán
11. Tài chính ngân hàng

Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung:

“NÔI” ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CHO NGÀNH ĐIỆN MIỀN TRUNG, TÂY NGUYÊN

Ngọc Loan

ngành Điện khu vực miền Trung, Tây Nguyên trong hơn 20 năm qua.

Bên cạnh đào tạo các hệ Đại học liên thông, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề với 20 ngành nghề khác nhau cả kỹ thuật và kinh tế, Nhà trường còn bồi dưỡng nâng bậc thợ, giữ bậc hàng ngàn lượt công nhân cho các công ty điện lực, nhà máy điện, công ty truyền tải điện đóng trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên. Ngoài ra, Nhà trường cũng tạo điều kiện thuận lợi cho con em nông dân ở các tỉnh, thành phố miền Trung và Tây Nguyên theo học các hệ đào tạo của trường để tìm việc làm tại các khu công nghiệp hoặc phục vụ kinh tế hộ gia đình, giải quyết lao động dư thừa ở nông thôn, góp phần thực hiện phân luồng trong giáo dục, đào tạo.

Sơ với các cơ sở đào tạo khác trên địa bàn, Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung đã được đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị khá tốt, làm nền tảng quan trọng cho những bước tiến dài trong quá trình đổi mới phương pháp đào tạo và nâng cao chất lượng giảng dạy. Hiện, Nhà trường có 2 khu giảng đường với 30 phòng học chuẩn, 3 phòng học lớn, 1 hội trường 300 chỗ... đảm bảo yêu cầu cho 3.000 học sinh học lý thuyết 2 ca/ngày. Thư viện 300 m² với trên 10.000 đầu sách chuyên ngành và các loại sách, báo, tạp chí có thể phục vụ 200 sinh viên tại chỗ, 100 cabin máy tính phục vụ tra cứu trên mạng, khu nhà xưởng, nhà thí nghiệm, bãi thực tập lưới điện... đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy. Khu ký túc xá có sức chứa 1.700 học sinh nội trú với các phòng ở có khu vệ sinh khép kín. Nhà ăn sinh viên có 500 chỗ ngồi; sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, bóng đá... phục vụ các sinh hoạt và tập luyện thể thao cho học sinh. Ngoài ra, Trường còn có khối nhà nghỉ khá tiện nghi với 160 giường phục vụ cho cán bộ các đơn vị đến học tập.

Thực hiện phương châm mở rộng quy mô, đa dạng

hóa loại hình đào tạo đi đôi với nâng cao chất lượng đào tạo, Trường luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy - học theo phương châm “dạy cách học, phát huy tính chủ động của người học”; tăng cường đầu tư trang thiết bị, khuyến khích giảng viên vận dụng sáng tạo phương pháp dạy học mới, đưa phương tiện nghe nhìn, mô hình học cụ vào bài giảng. Bên cạnh đó, Trường khai thác các phần mềm tin học ứng dụng trong giảng dạy, cải tiến nội dung và phương pháp đào tạo nhằm trang bị cho người học kỹ năng làm việc, kỹ năng vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên môn và khả năng thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

Song song với đó, Nhà trường cũng thực hiện nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy như: Thường xuyên theo dõi kết quả học tập, rèn luyện của học sinh; khuyến khích giáo viên vận dụng sáng tạo phương pháp dạy học mới, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực như dự giờ, thao giảng, hội thảo, báo cáo chuyên đề, trao đổi các phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa nhận thức của người học. Đồng thời, Trường đã triển khai thực hiện thi trắc nghiệm một số môn học trên mạng máy tính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giảng dạy, xây dựng giáo trình, bài giảng điện tử, tài liệu các chuyên ngành mới. Hiện nay, các ngành nghề đào tạo trong Nhà trường đã được đa dạng hóa, trong đó, các ngành hệ thống điện, điện tử viễn thông, thủy điện là các ngành thu hút học sinh, sinh viên nhiều nhất.

Đáp ứng nhu cầu, từ năm 1992 đến nay, Nhà trường đã ký kết hàng trăm hợp đồng đào tạo với các đơn

vị trong và ngoài ngành, vừa đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập cho cán bộ, giảng viên, đồng thời góp phần nâng cao trình độ cán bộ, công nhân của các đơn vị trong và ngoài ngành. Để tiếp cận với môi trường thực tế sản xuất phù hợp với chương trình đào tạo, Nhà trường còn gửi học sinh thực tập sản xuất ở nhiều đơn vị trong ngành Điện như các Công ty Truyền tải điện, Xí nghiệp điện cao thế, các điện lực, các nhà máy thủy điện trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên.

Không chỉ dạy tốt và học tốt, Nhà trường còn quan tâm đến công tác xã hội và từ thiện. Năm học 2008-2009, Nhà trường tham gia vào công trình cung cấp nước sinh hoạt cho 20 hộ là đồng bào dân tộc thiểu số với 100 nhân khẩu tại thôn Achil, xã Atiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam với tổng số vốn trên 127 triệu đồng. Các phong trào thi đua giữa các đơn vị, các lớp học trong toàn trường, tổ chức hội giảng bình chọn giáo viên dạy giỏi, hoạt động thể dục thể thao, tổ chức liên hoan tiếng hát học sinh, sinh viên toàn trường, hoạt động hiến máu tình nguyện... luôn được duy trì đều đặn. Với sự cố gắng của thầy và trò, học sinh, sinh viên của Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung luôn làm chủ kiến thức, vận dụng sáng tạo kỹ năng chuyên môn và khả năng thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

Với bề dày thành tích 26 năm xây dựng và phát triển, Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung đang vươn lên mạnh mẽ, xứng đáng được tôn vinh là “cái nôi” đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Điện miền Trung, Tây Nguyên nói riêng và đất nước nói chung. ■

Là 1 trong 4 cơ sở đào tạo trực thuộc EVN, Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung đã không ngừng vươn lên, phát huy thế mạnh của mình, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ đắc lực cho sự phát triển ngành Điện ở 13 tỉnh thành phố miền Trung, Tây Nguyên.

Tiền thân là Trường Kỹ thuật điện Hội An (thành lập vào năm 1983), sau đó đổi thành Trường Trung học điện 3 (trực thuộc Công ty Điện lực 3), cho đến năm 2006, lịch sử của Nhà trường đã mở sang một trang mới khi chính thức được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung. Nếu như năm 1996, Nhà trường chỉ đào tạo được hơn 300 học sinh - sinh viên thì đến năm 2009, con số này đã tăng lên gấp 10 lần. Tỷ lệ thuận với số lượng học sinh - sinh viên tăng lên hằng năm, chất lượng đào tạo của Nhà trường cũng đã có những bước tiến vượt bậc, thể hiện bằng chính những đóng góp xứng đáng của các thế hệ học sinh - sinh viên Nhà trường vào sự phát triển mạnh mẽ của

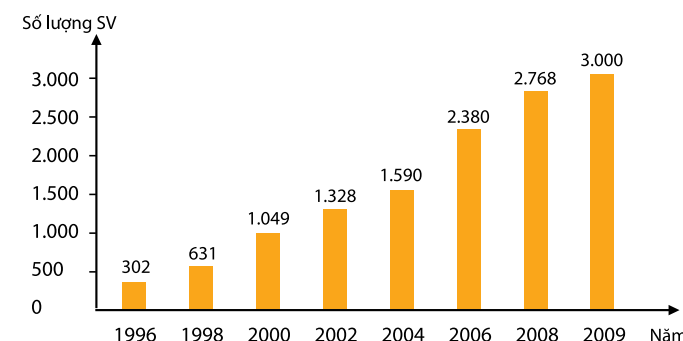
Những thành tích, danh hiệu tiêu biểu:

- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất
- 02 Huân chương Lao động hạng Nhì
- 02 Huân chương Lao động hạng Ba
- 01 Nhà giáo ưu tú

Cơ cấu trình độ giáo viên:

Tổng số	Trong đó phân theo trình độ							
	Tiến sĩ		Thạc sĩ		Đại học		Cao đẳng	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
93	01	1,08	43	46,24	47	50,54	2	2,16

Quy mô đào tạo



VIỆN NĂNG LƯỢNG

Khẳng định THƯƠNG HIỆU



Đại diện các nước ASEAN họp về Dự án số 4 tại Brunây năm 2006

NỖ LỰC KHẲNG ĐỊNH

Trên cơ sở hợp nhất Viện Năng lượng và Điện khí hóa với Viện Nghiên cứu KHKT điện, năm 1989, Viện Năng lượng được thành lập. Với bộ máy tổ chức cồng kềnh (gần 400 CBCNV), thêm vào đó là bối cảnh đất nước đang trong giai đoạn khởi đầu chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, nên Viện phải đối mặt với rất nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, Viện đã xác định: Tập trung đầu tư phát triển, hoàn thiện cơ cấu tổ chức cán bộ, đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ và sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực. Trên cơ sở hướng đi chiến lược này, đến nay, với chỉ gần 200 CBCNV, nhưng Viện Năng lượng đã đảm nhiệm và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ mà Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bộ Công Thương giao phó. Đó là: Lập các quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (TSD), nghiên cứu giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ có tầm chiến lược quan trọng, góp phần tăng tốc và phát triển ngành Năng lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế đất nước.

Đến nay, Viện Năng lượng đã xây dựng 6 TSD phát triển điện lực quốc gia. Nếu như các TSD I, II và III do chuyên gia Liên Xô (cũ) giúp Việt Nam thực hiện, thì từ TSD IV trở đi, với sự nỗ lực học hỏi, nghiên cứu của đội ngũ CB, kỹ sư, Viện đã tự đảm nhiệm trọng

Tùng Phương

Với định hướng nỗ lực vượt qua mọi thách thức, khó khăn, tận dụng tối đa cơ hội thuận lợi để phát triển, kể từ khi thành lập đến nay, Viện Năng lượng đã và đang tiếp tục khẳng định thế mạnh là viện nghiên cứu đầu ngành về quy hoạch chiến lược phát triển điện lực, nơi tập trung những nguồn lực mạnh trong nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề công nghệ ứng dụng cho ngành Điện – ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

trách này. Đặc biệt với Quy hoạch điện VI, Viện Năng lượng đã hoàn thành dự thảo cuối cùng trình Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) trong thời gian kỷ lục là 13 tháng (rút ngắn từ 1 – 1,5 năm). Hiện nay, Viện đang khẩn trương triển khai lập Báo cáo Quy hoạch điện 7 (giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030) để trình Bộ Công Thương vào giữa quý III/2010.

Cùng với những thành tích trong công tác lập quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, Viện đã hoàn thành Báo cáo đầu tư Nhà máy Điện hạt nhân đầu tiên ở Việt Nam; báo cáo chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho các Nhà máy Điện hạt nhân đầu tiên ở Việt Nam; lập Quy hoạch địa điểm cho 11 tổ máy, Quy hoạch chi tiết cho 2 địa điểm Ninh Thuận 1 và 2 và Quy hoạch phát triển điện hạt nhân.

Bên cạnh đó, Viện cũng tham gia 79 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và 36 đề tài cấp Tập đoàn. Đồng thời, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, các Viện nghiên cứu, các Công ty tư vấn nước ngoài gồm: WB, ADB, EU, UNDP, ACE, AIT, JICA, ESBI, J-POWER, BP, CRIEPI, JAPC, JAIF, IEEJ... để thực hiện các dự án như: Năng lượng và môi trường; tổng quan ngành năng lượng Việt Nam; chiến lược và chính sách quản lý nhu cầu phụ tải; quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam; Tổng quan điện khí hoá nông thôn Việt Nam; công



Cơ sở thí nghiệm mô hình thủy lực ở Viện Năng lượng
Ảnh: Anh Tú

nghệ than sạch; các vấn đề về năng lượng nông thôn, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và phát triển hạt nhân.

Đồng thời, Viện đã cử hàng trăm lượt cán bộ tham gia hội thảo, đào tạo tại nước ngoài, tổ chức đào tạo cho chuyên gia Thái Lan, Ấn Độ, Băng lađét, Nepal... về công nghệ đóng bánh sinh khối, chuyển giao công nghệ khí sinh học cho chuyên gia Cu Ba... Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế thông qua các dự án về năng lượng với sự hỗ trợ của nhiều nước trên thế giới đã góp phần tạo nền tảng vững chắc về an ninh năng lượng, đảm bảo phát triển bền vững kinh tế đất nước.

TỰ CHỦ TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG...

Ngoài thực hiện chức năng chủ yếu là nghiên cứu chiến lược, chính sách, nghiên cứu khoa học và công nghệ; để tăng nguồn kinh phí hoạt động cho Viện, nâng cao mức sống, ổn định lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật (KHKT), Viện đã nỗ lực thực hiện công tác tư vấn xây dựng năng lượng/điện lực, kết hợp với các Sở Công Thương trong cả nước lập quy hoạch phát triển điện lực địa phương, làm việc với các đối tác, nghiên cứu các dự án phát triển điện.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ của Viện đã từng bước được nâng cao trình độ, bước đầu được thử thách và đã thích ứng được trong cơ chế thị trường. Để tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ, Viện ưu tiên tuyển chọn các kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ trẻ với kết quả tốt nghiệp loại ưu, có nguyện vọng làm việc lâu dài trong ngành năng lượng/điện lực, đồng thời thường xuyên gửi cán bộ đi đào tạo ngắn hạn, cử đi học tu nghiệp dài hạn trong và ngoài nước. Để không bị "chảy máu" chất xám trong nền kinh tế thị trường, Viện chú trọng duy trì công việc ổn định để nâng cao thu nhập với cán bộ nói chung, có chính sách đãi ngộ các chuyên gia có nhiều đóng góp, động

Viện Năng Lượng

- Thành lập ngày 01-01-1989, trên cơ sở hợp nhất Viện Năng lượng và Điện khí hoá và Viện Nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật điện (Theo Quyết định số 1379 NL/TCCB – LĐ ngày 05/12/1988 của Bộ trưởng Bộ Năng Lượng, nay là Bộ Công Thương).
- Quyết định số 111/NL-TCCB-LĐ ngày 4/3/1995 của Bộ trưởng Bộ Năng Lượng chuyển Viện Năng lượng trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).
- Tháng 7 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ đã có kết luận chuyển Viện Năng lượng từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam về trực thuộc Bộ Công Thương.

Thành tích tiêu biểu:

- 01 Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1986)
- 01 Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1999)
- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2005)

Viện Năng lượng hiện là một trong những cổ đông sáng lập Công ty CP Năng lượng tái tạo Việt Nam – một bước đổi mới trong hoạt động đầu tư của Viện. Căn cứ chiến lược Năng lượng quốc gia với mục tiêu nâng cao dần tỷ trọng năng lượng tái tạo trong cơ cấu nguồn năng lượng, thì việc tham gia đầu tư vào lĩnh vực này của Viện là một hướng đi năng động và đúng đắn.

viên tinh thần và vật chất bằng nhiều hình thức.

Có thể nói, trong bối cảnh việc đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm và mua sắm thiết bị còn ở mức độ khiêm tốn, chưa đảm bảo tối ưu phục vụ cho công tác nghiên cứu, thì chất lượng nguồn nhân lực vẫn đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện các nhiệm vụ cũng như đảm bảo và khẳng định “thương hiệu” của Viện.

VÀ VƯƠN TẦM QUỐC TẾ

Sau 14 năm là đơn vị thành viên của EVN, vừa qua tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về Đề án tái cơ cấu ngành Điện cho phát triển thị trường điện Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã có kết luận chuyển Viện Năng lượng về trực thuộc Bộ Công Thương. Đây sẽ là điều kiện thuận lợi cho quá trình Viện nghiên cứu, thực hiện các đề án chiến lược, chính sách. Đồng thời, Viện cũng có thêm cơ hội tham gia các đề án, đề tài Nhà nước thuộc các chương trình nghiên cứu KHCN ngành năng lượng và điện lực, tăng cường hợp tác với các đối tác ngoài ngành Điện, mở rộng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, thời gian tới, Viện cũng sẽ gặp những khó khăn nhất định khi không còn nhận được nhiều sự hỗ trợ của EVN trong một số lĩnh vực như: Đào tạo nguồn nhân lực, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị, trong việc thực hiện các đề tài, đề án điện lực...

Trước bối cảnh đó, Viện chủ trương tiếp tục tổ chức hoạt động theo mô hình: Tổ chức khoa học và công nghệ tự chủ, tự trang trải kinh phí; không ngừng

nâng cao nội lực của một trong những Viện khoa học đầu ngành về lĩnh vực nghiên cứu - phát triển dịch vụ và tư vấn khoa học công nghệ năng lượng/điện lực chất lượng cao. Tiếp tục tạo dựng thương hiệu Viện Năng lượng có uy tín, quan hệ quốc tế rộng mở đa phương, đa dạng, chủ động hội nhập và đủ sức cạnh tranh. Phát huy tiềm năng, thế mạnh, mở rộng lĩnh vực hoạt động để đáp ứng yêu cầu của Bộ và Nhà nước; thiết lập quản trị khoa học, tập trung phát triển nguồn nhân lực trình độ cao; phát triển tiềm lực khoa học công nghệ; mở rộng nghiên cứu trong các lĩnh vực ứng dụng KHCN tiên tiến trong ngành năng lượng/điện lực, đặc biệt là ứng dụng công nghệ năng lượng sạch...

Ông Phạm Khánh Toàn – Viện trưởng Viện Năng lượng cho biết: “Trong thời gian tới, ngoài hoàn thành tốt nhiệm vụ Bộ Công Thương và Nhà nước giao, Viện sẽ tiếp tục phát huy kinh nghiệm và năng lực được tích lũy nhiều năm để đóng góp vào tiến trình phát triển của ngành Điện, mà Tập đoàn Điện lực Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng. Đồng thời với hơn 14 năm là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tập đoàn, Viện mong muốn được giữ vị trí là một trong các đơn vị nghiên cứu quy hoạch chiến lược của Tập đoàn, được tiếp tục thực hiện các đề án nghiên cứu triển khai, áp dụng KHCN ngành Điện, tư vấn các dự án điện,... Viện cũng sẽ vẫn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thuộc EVN, đồng thời duy trì và tăng cường hơn các hợp tác nghiên cứu chiến lược, quy hoạch phát triển hệ thống điện, ứng dụng KHCN trong ngành Điện...”

Trung tâm Công nghệ Thông tin

DẤU ẤN EVNIT

Nguyễn Giang

Không chỉ đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về công tác xây dựng, quản lý và thực hiện các hoạt động công nghệ thông tin của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, cái tên EVNIT còn ghi được dấu ấn rõ nét trên “bản đồ” những thương hiệu CNTT mạnh của Việt Nam.



Lễ ra mắt trang Thông tin điện tử ngành Điện (Web ICON – www.icon.com.vn) tháng 5/2006

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Tham mưu nghiên cứu chiến lược, chính sách phát triển năng lượng, điện lực quốc gia.
- Nghiên cứu KH&CN phát triển năng lượng, điện lực.
- Tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế, lập hồ sơ thầu, giám sát thi công các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, nhà máy điện hạt nhân, các công trình đường dây và TBA đến cấp điện áp 500 kV, các công trình năng lượng mới và tái tạo...
- Hợp tác khoa học kỹ thuật với các tổ chức trong và ngoài nước; thực hiện các chương trình NCKH quốc gia, khu vực và các vấn đề chuyên ngành.

Một số đề tài tiêu biểu:

- Đề tài: “Nghiên cứu sét và các biện pháp phòng chống sét cho các công trình điện” (Hội đồng khoa học Nhà nước tặng Bằng khen và công nhận loại xuất sắc).
- Đề tài: “Xác định căn cứ khoa học, kinh tế, pháp lý cho việc liên kết, trao đổi và xuất nhập khẩu năng lượng với các nước trong khu vực”.
- Tham gia các đề tài: “Quy hoạch tổng thể phát triển năng lượng dài hạn đến năm 2020”; “Đổi mới hiện đại hóa công nghệ thiết bị năng lượng”; “Xây dựng chiến lược và chính sách phát triển năng lượng bền vững”.
- Đề tài ứng dụng: “Nghiên cứu, thiết kế ứng dụng vôi phun đốt than bột dạng UD cho lò hơi Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình” (giải Nhất giải thưởng sáng tạo KHCNVN (Vifotec) năm 2003).

Năm 1981, Trung tâm Máy tính (tiền thân của Trung tâm Công nghệ Thông tin – EVNIT) trực thuộc Công ty Điện lực 1 được thành lập. Trên cơ sở tổ chức này, khi Tổng công ty Điện lực Việt Nam (EVN) ra đời năm 1995, Trung tâm Khoa học Công nghệ Môi trường và Máy tính trực thuộc EVN cũng được thành lập. Đến năm 2002, sau khi phân tách lĩnh vực hoạt động về môi trường, EVNIT được tổ chức lại, là đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc EVN, có chức năng là đầu mối tổ chức, chủ trì và thực hiện các hoạt động công nghệ thông tin trong các đơn vị thành viên của EVN theo định hướng và chỉ đạo thống nhất. Từ dấu mốc quan trọng này, EVNIT đã vươn lên với thế và lực mới, không chỉ đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của Tập đoàn ĐLVN, mà còn xây dựng được tên tuổi trong “làng” những thương hiệu CNTT mạnh của Việt Nam.

THẾ MẠNH CHẤT XÁM

Xác định trong lĩnh vực CNTT, con người là nguồn lực sản xuất quan trọng nhất, ngay từ khi mới thành lập, Trung tâm đã đặc biệt chú trọng đến công tác tuyển dụng, thu hút nhân tài, đồng thời không ngừng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCVN, cử cán bộ tham gia đào tạo thạc sĩ trong và ngoài nước. Riêng trong năm 2008, Trung tâm đã tổ chức được 17 khóa đào tạo về các nội dung như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp bán hàng, bồi dưỡng nghiệp vụ đầu thầu, phát triển kỹ năng quản lý và lãnh đạo... Hiện nay, số cán bộ có trình độ sau đại học của Trung tâm là 22/266 người.

Nguồn nhân lực có trình độ cao chính là một ưu thế



Giải thưởng Sao Khuê 2007 với sản phẩm phần mềm viễn thông công cộng (T3S)

đặc biệt quan trọng để một đơn vị có số lượng CBCVN không lớn, nhưng lại có thể phát triển mạnh mẽ trong một thời gian ngắn. Hàng loạt các phần mềm được thiết kế phục vụ cho công tác quản lý kỹ thuật, kế toán tài chính, nhân sự, kinh doanh điện năng và viễn thông... của Trung tâm được ra đời, kịp thời phục vụ EVN và các đơn vị toàn ngành. Ông Nguyễn Minh Khiêm – Phó Giám đốc Trung tâm cho biết: Do ngành Điện có đặc thù là một ngành kinh tế - kỹ thuật lớn và phức tạp, hoạt động rộng khắp trên cả nước, nên việc thiết kế và triển khai các phần mềm phục vụ EVN cùng các đơn vị thực sự đặt ra rất nhiều thách thức đối với EVNIT. Đơn cử như với chương trình phần mềm CMIS (Hệ thống thông tin quản lý khách hàng dùng điện). Khi xây dựng, Trung tâm không chỉ phối hợp chặt chẽ với Ban Kinh doanh của EVN mà các kỹ sư CNTT phải “trực chiến” tại các đơn vị để cùng giải quyết hàng loạt những bài toán phát sinh trong quá trình thực hiện. Quy trình kinh doanh thống nhất trên toàn ngành, nhưng để phù hợp với đặc thù vùng miền, đối tượng khách hàng sử dụng điện,... nên mỗi đơn vị kinh doanh điện năng lại có những cách làm cụ thể khác nhau, để thống nhất cả một hệ thống kinh doanh với quy mô rất lớn, thay đổi thói quen làm việc của hàng ngàn người lao động là không hề đơn giản. Nhưng kết quả mà CMIS gặt hái được (triển khai thành công trên toàn ngành, đạt Cúp vàng ISO năm 2005, đạt giải thưởng Sao Khuê của ngành CNTT năm 2006) đã thêm một lần nữa khẳng định năng lực và

trí tuệ của đội ngũ CBCNV EVNIT. Cùng với CMIS là hàng loạt các phần mềm khác về: Quản lý tài chính, kế toán; Kinh doanh viễn thông; Quản lý mạng truyền dẫn,... mà EVNIT xây dựng đã phát huy hiệu quả rõ nét, góp phần tăng năng suất lao động, đảm bảo sự khoa học, đồng bộ, chính xác và hiệu quả cho công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh trong toàn Tập đoàn.

NĂNG ĐỘNG, CHUYÊN NGHIỆP

Không dừng lại ở đó, Trung tâm còn hướng hoạt động dịch vụ vươn ra đáp ứng nhu cầu của nhiều ngành kinh tế khác. Để có thể đứng vững và phát triển ổn định trên thị trường CNTT cạnh tranh khốc liệt, Trung tâm đã xác định, cung cấp dịch vụ chất lượng là chưa đủ, mà phải hỗ trợ và chăm sóc khách hàng tối ưu để từ đó tạo “cầu nối” cho các khách hàng kế tiếp.

Năm 2004, Trung tâm đã thành lập chi nhánh tại Tp.Hồ Chí Minh để mở rộng phạm vi hoạt động cũng như đảm bảo tốt hơn cho việc chăm sóc khách hàng trên phạm vi toàn quốc.

Cùng với việc đẩy mạnh nghiên cứu phát triển dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường công tác quản lý..., Trung tâm đã tiến hành tổ chức lại bộ máy quản lý sản xuất, thành lập nhóm chuyên phục vụ công tác chăm sóc khách hàng gồm: Bộ phận hỗ trợ qua điện thoại và hỗ trợ trực tiếp. Các bộ phận này sẽ tiếp nhận mọi ý kiến phản hồi của các đơn vị, hỗ trợ các đơn vị trong vận hành, khai

thác phần mềm. Ngoài ra, với mỗi dự án, Trung tâm còn chủ động cử cán bộ có kinh nghiệm trực tiếp đến các đơn vị để nắm bắt tình hình vận hành thực tế và giải quyết kịp thời các vướng mắc. Trung tâm còn thực hiện công tác hiệu chỉnh phần mềm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như không ngừng cập nhật, bổ sung hoàn thiện phần mềm khi Nhà nước có những thay đổi về cơ chế chính sách, đáp ứng những yêu cầu mới trong công tác quản lý tại các đơn vị.

Ngày 18/5/2009, Trung tâm Công nghệ Thông tin chính thức chuyển đổi từ trực thuộc EVN thành đơn vị trực thuộc Công ty Thông tin Viễn thông Điện lực (đơn vị hạch toán độc lập của EVN). Sự thay đổi này mang lại lợi thế cho Trung tâm khi tham gia đấu thầu các dự án công nghệ thông tin – viễn thông trong và ngoài ngành Điện, đồng thời, tạo cho Trung tâm có điều kiện thuận lợi

trong việc cung cấp các dịch vụ đa dạng, hướng tới dịch vụ tổng thể trọn gói cho khách hàng (từ tư vấn thiết kế đến xây lắp, cung ứng thiết bị viễn thông và ứng dụng công nghệ thông tin...).

Để nắm bắt được những thuận lợi và cơ hội từ việc chuyển đổi, Trung tâm đã thực hiện các bước điều chỉnh hoạt động theo mô hình tổ chức mới. Ông Nguyễn Minh Khiêm cho biết: Trong thời gian tới, Trung tâm sẽ tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh chiến lược phát triển công nghệ thông tin phục vụ hoạt động SXKD và vận hành ổn định hệ thống hạ tầng CNTT, phần mềm ứng dụng trong ngành. Ngoài ra, Trung tâm sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động ra ngoài ngành Điện. Chủ trương cải thiện, nâng cao điều kiện làm việc của cán bộ nhân viên, xây dựng đội ngũ CBCNV năng lực chuyên môn cao, tác phong chuyên nghiệp vẫn được đặt lên hàng đầu trong thời gian tới. ■

Một số phần mềm quan trọng mang lại hiệu quả lớn trong công tác quản lý, sản xuất, kinh doanh của toàn ngành Điện:

- Hệ thống Tài chính kế toán, quản lý vật tư, quản lý tài sản cố định ;
- Hệ thống Quản lý khách hàng dùng điện;
- Hệ thống Báo cáo số liệu sản xuất của các nhà máy điện, các công ty truyền tải điện và các công ty phân phối. (Số liệu được truyền trên mạng máy tính về Tập đoàn Điện lực Việt Nam để tổng hợp đánh giá);
- Các hệ thống Báo cáo sự cố lưới điện cho các công ty truyền tải và phân phối;
- Các hệ thống Phục vụ trong công tác kế hoạch, lao động tiền lương, quản lý cán bộ, quản lý xây dựng cơ bản, quản lý quy hoạch và cân đối vốn các công trình điện;
- Các hệ thống Tính cước viễn thông, quản lý vận hành viễn thông;
- Chương trình phần mềm thanh toán cước viễn thông và tiền điện qua ngân hàng, mua sắm bộ công cụ hỗ trợ xây dựng quy trình phát triển phần mềm-Rational Rose...;
- Cung cấp các dịch vụ CNTT cho các đơn vị kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng, kinh doanh, các dịch vụ giá trị gia tăng trên điện thoại di động và trên Internet.

Thành tựu tiêu biểu của sản phẩm

- Cúp vàng ISO 2005 với sản phẩm CMIS, FMIS;
- Giải thưởng Sao Khuê 2006 với sản phẩm Hệ phần mềm quản lý khách hàng dùng điện (CMIS);
- Giải thưởng Sao Khuê 2007 với sản phẩm Phần mềm viễn thông công cộng (T3S);
- Giải thưởng Sao Khuê 2008 với sản phẩm Phần mềm thị trường điện.

Cơ cấu nhân lực năm 2009

TT	Trình độ	Số người
1	Trên đại học	22
2	Đại học	211
3	Cao đẳng	16
4	Công nhân kỹ thuật và các nhóm khác	17
	Tổng cộng:	266

ĐỐI TÁC

- Đối tác của EVNIT là các đơn vị tin học của các tổng công ty điện trên thế giới.
- EVNIT là đối tác chiến lược của IBM, Microsoft, HP, SUN, CISSCO tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

CẦU NỐI HỢP TÁC, TRAO ĐỔI ĐIỆN NĂNG

Thạch Lam

đầu tư nguồn điện tại Lào và Campuchia. Đến nay, EVNI đã hoàn thành công tác lập dự án đầu tư các công trình tại Campuchia như: Thủy điện Hạ Sê San 2 (420 MW), Hạ Sê San 1/Sê San 5 (90 MW), đường dây 220 kV đấu nối lưới điện đồng bộ. Đồng thời, triển khai các thủ tục để lập dự án đầu tư các công trình trên sông Nậm Ét và Nậm Công 2 tại Lào...

Có thể nói, 2008 là năm bản lề đánh dấu sự ổn định và phát triển của Công ty cả về số lượng cán bộ, nhân viên, số lượng dự án cũng như phạm vi hoạt động. Vượt qua những thách thức của khủng hoảng kinh tế thế giới và tình hình suy giảm kinh tế trong nước, Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch đề ra. Cùng với những hoạt động chuyên môn, EVNI cũng được ghi nhận như là một đơn vị có các hoạt động đoàn thể vững mạnh.

Theo kế hoạch đề ra, trong năm 2009 và các năm tiếp theo, EVNI sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng đầu tư phát triển nguồn năng lượng sang các nước trong khu vực. Những dự án này sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của các nước có dự án đầu tư, đồng thời, thông qua lưới điện liên kết sẽ xuất khẩu một lượng điện năng về Việt Nam, nhằm giải quyết một phần tình trạng thiếu điện trong những năm tới, đảm bảo cho hệ thống điện trong nước vận hành được an toàn và tin cậy hơn. Để hoàn thành mục tiêu này, có không ít những thách thức trước mắt đặt ra cho EVNI. Cụ thể: EVNI là một doanh nghiệp mới thành lập, đang ở giai đoạn hình thành và phát triển, nên không tránh khỏi những khó khăn khi triển khai các dự án ở nước ngoài do vấp phải những rào cản cả hữu hình và vô hình từ quy định, tập quán, văn hóa... của nước sở tại. Đội ngũ CBCNV còn thiếu và đa phần tuổi đời cũng như tuổi nghề còn rất trẻ, ít kinh nghiệm, nên cần thời gian học hỏi, tiếp cận để có thể đảm đương các nhiệm vụ lớn của Công ty...

Để đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia, thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 (Quy hoạch điện VI) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đối tác đã xúc tiến hợp tác đầu tư, khai thác các dự án thủy điện tại các quốc gia khác trong khu vực. Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (tiền thân là Công ty cổ phần EVN Campuchia) chính là một trong những đầu mối tìm kiếm, khai thác và đầu tư các dự án nguồn điện tại Vương quốc Campuchia và CHDCND Lào.

Chính thức đi vào hoạt động ngày 01/10/2007, trong 2 năm qua, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) đã không ngừng nỗ lực hợp tác với các đơn vị tư vấn thiết kế, đàm phán với các đối tác nước ngoài, cũng như tập trung huy động nguồn vốn, củng cố nguồn nhân lực nhằm đẩy nhanh các dự án

Để khắc phục những khó khăn này, EVNI tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp: Không ngừng nâng cao hiệu quả công tác điều hành quản lý của các cấp lãnh đạo Công ty; hoàn thành việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Đồng thời, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao ý thức trách nhiệm, gắn lợi ích của từng CBCNV với lợi ích, sự phát triển chung của toàn Công ty; tăng cường hơn nữa các mối quan hệ sẵn có, đẩy mạnh việc thiết lập các mối quan hệ mới với các đối tác kinh doanh của Công ty; tích cực đẩy mạnh việc xây dựng nề nếp, văn hóa nơi công sở, môi trường làm việc chuyên nghiệp. Bên

cạnh đó, Công ty cũng tranh thủ mọi sự ủng hộ từ phía các Bộ, ngành trong nước cũng như chính quyền và nhân dân các nước có dự án mà Công ty đang triển khai.

Với việc tham gia đầu tư các dự án điện tại Lào và Campuchia, EVNI sẽ góp phần thúc đẩy việc triển khai sớm các dự án hợp tác đã được Chính phủ Việt Nam thỏa thuận với Chính phủ Lào và Campuchia, là yếu tố thuận lợi thúc đẩy chương trình hợp tác đầu tư, trao đổi năng lượng điện của 3 nước. Thông qua các dự án đầu tư, các chuyên gia Việt Nam sẽ hỗ trợ nước bạn trong vận hành nhà máy điện, quản lý hệ thống điện quốc gia. ■

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Vốn điều lệ: 2.400 tỷ đồng

Thành lập: Năm 2007

Các cổ đông sáng lập: EVN, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Tổng công ty Viễn thông Quân đội, Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình, Công ty cổ phần Đầu tư Bắc Hà,...

Công ty đã và đang triển khai nghiên cứu, thực hiện đầu tư các dự án:

1. Đầu tư tại Lào:

- Khu vực Bắc Lào:

Các dự án Nậm Ét 1, 2, 3 (140 + 170 + 110) MW, nằm trên địa bàn huyện Mường Ét, tỉnh Hủa Phăn. Các dự án sau khi hoàn thành sẽ cung cấp cho các phụ tải của địa phương khoảng 20%, phần còn lại sẽ bán điện về Việt Nam.

- Khu vực Trung Lào:

Dự án Nậm Mô 1 - 62MW, nằm trên địa bàn tỉnh Xiêng Khoảng.

Dự án Nậm Theun 1 - 523MW, nằm trên địa bàn tỉnh Bolikhamxay.

Hai dự án sau khi hoàn thành sẽ bán điện chủ yếu về Việt Nam.

- Khu vực Nam Lào:

Dự án Nậm Kông 2 - 70MW, nằm trên địa bàn tỉnh Aitapu, bán điện chủ yếu về Việt Nam.

2. Đầu tư tại Campuchia:

- Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 - 400MW, nằm trên địa bàn huyện Sê San, tỉnh Stung Treng.
- Dự án Thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 - 90MW, nằm trên địa bàn các huyện Đức Cơ - tỉnh Gia Lai, Sa Thầy - tỉnh Kon Tum, Việt Nam và huyện Ou Ya Dav-Rattanakiri, Campuchia.
- Công ty cũng đã xúc tiến đề nghị Campuchia giao cho EVNI đầu tư một số các dự án khác nằm trên sông Kông và sông nhánh Srêpôk.

Ngoài ra, Công ty dự kiến sẽ phát triển sang thị trường năng lượng Myanmar trong cả lĩnh vực nhiệt điện, thủy điện và nhiệt điện khí.

3. Đầu tư tại Việt Nam:

- Dự án Nhà điều hành sản xuất kết hợp kinh doanh: Nằm ở quận Cẩm Lệ - thành phố Đà Nẵng, diện tích 5.137m²; cao 27 tầng.
- Mở rộng hoạt động sang lĩnh vực: Quản lý vận hành; thí nghiệm điện; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị điện.

Ngăn sông A Lưới (ngày 5/1/2002) Ảnh: Dương Anh Minh

Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung:

TRƯỜNG THÀNH TỪ “ĐỨA CON ĐẦU LÒNG”

Phương Mai

Trong bối cảnh ngành Điện đang nỗ lực đáp ứng mức tăng trưởng vũ bão của phụ tải, Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung (CHP) đã chung vai cùng nhiều đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) giảm bớt phần nào sự thiếu hụt nguồn cung cấp. Quyết tâm đưa Thủy điện A Lưới vào vận hành đúng tiến độ, “đứa con đầu lòng” của CHP đã và đang hứa hẹn sự thành công của mô hình cổ phần xây dựng các công trình điện.

“Cuối năm 2004, các doanh nghiệp ngoài ngành Điện rõ lên chương trình đầu tư các dự án nguồn, tuy nhiên, xét ở tầm công ty lúc đó thì chỉ đủ năng lực đầu tư những dự án nhỏ. Trong khi tiềm năng thủy điện ở miền Trung nhiều, cần có sự chung tay của các đơn vị trong EVN để tạo sức mạnh tổng hợp về tài chính khi đầu tư các dự án nguồn điện lớn, 4 cổ đông là Công ty Điện lực 3 (PC3), Công ty Điện lực 2 (PC2), Công ty Điện lực Hà Nội (HNPC) và Công ty Xây lắp Điện 1 đã tham gia góp vốn thành lập CHP với vốn điều lệ 500 tỷ đồng; trong đó PC3 và PC2 mỗi đơn vị góp 150 tỷ đồng, PCHN: 100 tỷ đồng, và Xây lắp Điện 1: 100 tỷ đồng” - Tổng Giám đốc CHP, ông Trương Công Giới cho biết.

Dự án đầu tay của CHP là đầu tư Thủy điện A Lưới. Nằm ở bậc thang đầu tiên trong quy hoạch thủy điện khu vực sông A Sáp nên CHP hoàn toàn làm chủ được tiến độ. Tuy nhiên, trong quá trình lập dự án đầu tư, Công ty cũng gặp những trở ngại do đây là công trình chuyển nước từ sông A Sáp (thượng

nguồn của sông Sê Kông) đổ về sông Bồ (huyện A Lưới, Thừa Thiên - Huế). Sau khi thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đối với hạ lưu phía nước bạn do CHP và Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 lập, Ủy ban sông Mê Kông Việt Nam đã có văn bản khẳng định dự án chỉ chặn dòng trên sông nhánh cấp 3 nên mức độ ảnh hưởng môi trường là không lớn. Bên cạnh đó, tuyến đập cách biên giới Việt - Lào khoảng 2 km nên dự án phải có thỏa thuận Bộ Quốc phòng.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến 8 bộ, ngành liên quan và tỉnh Thừa Thiên - Huế, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ (TTCP) xin phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Ngày 18/10/2005, TTCP đã có văn bản số 1605/QĐ-TTg thống nhất chủ trương đầu tư và giao cho CHP làm chủ đầu tư dự án.

Dự án Thủy điện A Lưới được Chính phủ đưa vào danh mục các dự án trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006 - 2015 có xét đến 2025. “Vạn sự khởi đầu nan”, sau khi Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, CPH chọn Công ty Tư vấn xây dựng điện 1 làm tư vấn thiết kế dự án. Tư vấn 1 đã đề nghị nâng công suất từ 150 lên 170 MW, với lý do cơ bản là tính toán phân phối dòng chảy giai đoạn thiết kế kỹ thuật phù hợp hơn, giải pháp bố trí và kết cấu công trình hợp lý hơn. Khi tăng công suất lắp máy thêm 20 MW, ngoài giá trị điện lượng tăng thêm còn làm tăng khả năng phủ đỉnh về mùa kiệt và giảm chi phí vận hành của hệ thống. Đặc biệt, mùa lũ của sông A Sáp từ tháng 10 đến tháng 12 lại là mùa khô, lúc hệ thống điện rất căng thẳng.

Tưởng rằng với một công ty cổ phần mới ra đời, việc thu xếp vốn cho dự án sẽ gặp không ít khó khăn, nhưng ngược lại, CHP lại có thuận lợi hơn vì đứng sau là các doanh nghiệp có uy tín trong EVN. Công ty đã chọn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chi nhánh Sài Gòn đứng ra làm đầu mối thu xếp vốn. Song song với đó, CHP xin vay vốn tín dụng Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thừa Thiên - Huế. Trước đó, Công ty Xây lắp Điện 1 xin rút góp vốn, EVN đứng ra góp thay và cử người tham gia HĐQT. Đại hội cổ đông đã thông qua quyết định nâng vốn điều lệ từ 500 tỷ lên 1.200 tỷ đồng, trong đó 700 tỷ đồng được huy động từ CBCNV của các cổ đông sáng lập theo tỷ lệ vốn điều lệ. Cùng với việc tăng vốn điều lệ, CHP đã hoàn thành việc thu xếp vốn xây dựng công trình Thủy điện A Lưới với tổng mức đầu tư trên 3.200 tỷ đồng.

Được hưởng Cơ chế đặc biệt 797 và 400/CP-CN của Chính phủ, Công ty đã triển khai trước một số hạng mục. Mặc dù vậy, trong quá trình thi công, công trình cũng gặp vô vàn khó khăn. Các nhà thầu khi triển khai thi công hạng mục phần hồ trong điều kiện thời tiết rất khắc nghiệt, do dự án nằm trong vùng có lượng mưa bình quân trên 3.300 mm/năm (thậm chí có những năm mưa trên 250 ngày). Không những thế, tuyến đường hầm quá dài (trên 13 km), địa chất phần cửa nhận nước có nhiều đứt gãy làm cho đất đá bị phong hoá, biến dạng mạch. Vì vậy, năng suất đào hầm qua địa chất này không thể cao, chỉ đạt 30 md/tháng.

Đặc biệt, nguồn cung cấp vật liệu xây dựng tại vùng A Lưới rất khan hiếm. Tuy là vùng núi, đá nhiều, nhưng đá học để xây, đá rầm để đổ bê tông lại có rất ít nhà sản xuất cung cấp. Mỏ đá ở đây hầu hết cho sản lượng thấp. Chưa kể nguồn nhân lực tại chỗ cũng không nhiều, nhà thầu phải đưa từ nơi khác đến. Lương thực thực phẩm đều mua từ Huế lên. Bên cạnh đó, đường giao thông từ Huế vào đều đi qua khoảng 30 km đèo dốc liên tục, nên việc vận chuyển vật tư thi công, lương thực thực phẩm vô cùng khó khăn.

Tuy nhiên, nhờ các cổ đông sáng lập tạo được uy tín, sự ủng hộ của UBND tỉnh, các sở ban ngành địa phương đối với dự án nên công tác giải phóng mặt bằng, tiêu chí đầu tiên để dự án hoàn thành đúng tiến độ chưa gặp vướng mắc gì lớn. Khu tái định cư hiện đã đền bù xong, đang tiến hành áp giá, đền bù vùng lòng hồ. Sau hơn 2 năm kể từ ngày khởi công,

“đứa con đầu lòng” của CHP đang theo đúng các mốc tiến độ được phê duyệt. Công trình đã đổ trên 20.000m³ bê tông đập để cuối tháng 9/2010 đạt được mục tiêu chống lũ, đào và gia cố được 7km đường hầm và bắt đầu đổ bê tông đường hầm vào quý II năm 2010.

Thiết bị cho dự án đã được CHP tổ chức đấu thầu quốc tế và ký hợp đồng với Liên danh nhà thầu Đông Fang (Trung Quốc) - Voith Hydro (Đức).

CHP cùng các nhà thầu trên công trường phấn đấu đưa công trình vận hành vào cuối năm 2011.

Ngoài dự án Thủy điện A Lưới, CHP đang tiến hành lập dự án đầu tư Thủy điện Đắk Rinh 2 (công suất 12 MW) ở Quảng Ngãi, khu văn phòng gần 4 ha ở Thừa Thiên - Huế.... Mục tiêu chính của CHP trong những năm tới là tìm kiếm và đầu tư các dự án thủy điện tiềm năng trong khu vực, song song với xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có chuyên môn cao, tập trung vào các lĩnh vực như tư vấn giám sát công trình, tư vấn thiết kế kỹ thuật, tư vấn quản lý dự án và phát triển thêm một số lĩnh vực khác. Chặng đường phía trước còn dài và dự báo còn nhiều gian nan, thử thách, song những kinh nghiệm từ “đứa con đầu lòng” A Lưới sẽ giúp CHP có bước phát triển tốt hơn, trưởng thành vững vàng hơn. ■

Công trình Thủy điện A Lưới:

- Địa điểm xây dựng: Trên sông A Sáp (huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế)
- Là công trình kiểu đường dẫn, kênh dẫn nước với tổng mặt bằng công trình trải dài khoảng 24 km, từ khu vực đập cách biên giới Việt - Lào 1,5 km đến vị trí kênh xả ra của Nhà máy đổ nước vào sông Bồ.
- Công suất lắp máy: 170 MW (2x85 MW)
- Sản lượng điện bình quân: 686,5 triệu kWh/năm.
- Tổng mức đầu tư: Trên 3.323,8 tỉ đồng.
- Khởi công: 30/6/2007.
- Dự kiến hoàn thành: Năm 2011.
- Dự án được bảo hiểm với tổng giá trị hơn 2.100 tỉ đồng trong vòng 50 tháng.

Báo chí và thông tin truyền thông về EVN

“CẦU NỐI” GIỮA EVN VÀ CÔNG CHÚNG

PV

Là một tập đoàn kinh tế lớn, đóng vai trò quan trọng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, mọi hoạt động của EVN đều được xã hội quan tâm và các phương tiện thông tin đại chúng theo dõi sâu sát. Đặc biệt, khi việc đảm bảo điện với tốc độ tăng trưởng cao liên tục trong nhiều năm đặt ra nhiều thử thách với EVN; công tác triển khai xây dựng nhà máy điện nguyên tử đang được xúc tiến; lộ trình tăng giá điện; tiến trình cải cách ngành Điện để thoát khỏi thể độc quyền tự nhiên đang được triển khai... nên điện luôn là một chủ đề “nóng” trên diễn đàn báo chí.



Lãnh đạo EVN và các đơn vị luôn quan tâm, chủ động cung cấp thông tin cho báo giới

tin và tạo điều kiện để các nhà báo thâm nhập thực tế, phản ánh kịp thời các mặt hoạt động của EVN. Các nhà báo theo dõi ngành nhiều năm qua cũng đã không quản ngại khó khăn, vất vả, luôn có mặt cùng những người thợ điện ở mọi nơi, trên tất cả các lĩnh vực hoạt động. Ngoài sự trung thực, khách quan, các tin, bài, ảnh về ngành Điện trên các phương tiện thông tin, báo chí luôn cũng mang tính thời sự, đầy ắp sự kiện và hơi thở cuộc sống.

Không chỉ đánh giá đúng về những nỗ lực, đóng góp to lớn của ngành trong việc đảm bảo cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chia sẻ, thông cảm với những khó khăn, vất vả của những người thợ điện, báo chí còn phát hiện và nghiêm

túc chỉ ra những khiếm khuyết, tồn tại trong hoạt động của EVN, giúp lãnh đạo EVN điều chỉnh kịp thời trong công tác chỉ đạo, điều hành.

Đồng thời, báo chí đã tích cực phổ biến, tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động điện lực, giúp khách hàng và người dân ngày càng hiểu và chấp hành tốt hơn pháp luật trong sử dụng điện.

Trên con đường xây dựng và phát triển, nhiều năm qua EVN luôn nhận được sự quan tâm, hỗ

trợ to lớn của báo chí và EVN hy vọng báo giới tiếp tục là người đồng hành chung thủy trên chặng đường mới đến tương lai đầy vinh quang nhưng cũng nhiều thách thức. Với phương châm cởi mở với báo giới, không tạo vùng cấm thông tin, EVN đã, đang và sẽ tiếp tục hợp tác, tạo điều kiện để các nhà báo tiếp cận và tác nghiệp trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của mình. Tuy nhiên, điện lực là một ngành kinh tế - kỹ thuật đặc thù, do đó các phóng viên viết về ngành Điện, ngoài sự nhiệt tình và lương tâm của người làm nghề, rất cần được trang bị, hoàn thiện các kiến thức chuyên ngành để tin, bài đảm bảo tính chuẩn xác cao, đem lại hiệu quả truyền thông lớn vì sự phát triển của ngành Điện nói riêng cũng như của đất nước nói chung.

CHỦ ĐỘNG XÓA DẪN KHOẢNG CÁCH

Là cơ quan ngôn luận của EVN, Trung tâm Thông tin Điện lực (EIC) có vai trò quan trọng trong việc triển khai thực hiện thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, các ấn phẩm báo chí trong và ngoài ngành theo chủ trương, định hướng của lãnh đạo Tập đoàn. Mặc dù trải qua nhiều giai đoạn khó khăn và gặp phải những hạn chế nhất định, song trong những năm gần đây, Trung tâm đã không ngừng vươn lên, thực hiện ngày một tốt hơn nhiệm vụ chính trị do Tập đoàn giao phó, xây dựng được một đội ngũ những người làm thông tin, báo chí chuyên nghiệp và năng động.

Trong số những ấn phẩm Trung tâm chịu trách nhiệm xuất bản thường kỳ (gồm Tạp chí Điện lực, Thông tin Quản lý ngành Điện, Thông tin Khoa học công nghệ điện), Tạp chí Điện lực - cơ quan ngôn luận chính thức của Tập đoàn những năm gần đây đã không ngừng được đổi mới về nội dung và hình thức, tuyên truyền các lĩnh vực và luôn bám sát các hoạt động của ngành, là diễn đàn của người lao động toàn ngành Điện. Với bề dày hơn 40 năm kể từ khi phát hành ấn bản đầu tiên - một tập san chuyên về KHKT ngành Điện, đến nay, Tạp chí Điện lực đã được các chuyên gia về truyền thông và bạn đọc đánh giá là một tờ tạp chí ngành đạt chất lượng cao về cả hình thức, nội dung và có vị trí trên diễn đàn báo chí Việt Nam.

Không chỉ chuyển tải thông tin về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực Điện lực, các định hướng, chỉ đạo của lãnh đạo Tập đoàn, Tạp chí Điện lực còn giúp bạn đọc có được “bức tranh toàn cảnh” chính

xác, đa chiều về ngành Điện, ghi lại những dấu mốc quan trọng của ngành Điện trong hàng chục năm xây dựng và phát triển.

Tháng 12/2009 - thời điểm toàn ngành Điện hướng về Kỷ niệm 55 năm ngày Truyền thống, Trung tâm Thông tin Điện lực cũng đã chính thức tăng kỳ Tạp chí Điện lực (2 kỳ/tháng. Kỳ 1: Chuyên đề Thế giới điện; Kỳ 2: Chuyên đề Quản lý và Hội nhập). Chuyên đề Thế giới điện được xuất bản với mục tiêu nhằm mở thêm một “cánh cửa truyền thông” để tiếp cận gần hơn và giao lưu rộng rãi với công chúng trong và ngoài ngành Điện. Với số lượng phát hành lớn tới đông đảo khách hàng ngành Điện, thông qua Chuyên đề Thế giới điện, EVN không chỉ đưa ra các thông tin hoạt động điện lực một cách đầy đủ, xúc tích, chính xác nhằm tạo sự thấu hiểu, cảm thông, ủng hộ của dư luận trong và ngoài ngành, mà còn đăng tải các thông tin chỉ dẫn thiết thực, phong phú về sử dụng điện cho mọi đối tượng khách hàng, nhằm phục vụ lợi ích lâu dài của khách hàng, của ngành Điện nói riêng và đất nước nói chung.

Với sự quan tâm, hỗ trợ của Lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, cùng với sự nỗ lực, nhiệt huyết của đội ngũ những người làm báo, thông tin chuyên nghiệp ngành Điện, Trung tâm Thông tin Điện lực đang vươn lên mạnh mẽ, khẳng định tiềm năng, trình độ chất xám, xứng đáng là “ngân hàng” tin tức chuyên ngành điện, là người đại diện ngôn luận chính thức và tin cậy của EVN trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay. ■



Phóng viên Tạp chí Điện lực tác nghiệp tại vị trí cột 35 kV trên biển cấp điện cho đảo Vĩnh Thực - Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh) cuối năm 2008 Ảnh: Vũ Lam

TRUNG TÂM THÔNG TIN ĐIỆN LỰC (ELECTRICITY INFORMATION CENTER - EIC)

- Tiền thân là Trung tâm Thông tin và Dịch vụ KHKT thuộc Bộ Năng lượng. Ngày 04/03/1995, Trung tâm Thông tin và Dịch vụ KHKT ngành Điện được thành lập theo Quyết định số 126/NL/TCCB-LĐ của Bộ Năng lượng, là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

- Từ ngày 22/6/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 148/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trung tâm Thông tin và Dịch vụ KHKT ngành Điện đổi tên thành Trung tâm Thông tin Điện lực và trực thuộc Công ty mẹ - Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- **Số lượng nhân sự:** 26

- **Chức năng, nhiệm vụ chính:**

+ Tổ chức, biên tập, xuất bản, phát hành các ấn phẩm báo chí, sách chuyên ngành Điện lực. Là người đại diện cơ quan ngôn luận của ngành Điện trên diễn đàn thông tin, báo chí.

+ Tổ chức thu thập, bổ sung, cập nhật thường xuyên, có chọn lọc tài liệu về KHCN đáp ứng yêu cầu phục vụ thông tin toàn ngành.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu, dữ kiện, đảm bảo duy trì và phát triển thông tin của ngành.

+ Thực hiện các dịch vụ khác liên quan đến công tác thông tin, tuyên truyền: Hội thảo, triển lãm, quảng cáo, in ấn, xuất bản, làm phim, ảnh...

- **Xuất bản các ấn phẩm:**

Ấn phẩm định kỳ:

+ Tạp chí Điện lực: 2 kỳ/tháng.

• Kỳ 1: Chuyên đề Thế giới điện:

- Đối tượng độc giả chính: Toàn bộ người lao động ngành Điện và các khách hàng sử dụng điện.

- 16 trang/số. Ra ngày 15 hằng tháng.

• Kỳ 2: Chuyên đề Quản lý và Hội nhập.

- Đối tượng độc giả chính: CBCNV ngành Điện, các bộ, ban ngành, lãnh đạo các địa phương.

- 48 trang/số. Ra ngày 30 hằng tháng

+ Các ấn phẩm Thông tin Điện lực:

• Thông tin Quản lý ngành Điện: 1 tháng/kỳ

• Thông tin Khoa học – Công nghệ điện: 2 tháng/1 kỳ

Ấn phẩm không định kỳ:

• Tổng luận phân tích

• Sách; Cẩm nang hướng dẫn; Kỹ yếu; Catalogue...

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (thuộc Công ty Thông tin Viễn thông Điện lực)

Hiện đang quản lý vận hành, đảm bảo ổn định, thông suốt về mặt kỹ thuật và chính xác, cập nhật về mặt nội dung các trang thông tin điện tử của EVN, gồm:

1. Trang Web của Tập đoàn: <http://www.evn.com.vn> (hoạt động từ 14/04/2003)

Trang tin điện tử chính thức trên Internet của EVN, là nơi cung cấp sớm nhất và chính xác nhất các thông tin về EVN.

2. Trang Home EVN trên Intranet: <http://home.evn.com.vn> (hoạt động từ năm 1994)

Trang thông tin nội bộ của EVN trên Intranet, là nơi đăng tải các thông tin, thông báo dành cho các cán bộ công nhân viên ngành Điện tại cơ quan Tập đoàn và các đơn vị thành viên trên mọi miền đất nước. Tất cả các đơn vị thành viên, trực thuộc có kết nối mạng LAN/WAN với Tập đoàn đều có thể truy cập và sử dụng.

3. Trang thông tin ngành Điện: <http://www.icon.com.vn> (hoạt động từ 18/5/2006)

Giới thiệu các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, văn hóa xã hội, đổi mới doanh nghiệp của EVN nói riêng và các đơn vị khác trong ngành Điện – năng lượng nói chung; Hỗ trợ, tư vấn cho khách hàng sử dụng điện, sử dụng các dịch vụ viễn thông công cộng và các dịch vụ khác của EVN cũng như các đơn vị trực thuộc;...

4. Trang thông tin và tư vấn tiết kiệm điện: <http://www.tietkiemnangluong.vn> (hoạt động từ 15/3/2008)

Giới thiệu các hoạt động trên lĩnh vực tiết kiệm điện và tiết kiệm năng lượng của EVN và các đơn vị thành viên; Cung cấp, giới thiệu các sản phẩm dịch vụ, tư vấn hỗ trợ, trao đổi thông tin về các hoạt động điện lực, các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm hiệu quả; tạo diễn đàn trao đổi thông tin giữa EVN với khách hàng sử dụng điện...■

Hợp tác cùng phát triển

“CHÌA KHÓA” MỞ CỬA THÀNH CÔNG

Bài và ảnh: **Thạch Lam**



Nguồn vốn vay từ các định chế tài chính đã tạo thuận lợi cho EVN trong công tác đầu tư xây dựng

Hợp tác để cùng sẻ chia lợi ích, kinh nghiệm, cùng phát triển từ lâu đã trở thành phương châm tồn tại của bất kỳ doanh nghiệp thành công nào. EVN – một tập đoàn kinh tế lớn, có quá trình phát triển và trưởng thành hơn nửa thế kỷ, luôn ý thức rất rõ về giá trị của sự hợp tác. Đến nay, một hệ thống các đối tác chiến lược đã được EVN nỗ lực thiết lập, xây đắp...

CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH: KHÔNG CHỈ LÀ CÁC NHÀ TÀI TRỢ VỐN

Quan trọng hàng đầu trong danh sách các đối tác chiến lược của EVN phải kể đến chính là các định chế tài chính, các ngân hàng thương mại cả trong nước và quốc tế. Những cái tên như WB (Ngân hàng Thế giới), ADB (Ngân hàng Phát triển Châu Á), JBIC (Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản), Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc, Vietcombank (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam), Vietinbank (NHTMCP Công thương Việt Nam), Agribank (NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam),

VDB (NH phát triển Việt Nam), BIDV (NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam)... đã trở nên quen thuộc. Đây là các nhà tài trợ vốn cho nhiều dự án nguồn và lưới điện quan trọng do EVN làm chủ đầu tư.

Từ dự án thủy điện Sơn La, Huội Quảng, Bản Chát, Nhiệt điện Hải Phòng, Quảng Ninh, các dự án Đường dây truyền tải điện 500 kV Bắc Nam mạch 2, Ô Môn - Nhà Bè, Sơn La – Hiệp Hòa đến các dự án nâng cao năng lực cấp điện cho các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa... đều có sự hỗ trợ tích cực của các ngân hàng, các định chế tài chính trong nước và quốc tế.

Trong nhiều buổi lễ ký kết tài trợ vốn cho các dự án nguồn và lưới điện, Tổng giám đốc EVN Phạm Lê Thanh đều khẳng định giá trị của sự hợp tác, cũng như vai trò đặc biệt quan trọng của những định chế tài chính, ngân hàng trong việc hỗ trợ, tạo điều kiện giúp EVN thu xếp đủ nguồn vốn đầu tư, góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình điện. Những năm gần đây, lượng vốn đầu tư của EVN trung bình khoảng 40 – 50 nghìn tỷ đồng/năm, với sự hỗ trợ tích cực của các định chế

tài chính, các ngân hàng, EVN đã và đang tiếp tục phát triển hệ thống nguồn và lưới điện, đáp ứng nhu cầu phụ tải không ngừng tăng cao, cơ bản cung cấp đủ điện cho phát triển kinh tế đất nước.

Bên cạnh đó, thông qua việc tài trợ vốn đầu tư cho các dự án, các định chế tài chính còn trở thành các đơn vị gián tiếp giám sát công tác đầu tư, tư vấn thẩm định tính khả thi và hiệu quả của các dự án do EVN triển khai. Điều này góp phần giúp cho quá trình đầu tư của EVN đảm bảo công khai, minh bạch và đạt hiệu quả cao hơn.

CÁC ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY LẮP: CÙNG EVN TRƯỞNG THÀNH

Có thể nói, các nhà thầu xây dựng, tư vấn thiết kế, lắp đặt thiết bị điện chính là những đơn vị gắn bó nhất, đã cùng chia sẻ gian khó cũng như thành công với EVN trên bước đường 55 năm trưởng thành. Trên những công trình điện, bên cạnh nỗ lực của chủ đầu tư là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam, còn có sự góp sức rất lớn của những kỹ sư, công nhân đến từ các nhà thầu xây dựng, lắp máy trong nước như Tổng công ty Xây dựng Sông Đà, Trường Sơn, Licogi, Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama), TCT cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, các công ty CP xây lắp điện 1,2,3,4... các chuyên gia, và tư vấn quốc tế đến từ nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới.

Kể từ công trình thế kỷ Nhà máy Thủy điện Hòa Bình cho đến Thủy điện IaLy, Đường dây 500 kV mạch 1, mạch 2, Thủy điện Sơn La, Tuyên Quang, Buôn Kuốp,..., những cái tên như Sông Đà, Licogi, Lilama, Trường Sơn... dường như đã không thể tách rời với EVN. Và cũng chính từ sự đồng cam,

cộng khổ, từ sự hợp tác chặt chẽ vì mục tiêu chung “vì nguồn điện tương lai cho phát triển đất nước” mà đội ngũ những người làm điện và xây dựng điện Việt Nam đã không ngừng trưởng thành, lớn mạnh.

EVN giờ đây đã có thể lập, quản lý, và triển khai thành công hầu hết các dự án đầu tư nguồn điện và lưới điện trọng điểm quốc gia. Còn đối với các nhà thầu xây dựng, lắp máy, thì chính từ quá trình tích lũy kinh nghiệm, không ngừng học hỏi, sáng tạo trong công tác thi công các công trình điện do EVN làm chủ đầu tư mà giờ đây đã tự đảm đương được nhiều hạng mục công trình điện đòi hỏi trình độ kỹ thuật và công nghệ cao vốn trước đây đều phải phụ thuộc chủ yếu vào nước ngoài. Không chỉ dừng lại ở vị trí chủ yếu là thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị mà các nhà thầu đã từng bước vươn lên trở thành các tổng thầu EPC, các chủ đầu tư dự án, trực tiếp đầu tư và xây dựng nhiều công trình điện lớn, góp phần nâng cao khả năng cung cấp điện cho hệ thống điện Việt Nam. Điển hình như Tổng công ty Sông Đà làm Tổng thầu EPC Dự án Thủy điện Se San 3 (công suất 260 MW), trực tiếp thi công Thủy điện Se San 3A (công suất 108 MW), Thủy điện Nậm Chiến (công suất 200 MW); Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama) trực tiếp làm tổng thầu EPC Dự án nhiệt điện Uông Bí mở rộng công suất 300 MW... và nhiều tên tuổi nhà thầu gắn liền với những công trình điện đang mọc lên ngày càng nhiều trên khắp dải đất Việt Nam.

CÙNG CÁC TỔ CHỨC HIỆP HỘI: HỘI NHẬP SÂU RỘNG

Trong xu thế hội nhập, vai trò quan trọng của các hiệp hội ngày càng được khẳng định. Với vị trí là một doanh nghiệp đầu tàu trong phát triển điện năng nói riêng và năng lượng nói chung, thể hiện sự hợp tác chia sẻ, cùng phát triển, EVN và các đơn vị thành viên đã tích cực tham gia các tổ chức: Hội Điện Lực Việt Nam, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, Hiệp hội Công nghiệp Kỹ thuật điện Việt Nam... Thông qua các hiệp hội này, EVN và các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực đã có cơ hội để cùng chia sẻ ý kiến, tham vấn lẫn nhau trong việc hoạch định các chính sách phát triển. Đồng thời, góp tiếng nói chung để kiến nghị đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước, nhằm giúp các cơ quan hữu quan có đủ cơ sở xây dựng, ban hành những quyết sách đúng đắn cho phát triển các lĩnh

vực quy hoạch điện, luật điện lực, năng lượng, thiết bị điện... tại Việt Nam.

Cụ thể, trong thời gian qua, EVN đã phối hợp với Hiệp hội Công nghiệp Kỹ thuật điện Việt Nam, các doanh nghiệp khác trong Hiệp hội đề xuất kiến nghị với Chính phủ và các cơ quan liên quan trong việc tạo điều kiện cho phát triển cơ khí điện lực; tháo gỡ những vướng mắc trong quan hệ hợp tác giữa các công ty chế tạo thiết bị điện trong nước với EVN.

Tham gia vào các hội chợ, triển lãm, các hoạt động xúc tiến thương mại, các hội thảo khoa học do các hiệp hội tổ chức, EVN đã có cơ hội đẩy mạnh hợp tác thương mại với các doanh nghiệp trong và ngoài ngành Điện cũng như bạn bè quốc tế.

“Hợp tác là chìa khóa để mở cánh cửa thành công”,

Trên con đường phát triển của mình, để trở một tập đoàn kinh tế vững mạnh, xu hướng tất yếu của EVN là đa dạng hóa ngành nghề sản xuất, kinh doanh. Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh mới từng bước được mở ra dựa trên cơ sở tối đa hóa các lợi thế sẵn có và góp phần phục vụ cho phát triển lĩnh vực điện năng. Việc không ngừng mở rộng sản xuất, đẩy mạnh hợp tác với các nhà cung cấp các giải pháp tài chính, giáo dục đào tạo, các giải pháp công nghệ cao trong lĩnh vực cơ khí điện tử, tự động hóa, viễn thông sẽ là điều kiện để EVN có thể tiếp cận những công nghệ tiên tiến của quốc tế, góp phần hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra.

và trong chiến lược phát triển của mình, nhờ chiếc “chìa khóa” đặc biệt quan trọng ấy, EVN đã và đang mở rất nhiều cánh cửa mới, vì mục tiêu phấn đấu trở thành một tập đoàn kinh tế vững mạnh hàng đầu của Việt Nam. ■

I. MỘT SỐ ĐỐI TÁC LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG:

1. Ngân hàng thế giới (WB)

- Thành lập năm 1944
- Cung cấp khoản vay với lãi suất thấp, lãi suất, tín dụng miễn phí và tài trợ cho các nước đang phát triển để đầu tư cho các lĩnh vực: Giáo dục, y tế, hành chính, cơ sở hạ tầng, tài chính, kinh tế tư nhân, nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên, môi trường.
- Các dự án điện tiêu biểu tại Việt Nam vay vốn của WB gồm: Các dự án Năng lượng nông thôn RE I, RE II,...

2. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

- Thành lập năm 1966.
- Ngân hàng phát triển đa phương thuộc sở hữu của 67 thành viên, trong đó 48 thành viên trong khu vực Châu Á và 19 thành viên ngoài khu vực.
- Việt Nam hiện nắm giữ 12.076 cổ phần (chiếm 0,34%) trong ADB.
- Việt Nam là một trong những nước nhận được nguồn hỗ trợ ưu đãi lớn nhất từ ADB, từ 1996 đến năm 2008 là 846,7 triệu USD.

3. Ngân hàng Công Thương Việt Nam (VietinBank)

- Thành lập năm 1988.
- Tổng tài sản đạt 194.000 tỷ đồng.
- Là một trong bốn ngân hàng thương mại Nhà nước lớn nhất của Việt Nam.

4. Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam (VIETCOMBANK)

- Thành lập năm 1963.
- Tổng tài sản 222.000 tỷ VND.
- Đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực tài trợ, thanh toán xuất nhập khẩu, kinh doanh ngoại hối, bảo lãnh ngân hàng và các dịch vụ ngân hàng, tài chính quốc tế.

5. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank)

- Thành lập năm 1988
- Tổng nguồn vốn đạt trên 363.000 tỷ đồng.
- Giữ vai trò chủ đạo và chủ lực trong đầu tư vốn phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

6. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

- Thành lập năm 1957
- Tổng tài sản trên 260.000 tỷ đồng

7. Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC);

- Thành lập năm 2005
- Quản lý danh mục đầu tư gần 750 doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực.



EVN tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại

II. MỘT SỐ ĐỐI TÁC LĨNH VỰC XÂY LẮP:

1. Tổng Công ty Sông Đà

- Thành lập năm 1961
- Tham gia xây dựng: Nhà máy Thủy điện Thác Bà, Hoà Bình, Trị An, Vĩnh Sơn, Sông Hinh, Yaly, Sê San 3, Tuyên Quang, Sơn La, đường dây 500 kV Bắc – Nam.

2. Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA)

- Thành lập năm 1960.
- Tham gia lắp đặt máy móc, thiết bị cho: Nhà máy Thủy điện Thác Bà, Nhiệt điện Uông Bí, Ninh Bình, Thủy điện Hoà Bình, Trị An, các trạm biến áp truyền tải điện 500 kV Bắc - Nam...
- Chế tạo thiết bị cho nhiều nhà máy điện, tổng thầu EPC thực hiện các dự án: Nhiệt điện Uông Bí 300MW, Nhiệt điện Cà Mau (chu trình hỗn hợp) 720 MW....

3. Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn

- Tham gia thi công: Thủy điện Hoà Bình, đường dây 500 kV Bắc - Nam, Thủy điện Sơn La,...

4. Tổng công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex)

- Thành lập năm 1988
- Tham gia xây dựng: Đường dây 500 kV Bắc – Nam, Thủy điện Sơn La...

5. Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp VN (Vinaincon)

- Thành lập năm 1998 trên cơ sở hợp nhất nhóm các đơn vị chuyên ngành thi công xây lắp. Trong đó có Công ty Xây lắp điện 1, 2, 3, 4.
- Tham gia xây dựng: Thủy điện Hoà Bình, Trị An, Vĩnh Sơn, Đa Nhim và các nhà máy nhiệt điện Lạng Sơn, Kim Bảng, Nam Định, Uông Bí, Yên Phụ, Đồng Hới, Quy Nhơn, Đông Hà, Cao Ngạn... đường dây 500 kV...

III. ĐỐI TÁC LÀ TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI VÀ HIỆP HỘI TRONG NƯỚC

1. JICA - Tổ chức hợp tác Quốc tế Nhật Bản

- Mục tiêu của JICA là góp phần phát triển kinh tế, xã hội ở các nước đang phát triển, tăng cường hợp tác quốc tế của Nhật Bản

Trong đó: Hỗ trợ ngành Điện lực Việt Nam trong các dự án xây dựng Tổng sơ đồ, đào tạo nguồn nhân lực...

2. Hội Điện lực Việt Nam

- Thành lập năm 1991
- Chủ tịch Hội: Ông Đào Văn Hưng – Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT EVN
- Có 12.000 hội viên, 120 chi hội cơ sở, 3 trung tâm tư vấn phát triển điện lực
- Đóng vai trò nòng cốt trong việc tập hợp đoàn kết rộng rãi đội ngũ tri thức Điện lực Việt Nam.
- Hoạt động chính: Tư vấn, phản biện và giám định xã hội các công trình khoa học quan trọng cấp Nhà nước, cấp Bộ như: Đường dây 500 kV; quy

hoạch điện; biên soạn hiệu chỉnh Bộ Luật Điện lực; nghiên cứu “Lộ trình hình thành và phát triển thị trường Năng lượng”...

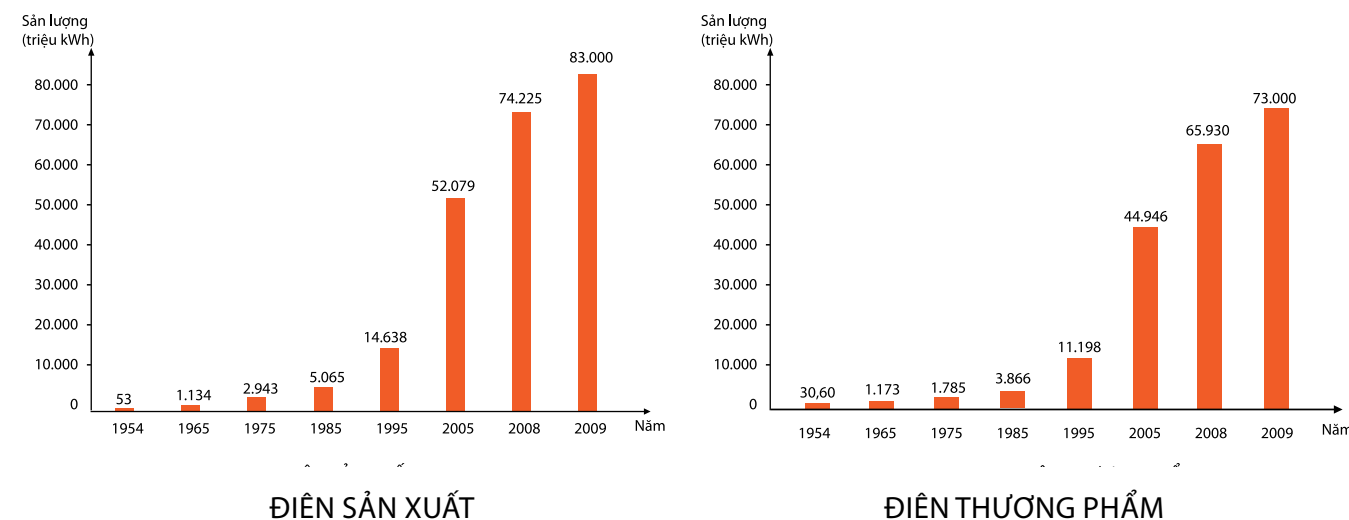
- Nghiên cứu nhiều công trình khoa học có giá trị; tổ chức nhiều hội thảo khoa học quốc tế và trong nước có quy mô lớn; tổ chức các hoạt động thông tin phổ biến kiến thức...

3. Hiệp hội Công nghiệp Kỹ thuật điện Việt Nam (Velina)

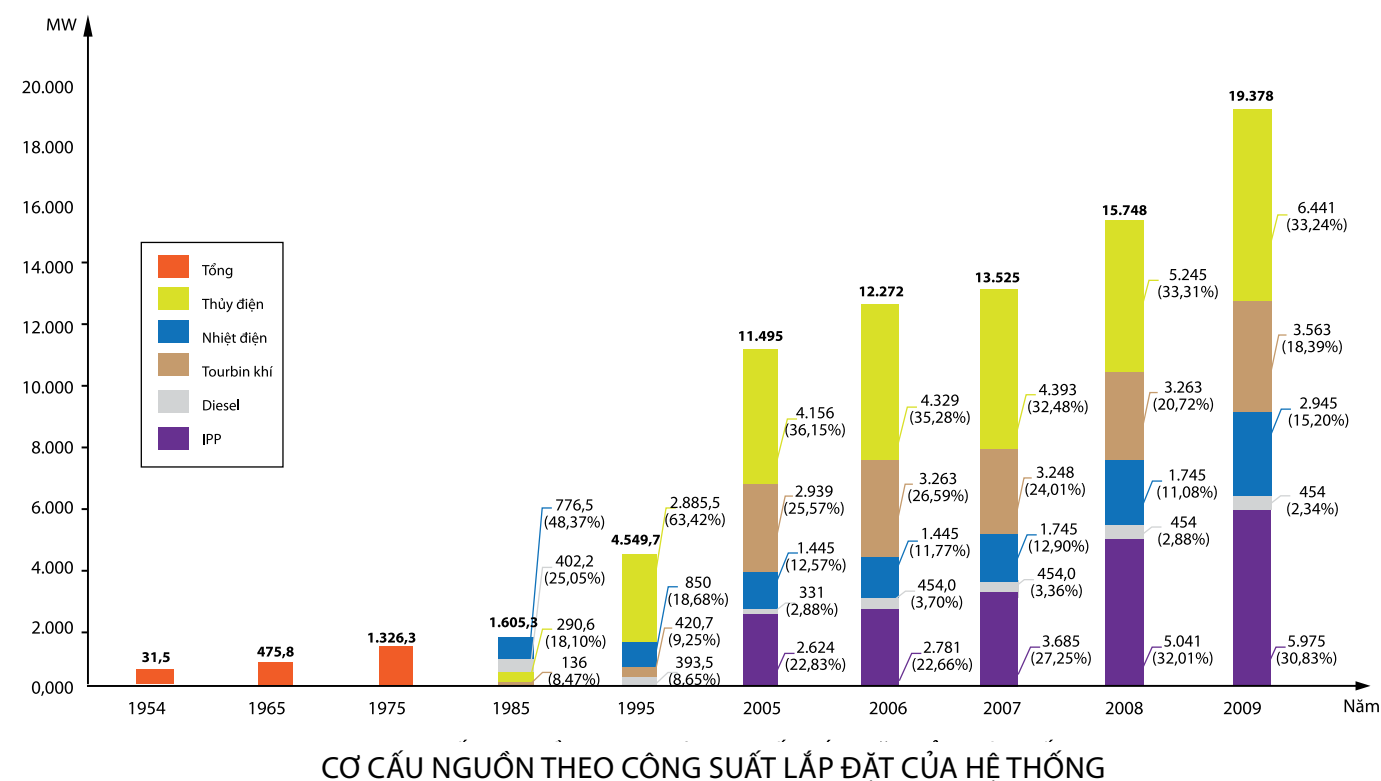
- Thành lập năm 1991
- Hiện có 64 thành viên.
- Hiệp hội đã cùng các doanh nghiệp thành viên tạo thành một thị trường về thiết bị kỹ thuật điện Việt Nam lớn mạnh, cung cấp đủ các vật tư, thiết bị kỹ thuật điện cho lưới điện từ 35 kV trở xuống, cung cấp một số thiết bị có điện áp đến 110 kV, 220 kV, các loại cột thép mạ kẽm và cáp nhôm trần cung cấp cho lưới điện từ 500 kV trở xuống...

TỔNG HỢP SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH QUA CÁC GIAI ĐOẠN

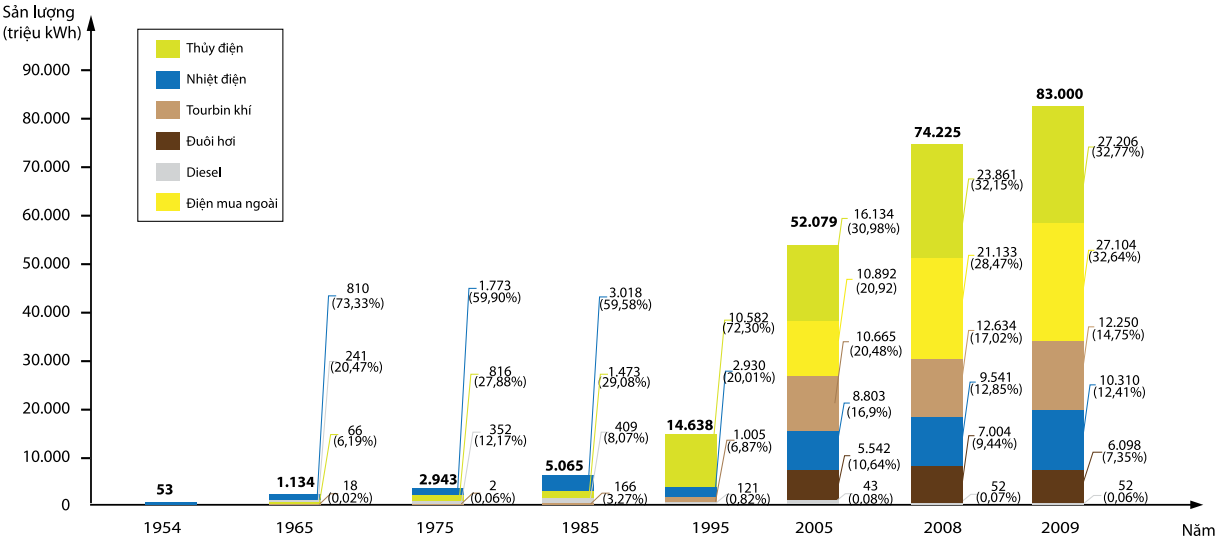
1. SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG PHẨM.



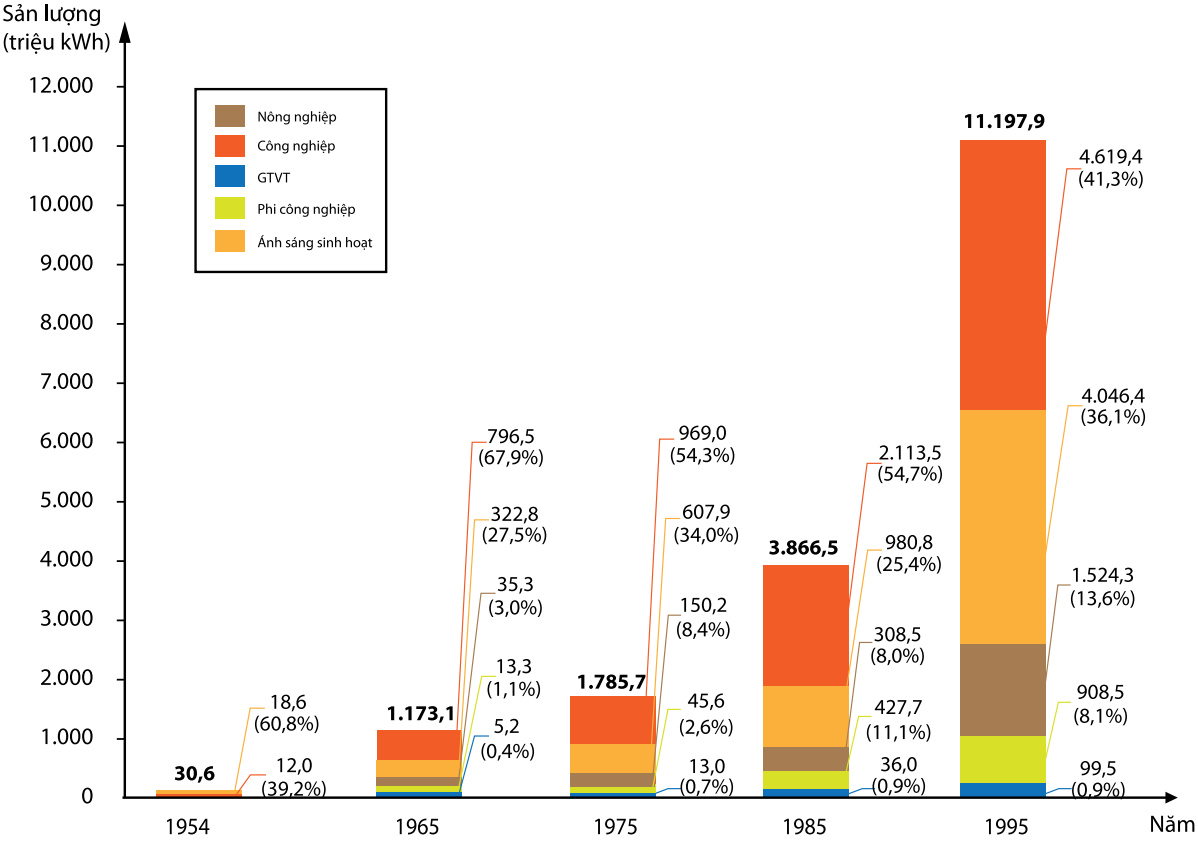
2. CƠ CẤU NGUỒN, TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG, TỔN THẤT ĐIỆN NĂNG.



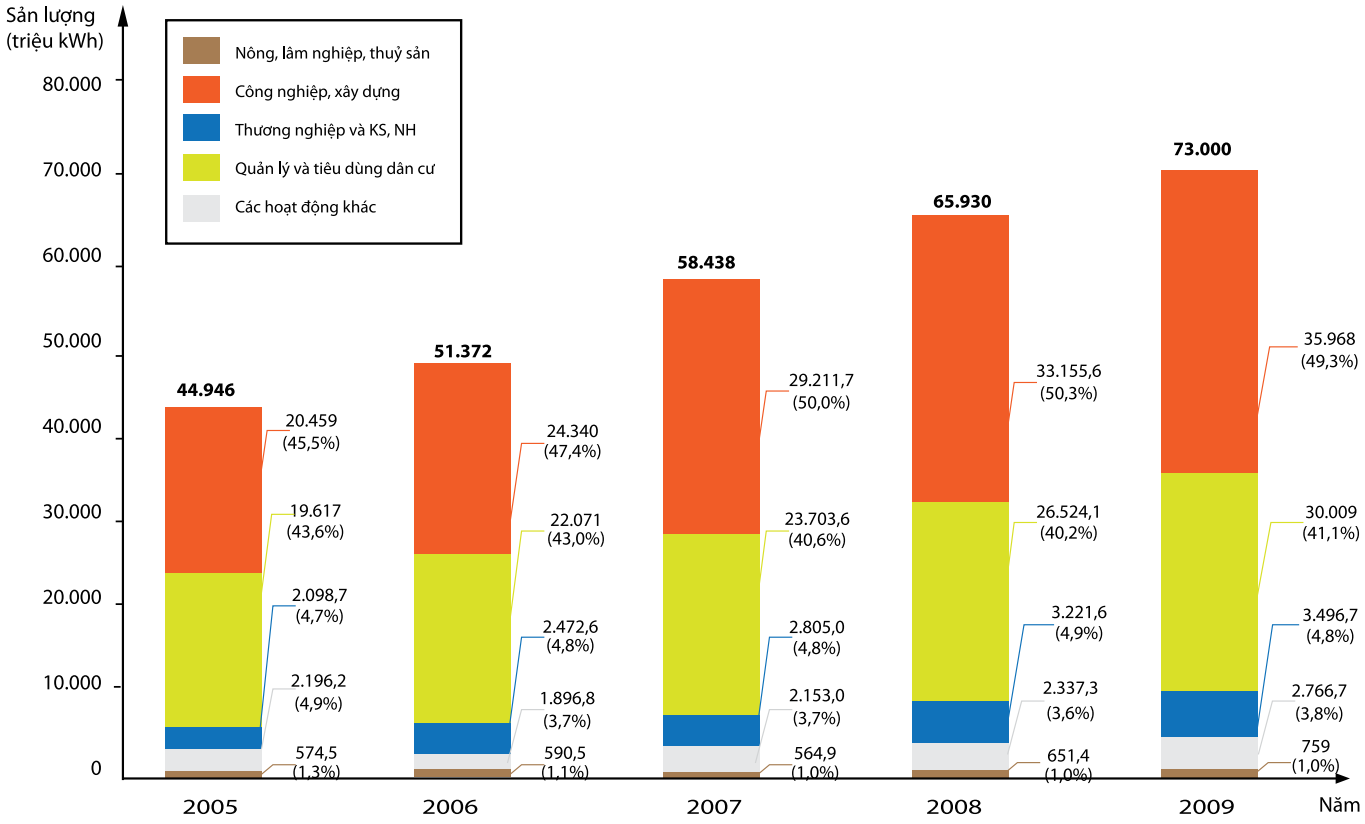
Tổng hợp số liệu



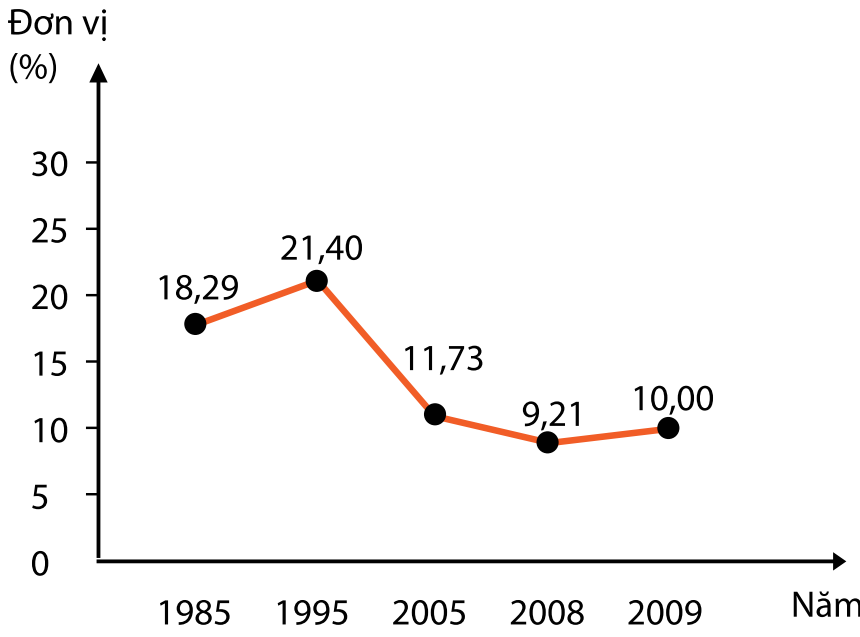
CƠ CẤU NGUỒN THEO SẢN LƯỢNG



CƠ CẤU TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG



CƠ CẤU TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG TỪ NĂM 2005 ĐẾN 2009



TỶ LỆ TỔN THẤT ĐIỆN NĂNG QUA CÁC NĂM

Tổng hợp số liệu

3. TRUYỀN TẢI VÀ PHÂN PHỐI

PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI VÀ PHÂN PHỐI

Đơn vị tính: Km

Năm	ĐZ 500 kV	ĐZ 220 kV	ĐZ 110 – 66 kV (*)	ĐZ trung thế	ĐZ hạ thế
1971		252	614	5.952	2.998
1975		257	1.247	8.982	4.903
1980		257	1.753	12.187	10.647
1985		904	2.231	20.249	10.647
1990		1.684	3.534	23.815	14.060
1994	1.487	1.913	4.992	37.006	16.644
2001	1.530	3.706	7.680	79.701	60.873
2002	1.529	4.288	8.347	94.470	64.841
2003	1.529	4.573	9.210	101.995	81.413
2004	2.469	4.676	10.148	117.342	106.049
2005	3.231	5.222	10.918	117.346	114.018
2006	3.231	5.234	12.290	160.916	125.133
2007	3.286	6.765	12.170	127.790	133.253
2008	3.455	7.988	12.943	131.924	149.711

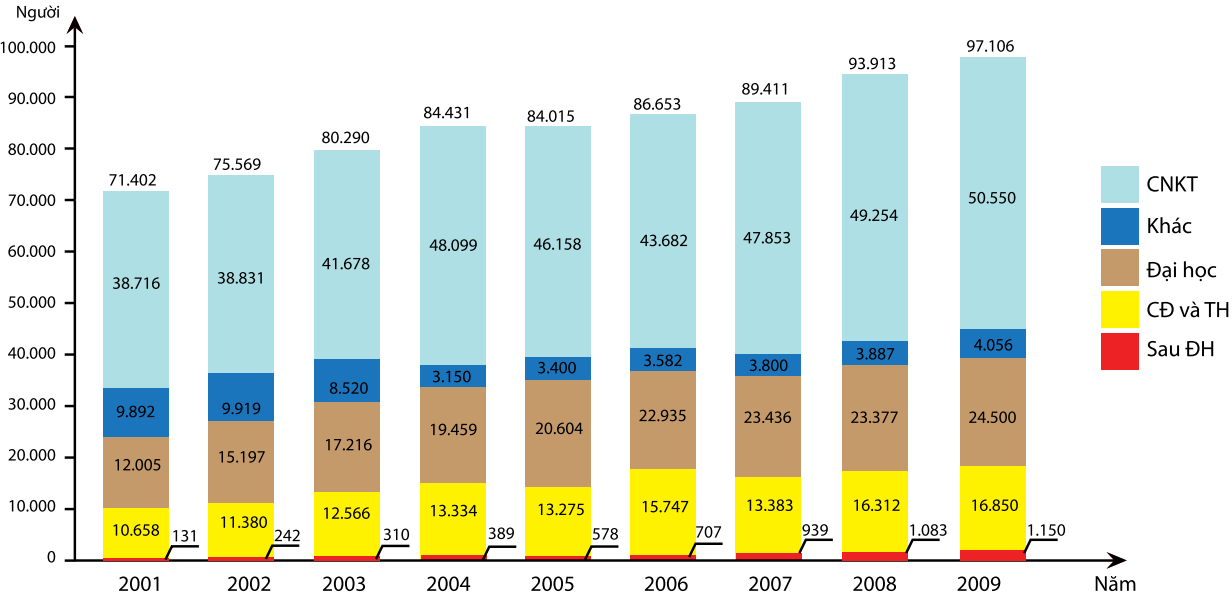
(*) Từ năm 2001 đến 2008, chỉ tính riêng đối với ĐZ 110 kV

DUNG LƯỢNG MÁY BIẾN ÁP TRUYỀN TẢI VÀ PHÂN PHỐI

Đơn vị tính: MVA

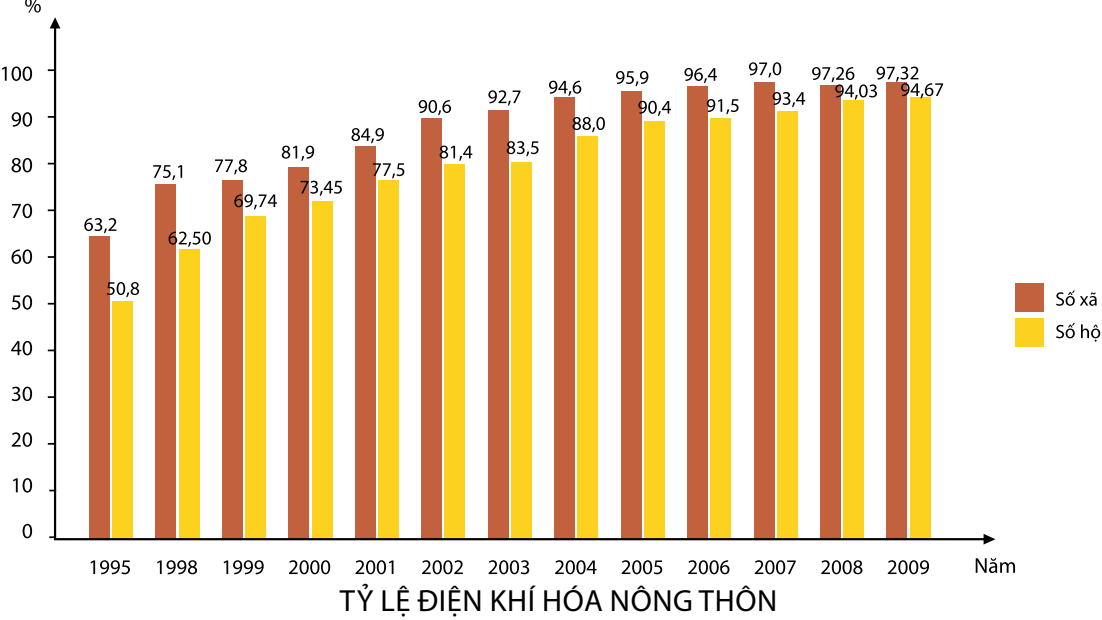
Năm	TBA 500 kV	TBA 220 kV	TBA 110 kV	TBA trung thế	TBA hạ thế
1971		196	372	655	
1975		210	716	1.914	
1980		196	934	2.213	
1985		446	933	3.327	
1990		1.732	2.685	5.493	
1994	2.700	2.305	3.408	8.239	
2001	2.700	7.170	9.243	3.016	16.482
2002	2.748	8.795	10.745	3.176	18.844
2003	3.836	9.702	12.290	3.014	21.738
2004	3.776	11.783	15.058	3.490	23.551
2005	6.956	13.078	16.424	3.511	28.601
2006	7.456	13.454	18.303	3.603	28.961
2007	7.856	13.804	19.728	6.206	33.923
2008	8.756	14.761	23.085	3.649	39.333

4. NGUỒN NHÂN LỰC EVN



CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ VÀ SỐ LƯỢNG ĐỘI NGŨ CBCNV CỦA EVN TỪ 2001 ĐẾN 2009

5. ĐIỆN KHÍ HÓA NÔNG THÔN



SUẤT ĐẦU TƯ CẤP ĐIỆN CHO MỘT HỘ DÂN NÔNG THÔN VÙNG SÂU, VÙNG XA

Giai đoạn	2000-2005	2006-2009	2009-2010	2010-2012
Suất đầu tư bình quân	6,4 tr.đ/hộ	12,35 tr.đ/hộ	13,5 tr.đ/hộ	20 tr.đ/hộ
Dự án	Dự án năng lượng nông thôn, Dự án Điện khí hóa nông thôn miền Nam	Dự án cấp điện cho các thôn buôn chưa có điện 5 tỉnh Tây Nguyên	Dự án cấp điện cho vùng đồng bào Khmer Trà Vinh-Sóc Trăng	Các dự án cấp điện cho vùng dân tộc Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Bạc Liêu

VỐN ĐẦU TƯ ĐƯA ĐIỆN VỀ NÔNG THÔN

Giai đoạn		Tổng vốn	
2000-2005		4.751 tỷ đồng	
2006-2010	9.720 tỷ đồng (Chỉ tính các dự án lớn)	Dự án	Vốn
		Năng lượng nông thôn II	252 triệu USD
		Lưới điện phân phối nông thôn	206 triệu USD
		Cấp điện cho vùng dân tộc Khmer Trà Vinh-Sóc Trăng	534 tỷ đồng
		Cấp điện 5 tỉnh Tây Nguyên	1.300 tỷ đồng

6. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN TỪ NĂM 2002 ĐẾN NĂM 2008

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1	Tổng doanh thu (thuần) và thu nhập khác	Tỷ đồng	23.574	28.859	33.656	40.516	45.919	60.626	67.562
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	21.443	26.886	31.496	37.315	43.313	56.409	65.684
3	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	75.779	88.294	98.603	115.707	137.783	184.910	204.363
4	Vốn kinh doanh	Tỷ đồng	33.352	37.070	40.238	45.461	49.156	70.107	67.371
5	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	13.276	18.489	20.519	23.024	27.665	31.347	38.058
6	Dư nợ vay tại 31/12	Tỷ đồng	34.417	42.274	48.924	54.562	69.259	88.598	117.060
7	Vốn vay giải ngân trong năm)	Tỷ đồng	5.109	5.258	9.136	9.861	17.497	22.406	17.971
	- Trong nước		1.989	2.604	2.101	2.465	5.599	7.842	10.941
	- Ngoài nước		3.120	2.654	7.035	7.396	11.898	14.564	7.030
8	Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ đồng	1.575	1.366	1.119	892	704	875	2.677
9	Khấu hao cơ bản	Tỷ đồng	7.035	8.288	8.085	9.010	9.993	10.699	12.449
10	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.131	1.973	2.160	3.201	2.606	4.217	1.878
11	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.453	1.343	1.558	2.327	2.256	3.336	1.496
12	Giá bán điện bình quân	Đồng/kWh	706,83	783,38	790,28	789,14	794,71	860,15	871,03

Ghi chú:

- Giá bán điện bình quân năm 2005 giảm so với năm 2004 là do điều chỉnh giảm giá bán điện cho người nước ngoài, doanh nghiệp nước ngoài ngang bằng với doanh nghiệp trong nước và người Việt Nam.
- Vốn kinh doanh năm 2008 giảm so với năm 2007 là do năm 2008 chưa thực hiện cổ phần hóa Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi; hủy kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, đồng thời hủy kết quả đánh giá lại tăng thêm giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty này là 5.670 tỷ đồng. Nếu loại trừ yếu tố trên thì vốn kinh doanh năm 2008 là 73.041 tỷ đồng, tăng so với năm 2007 là 104%.
- Số dư nợ vay đến 31/12/2008 là 117.060 tỷ đồng, trong đó: Vay trong nước: 41.808 tỷ đồng; vay nước ngoài: 75.252 tỷ đồng.

7. NGUỒN ĐIỆN THEO QUY HOẠCH VI

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NGUỒN ĐIỆN THEO QUY HOẠCH ĐIỆN VI

Theo Quy hoạch điện VI đã được phê duyệt tại QĐ số 110/2207/QĐ-TTg		Số dự án	MW	Tỷ lệ (%)
		Toàn quốc		
Thực tế Căn cứ theo QH Đ VI và điều chỉnh theo các văn bản của Chính phủ tính đến tháng 9/2009	EVN đ. tư hoặc góp vốn	50	33.085	57
	Các đ/vị ngoài EVN	48	25.195	43
	Toàn quốc	117	72.290	
	EVN đ. tư hoặc góp vốn	48	25.153	34.8
	100% vốn EVN	27	17.591	24.3
	Cổ phần & góp vốn	21	7.562	10.5
	DN ngoài EVN	69	47.137	65.2
	Đã có chủ đầu tư	60	32.662	45.2
	Chưa xác định chủ đầu tư	9	14.475	20%

TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN GIAI ĐOẠN 2006-2015 DO EVN ĐẦU TƯ VÀ GÓP VỐN THEO QUY HOẠCH ĐIỆN VI (tính đến tháng 10/2009)

STT	Danh mục công trình	Công suất (MW)		Khởi công	Hoàn thành		Ghi chú
		110/QĐ-TTg	Thực tế		110/QĐ-TTg	Thực tế	
I	Các dự án đã hoàn thành	3.129	3.159				12,6%
1	Đuôi hơi PM2.1 MR	150	150		2006	2006	
2	TĐ Sê San 3	260	260	8/2002	2006	2006	
3	NĐ Uông Bí MR1	300	300	5/2003	2007	2006	
4	TĐ Quảng Trị	64	64	8/2003	2007	2007	
5	TĐ Tuyên Quang	342	342	12/2002	2007	2008	
6	TĐ A Vương	210	210	8/2003	2007	2008	
7	TĐ Đại Ninh	300	300	2003	2007	2008	
8	NĐ Ô Môn 1 #1	300	330	1/2006	2009	2009	
9	TĐ Buôn kuốp	280	280	12/2003	2008	2009	
10	TĐ Plei Krông #1	50	50	11/2003	2008	2009	
11	TĐ Sông Ba Hạ #1	110	110	4/2004	2008	2009	
12	NĐ Hải Phòng 1#1	300	300	11/2005	2008-09	2009	
13	NĐ Quảng Ninh 1#1	300	300	4/2006	2009	2009	
14	TĐ Sê San 4 #1	120	120	12/2004	2009	9/2009	
15	TĐ Buôn Tua Sah	43	43	11/2004	2009	8/2009	
II	Các dự án đang xây dựng	7.306	7.541				30%
	TĐ Pleikrong #2	50	50	11/2003	2008	2009	
	TĐ Sông Ba Hạ #2	110	110	4/2004	2008	2009	
	TĐ Buôn Tua Sah #2	43	43	11/2004	2009	2009	
	TĐ Sê San 4 #2,3	240	240	12/2004	2010	2009	
	NĐ Quảng Ninh 1 #2	300	300	4/2006	2009	2010	
	NĐ Hải Phòng 1 #2	300	300	11/2005	2008-09	2010	

1	TĐ Bản Vẽ	300	320	2004	2008-09	2009-10	
2	TĐ Đồng Nai 3	180	180	12/2004	2009	2010	
3	TĐ Sông Tranh 2	160	190	3/2006	2010	2010	
4	TĐ Srê pok 3	220	220	12/2005	2010	2010	
5	TĐ An Khê Kanak	173	173	11/2005	2009	2010-11	
6	NĐ Hải Phòng 2	600	600	7/2007	2009-10	2010-11	
7	TĐ Đồng Nai 4	340	340	12/2004	2010	2011	
8	NĐ Quảng Ninh 2	600	600	5/2007	2010	2010-11	
9	TĐ Sơn La	2.400	2.400	12/2005	2010-12	2010-2012	TM1:2010; TM6: 2012
10	NĐ Uông Bí MR2	300	300	5/2008	2011	2011	
11	TĐ A Lưới	150	150	6/2007	2011	11/2011	
12	TĐ Khe Bô	100	100	9/2007	2011	12/2011	
13	TĐ Bản Chát	220	220	1/2006	2011	2012	
14	TĐ Đồng Nai 2		70	1/2008		4/2012	
15	TĐ Đam Bri		75	1/2008		2013	
16	TĐ Huội Quảng	520	560	1/2006	2012	2013	
III	Các dự án chuẩn bị đầu tư	12.553	14.156				56,3%
1	NĐ Ô Môn 1 #2	300	300		2010	2012	
2	TĐ Sông Bung 4	156	156	2010	2012	2013	
3	TĐ Sông Bung 2	100	100	2010	2013	2013	
4	TĐ Vĩnh Sơn 2	110	110		2013	2013	
5	TĐ Thượng Kon Tum	220	220	2009	2013	2013	
6	NĐ Nghi Sơn 1	600	600	2009	2011-12	2013-14	
7	NĐ Vĩnh Tân 2	1.200	1.200	2009	2011-12	2013-14	TM1:2013; TM2:2014
8	NĐ Duyên Hải 1	1.200	1.200	2009	2011-12	2013-14	
9	NĐ Mông Dương 1	1.200	1.000	2010	2011-12	2013-14	Lũ KC sang 2010
10	TĐ Trung Sơn	260	260	2010	2012	2014-15	TM1:2014; TM2: 2015
11	NĐ Thái Bình 1	600	600	2011	Chưa XD	2014-15	
12	TĐ Hạ Sê San 2	207	420	4/2010	2014	2014	
13	NĐ Ô Môn 3		750		Chưa XD	2014	
14	NĐ Ô Môn 4		750		Chưa XD	2015	
15	TĐ Hạ Sê San 1		90			Sau 2015	
16	TĐ Lai Châu	1.200	1.200	2010	2014-15	2016	
17	NĐ Long Phú 2	1.200	1.200		2014	2015	
18	NĐ Vĩnh Tân 3	2.000	2.000	2011	2013	2014-15	
19	NĐ Duyên Hải 3	2.000	2.000			2016-17	
IV	Các dự án EVN chưa triển khai	297	297				1,2%
1	TĐ Thác Mơ MR	75	75		2010	Chưa XD	
2	Hạ Srepok 2 (CPC)	222	222		2015	2015	
	Tổng	33.085	25.153				

Đảng bộ Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ LÃNH ĐẠO TOÀN DIỆN

Ngay sau khi được thành lập (Quyết định số 299 QĐ/ĐUK ngày 8/10/2007 của Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương), Đảng bộ Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã khẩn trương kiện toàn, sắp xếp các tổ chức đảng trực thuộc, đã và đang phát huy hiệu quả cao vai trò lãnh đạo toàn diện trong các hoạt động của toàn Tập đoàn.



1. Bàn giao tổ chức cơ sở Đảng về Đảng ủy Tập đoàn Điện lực Việt Nam cuối năm 2007;
2. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng - UVBCT - Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ đến kiểm tra EVN về thực hiện Nghị quyết TW3, TW9 và Nghị quyết Đại hội X của Đảng ngày 13/10/2009;
3. Cán bộ, đảng viên thuộc Đảng bộ EVN học tập, quán triệt Nghị quyết IX (Khóa X);
4. Đồng chí Nguyễn Mậu Chung, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy EVN trao phần thưởng cho các đơn vị tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2008;
5. Đồng chí Đào Văn Hưng, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT EVN phát biểu tại Hội nghị BCH Đảng bộ mở rộng lần thứ nhất, ngày 10/1/2007;
6. Các thí sinh đạt giải trong Hội thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tháng 6/2008.



Công đoàn Điện lực Việt Nam:

ĐIỂM TỰA VỮNG CHẮC

Đồng hành cùng tiến trình phát triển của ngành Điện, Công đoàn Điện lực Việt Nam đã thực hiện tốt sứ mệnh vẻ vang của mình, luôn đi sâu, đi sát vào thực tiễn sản xuất và đời sống người lao động, phát động nhiều phong trào thi đua, kịp thời động viên, khích lệ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho CBCNV ngành Điện.



1. Lễ Ký kết giao ước thi đua hoàn thành dự án mua điện 220 kV Trung Quốc qua Hà Giang (năm 2007);
2. Ký giao ước thi đua liên kết tại Lễ Tổng kết Phong trào thi đua liên kết xây dựng Thủy điện Sơn La do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động (năm 2008);
3. Lễ gắn biển Công trình Ngăn lộ 500 kV Đốc Sỏi (Trạm 500 kV Đà Nẵng) kỷ niệm 50 năm ngày Truyền thống ngành Điện Việt Nam (năm 2004);
4. Ông Trần Văn Ngọc - Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam thăm và tặng quà CBCNV Công ty CP Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc (năm 2008);
5. Công Đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức gặp mặt các điển hình tiên tiến xuất sắc của ngành Điện được tặng Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh lần thứ nhất (năm 2008);

CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



6. Hội thi An toàn Vệ sinh viên giỏi lần thứ 3 (năm 2007);
7. Phần thi thực hành cấp cứu tai nạn lao động tại Hội thi An toàn - Vệ sinh viên giỏi lần thứ 3 do EVN tổ chức;
8. Tiết mục biểu diễn của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia tại Hội diễn Nghệ thuật quần chúng Tập đoàn Điện lực Việt Nam khu vực miền Bắc năm 2009;
9. Thi đấu giao hữu thể thao năm 2005 tại Hải Phòng do EVN tổ chức;
10. Công đoàn PC3 tổ chức Hội thao nhân kỷ niệm Ngày Truyền thống ngành Điện;
11. Hội diễn Nghệ thuật quần chúng Tập đoàn Điện lực Việt Nam khu vực miền Trung năm 2009.

SỨC TRẺ ĐOÀN THANH NIÊN EVN

Thời gian qua, mặc dù công tác đoàn thanh niên trong doanh nghiệp có nhiều hạn chế do đặc thù sức ép nhiệm vụ chuyên môn, đội ngũ cán bộ đoàn đa số kiêm nhiệm, nhưng Đoàn Thanh niên EVN vẫn khẳng định được sức trẻ, vai trò xung kích của tuổi trẻ ngành Điện thông qua nhiều hoạt động sôi nổi, thiết thực, góp phần giúp các đoàn viên nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức vì cộng đồng và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành...

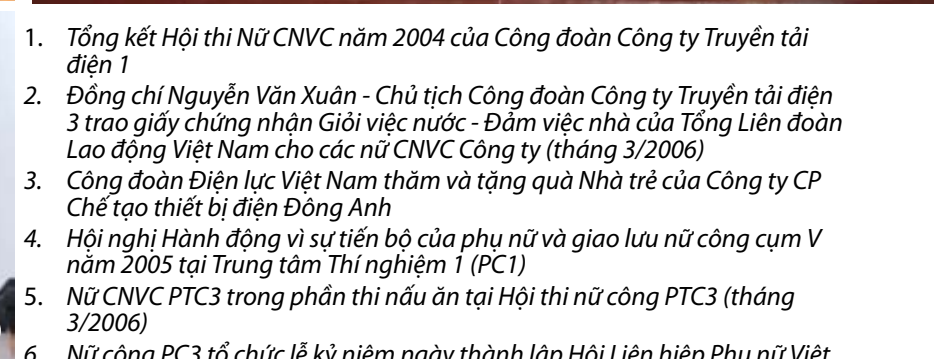


1. “Truyền thống và khát vọng” là chủ đề của Lễ kỷ niệm 54 năm ngày Truyền thống ngành Điện Việt Nam cũng là thể hiện tinh thần “uống nước nhớ nguồn”, quyết tâm xây dựng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ngày càng vững mạnh của thế hệ trẻ EVN;
2. Đoàn Thanh niên EVN trao quà Tết Kỳ Sầu tại Mộc Châu, Sơn La;
3. Đoàn Thanh niên EVN trao quà Tết Kỳ Sầu tại Mộc Châu, Sơn La;
4. Đoàn TNCSHCM PC3 thả nhang tưởng nhớ các liệt sỹ tại ngục KonTum tỉnh Kon Tum;
5. Đoàn TNCSHCM PC3 tổ chức trao tặng quà cho đồng bào vùng cao tại huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;
6. Tổ chức đêm Trung thu cho trẻ em;
7. Đoàn TN EVN hỗ trợ đồng bào tái định cư Thủy điện Bản Chát (Than Uyên, Lai Châu) làm đường giao thông;
8. Đoàn TNCSHCM Điện lực Bình Định tham gia Hội thao 3 môn Quân sự phối hợp do BCH Quân sự thành phố Quy Nhơn tổ chức;

Nữ cán bộ công nhân viên chức Điện lực Việt Nam

“GIỎI VIỆC NƯỚC, ĐẢM VIỆC NHÀ”

Ngành Điện là một ngành kinh tế - kỹ thuật, tưởng như chỉ là “đất dụng võ” của nam giới. Nhưng đội ngũ nữ CBCNV ngành Điện đã khẳng định được trình độ, năng lực và vai trò của mình. Không chỉ phát huy tinh năng động, sáng tạo, đạt nhiều thành tích xuất sắc, góp phần vào thành tựu chung của toàn Tập đoàn Điện lực Việt Nam mà các chị em còn tô đẹp thêm phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam: Yêu nước, thông minh, cần cù, nhân hậu...



1. Tổng kết Hội thi Nữ CNVC năm 2004 của Công đoàn Công ty Truyền tải điện 1
2. Đồng chí Nguyễn Văn Xuân - Chủ tịch Công đoàn Công ty Truyền tải điện 3 trao giấy chứng nhận Giỏi việc nước - Đảm việc nhà của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cho các nữ CNVC Công ty (tháng 3/2006)
3. Công đoàn Điện lực Việt Nam thăm và tặng quà Nhà trẻ của Công ty CP Chế tạo thiết bị điện Đông Anh
4. Hội nghị Hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ và giao lưu nữ công cụm V năm 2005 tại Trung tâm Thí nghiệm 1 (PC1)
5. Nữ CNVC PTC3 trong phần thi nấu ăn tại Hội thi nữ công PTC3 (tháng 3/2006)
6. Nữ công PC3 tổ chức lễ kỷ niệm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10
7. Hội thi thời trang của Câu lạc bộ nữ công ngành Điện khu vực Hà Nội (năm 2005)
8. Hội thi Nữ công giỏi năm 2009 do Công đoàn Điện lực Bình Định (PC3) tổ chức

DANH SÁCH VÀ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU
CÁC ĐƠN VỊ NGÀNH ĐIỆN

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ, điện thoại	Thành tích, danh hiệu tiêu biểu
I. CÔNG TY MẸ			
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam Electricity of VietNam (EVN)	18 Trần Nguyễn Hân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: 04. 22201394 Fax: 04. 22201364	- Huân chương Sao Vàng (năm 2004); - Huân chương Hồ Chí Minh (năm 1996)...
II. CHI NHÁNH EVN (27 đơn vị)			
1	Công ty Thủy điện Hòa Bình Hoa Binh Hydro Power Company	Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình ĐT: 0218.2210344 Fax: 0218. 3854155	- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 1998); - 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba; - 01 Huân chương Lao động hạng Nhất , 02 hạng Nhì, 02 hạng Ba; - 24 Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba cho các đơn vị trực thuộc và cá nhân...
2	Công ty Thủy điện Ialy Ialy Hydro Power Company (IPHCH)	727 Phạm Văn Đồng - Thành phố Plei Ku - Tỉnh Gia Lai ĐT: 059.2222008 Fax: 059. 3866470	- 02 Huân chương Lao động hạng Ba cho Công ty và Công đoàn; giải thưởng “Thương hiệu xanh bền vững” (năm 2008); - Cá nhân: 01 Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2005); 02 Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2004)...
3	Công ty Thủy điện Trị An Tri An Hydro Power Company	KP8, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai ĐT: 061.2217939 Fax: 061. 3861257	- Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1997), hạng Nhì (1989), hạng Ba (1995); - Huân chương Độc lập hạng Ba (1997)...
4	Công ty Thủy điện Quảng Trị Quang Tri Hydro Power Company (QTHPC)	Km1, đường Hồ Chí Minh, Thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị ĐT: 0532.226201 Fax: 053. 3781770	- Bằng khen, Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Quảng Trị; - Bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho 01 tập thể và 02 cá nhân...
5	Công ty Thủy điện Tuyên Quang Tuyen Quang Hydro Power Company (TQHPC)	Tổ 10, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang ĐT: 027.2214555 Fax: 027. 3865507	- Bằng khen UBND tỉnh Tuyên Quang (năm 2008, 2009)...
6	Công ty Thủy điện Đại Ninh Đại Ninh Hydro Power Company	Xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng ĐT: 063.2212259 Fax: 063.3671436	- Bằng khen của Bộ Công Thương, UBND tỉnh Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng, Cục An toàn lao động, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho tập thể và các cá nhân...
7	Công ty thủy điện Buôn Kúop Buon Kuop Hydro Power Company	Đường Mai Xuân Thưởng, TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk ĐT: 0500.3959529 Fax: 0500. 3959589	

8	Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia National Region Load Dispatch Center (NLDC)	Số 18, Trần Nguyễn Hân - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội ĐT: 04.22201310 Fax: 04.22201311	- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2008), hạng Ba (năm 2003). - Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ (năm 2002, 2004, 2005, 2006)...
	8.1 Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Bắc Northern Region Load Dispatch Center (NRLDC)	Số 18, Trần Nguyễn Hân - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội ĐT: 04.22201182	- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2008). - Nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Công nghiệp (Bộ Công Thương), EVN...
	8.2 Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Trung Central Region Load Dispatch Center (CRLDC)	80 Duy Tân, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng ĐT: 0511.2221002	- Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba...
	8.3 Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Nam Southern Region Load Dispatch Center (SRLDC)	Số 5, đường Sư Thiện Chiếu, F7, Q3, TP Hồ Chí Minh ĐT: 08.39307111	- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1994)...
9	Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1 Thermal Power Project Management Board No1 (TPMB1)	Văn phòng dự án Mông Dương: Số 425 phường Cửa Ông, thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh. ĐT :033.2222380 Fax: 033.3743827 Văn phòng Hà Nội: Nhà số 30 khu biệt thự 4 Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội ĐT: 04.36418781 Fax: 04.36418780	- 04 Bằng khen của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về thành tích thực hiện đầu tư XDCH (năm 1999,2000, 2002, 2007). - Bằng khen của UBND Tỉnh Hải Dương (năm 2003). - Cờ đơn vị thi đua xuất sắc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (năm 2001, 2005, 2007)...
10	Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 2 (ANĐ2) Thermal Power Project Management Board No2	Số 2 đường Duy Tân, phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ĐT: 0382.240051 Fax: 038. 3523299	- Bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (năm 2007, 2008)...
11	Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 3 Thermal Power Project Management Board No3 (TPPMUNo3)	Số 72, Hai Bà Trưng (lầu 4), Quận 1, TP Hồ Chí Minh ĐT: 08.22200449 Fax: 08.22200450	- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công nghiệp, Tập đoàn Điện lực Việt Nam...
12	Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân Vinh Tan Thermal Power Project Management Board (Vinh Tan TPPPMB)	10 đường 19/4, phường Xuân An, tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận ĐT: 062.2461222 Fax: 062.3739684	- Bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (năm 2008)...
13	Ban Quản lý dự án Thủy điện 1(ATĐ1) HYDRO POWER PROJECT MANNAGEMENT UNIT N°1	Nhà D10 Khuất Duy Tiến – Thanh Xuân – Hà Nội ĐT: 04.22148300 Fax: 04.35541397	- Bằng khen “Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao”, “ Chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu” của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (năm 2008)...
14	Ban Quản lý dự án Thủy điện 2 (ATĐ2) Hydro Power Project Management Unit No2	Đại lộ V.I.Lênin, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ĐT: 038.2221331 Fax: 038.3520473	- 01 Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể và 01 Huân chương Lao động hạng Ba cho cá nhân Trưởng ban Đào Duy Tân (năm 2009); - Nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công nghiệp, UBND tỉnh Quảng Trị, Nghệ An, EVN...

15	Ban Quản lý dự án Thủy điện 3 (ATĐ3) Hydro Power Project Management Unit No3	Lô 8 E1, đường 2- 9, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng ĐT: 0511.3642267 Fax: 0511.3642266	- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2003); - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2007); - Bằng khen của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương) (năm 1999, 2001, 2003); - Bằng khen của UBND tỉnh Phú Yên (năm 2001, 2002), UBND tỉnh Quảng Nam (2004, 2006), UBND tỉnh Đà Nẵng (2005)...
16	Ban Quản lý dự án Thủy điện 4 (ATĐ4) Hydro Power Project Management Unit No4	Quốc lộ 19, thôn 16, Trà Bá, tp Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 059.3822961 Fax: 059.3874880	
17	Ban Quản lý dự án Thủy điện 5 (ATĐ5) Hydropower Project Management Unit No.5 (HPMU5 – ATĐ5)	Số 25, đường Trường Chinh, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; ĐT: 050.3955584 Fax: 050.3955582	- Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ, Bộ Công nghiệp (Bộ Công Thương), Tập đoàn Điện lực Việt Nam...
18	Ban Quản lý dự án Thủy điện 6 (ATĐ6) Hydropower Project Management Unit No.6 (HPPMU6)	25 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ĐT: 08.22100423 Fax: 08.38206776	- Huân chương Lao động hạng Nhất (2003); - Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công nghiệp, Tập đoàn Điện lực Việt Nam...
19	Ban Quản lý dự án Thủy điện 7 (ATĐ7) Hydro Power Project Management Board No.7 (HPPMBNo.7)	539 Lạc Long Quân – Phường Trần Quang Diệu – thành phố Quy Nhơn – tỉnh Bình Định ĐT: 056.3941128 Fax: 056.3941129	- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Thương (năm 2006); - Bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (năm 2006, 2008)...
20	Ban Quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La Son La Hydropower Project Management Board	Nhà D10 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân Hà Nội/ Đường Lò Văn Giá, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La ĐT: 04.35541387 Fax: 04.35541371	- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (năm 2005, 2008), Bộ Công nghiệp (năm 2004); - Bằng khen của Bộ Công nghiệp (Bộ Công Thương) năm 2005, 2007...
21	Ban Quản lý dự án Thủy điện Trung Sơn Trung Son Hydropower Project Management Board (Trung Son HPMB)	Tầng 3, 4 Nhà A4 Khách sạn Thanh Hoa, số 25A Quang Trung, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá ĐT: 037.2480.017 Fax: 037.3726335	- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam...
22	Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2 Song Bung 2 Hydro Power Project Management Board (Song Bung 2 HPMB)	Tây cầu Tuyên Sơn, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng ĐT: 0511.3623084 Fax: 0511. 3622085	
23	Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 4 Song Bung 4 Hydro Power Project Management Board	Tầng 5, số 78A Duy Tân, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng ĐT: 0511.2488800 Fax: 0511.3621535	

24	Ban Quản lý dự án Xây dựng dân dụng EVN Civil Project Management Board (EVN CPMB)	11 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch – Ba Đình - Hà Nội ĐT: 04. 22131780 Fax: 04.37162789	- Bằng khen của Bộ Công Thương (năm 2006); - Bằng khen của EVN (năm 2007); - Giấy khen của Đảng ủy cơ quan EVN (năm 2006); - Giấy khen của Đảng ủy cơ quan EVN (năm 2007)...
25	Trung tâm Thông tin Điện lực Electricity Information Center (EIC)	Tầng 14, số 623 đường La Thành - Ba Đình - Hà Nội ĐT: 04.22130208 Fax: 04.37725192	- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 1997); - Bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (năm 2008), Công đoàn Điện lực Việt Nam (năm 2005, 2008); - 2 Bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam khen thưởng cá nhân có thành tích đạt Giải Ba trong Cuộc thi Tuyên truyền Tiết kiệm điện năm 2005 và 2006. - Giải đặc biệt dành cho Phóng viên chuyên nghiệp tại cuộc thi “Tự hào người thợ điện Việt Nam” của Công đoàn Điện lực Việt Nam năm 2006. - Giải 3 cuộc thi Tuyên truyền tiết kiệm điện năm 2007 của Công Đoàn Điện lực Việt Nam...
26	Ban Chuẩn bị đầu tư Dự án điện hạt nhân và năng lượng tái tạo Nuclear power and Renewable Energy projects Pre-Investment Board (NRPB)	33 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội ĐT: 04.22430736 Fax: 04.37842781	- 02 Bằng khen của Bộ Công Thương; - 05 Bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho 1 tập thể và 4 cá nhân - 05 Bằng khen chiến sỹ thi đua cơ sở...
27	Công ty Mua bán điện Electric Power Trading Company	Tầng 9 tòa nhà số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: 04.22218219 Fax: 04.22218214	- Bằng khen của Bộ Công thương cho 4 cá nhân. - 01 Cờ thi đua xuất sắc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; - 02 Bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho tập thể và 08 Bằng khen cho các cá nhân; - Các danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, kỷ niệm chương “Vi sự phát triển ngành Công thương Việt Nam”...
III. CÔNG TY CON			
CÔNG TY THÀNH VIÊN HẠCH TOÁN ĐỘC LẬP (8 đơn vị)			
28	Công ty Điện lực 1 Power Company No1 (PC1)	20 Trần Nguyên Hãn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: 04.22100705 Fax: 04.38244033	- Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân: 6 đơn vị; - Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới: 02 đơn vị và 07 cá nhân; - Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba: 11 đơn vị; - 106 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba cho cá nhân và tập thể...
29	Công ty Điện lực 2 Power Company No2 (PC2)	72 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh ĐT: 04.22200344 Fax: 08.22200301	- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2005); - 01Huân chương Lao động hạng Nhất; - 01 Huân chương Lao động hạng Nhì; - 02 Huân chương Lao động hạng Ba; - 01Huân chương Độc lập hạng Nhì; - 01Huân chương Độc lập hạng Ba...
30	Công ty Điện lực 3 Power Company No3 (PC3)	393 Trưng Nữ Vương – TP. Đà Nẵng ĐT: 0511.2221028 Fax: 0511.362507	- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2004); - Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm 2007), hạng Ba (năm 2000)...

31	Công ty Điện lực thành phố Hà Nội Hanoi Power Copany (HNPC)	69 Đinh Tiên Hoàng - phường Lý Thái Tổ - quận Hoàn Kiếm - TP Hà Nội. ĐT: 04.22200898 Fax: 04.22200899	- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (LLVTND) (năm 2001); - Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm 2009), hạng Ba (năm 1999); - Huân chương Lao động hạng Nhất cho Công đoàn Công ty (năm 2006), hạng Nhì cho Công đoàn Công ty (năm 1999); - Huân chương Chiến công hạng Nhì (năm 2000)...
32	Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh Hochiminh City Power Company (HCMPC)	Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai – Phường Đakao – Quận 1 – TP.HCM ĐT: 08.22100627 Fax: 08.22201166	- Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2002); - 02 Huân chương Lao động hạng Nhất; - 07 Huân chương Lao động hạng Nhì; - 43 Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể và cá nhân; - Anh hùng Lao động (01 cá nhân – năm 1985)...
33	Công ty Nhiệt điện Uông Bí (NĐUB) Uong bi Thermal Power Company (UPC)	Phường Quang Trung, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh ĐT: 033.3854011 Fax: 033.3854181	- Anh hùng Lao động thời kỳ chống Mỹ (năm 1973); - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (năm 1998)...
34	Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi DA NHIM - HAM THUAN - DA MI HYDRO POWER COMPANY (DHD)	80A, Đường Trần Phú, phường Lộc Sơn, Thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng ĐT: 063.2212353 Fax: 063.3866457	- Anh hùng Lao động (năm 2005); - Huân chương Lao động hạng Nhất (1997), hạng Nhì (năm 1985); hạng Ba (năm 1976, 1979, 1987, 2000, 2004)...
35	Công ty Thông tin Viễn thông Điện lực EVNTelecom	30A Phạm Hồng Thái - Ba Đình - Hà Nội ĐT: 04. 22100 526	- Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2007, 2008 (Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng); - Mạng di động cố định không dây được nhiều người sử dụng nhất 2007, 2008 (Giải thưởng thuộc Vietnam Mobile Awards 2007, 2008); - Cúp vàng CNTT 2007 (Tuần lễ tin học VN 2007)...

CÔNG TY TNHH MTV (9 đơn vị)

36	Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia NATIONAL POWER TRANSMISSION CORPOATION (NPT)	Số 06 Hàng Bún, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, TP Hà Nội ĐT: 04.22204444 Fax: 04.22204455	- Bằng khen Thủ tướng Chính phủ năm 2008 cho 02 cá nhân Cơ quan Tổng công ty; - Bằng khen Bộ Công Thương năm 2008 cho 3 tập thể và 6 cá nhân Cơ quan Tổng công ty...
	36.1 Công ty Truyền tải điện 1 POWER TRANSMISSION COMPANY No1 (PTC1)	15 Cửa Bắc - Ba Đình - Hà Nội ĐT: 04.22100253	- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới cho Công ty (năm 2005) và Trạm biến áp 220 kV Đồng Hòa - Hải Phòng (năm 2005); - 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba; - 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì, 01 Huân chương Lao động hạng Ba; * Cá nhân: 01 Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2000)...
	36.2 Công ty Truyền tải điện 2 Power Transmision Company No.2 (PTC2)	174 Nguyễn Văn Linh – TP Đà Nẵng ĐT: 0511.2225.611	- Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2009); - 01 Huân chương Lao động hạng Nhì cho Công ty; 02 Huân chương Lao động hạng Nhì cho các cá nhân; - 14 Huân chương Lao động hạng Ba cho các tập thể; - 13 Huân chương Lao động hạng Ba cho các cá nhân...
	36.3 Công ty Truyền tải điện 3 Power Transmission Company No.3 (PTC3)	14 Trần Hưng Đạo - Tp. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hoà ĐT: 058. 222 0468	- Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2003), hạng Nhì (năm 1998), hạng Ba (năm 1995) * Cá nhân: 01 Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới...

	36.4 Công ty Truyền tải điện 4 The Power Transmission Company N 4 (PTC4)	Số 07 quốc lộ 52, phường Trường Thọ , Quận Thủ Đức. TPHCM ĐT: 08. 2180806	- Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2006); - Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2001); Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1995), hạng Nhì (năm 1991), hạng Ba (năm 1985); - Cá nhân và đơn vị trực thuộc: 01 Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới; 47 Huân chương Lao động hạng Nhì, Ba...
	36.5 Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc (AMB) The Northern Viet Nam Power Projects Managerment Board	94 đường Bạch Đằng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: 04.22103112	- Huân chương Lao động hạng Ba (2003); - Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (năm 2002); - Cờ Thi đua xuất sắc Bộ Công nghiệp (năm 2003, 2005)...
	36.6 Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung (AMT) CENTRAL VIET NAM POWER PROJECTS MANAGEMENT BOARD	478 đường 2/9 phường Hoà Cường Nam, Q Hải Châu, Tp Đà Nẵng. ĐT: 0511. 2220837	- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất (2009), 01 Huân chương Lao động hạng Nhì (2004) - Nhiều Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ, UBND thành phố Đà Nẵng...
	36.7 Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Nam (SOUTHERN VIETNAM POWER PROJECT MANAGEMENT BOARD)	383 Bến Chương Dương, Quận 1, Tp.HCM ĐT: 08.221 00714	- 01 Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2005) - 01 Cờ Thi đua xuất sắc của Chính phủ (năm 2005) - 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2003)...
37	Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai Dongnai Power Company Limited (DNPC)	01 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ĐT: 061.22110.233 Fax: 061.2220244	- Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2003), hạng Nhì (năm 1996), hạng Ba (năm 1987); - Cá nhân: 02 Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2004 và 2006)...
38	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng Haiphong Power Company Limited (HPPC)	Số 9 Trần Hưng Đạo - Phường Hoàng Văn Thụ - Quận Hồng Bàng – TP Hải Phòng ĐT: 031.2210.206 Fax: 031.3745905	- Anh hùng LLVTND (năm 2001) - Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2008) - Huân chương Lao động hạng Nhất (2003), hạng Nhì (1988), hạng Ba (năm 1994)...
39	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Haiduong Power Company Limited (HDPC)	33 Đại lộ Hồ Chí Minh - Thành phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương ĐT: 0320.3220303 Fax: 0320.2220613	- Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2008), hạng Hai (năm 2004), hạng Ba (năm 1999)...
40	Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình NinhBinh Power One member Ltd.Co	Km số 2 - Quốc lộ 1A - phường Đồng Thành - thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình ĐT: 030.2210211 Fax: 030.3884201	- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2001); - Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2007)...
41	Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng DaNang Power Company Limited (DNP)	35 Phan Đình Phùng - Quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng ĐT: 0511.2220501 Fax: 0511.3821382	- Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2005). - Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1995). hạng Nhì (năm 1990), hạng Ba (năm 1985, 1997)...

42	Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Cần Thơ (NDCT) CanTho Thermal power Co,ltd (CTTP)	Số 01 Lê Hồng Phong – P.Trà Nóc – Q.Bình Thủy – TP.Cần Thơ ĐT: 0710.2227444 Fax: 0710.3841699	- Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1999). - Huân chương Lao động hạng Ba và hạng Nhì (năm 1983, 1987) - 2 Huân chương Lao động hạng Ba cho cá nhân...
43	Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Phú Mỹ PHUMY THERMAL POWER COMPANY LIMITED (PMTP Co.,LTD)	Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu ĐT: 064.3876927 Fax: 064.3876930	- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2007). - Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2004 và 2007)...
44	Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Thủ Đức THU DUC THERMAL POWER COMPANY, LIMITED	Km 9 Xa lộ Hà Nội, P.Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 08.22 158 280 Fax: 08.38966958	01 Huân chương Lao động hạng Nhất. 01 Huân chương Lao động hạng Nhì. 03 Huân chương Lao động hạng Ba. Cờ thi đua xuất sắc, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam...
CÔNG TY CỔ PHẦN (22 đơn vị)			
45	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ THAC MO HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY (TMHPC)	Khu 5, thị trấn Thác Mơ, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước ĐT: 0651.2216308 Fax: 0651.3778268	- Huân chương Lao động hạng Ba (2001). - Nhiều Bằng khen của Bộ Công nghiệp, Bộ Công An, UBND tỉnh Bình Phước, EVN...
46	Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình Ninh Binh Thermal Power Joint Stok Company (NBTPC)	Đường Hoàng Diệu - Phường Thanh Bình – Thành phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình ĐT: 030.2210537 Fax: 030.3622711	- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2009; - Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2003; hạng Nhì (1978, 1986 và 1997); hạng Ba (1975, 1982). - Giải nhất giải thưởng VIFOTECH...
47	Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa BARIA THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY (BTP)	Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa – tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ĐT: 064.2212 811 Fax: 064.3825985	- 02 Huân chương Lao động hạng Hai cho tập thể và cá nhân. - 04 Huân chương lao động hạng Ba cho tập thể và cá nhân...
48	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 1 (PECC1)	Km9+200 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội ĐT: 04 38544270 Fax: 04.38541208	- Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (năm 2005); - 01Huân chương Độc lập hạng Nhì; - 30 Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; - Nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành; Nhiều cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ và EVN...
49	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 2 (PECC2)	32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam ĐT: 08. 22211057 Fax: 08.22210408	- 01Huân chương Độc lập hạng Ba. - 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 02 hạng Nhì. - Nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ, chính quyền địa phương và các huân chương cho cá nhân...
50	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3 Power Engineering Consulting Company 3 (PECC3)	32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam ĐT: 08.39307938 Fax: 08.22210953	- 01 Huân chương Độc lập hạng Ba. - 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 hạng Nhì. - Nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công nghiệp...

51	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 4 (PECC4)	11 Hoàng Hoa Thám - thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa ĐT: 058.2220401 Fax: 058.2220400	- 01 Huân chương Độc lập hạng Ba. - 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 hạng Nhì, 05 hạng Ba. - Nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công nghiệp...
52	Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức Thu Duc Electromechanical Joint Stock Company	Km9 Xa lộ Hà Nội, p.Trường Thọ, q.Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh ĐT: 08.22144647 Fax: 08.38963159	
53	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại PHA LAI THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY (PLPC)	Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương ĐT: 0320. 3881126 Fax: 0320.3881338	-Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1997, 2003). - «Cúp vàng vì sự phát triển Cộng đồng lần 3» (năm 2008). - Huân chương Lao động hạng Ba cho cá nhân (năm 2008)...
54	Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên,Thành phố Hải Phòng ĐT: 031.3775161 Fax: 031.3775162	- Bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (năm 2007, 2008)...
55	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh Quang Ninh thermal Power Joint Stock Company	Tổ 33 Khu 5 Phường Hà Khánh, Thành Phố Hạ long, tỉnh Quảng Ninh ĐT: 033.3657539 Fax: 033.3657540	
56	Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực POWER ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY	150 Đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội ĐT: 04.38271498 Fax: 04.38271731	- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2009). - Cúp vàng Doanh nghiệp phát triển bền vững...
57	Công ty cổ phần cơ điện miền Trung Central area Electrical Mechanical joint stock company (CEMC)	KCN Hoà Cầm, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. ĐT: 0511. 2218455 Fax: 0511.3846224	- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2005). - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương,...
58	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa Khanh Hoa Power Joint-Stock Company (KHPC)	Số 11- Lý Thánh Tôn - Nha Trang - Khánh Hoà ĐT: 058.2220.220 Fax: 058.3823828	- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2000); - Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2000); - Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1995); hạng Nhì (năm 1993, 1999), hạng Ba (năm 1985, 2000)...
59	Công ty cổ phần Thủy điện A Vương A VƯƠNG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY	Trụ sở chính : Thị trấn Thạnh Mỹ - Huyện Nam Giang – Tỉnh Quảng Nam. Văn phòng đại diện : Tầng 8, toà nhà Cty CP bắt động sản điện lực Miền trung, 78A Duy Tân, TP Đà Nẵng ĐT: 0511.2211103 Fax: 0511.3643885	- 01Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 hạng Nhì, 01 hạng Ba; - Nhiều Bằng khen thủ tướng Chính phủ,Bộ Công Thương, UBND tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam...
60	Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ Song Ba Ha Hydro Power Joint Stock Company (SBH)	Số 2C Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên ĐT: 057.3811456 Fax: 057.3811455	

61	Công ty cổ phần Thủy điện Bản Vẽ BAN VE HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY	Đường V.I. Lênin, phường Phúc Hưng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ĐT: 038.2210331 Fax: 038.3520473	
62	Công ty cổ phần Thủy điện Sông Thu Bốn	Tây cầu Tuyên Sơn, Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng ĐT: 0511.2642267 Fax: 0511.3642266	
63	Công ty cổ phần Thủy điện Sê San 4	114, đường Lê Duẩn, thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai ĐT: 059.2222565 Fax: 059.3874880	
64	Công ty cổ phần Thủy điện Srêpôk	25 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ĐT: 0500.3955584 Fax: 0500.3955582	
65	Công ty Cổ phần Thủy điện An Khê - Ka Nak An Khê - Ka Nak Hydro Power Joint Stock Company	Ban QLDA Thủy điện 7, 539 Lạc Long Quân, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. ĐT: 056.3941128 Fax: 056.3941129	
66	Công ty cổ phần Thủy điện Đồng Nai Dong Nai Hydro Power Joint Stock Company	25 Thạch Thị Khanh, phường Tân Định, quận 1, Tp Hồ Chí Minh ĐT: 08.22100423 Fax: 08.38206776	
IV. ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP (5 đơn vị)			
67	Viện Năng lượng Institute of Energy	Số 6, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội ĐT: 04.38529307 Fax: 04.38529302	+ 01 Huân chương Lao động Hạng 1 (năm 2005). + 01 Huân chương Lao động Hạng 2 (năm 1999). + 01 Huân chương Lao động Hạng 3 (năm 1986)...
68	Trường Đại học Điện lực Electric Power University (EPU)	235 Hoàng Quốc Việt – Hà Nội ĐT: 04.38343839 Fax: 04.38362065	- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2006). - 02 Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1985, 2001). - 01 Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1976). - 05 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ...
69	Trường Cao đẳng Điện lực thành phố Hồ Chí Minh HoChiMinh city Electric Power College (HEPC)	554 Hà Huy Giáp, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 08.22155664 Fax: 08.38919049	- 01 Huân chương Lao động hạng Nhì (tập thể), 02 hạng Ba (cho tập thể và cá nhân); - Nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương...
70	Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung Electric Power College of the Central Vietnam (ECC)	04 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam ĐT: 0510.2212201 Fax: 0510.3862198	- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất; - 02 Huân chương Lao động hạng Nhì; - 02 Huân chương Lao động hạng Ba...

71	Trường Cao đẳng nghề điện Electrical Vocational College (EVC)	Xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội ĐT: 04.22175586 Fax: 04.35811490	- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2007), 01 hạng Nhì (năm 2002), 02 hạng Ba (năm 1987, 1997); - 01 Huân chương Chiến công hạng Nhì (năm 2005), 01 hạng Ba (năm 1999); - Nhiều bằng khen, cờ thưởng của các bộ, ngành...
V. CÔNG TY LIÊN KẾT (23 ĐƠN VỊ)			
72	Công ty cổ phần Thủy điện Vinh Sơn - Sông Hình Vinh Son - Song Hinh Hydro Power Joint Stock Company	Số 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định ĐT: 056.3892792 Fax: 056.3891975	- Huân chương Lao động hạng Ba; - Cờ luân lưu của Thủ tướng Chính phủ; - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ...
73	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà Thac Ba Hydro Power Joint Stock Company (TBC)	Thị trấn Thác Bà - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái ĐT: 029.3884116 Fax: 029.3884167	- Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân (năm 1999); - Huân chương Chiến công (năm 1996); - Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (năm 1973); - Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1982), hạng Nhì (năm 1973, 1975, 1979), hạng Ba (năm 1976, 1980, 1996, 1998)....
74	Công ty cổ phần phát triển Điện lực Việt Nam Viet Nam Development Joint Stock Company (VNPD)	Tầng 11, số 623 đường La Thành, Ba Đình, Hà Nội. ĐT: 04.22131580 Fax: 04.37724355	
75	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A SeSan 3A Power Investment and Development Joint – Stock Company (SeSan 3A PID Joint – Stock Co)	Số nhà 96 đường Phạm Văn Đồng – phường Hoa Lư – TP PleiKu – Gia Lai ĐT: 0596.330350 Fax: 0593.716410	- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2006); - Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây dựng (năm 2005); - Bộ Xây dựng công nhận “Tập thể lao động xuất sắc” (năm 2007)...
76	CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVNT2)	Ấp 3 – xã Phước Khánh – huyện Nhơn Trạch – tỉnh Đồng Nai ĐT: 061.2225899 Fax: 061.2225897	
77	CTCP Năng lượng Vĩnh Tân 3 Vinh Tan 3 Energy Joint Stock Company	T15, Tháp Viwcom, 191 Bà Triệu, thành phố Hà Nội ĐT: 04.39748320 Fax: 04.39748321	
78	Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình An Binh Commercial Joint stock Bank (ABBANK)	170 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. ĐT: 08. 38 244 855 Fax:	- “Ngân hàng thanh toán quốc tế xuất sắc 2007” và “Ngân hàng thanh toán quốc tế xuất sắc 2008” do Wachoviabank – một trong bốn ngân hàng lớn nhất của Mỹ trao tặng. - “Nhân hiệu nổi tiếng quốc gia 2008”, “Nhân hiệu nổi tiếng quốc gia 2009” do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng. Thương hiệu nổi tiếng VN 2008: do VCCI và công ty Nielsen trao tặng...

79	Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung Central Hydropower Joint Stock Company (CHP)	Khu Công Nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng ĐT: 0511.3210578 Fax: 0511.3935960	
80	Công ty cổ phần Điện Việt – Lào Viet - Lao Power Joint Stock Company (VLPC JSC)	Tầng 7 khu A nhà G10 - Thanh Xuân Nam (Hà Nội) ĐT: 04.38548627 Fax: 04.38548627	- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cá nhân (năm 2008); - Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho đơn vị (năm 2006)...
81	Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu Global Insurance Company (GIC)	Lầu 2 toà nhà ITAXA, 126 Nguyễn Thị Minh Khai, P 6, Q 3, TP HCM. ĐT: 08. 39 330 113 Fax: 08.9202628	“Doanh nghiệp thương mại dịch vụ tiêu biểu 2008” do Bộ Công thương chứng nhận...
82	Công ty cổ phần Chứng khoán An Bình An Binh Securities (ABS)	Tầng 1 số 101 Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội ĐT: 04.35624626 Fax: 04.35624628	- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 do BUREAU VERIAS cấp (năm 2008); - Nằm trong top 10 công ty chứng khoán có thị phần Môi giới lớn nhất tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) (năm 2009)...
83	Công ty cổ phần Chứng khoán Hà Thành Ha Thanh Securities Joint Stock Company (HASC)	69 Đinh Tiên Hoàng – Hoàn Kiếm – Hà Nội. ĐT: 04.39429472 Fax: 04.39429473	Thương hiệu Chứng khoán uy tín (năm 2008)...
84	Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc North Power Service Joint Stock Company (NPS)	Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương ĐT: 03203 582909 Fax: 0320.3582905	
85	Công ty cổ phần EVN Quốc tế EVN INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY	78A Duy Tân, Hải Châu, Đà Nẵng – Việt Nam. ĐT: 0511.2226 800 Fax: 04.38532278	Bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công đoàn Điện lực Việt Nam...
86	Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Sài Gòn Vina Saigon Vina Electricity land Jointstock Company (EVN LAND SAIGON JSC)	8-8bis Hàm Tử, Phường 1, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh ĐT: 08. 2241 8282 Fax: 08.35262524	
87	Công ty Cổ phần Bất động sản EVN-Land Nha Trang EVN-Land Nha Trang Real Estate Joint Stock Company	11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, TP NhaTrang tỉnh Khánh Hòa ĐT: 058.2220626 Fax: 058.2220636	

88	Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung Central Power Real Estate Joint Stock Company (LEC)	Toà nhà 9 tầng, số 78A Duy Tân - TP. Đà Nẵng. ĐT: 0511.2466466 Fax: 0511.2222233	
89	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội Hanoi Power Investment Joint Stock Company (HNPIC.,JSC)	Số 1, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội ĐT: 04.22249252 Fax: 04.22249329	
90	Công ty cổ phần Chế tạo thiết bị điện Đông Anh Dong Anh electrical equipment manufacturing joint stock company (EEMC)	Tổ 26, Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP.Hà Nội ĐT: 04. 38833779 Fax: 04.38833113	* Tập thể: - Huân chương Lao động hạng Nhất (2008), hạng Nhì (1991), hạng Ba (1984). - Huy chương Vàng cho máy biến áp 110 kV, 220 kV... * Cá nhân: - 01 Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2006). - 01 Huân chương Lao động hạng Ba (2008)...
91	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng điện lực Việt Nam Vietnam Electricity Invesment and Contructiont Joint Stock Company EVNIC.,JSC.	Tầng 2, tòa nhà Sông Hồng, 885 đường Hồng Hà, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: 04.22205555 Fax: 04.22205556	
92	Công ty cổ phần Thiên đường Lăng Cô Lang Co Paradise Joint stock Company	102 Nguyễn Huệ, TP Huế Tỉnh Thừa Thiên Huế ĐT: Fax:	
93	Công ty Tài chính cổ phần Điện lực EVN Finance Joint-Stock Company (EVNFinance)	Tầng 6, 7 Toà nhà 434 Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. ĐT: 04.22229999 Fax: 04.22221999	
94	Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình Thuan Binh Wind Power Joint Stock Company	A15, Lê Quý Đôn, Phường Phú Thủy, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận ĐT: 062 3823024 Fax: 062 3823024	

TỔNG: 94 ĐƠN VỊ

(Nguồn: Ban Tổ chức và Nhân sự EVN; các đơn vị)

MỤC LỤC

Phần	Tên bài	Trang
Phần mở đầu	Lời nói đầu	1
	Sứ mệnh của ngành Điện là luôn phải đi trước	2
	55 năm thắp sáng dòng điện Cách mạng	5
Phần 1: Phác họa bức tranh lịch sử	Tiếng nói của hơn 94 ngàn lao động ngành Điện: Tất cả vì sự phát triển của Điện lực Việt Nam	9
	Những bước ngoặt lịch sử	12
	Nơi khắc họa lịch sử ngành Điện	21
	Sống mãi với thời gian	24
	Lãnh đạo cơ quan Nhà nước quản lý ngành Điện qua các thời kỳ	26
	Lãnh đạo Điện lực Việt Nam qua các thời kỳ	29
	Hồi ức những người làm điện	31
	Bảng vàng 55 năm	34
	Điện lực Việt Nam - Đi lên cùng đất nước	37
	Những con số biết nói	41
	Thống nhất lưới điện toàn quốc - Bước chuyển về “chất”	46
	“Bản trường ca” chinh phục sông Đà	51
	Triển khai Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025: Chính phủ quyết liệt, ngành Điện quyết tâm	55
	Luật Điện lực: Nền tảng pháp lý cho hoạt động điện lực	58
	Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia: Thời cơ và thách thức	60
Phần 2: Những bước chuyển mình	Xứng đáng vai trò “nhạc trưởng” trong điều hành hệ thống điện quốc gia	64
	Thị trường điện - Xu thế tất yếu và những nỗ lực của EVN	67
	Giá điện - Bước đầu điều chỉnh theo cơ chế thị trường	71
	EVN chủ động nguồn vốn đáp ứng phụ tải, tăng trưởng kinh tế	74
	Hiệu quả điện khí hóa nông thôn: Khẳng định “ý Đảng, lòng Dân”	77
	Hợp tác quốc tế - Rút ngắn khoảng cách hội nhập	80
	Nghiên cứu ứng dụng KHCN trong ngành Điện - Nền tảng căn bản cho sự phát triển	83
	Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững	87
	Phát triển năng lượng tái tạo – góp phần đa dạng hoá nguồn điện, đảm bảo an ninh năng lượng	90
	Phát triển điện hạt nhân Việt Nam: Mốc son trong lịch sử phát triển hệ thống điện	94

Phần 3: Trên đường hội nhập		98
Trên những công trình trọng điểm	Công trình Thủy điện Sơn La: Tầm vóc một công trình	99
	Thủy điện Lai Châu - Công trình thủy điện lớn thứ 3 cả nước: Sẻ thay đổi diện mạo vùng Tây Bắc	102
	Kỳ tích trên dòng Krông Nô	104
	Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp: Đánh thức dòng sông	107
	Công trình đường dây 500 kV Thường Tín - Quảng Ninh: Tất cả vì tiến độ, chất lượng công trình	109
	Đường dây 500 kV Nhà Bè- Ô Môn: Góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội miền Tây Nam Bộ	112
	Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng: Sóng gió thử thách tay chèo	115
	Điện sáng các thôn, buôn Tây Nguyên	118
	Thủy điện Hòa Bình: Tiếp tục sứ mệnh vẻ vang	120
	Công ty Thủy điện Ialy: Vầng sáng Tây Nguyên	123
Đến với những người làm ra ánh sáng	Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa: Quá khứ tự hào, tương lai phát triển	126
	Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Phú Mỹ: Phát huy nội lực	129
	Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại: Chuyển mình vượt vũ môn	132
	Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình: Hồi sinh và phát triển	135
	Công ty CP Thủy điện Thác Mơ: Tận dụng lợi thế, tối đa sản lượng	138
	Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi: Nơi quy tụ “anh tài” thủy điện miền Nam	140
	Công ty TNHHNN MTV Nhiệt điện Cần Thơ: Thắp sáng vùng sông nước miền Tây	143

<i>Gian nan hành trình “vận tải” điện</i>	Công ty truyền tải điện 1: Năng lượng từ những phong trào thi đua	145
	Công ty truyền tải điện 2: Đảm bảo huyết mạch dòng điện	148
	Công ty truyền tải điện 3: Đoàn kết là yếu tố quyết định	151
	Công ty truyền tải điện 4: Tăng tốc từ công nghệ mới	155
<i>Kinh doanh điện – “làm dâu trăm họ”</i>	Công ty Điện lực TP Hà Nội: Thắp sáng Thủ đô Anh hùng	158
	Công ty Điện lực 1: Những chặng đường gian nan	162
	Công ty Điện lực 2: Động lực quyết định tăng trưởng kinh tế miền Nam	165
	Công ty Điện lực 3: Từ dải đất “trắng điện”...	168
	Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng: Đi đúng hướng và đạt mục tiêu	171
	Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh: Sứ mệnh tiên phong	174
	Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai: Cấp điện đủ “lượng” và “chất”	177
	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng: Đi đầu trong giảm tổn thất điện năng	180
	Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình: “Thắp lửa” vùng đất cổ đô...	183
	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương: Đột phá sau chuyển đổi mô hình tổ chức	185
	Công ty CP Điện lực Khánh Hòa: Đón đầu khi Khánh Hòa “chuyển mình”	188
	Công ty CP SX Thiết bị điện - Đông Anh: Mở những trang sử mới của ngành cơ khí điện lực	191
<i>Bước ngoặt của ngành Cơ khí điện VN</i>	Công ty CP cơ điện miền Trung: Quyết tâm trở thành trung tâm cơ khí mạnh ở miền Trung	194
	Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc: Rộng mở tiềm năng phát triển	197
	Công ty Viễn thông Điện lực: EVNTelecom – Kết nối sức mạnh	199
<i>Viễn thông điện lực - Kết nối sức mạnh</i>	EVNTelecom với “tấm vé” 3G: Vận hội mới	202
	Ngân hàng TM CP An Bình: Bứt phá từ những lợi thế của EVN	205
<i>Đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh – đón đầu hội nhập</i>	Công ty CP Bảo hiểm toàn cầu: Đột phá trên mối liên kết bền vững	208
	Công ty Tài chính CP Điện lực: “Cầu nối” cho các nhà đầu tư vào ngành Điện	211
	Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1: “Cánh chim đầu đàn” của tư vấn Việt	214
<i>Dấu ấn “thương hiệu Việt” trên các công trình</i>	Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 2: Tiên phong trong ứng dụng công nghệ hiện đại	217
	Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3: Đón đầu cho tương lai	219
	Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4: Trưởng thành từ những công trình	221

<i>Chất xám ngành Điện – mở cánh cửa hội nhập</i>	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Để viết tiếp những trang sử vẻ vang	224
	Trường Đại học Điện lực: Vươn tới đẳng cấp quốc tế	227
	Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung: “Nôi” đào tạo nhân lực cho ngành Điện miền Trung, Tây Nguyên	230
	Viện Năng lượng: Khẳng định thương hiệu	232
<i>Hiện đại hoá CNTT - Hội nhập và phát triển</i>	Trung tâm Công nghệ Thông tin: Dấu ấn EVNIT	235
<i>Mô hình cổ phần - khẳng định năng lực và hiệu quả</i>	Công ty CP EVN – Quốc tế: Cầu nối hợp tác, trao đổi điện năng	238
	Công ty CP Thủy điện miền Trung: Trưởng thành từ “đứa con” đầu lòng	240
<i>Rộng mở “cánh cửa” truyền thông</i>	Báo chí và thông tin truyền thông về EVN: “Cầu nối” giữa EVN và công chúng	242
<i>Hợp tác cùng phát triển</i>	Hợp tác cùng phát triển: “Chìa khóa” mở cửa thành công	245
<i>Tổng hợp số liệu</i>	Tổng hợp số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh qua các giai đoạn	249
<i>Hình ảnh hoạt động</i>	Đảng bộ Tập đoàn Điện lực Việt Nam: Khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện	257
	Công đoàn Điện lực Việt Nam: Điểm tựa vững chắc cho người lao động	258
	Nữ cán bộ công nhân viên Điện lực Việt Nam - “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”	260
	Sức trẻ đoàn thanh niên EVN	261
	Danh sách và thành tích tiêu biểu các đơn vị ngành Điện	262
	Mục lục	274

CHIỤ TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Mai Thời Chính - *Giám đốc Nhà xuất bản Thanh Niên*
Đặng Hoàng An - *Phó Tổng giám đốc EVN*
Tổng biên tập Tạp chí Điện lực

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch Hội đồng:

Nguyễn Mậu Chung - *Ủy viên HĐQT EVN*

Phó Chủ tịch Hội đồng:

Đặng Hoàng An - *Phó Tổng giám đốc EVN*

Ủy viên thường trực

Hồ Mạnh Tuấn - *Trưởng ban Quan hệ cộng đồng EVN*
Đinh Thị Bảo Ngọc - *Giám đốc Trung tâm thông tin Điện lực*
Phó Tổng biên tập Tạp chí Điện lực

Thành viên:

Nguyễn Tấn Lộc - *Trưởng ban Kế hoạch EVN*
Trịnh Ngọc Khánh - *Trưởng ban Kinh doanh EVN*
Mai Quốc Hội - *Trưởng ban Tài chính Kế toán EVN*
Nguyễn Mạnh Hùng - *Trưởng ban TC&NS EVN*
Khương Văn Cây - *Trưởng ban Quản lý Xây dựng EVN*
Lương Văn Đài - *Trưởng ban Quản lý Đầu tư EVN*
Trần Tuấn Dũng - *Trưởng ban Quan hệ quốc tế*
Đỗ Mộng Hùng - *Trưởng ban Kỹ thuật - Sản xuất*
Nguyễn Thanh Lâm - *Trưởng ban VT&CNTT*

BAN BIÊN SOẠN

Trưởng ban Biên soạn:

Đinh Thị Bảo Ngọc

Thành viên:

Nghiêm Anh Tú
Đinh Thị Ngân Hà
Nguyễn Ngọc Cảnh
Phạm Thị Thu Trà

Chịu trách nhiệm tổ chức và thực hiện nội dung:

Trung tâm Thông tin Điện lực (thuộc EVN)